

Kinh Pháp Cú Song Ngữ Chú Giải



Tập IV

TK. Thích Phước Thái

---o0o---

Nguồn

<http://www.hoavouu.com>

Chuyển sang ebook 10-01-2016

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Lời tựa

Lời đầu sách

XXIII. Phẩm Voi

XXIV. Phẩm Ái Dục

XXV. Phẩm Tỳ Kheo

XXVI . Phẩm Bà La Môn

Lời cuối sách

---o0o---

Lời tựa

On chúng sanh hằng tâm ghi nhớ

On nước nhà cũng chớ có quên

Ơn Thầy, ơn Tổ, đáp đền

Ơn cha, ơn mẹ, trọn nên thân người.

Thành kính tri ân:

Sách này được hình thành là nhờ công ơn của:

- Các dịch giả của các dịch phẩm như đã nêu ra ở phần đầu sách.
- Thượng Tọa Thích Phước Tấn đã tận tình hỗ trợ.
- Quý học chúng Tăng, Ni tại Tổ Đình Phước Huệ.
- Quý Đại Đức Thích Phước Viên, Thích Phước Quảng, Sư cô Thích Phước Thanh và các đạo hữu: Hồ Sĩ Trung, Minh Quang, Diệu Lương, Tâm Kiên, đã tận tình giúp cho phần đánh máy, kỹ thuật trình bày và sửa bản in.
- Chư Tôn Đức Tăng Ni, quý liên hữu của hai đạo tràng: Quang Minh và Phước Huệ cùng chư Phật tử xa gần đã phát tâm ủng hộ hỷ cúng tịnh tài ấn tống.

Xin tất cả nhận nơi đây lòng tri ân chân thành của soạn giả.

Nguyện đem công đức pháp thí này hồi hướng cho quý ân nhân cùng pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Thích Phước Thái

---o0o---

Lời đầu sách

Kinh Pháp Cú là những câu nói ngắn gọn do Đức Phật nói ra tùy theo từng trường hợp. Những lời dạy này nhằm mục đích thức nhắc đương cơ lưu tâm để áp dụng tu hành cho có kết quả tốt đẹp. Những lời dạy này về sau đã được chư Tổ kết tập lại thành Kinh gọi là Kinh Pháp Cú. Mỗi lời dạy đều có ghi rõ lý do xuất xứ.

Toàn Kinh gồm có 26 phẩm và có tất cả là 423 câu. Kinh này nằm trong Tiểu bộ (Khuddaka - Nikaya) của tạng Kinh Pali và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng ở Á Châu và Âu Mỹ. Đại Đức Narada đã dịch ra bản chữ Anh, xuất bản tại Tích Lan. Một bản chữ Anh khác của giáo sư C.R Lanman, do Đại học đường Haward tại Mỹ quốc xuất bản; bản chữ Nhật của Phước đảo Trúc Tứ Lang xuất

bản tại Nhật và các bản Hán dịch rất cổ với danh đề là Pháp Cú Kinh, Pháp tập yếu tụng v..v

Kinh này rất được phổ cập tại các nước Phật giáo Nguyên Thủy như Tích Lan, Miến Điện v..v.. Có thể nói Kinh này như là một quyển Kinh nhật tụng của giới Tăng già và cư sĩ ở các quốc gia đó. Họ coi như là một quyển kinh gối đầu giường. Đại đa số đều nhớ nằm lòng. Họ thường xuyên đem ra áp dụng vào đời sống thực tế hằng ngày. Kết quả rất có lợi ích.

Riêng những bản chữ Việt, chúng tôi thấy có một vài bản dịch ra Việt văn như sau:

1. Bản dịch của Hòa Thượng Thích Thiện Siêu do nhà xuất bản Phú Lâu Na ấn bản tại Hoa Kỳ Phật lịch 2546 - 2002.

2. Kinh Lời Vàng Dhammapada do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ nguyên bản Pali theo thể văn kệ.

3. Bản dịch của các Ni sinh thuộc thiền viện Viên Chiếu dịch theo bản chữ Anh của học giả Eugene Valson Buxlingame. Nhà học giả này đã căn cứ trên nguyên tác Pháp Cú sơ giải bằng tiếng Pali, do nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 1999. Đặc biệt bản dịch này, sau mỗi câu Kinh đều có nêu rõ điểm xuất xứ Phật dạy và có kèm theo sau đó là một mẫu chuyện, nêu rõ lý do chính yếu Phật nói ra câu Kinh đó.

4. Bản dịch của luật sư Đình Sĩ Trang dịch đề là Lời Phật Dạy ấn hành tại Úc năm 1997.

Ngoài ra, còn những quyển nào khác nữa, thì chúng tôi chưa được biết đến.

Nay chúng tôi y cứ vào bản dịch Việt ngữ của Hòa Thượng Thích Thiện Siêu làm tài liệu chính để giảng giải cho Tăng, Ni và chúng tôi cũng có thêm phần kệ tụng do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch. Đồng thời, chúng tôi cũng có thêm phần đối chiếu Anh ngữ trong quyển DHAMMAPADA của dịch giả Acharya Buddhakkhita. Tác phẩm đã ấn hành vào ngày 16 tháng 10 năm 1986. Sở dĩ chúng tôi cho thêm phần Anh ngữ này, với mục đích là muốn giúp cho quý Tăng, Ni sinh tại Tổ đình Phước Huệ tiện đối chiếu học hỏi. Đồng thời sau mỗi câu Kinh chúng tôi có thêm phần chú thích từ ngữ và lược giảng.

Tài liệu biên soạn này, nhằm mục đích hướng dẫn, giúp thêm tài liệu cho quý Tăng Ni sinh tu học trong khóa an cư kiết đông tại Tổ đình Phước Huệ 2008. Việc biên soạn này, dù có cố gắng đến đâu, chúng tôi cũng không tránh khỏi những thiếu sót sai lầm. Kính mong chư Tôn Đức cùng các bậc thức giả từ bi chỉ giáo, chúng tôi xin chân thành đa tạ.

Tổ Đình Phước Huệ

Ngày đầu an cư 08/06 /2009

Nhằm ngày 16/04 âm lịch năm Kỷ Sửu.

Thích Phước Thái

---o0o---

XXIII. Phẩm Voi

(Nagavaggo)

320. Voi xuất trận nhẫn chịu cung tên như thế nào, ta đây thường nhẫn chịu mọi điều phỉ báng như thế ấy. Thật vậy, đời rất lắm người phá giới, (thường ghét kẻ tu hành).

As an elephant in the battlefield withstands arrows shot from bows all around, even so shall I endure abuse. There are many, indeed, who lack virtue.

Kệ tụng

Ta như voi giữa trận

Hứng chịu cung tên bắn

Nhận chịu mọi phỉ báng

Đời nhiều kẻ phá giới.

321. Luyện được voi để đem dự hội, luyện được voi để cho vua cỡi là giỏi, nhưng nếu luyện được lòng ẩn nhẫn trước sự chê bai, mới là người có tài điều luyện hơn cả mọi người.

A tamed elephant is led into a crowd, and the king mounts a tamed elephant. Best among men is the subdued one who endures abuse.

Kệ tụng

Voi luyện đi dự hội

Voi luyện được vua cưỡi

Kẻ luyện, người tối thượng

Nhận chịu mọi phỉ báng.

322. Con la¹ thuần tánh là con vật lành tốt, con tuấn mã tìn độ² là con vật lành tốt, con voi lớn Kiền la³ cũng là con vật lành tốt, nhưng kẻ đã tự điều luyện được mình lại càng lành tốt hơn.

Excellent are well trained mules, thoroughbred Sindhu horses and noble tusker elephants. But better still is the man who has subdued himself.

Kệ tụng

Tốt thay con la thuần

Tốt thay loài ngựa sind

Tốt thay đại tượng Kūnj

Tự điều mới tối thượng.

Lược giảng

Ba pháp cú trên, đức Phật dạy và thuật kể lại câu chuyện cho đại chúng nghe, khi Ngài đang ngự tại tinh xá Kỳ Viên.

Theo truyện tích ghi lại, cô Magandiya (câu chuyện xảy ra và đã được đề cập đến ở Pháp Cú 179, tập 2 trang 200) sau khi bị Phật từ chối, nàng ta vô cùng thất vọng và bị xúc phạm làm tổn thương lòng tự ái của cô ta rất nặng. Bây giờ, nàng ta ôm ấp nuôi dưỡng mối hận thù thâm kín rất thâm trọng. Về sau, khi trở thành một vị hoàng hậu, nàng nhứt quyết phải trả cho được mối hận thù này. Nàng dùng thủ đoạn độc ác là bỏ tiền ra thuê mướn một số người nghèo khổ thất học, có tánh ngang ngược côn đồ để mắng chửi hạ nhục Đức Phật.

Nàng bảo, khi Sa môn Cồ Đàm đến nơi này khát thực, thì các người hãy cùng nhau tụ tập bu chung quanh ông ta, rồi dùng những lời lẽ tục tằn, xấu ác thô bạo nhứt mà mắng chửi thóa mạ ông ta cho thật thậm tệ. Đồng thời, các người hãy nên xua đuổi ông ta phải đi nơi khác.

Bây giờ, Đức Phật và Tôn giả A nan trên đường giáo hóa khát thực đến nơi này, dân chúng trong thành gồm những người không tin Tam bảo và những tay côn đồ đã được thuê mướn liền theo sau mắng chửi mạt sát Đức Phật và ngài A nan rất nặng nề. Nghe bọn họ mắng chửi mạt nhục, Đức Phật vẫn điềm nhiên. Trong khi đó, ngài A Nan không thể chịu nổi, nên bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, dân cư nơi này chửi mắng chúng ta, xin hãy đi nơi khác.

- Phật hỏi: chúng ta đi đâu, A Nan?
- Đi đến thành phố khác, bạch Thế Tôn.
- Nếu như dân ở thành phố đó, họ cũng mắng chửi chúng ta thì sao?
- Thì chúng ta đi đến thành phố khác, bạch Thế Tôn.
- Nếu như đến nơi đó cũng bị mắng chửi?
- Đi đến chỗ khác nữa, bạch Thế Tôn.

- Này A Nan! Chúng ta không nên làm như thế. Bất cứ nơi nào có rắc rối, phiền não nổi lên, chúng ta nên ở lại đó cho đến khi chúng lắng dịu hẳn, và chỉ khi đó chúng ta mới nên đi nơi khác. Nhưng ai đã chửi mắng chúng ta?

- Bạch Thế Tôn, những kẻ hạ tiện, nô tỳ, tất cả đều chửi mắng.

- Này A Nan! Ta như con voi đã ra trận. Và như con voi giữa trận hứng chịu tên bay từ bốn phía, bôn phận ta phải nhẫn nại nghe những lời ác độc thốt ra.

Sau khi nghe Phật nói ba pháp cú trên, quân chúng ở hai bên đường, ở ngã ba, ngã tư, những kẻ ăn tiền chửi mướn đều chúng từ Sơ quả đến Tam quả. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Người tu hành muốn thành tựu được đạo quả, tất phải có sức nhẫn nại chịu đựng dẻo dai trước mọi nghịch cảnh xảy đến. Phật dùng hình ảnh con voi khi lâm trận, phải hứng chịu nhiều lần tên mũi đạn, từ tứ phía bắn tới, để thí dụ cho sức nhẫn nhục của người tu, mà Đức Phật là một minh chứng cụ thể điển hình. Dù voi đã bị không biết bao nhiêu mũi tên độc hại bắn vào, nhưng voi vẫn không hề tỏ ra một chút nao núng sợ hãi. Vì voi có đủ năng lực chịu đựng. Cũng thế, Đức Phật đã bị những kẻ ác tâm dùng mọi mưu chước thủ đoạn hãm hại, nhưng Đức Phật vẫn an nhiên nhẫn nại. Được thế do đâu? Do vì Đức Phật đã không còn những độc tố vô minh phiền não. Nhờ lòng từ bi, nên Ngài càng cảm thấy thương họ nhiều hơn.

Trên bước đường tu hành, dù xuất gia hay tại gia, tất nhiên, chúng ta sẽ không làm sao tránh khỏi những chướng duyên thử thách. Có thử thách, khảo đảo, mới biết được sức nhẫn nhục của sự tu hành. Cũng như muốn biết vàng thật hay giả, cần phải có thử lửa. Những ngọn lửa “bát phong” luôn luôn thổi tới. Nếu chúng ta không biết cách dập tắt, chuyển hóa, thì ắt không thể nào tránh khỏi họa lửa cháy và tất nhiên, sẽ phải chuốc họa vào thân. Tu hành, tự bản chất của nó đã nói lên một sự tuyên chiến dũng mãnh trước ma lực. Một là

thắng, hai là thua. Thắng là vượt qua tất cả. Thua là đầu hàng khổ nhục. Thắng thì lòng vẫn an nhiên nhẹ nhàng tươi mát. Muốn thế, thì chúng ta cần phải vận dụng công phu nỗ lực huân tu cho đạo lực của chúng ta ngày càng thêm già dặn, thâm hậu. Có thế, thì chúng ta mới có thể khắc phục chiến thắng vượt qua những ma chướng khảo nghiệm. Ngược lại, nếu sức huân tu của chúng ta còn quá thô thiển yếu kém, thì chúng ta sẽ không thể nào khắc phục vượt qua những thử thách khó khăn đó được.

Chúng ta đừng quên rằng, hiện chúng ta đang sống trong thời pháp nhược ma cường. Đã thế, thì thử hỏi chúng ta làm sao có thể tránh khỏi những ma chướng nhiễu hại. Nội ma và ngoại ma chúng luôn luôn đe dọa khuấy nhiễu người tu hành. Ngoại ma, tuy là một chướng duyên rất lớn, nhưng nếu ta đã hàng phục được nội ma phiền não rồi, thì ngoại ma cũng không làm sao phá hại chúng ta được. Do đó, người tu không dẹp trừ được phiền não ma, thì không thể nào có được nhẫn lực thâm hậu. Đức Phật sở dĩ bị người ta mắng chửi thóa mạ hạ nhục như thế, mà Ngài vẫn an nhiên, không chút lộ vẻ bất bình khó chịu, là vì do Ngài đã diệt hết vô minh phiền não. Như con voi nhờ có sức mạnh vô song nên khi ra trận chiến đấu, vẫn xông pha hiên ngang mãnh liệt dũng tiến giữa rừng gươm giáo mà không một chút lộ vẻ sợ hãi thối lui. Người tu hành phải trang bị cho mình có một nhẫn lực hùng dũng như voi khi lâm trận vậy.

Người mắng chửi ta, mà ta không chút hờn giận họ, đó là ta đã vượt qua một cái ải ma chướng. Chẳng những ta không chút buồn giận họ, mà ta còn tỏ ra cảm ơn họ. Vì nhờ họ mà ta mới biết được sức nhẫn nại chịu đựng của ta. Chính họ là người giúp cho ta chóng đạt thành đạo quả. Nếu như họ mắng chửi mạ nhục ta, mà ta cũng phùng mang trợn mắt mắng chửi lại họ, thì ta và họ có khác gì nhau đâu. Có đôi khi ta còn thua sút hơn họ rất nhiều, vì họ là người không biết tu, mà ta là người đang tu. Nếu ta cũng quyết ăn thua đủ với họ, thì quả thật ta đâu phải là người tu. Ta và họ cũng đồng khổ như nhau. Muốn đánh giá được người có thật tu hay không, chính là lúc ta bị người mắng chửi sỉ nhục thậm tệ, mà ta không một chút lộ vẻ bất bình tức giận họ. Đó là ta đã tiến rất xa trên đường tu giác ngộ giải thoát rồi.

Nhẫn là một sức mạnh mà từ cổ chí kim, không một bậc Hiền Thánh nào không trải qua. Đức điềm đạm, đó là cái dưỡng của thánh nhơn. Người quân tử khác hơn kẻ tiểu nhơn là ở chỗ điềm đạm. Người quân tử lúc nào cũng tỏ ra bình tĩnh sáng suốt. Dù gặp nghịch cảnh nguy nan, thiệt hại đến tánh mạng, nhưng các ngài cũng vẫn thản nhiên như hư không. Các ngài không còn là đối tượng tranh chấp. Từ đó, kẻ manh tâm ác ý muốn hãm hại các ngài, tất nhiên là không còn hiệu quả nữa. Vì một cú đâm mạnh vào hư không, chỉ là một cú đâm vô ích và đôi khi trở thành phản tác dụng có hại cho kẻ đâm. Sự tranh chấp hơn thua, bao giờ cũng phải có năng sở đối nghịch. Nhưng nếu chỉ có năng mà không có sở, nói một cách khác chỉ có chủ thể mà không có khách thể (đôi

tượng), thì chủ thể kia sẽ trở thành vô hiệu quả, vì không còn có sự tranh chấp hơn thua.

Người chân tu hơn người đời là ở chỗ đó. Vì người chân tu là người không còn chấp nặng dính kẹt vào ngã tướng. Ngã không có thì làm gì có nhơn tướng. Nhơn tướng đã không, thì chúng sanh và thọ giả tướng cũng không. Đến đây, thì những danh từ đối đãi nhị nguyên: tranh chấp, phải quấy, hơn thua v.v... tất cả đều không còn tác dụng nữa. Đó là hình ảnh của một con người siêu thoát hùng tráng hiên ngang hành hóa giữa lòng cuộc đời. Họ là hạng người cư trần bất nhiễm trần, hay hoa sen nở trong lò lửa. Dù lửa có cháy đến đâu, thì hoa sen vẫn an nhiên tươi mát. Đến đây, mới thực sự tột cùng của sức nhẫn nhục, tức hành giả đã đạt được vô sanh pháp nhẫn rồi vậy.

Pháp Cú 320, Phật nói kẻ phá giới bao giờ cũng tìm cách chỉ trích bươi móc nói xấu người giữ giới. Người giữ giới là người luôn sống trong đạo đức. Kẻ có đạo đức bao giờ cũng là đối tượng thù ghét của những con người vô đạo đức hãm hại. Điều này, ta thấy rất rõ trong trường đời cũng như trường đạo. Người tu hành muốn vượt thắng đạt đến sự an lạc giải thoát, tất nhiên, phải thật hành hạnh nhẫn nhục. Thiếu nhẫn nhục, thì không thể nào thành công được.

Pháp Cú 321, Phật so sánh cho chúng ta thấy giữa sự điều luyện voi và ngựa giỏi của người huấn luyện, nhưng không bằng sự điều luyện an nhẫn của người đã bị người ta chê bai kích bác nặng nề nói xấu đủ điều. Đó là một sức mạnh vượt trội hơn mọi người. Về sự nhẫn nại (khanti) trong Kinh có nêu ra ba trường hợp:

1. Nhẫn nại đối với cái khổ, là nguyên nhân do sanh tham.
2. Nhẫn nại đối với cái khổ, là nguyên nhân do sanh sân.
3. Nhẫn nại đối với cái khổ, là nguyên nhân do sanh si.

Nhẫn nại trong điều thứ nhất, Phật khuyên chúng ta phải nhẫn nhịn những điều do lòng dục vọng ham muốn thèm khát kích thích sai sử. Lắm người vì không ngăn chế được lòng tham muốn sai khiến, nên đã gây ra bao điều xấu xa tệ hại: trộm cắp, cướp giựt, giết người, hãm hiếp dâm ô đời bại v.v... cuối cùng, họ phải lãnh lấy quả báo khổ đau nặng nề.

Nhẫn nại trong điều thứ hai, Phật khuyên chúng ta phải nhẫn nhịn những gì bất như ý, khi chúng ta bị kẻ khác gây xúc phạm làm tổn thương đến danh dự lòng tự ái của ta. Thường tình ở đời, ai cũng thích khen hơn là bị chê. Có lắm người, vì không nhẫn nổi những lời chỉ trích nói xấu trước mặt hoặc sau lưng, nên họ đã gây ra bao thảm họa cho mình và người phải chịu đựng khổ đau. Đó

là vì họ không ngăn chặn được cơn giận tức, nên mới gây ra có sự như thế. Có khi họ phải chịu tù tội suốt cả cuộc đời.

Nhẫn nại trong điều thứ ba, Phật khuyên chúng ta nên ý thức kiểm soát kỹ lưỡng trong tâm tưởng của mình. Đừng vì một phút si mê tầm tối mà chúng ta không kiềm chế được rồi tạo ra lăm điều khổ lụy cho mình. Từ si mê dẫn đến lòng tham, tham không được thì nổi sân, đó là ba nguyên nhân gây ra cho ta và người biết bao khổ hận. Vì một phút si mê mà ta xuôi tay nghe theo lời xúi giục của con quỷ dục vọng, rồi tạo nên lăm điều khổ hại cho mình và người. Cuối cùng, đời ta phải chịu nhiều đau khổ, cũng chỉ vì thiếu ánh sáng trí huệ soi xét nên mới tạo ra nghiệp quả như thế.

Pháp Cú 322, Phật nêu ra ba con vật: voi, ngựa, lừa đã được người chủ điều luyện tốt, nghĩa là người chủ bắt nó phải hành động theo ý muốn của họ. Quả là những con vật đã được huấn luyện thành những con vật thuần ngoan. Dù vậy, nhưng so với con người khi người đó đã tự điều luyện mình có những đức tánh như nhẫn nhục cao thượng, diệt trừ dục vọng, giới đức nghiêm minh, thì Phật nói làm sao có thể đem những con thú kia có thể so sánh với con người cho được. Dù rằng tánh hung hăng của chúng đã được khiển trừ, nhưng Phật nói chúng vẫn còn thua xa con người. Nhưng phải là con người có thực chất mang tính hiền hòa thuần thiện. Đó là hạng người đã được trau dồi giới đức, có đức nhẫn nại cao mới có thể điều phục chế ngự được cái tâm xấu ác của mình.

---o0o---

323. Chẳng phải nhờ xe hay ngựa mà đến được cảnh giới Niết bàn, chỉ có người đã điều luyện lấy mình mới đến được Niết bàn thôi.

Not by these mounts, however, would one go to the Untrodden Land(Nibbana), as one who is self-tamed goes by his own tamed and well- controlled mind.

Kệ tụng

Chẳng phải nhờ xe này

Đưa người đến Niết bàn

Chỉ có người tự điều

Đến đích, nhờ điều phục.

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một thầy Tỳ kheo từng là quản tượng.

Truyện tích kể lại: “Một ngày nọ, một vị Tỳ kheo trước kia từng là quản tượng, đứng bên bờ sông Aciravati thấy một người quản tượng đang cố gắng huấn luyện một con voi. Thấy người ấy không đạt kết quả, thầy muốn mách nước, bèn nói với các thầy Tỳ kheo đứng gần:

- Nếu đánh con voi ở chỗ này, chỗ này... nó sẽ nghe lời ngay thôi.

Người quản tượng nghe được, làm theo lời, và chẳng bao lâu con voi tuân theo ý ông.

Các vị Tỳ kheo bạch Phật câu chuyện. Phật cho gọi thầy Tỳ kheo ấy lên hỏi:

- Có phải thật ông nói như thế?

- Bạch Thế Tôn, vâng!

Phật quở:

- Người vô tích sự, người thi thố tài nghệ với người luyện voi, luyện thú để làm gì? Không phải leo lên lưng những con thú đó là có thể đi đến nơi muốn đến mà chưa đến được. Chỉ có trong tự huấn luyện bản thân mới có thể đến được nơi khó đến. Từ đây người hãy tự điều phục chính mình, đừng làm trò huấn luyện thú như thế nữa”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú Tập III, Viên Chiếu, tr 191).

Qua câu chuyện trích dẫn trên, Phật nhằm dạy cho chúng ta một bài học về việc tự điều phục khắc kỷ ở nơi mình, chớ không phải chế phục ở nơi ngoài cảnh. Người thực sự tu hành, là phải thường xuyên quán chiếu lại mình. Có quán chiếu nhìn kỹ lại mình, thì chúng ta mới thấy được những lỗi lầm của ta.

Trong các hệ thống kinh điển, từ kinh điển thuộc hệ giáo lý Nguyên Thủy (Tiểu thừa) đến kinh điển thuộc hệ giáo lý Phát Triển (Đại thừa), Kinh điển nào Phật cũng đều dạy rõ: người tu muốn được giải thoát thì phải thu nhiếp ở nơi sáu căn. Chính sáu căn là nguyên động lực gây ra nhiều tội lỗi. Người tu mà buông lung ở nơi sáu căn, thì chẳng khác nào tự mình rước giặc vào nhà. Cho nên, trong kinh thường gọi đó là lục tặc. Kinh Lăng Nghiêm Phật dạy cho Ngài A Nan : “Luân hồi hay giải thoát cũng từ nơi sáu căn của ông mà ra”. Nếu hành giả khéo thu nhiếp sáu căn, thì sáu trần không thể nào khuấy phá được. Trong Tín Tâm Minh, Tổ Tăng Xán cũng có nói:

Dục thú Nhứt thừa
Bất ó lục trần
Lục trần bất ó
Hoàn đồng chánh giác.

Tạm dịch:

Muốn đến Nhứt thừa
Đừng ghét lục trần
Lục trần chẳng ghét
Hoàn đồng Chánh giác.

Người tu muốn đạt đến quả vị Nhứt thừa hay còn gọi là Phật thừa, thì không nên oán ghét lục trần. Vì sao? Vì lục trần có lỗi gì đâu mà chúng ta phải ghét chúng. Nếu đối với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) mà tâm ta không dính mắc, đắm nhiễm, thì sáu trần kia sẽ trở thành là sáu cảnh. Và sáu căn ta sẽ trở thành là sáu thân thông. Nghĩa là sáu căn không có gì bị nhiễm trước ngăn ngại. Dụ như chúng ta mang máy quay phim hay máy chụp hình, mà ta không quay chụp, thì làm gì có hình ảnh trong phim. Mà không có hình ảnh trong phim, tất nhiên là chúng ta không có gì để rửa. Chư Phật, chư Tổ, các Ngài cũng mang máy quay phim hay máy nhiếp ảnh giống như chúng ta (nghĩa là các Ngài cũng có đầy đủ sáu căn như chúng ta), mà các Ngài không bao giờ quay chụp. Như thế, nên các Ngài luôn sống trong an lạc giải thoát. Ngược lại, hằng ngày sáu căn của chúng ta khi đối cảnh xúc duyên, dù duyên tốt hay duyên xấu, chúng ta cũng đều thu nhiếp hết, như vậy bảo sao chúng ta không khổ cho được? Thế thì, có phải tự chúng ta trói buộc lấy chúng ta không?

Xưa kia, Ngài Phú Lô Na muốn tu nhanh chóng để đạt thành thánh quả, Ngài liền đến bạch Phật nhờ Phật chỉ dạy một pháp môn tối thiết yếu, thật ngắn gọn, dễ nhớ và dễ thật hành. Phật dạy: “*Ông chỉ cần thu nhiếp sáu căn, đừng cho sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) của Ông dính mắc đắm nhiễm vào sáu trần, thì ngang đó tức Ông sẽ được giải thoát*”. Ngài Phú Lô Na nghe theo lời Phật dạy, Ngài đi sâu vào trong rừng để quán chiếu hành thiền. Quả thật, không bao lâu Ngài đã đạt thành sở nguyện, tức chứng quả A la hán.

Trong Kinh Lăng Nghiêm ở đoạn Phật bảo hai mươi lăm vị Thánh trình bày lại chỗ sở tu, sở chứng của mình. Trong số những vị Thánh đó, có Ngài Đại Thế Chí. Ngài trình bày về pháp tu của Ngài không có chi lạ, chỉ là chuyên

niệm Phật để thu nhiếp sáu căn mà thôi. Nhờ Ngài khéo thu nhiếp sáu căn mà tịnh niệm được nối liền, nên Ngài được chánh định (tam ma địa) hiện tiền.

Người tu thời nay, thường mắc phải cái chứng bệnh hay đổ thừa cho ngoại cảnh mà không tự xét lại mình. Tu không được, liền đổ lỗi tại, bị, cho cái này, cái kia. Tại, bị ngũ dục lục trần khuấy nhiễu làm tôi tu không được. Tôi muốn tu, nhưng tại vì hoàn cảnh khó khăn gia đình, nên chưa tu được. Còn biết bao nhiêu cái đổ thừa cho hoàn cảnh khác. Đó là cái bệnh nặng mà hiện chúng ta đều mắc phải. Nếu chúng ta tu mà hay đổ thừa như thế, thì quả thật chúng ta chưa hiểu rõ nghĩa của chữ tu. Nghĩa của chữ tu là sửa đổi. Sửa quấy thành phải, sửa dở thành hay, sửa tà thành chánh, sửa xấu thành tốt v.v... Hiểu nghĩa của chữ tu như thế, thì thử hỏi có cảnh nào mà chúng ta không tu được? Chỉ cần chúng ta chịu khó hãy nhìn kỹ lại mình. Có nhìn kỹ quán chiếu lại mình, thì mình mới sửa đổi chuyển hóa những phiền não lỗi lầm sai trái. Cứ lo dọn quét nhà mình cho sạch sẽ đi, đừng bao giờ để ý lo quét dọn nhà của thiên hạ. Nhưng khổ nỗi, cái bệnh của chúng ta thời nay, thì thích cầm chổi quét nhà thiên hạ hơn là quét nhà mình, dù vẫn biết nhà mình đầy ngập rác rến. Ít có ai thấy lỗi mình nhiều hơn thấy lỗi người. Nếu chúng ta chịu khó thường xuyên nhìn lại lỗi mình để lo sửa đổi chuyển hóa, thì chắc chắn đời tu của chúng ta sẽ tiến bộ rất xa trên đường giác ngộ giải thoát.

Nếu tu khá hơn nữa, thì Phật Tổ thường dạy, khi đối cảnh xúc duyên, chúng ta nên vô tâm đối với vạn vật. Sơ Tổ Trúc Lâm có nói: “*Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên*”. Nghĩa là, khi đối cảnh xúc duyên, mà tâm ta không chạy theo ngoại cảnh để phân biệt tốt xấu, hay dở... Không phân biệt, thì niệm thương ghét không phát sanh. Ngay đó là giải thoát, là Niết bàn an lạc. Được vậy, thì còn hỏi thiên chi nữa. Vì thiên là tỉnh giác, là an lạc giải thoát, như vậy, càng hỏi, thì chỉ càng chuốc thêm lỗi lầm mà thôi. Như thế, thì ngay nơi Ta bà này là Cực lạc rồi. Trong cảnh ràng buộc mà được giải thoát, trong sanh tử mà đạt được Niết bàn.

Ngày xưa, khi vua Trần Thái Tông còn ngồi trên ngôi vua cai trị, hằng ngày có biết bao nhiêu công việc triều chánh để giải quyết. Thế mà, Ngài vẫn tu được và vẫn đạt ngộ lý thiên, giải thoát. Người tu không phải chạy trốn sáu trần, mà làm sao trốn thoát được. Không trốn thì phải đối diện. Đối diện nhưng không bị dính mắc, đó là giải thoát. Ngược lại, đối với sáu trần mà tâm ta còn dính mắc nhiễm trước, chính cái dính mắc nhiễm trước đó mới gọi là trần. Còn đối với những ai khi đối với sáu trần mà không có nhiễm trước, thì phải gọi nó là sáu cảnh, chứ không thể gọi là trần được. Cũng thí như cây càn sa có hại là đối với những người bị bệnh ghìen. Ngược lại, đối với những người không ghìen, thì nó lại là vị thuốc hay để chữa bệnh. Cùng một cảnh, đối với người mê thì khổ, nhưng đối với người tỉnh ngộ, thì lại an vui, đó là Niết bàn. Như vậy, tìm Niết bàn không phải ở ngoại cảnh, mà chính ở nơi tâm ta.

Bởi thế, pháp cú trên Phật nói rất rõ: “*Không phải nhờ xe hay ngựa mà đến được cảnh giới Niết bàn, chỉ có người khéo điều luyện lấy mình mới đến được Niết bàn mà thôi*”.

---o0o---

324. Con voi tên Tài hộ (Dhamapala: hộ vệ tài sản) nhưng đến kỳ phát dục⁴ thì hung hăng khó trị, khó buộc trói, lại ăn nhiều và tâm thường nhớ mẹ ở rừng sâu⁵.

Musty during rut, the tusker named Dhanapalaka is uncontrollable. Held in captivity, the tusker does not touch a morsel, but only longingly calls to mind the elephant forest.

Kệ tụng

Con voi tên Tài Hộ

Phát dục, khó điều chế

Trói buộc, không ăn uống

Nhớ rừng sâu, voi mẹ.

Lược giảng

Pháp cú trên Phật dạy khi Ngài ở Xá Vệ, Ngài nói với một Bà la môn già bị các người con hắt hủi.

Theo truyện tích, một Bà la môn già có bốn người con trai, khi bốn người con trai lớn lên ông lần lượt cưới vợ cho chúng. Đồng thời, ông phân chia tiền bạc cho mỗi đứa con đồng đều. Ông có gia tài được tám trăm ngàn đồng tiền vàng. Ông phân phát cho mỗi đứa con một trăm ngàn đồng. Sau khi vợ ông chết, các người con sợ ông có người khác mà không được hưởng trọn số tiền còn lại, nên họ bàn tán với nhau, bằng cách là cùng nhau săn sóc người cha để hưởng trọn gia tài.

Thế là, cả bốn người hợp nhau lo cho ông rất chu đáo, từ cái ăn, cái mặc v.v... mọi việc không thiếu thốn thứ gì. Cuối cùng, bọn chúng yêu cầu ông cho chúng luôn số tiền còn lại. Ông chiều theo và cho luôn, tức mỗi đứa có thêm một trăm ngàn đồng nữa. Bây giờ ông đã trắng tay. Từ đó, mấy người con dâu đối xử với ông rất là tệ bạc. Ông đến nhà đứa con nào cũng bị chúng nó hắt hủi đuổi ông ra khỏi cửa. Trước tình cảnh ngược đãi đó, buồn quá, ông phải đi lang thang rày đây mai đó để xin ăn.

Ngày kia, ông trực nhớ đến Đức Phật. Ông liền đi đến gặp Phật. Sau khi trình bày về nỗi khổ đau của ông bị các đứa cháu con hắt hủi, ông liền được Đức Phật an ủi và Phật nói cho ông nghe bài kệ:

Chúng là những đứa con khi sanh ra tôi vui mừng, mong mỏi.

Vậy mà chúng nghe lời vợ xúi giục, đuổi tôi như xưa chó.

Chúng gọi tôi “Cha thân yêu...” thật ác độc và rỗng tuếch.

Quý đội lột con trai, chúng bỏ rơi tôi khi tuổi già, như bỏ đói con ngựa già vô dụng.

Làm cha một lũ ngu, phải xin ăn lang thang từng nhà.

Một cây gậy còn tốt hơn lũ con bất hiếu.

Gậy còn đuổi được bò rừng chó dữ.

Gậy dẫn đường trong đêm tối, đỡ chân qua vũng nước bùn lầy.

(Bản dịch trong Tích Truyện Pháp Cú tập III của Viên Chiếu, tr 195)

Phật bảo ông nhớ học thuộc lòng bài kệ. Trong một buổi họp mặt đông đủ dòng Bà la môn và có những đứa cháu con của ông tham dự, ông liền đọc bài kệ đó cho mọi người nghe. Các cháu con của ông nghe qua đều hết hoảng kinh sợ, vì theo luật pháp thời bấy giờ đã ấn định: “Nếu người nào hưởng gia tài của cha mẹ mà không nuôi dưỡng cha mẹ, thì sẽ bị tội tử hình”. Nghe thế, các người con của ông khẩn cầu van xin ông tha tội chết. Với tấm lòng rộng lượng của người cha nên ông đã tha thứ cho các con. Từ đó, chúng hết lòng săn sóc hầu hạ ông như xưa và không dám đối xử tệ bạc với ông nữa. Và cũng từ đó, ông và các cháu con của ông thường hay phát tâm cúng dường thức ăn cho Đức Phật. Bọn chúng quỳ lạy và hứa trước Đức Phật, kể từ nay trở đi, chúng con phải chăm sóc lo cho cha chu đáo, không dám lơ là. Phật khen và dạy cho họ hãy noi gương con voi Tài Hộ mà đối xử tốt với người cha. Sau khi nghe Phật dạy, ông và các cháu con của ông đều chứng Sơ quả. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Sống trong cuộc đời tương đối, cái gì nó cũng có hai mặt: lợi và hại. Tiền bạc của cải ... cũng thế. Đứng về mặt lợi của tiền bạc, thì sống trên đời này, hầu hết như loại ai cũng phải cần đến nó. Vì nó là huyết mạch luân lưu của sự sống. Đời sống vật chất không có thứ gì mà không cần đến tiền. Người ta chế tạo ra đồng tiền là để giao dịch mua bán đổi chác cho tiện lợi trên thương trường. Người ta thường nói, có tiền là có tất cả. Nói một cách khẳng quyết mạnh mẽ hơn: “*chỉ cần có tiền là người ta mua tiên cũng được*”. Nói thế, để

thấy sức mạnh vạn năng của đồng tiền. Dù nó chỉ là một tờ giấy mỏng vánh, nhưng nó lại có một sức mạnh vạn năng phi thường. Nó chi phối tất cả mọi việc trên đời. Bởi thế ca dao Việt Nam có câu:

Đồng tiền là chúa cái khôn ngoan

Đủ mặt vuông tròn với thế gian.

Hay:

Vai mang túi bạc kè kè

Nói bậy nói bạ thiên hạ nghe râm râm.

Lời nói của người xưa là cả một kinh nghiệm sống. Cứ nhìn vào cuộc sống thực tế, ta thấy rất rõ điều đó. Bạn chỉ cần có nhiều tiền lắm của, thì bạn có thể giải quyết suông sẽ hết mọi vấn đề. Kể cả những vấn đề nan giải rắc rối như trong cuộc đời bạn. Ngoại trừ cái chết của bạn. Có tiền, trắng người ta cũng có thể đổi thành đen. Họa cũng có thể chuyển thành phước. Kẻ có tội cũng trở thành vô tội. Ngược lại cũng thế. Người có tiền, lời nói đùa giỡn mua vui của họ, người ta cũng thấy nó có giá trị vô song. Ngược lại, kẻ rách rưới đói khát không tiền, dù có làm hay, nói giỏi người ta cũng khinh khi chê dờ. Như vậy, đứng về mặt lợi của đồng tiền, thì nó ứng phó đủ muôn mặt, diễn ra thiên hình vạn trạng, nói không thể hết.

Ngược lại, đứng về mặt hại của nó, thì họa hại của nó cũng không lường. Nó có thể gây ra cho người ta điên đầu mất ăn mất ngủ. Chính vì nó có một sức mạnh vạn năng tiện lợi lớn lao như thế, nên ai cũng muốn chiếm hữu tranh giành. Do lòng tham lam của con người quá độ, nên ai cũng muốn chiếm đoạt tiền bạc tài sản cho nhiều về mình. Đó là mối họa hại rất lớn. Họ tranh giành chiếm đoạt bất chấp mọi thủ đoạn gian ác. Thậm chí ngay trong tình thân ruột thịt máu mủ trong gia đình, người ta cũng có thể ra tay tàn sát lẫn nhau một cách không biết gớm tay. Chính cái lòng dục vọng si mê quá độ đó, nó che khuất làm mờ ám lương tâm, lương tri của con người. Quả đúng như một thi nhân nào đó đã nói:

“Tiền với bạc là nhân nạn khổ

Tiền xô người vào chỗ u minh

Tiền tài thay đổi tánh tình

Tiền gây nên cảnh đê huynh tương tàn”.

Xét cho cùng, thì đồng tiền tự nó cũng không lợi mà cũng không hại. Lợi hay hại là do người ta sử dụng. Người ta làm ra tiền, nhưng phải khéo biết sử dụng nó. Xem nó như là một phương tiện giao dịch trong cuộc sống tạm bợ. Chúng ta quyết không làm nô lệ cho nó sai khiến. Đừng để nó sai khiến chúng ta làm những điều tội lỗi sai trái bất chánh. Có nhiều người họ khéo biết lợi dụng đồng tiền để làm những điều phước đức. Họ làm nhiều việc từ thiện bố thí thi ân giúp cho những người bất hạnh như: tàn tật, đau ốm, nghèo khổ v.v... Họ là người xem trọng đạo đức thương người nặng hơn đồng tiền. Đó là những con người thật đáng cho chúng ta noi gương và kính phục.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, đủ chứng minh cho ta thấy rõ điều đó. Các người con chỉ vì lòng tham lam, muốn lấy hết tiền bạc của người cha, nên họ đã dùng mưu chước thủ đoạn độc ác. Bề ngoài tưởng là họ có hiếu lắm, nhưng kỳ thật trong lòng thì họ muốn lấy hết tài sản của người cha. Đến các người con dâu cũng thế. Họ cùng toa rập đồng lõa với nhau. Mục đích của họ là phải vơ vét cho sạch túi ông già.

Sau khi vét sạch túi rồi, họ trở mặt hắt hủi bỏ bê người cha. Họ đối xử tệ bạc với người cha còn thua người dung nước lã. Thế là, ông già chỉ còn có nước phải ôm hận nuốt tủi gạt lệ khóc thầm mà bỏ nhà ra đi. Ông đi lang thang rày đây mai đó để xin ăn. Tất nhiên là ông phải ngủ nơi đầu đường xó chợ, lấy đất làm chiếu, lấy sương làm mền. Ngẫm kỹ lại, con ruột của mình mang nặng đẻ đau nuôi dưỡng không biết bao công lao mồ hôi khó nhọc, mà nó còn đối xử tệ bạc với mình như thế, trách gì là dâu rể. Nói thế, chúng ta cũng không nên quơ đũa cả nắm. Xét ra, ở đời, cũng có người vầy người khác. Vì tập khí nghiệp tánh sâu cạn của mỗi người có sai biệt. Có những người dâu, rể họ rất kính nể biết điều. Họ đối xử rất tốt với cha mẹ vợ hoặc chồng, có đôi khi còn hơn con ruột của mình nữa. Họ là người biết tôn trọng lễ giáo. Họ luôn tỏ ra lòng kính trọng biết ân đối với các đấng sanh thành giáo dưỡng. Tuy nhiên, hạng người này, phải thành thật mà nói rất là hiếm có trên đời. Nếu không muốn nói là lác đác thưa thớt như lá mùa thu. Chính vì cái hiếm có đó, nên các bậc làm cha mẹ mới yêu thương quý mến họ rất mực.

Ông già tuy bị dâu con hắt hủi, nhưng ông cũng còn có phước duyên đến gặp Phật. Ông đã được Đức Phật chỉ bày phương cách để thuyết phục các con. Mục đích là để cho chúng nó biết lỗi mà hồi tâm phục thiện. Cuối cùng, ông cũng đã được các người con đem về nuôi dưỡng chăm sóc tử tế đàng hoàng. Điều quan yếu hơn nữa, là ông và các người con đều phát tâm cúng dường phẩm vật cho Phật và chúng Tăng. Đồng thời nghe Phật giảng dạy khuyên bảo nên cả nhà đều được chứng Sơ quả Tu đà hoàn.

Pháp cú trên, Phật nói con voi Tài Hộ (Dhamapalako), nghĩa là bảo hộ tài sản. Con voi này tuy đến kỳ phát dục thì nó hung hăng khó trị, khó buộc trói, lại

bỏ ăn mà tâm thường chỉ tưởng nhớ rừng sâu. Nhớ rừng sâu là nhớ nơi nguồn gốc trú ẩn an toàn của nó. Dù là hung hăng dữ tợn, nhưng voi vẫn nhớ đến cội nguồn. Nói lên điều này, Đức Phật nhằm thức nhắc con người dù có hung ác đến đâu, cũng phải nhớ đến cội nguồn. Cội nguồn đó chính là tổ tiên ông bà cha mẹ. Nói rõ ra là các đấng sanh thành dưỡng dục. Rộng hơn là quê hương đất nước nơi mà mình đã sanh ra và trưởng thành. Là con người, tất nhiên chúng ta phải có lòng tri ân và báo ân đối với các bậc tôn trưởng. Nhất là đối với bốn ân sâu nặng lớn: “*Cha mẹ, thầy tổ, đàng na thí chủ và quốc gia thủy thổ*”. Nếu con người quên mất cội nguồn này, thì Phật nói, không bằng con voi, tức thua loài thú vật vậy.

---o0o---

325. Như heo kia ưa ngủ lại tham ăn, kẻ phàm ngu vì tham ăn ưa ngủ, nên phải bị tiếp tục sanh mãi trong vòng luân hồi.

When a man is sluggish and gluttonous, sleeping and rolling around in bed like a fat domestic pig, that sluggard undergoes rebirth again and again.

Kệ tụng

Người ưa ngủ, tham ăn

Lăn lóc nằm qua lại

Chẳng khác heo no bụng

Tục sanh mãi luân hồi

Lược giảng:

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến vua Ba tư nặc.

Truyện tích kể lại: “*Có một lúc, vua Ba tư nặc thường ăn rất nhiều cơm nấu với cà ri, nước sốt gia vị. Ngày kia, sau bữa điểm tâm dồi dào quá độ, cơ thể và tâm tư ngầy ngật, nhà vua đến chỗ Phật, đi tới đi lui trước mặt Ngài với vẻ thật mệt mỏi. Nhà vua chỉ muốn nằm lăn ra ngủ mà không được nên đến ngồi xuống một bên Phật. Đức Phật thấy thế bèn hỏi:*

- *Đại vương, trước khi đến đây Ngài chưa được ngủ nghỉ chẳng?*

- *Bạch Thế Tôn, không phải. Con luôn khó chịu sau khi ăn no.*

- *Này Đại vương! Ăn uống vô độ thường đưa đến sự mệt mỏi.*

Nhân đó, Phật nói Pháp cú trên. Muốn giúp nhà vua Phật dạy thêm:

Người khôn ăn uống vừa chừng

Thân tâm nhẹ nhõm, lâu già, sống vui.

Phật bảo hoàng tử Uttara (Uất đà):

- Con hãy học thuộc bài kệ này, và mỗi khi nhà vua ngự yến, con đọc lên theo cách sau và nhà vua sẽ tự ngừng.

Xong, Phật dạy cho hoàng tử cách làm. Hoàng tử tuân theo lời Phật dạy. Và sau một thời gian nhà vua ăn uống nhỏ nhẹ, giảm bớt trọng lượng và trở nên dễ chịu. Nhà vua thường xuyên đến thăm Phật, tổ chức lễ hội dâng cúng phẩm vật tối thắng trong bảy ngày. Khi Đức Thế Tôn nói lên lời hồi hướng, cả hội chúng triều đình đều được ích lợi lớn”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú Tập III, Viên Chiếu, tr 198)

Ăn uống tuy là để nuôi sống giúp cho người ta có thêm sức khỏe cường tráng để hoạt động, làm công kia việc nọ. Nhưng nếu người ta không khéo biết điều chế ăn uống, thì nó cũng trở thành một họa hại rất lớn. Bởi thế nên người xưa nói: “*họa từng khẩu xuất, bệnh từng khẩu nhập*”. Câu nói này như là một định lý bất di bất dịch. Ở đời có lắm kẻ chết vì cái lỗ miệng và cũng có nhiều người chết vì ăn uống. Nhất là ở các xứ văn minh tân tiến, vật chất dồi dào, thực phẩm thừa thãi. Là con người ai lại không thích ăn uống. Ăn uống cũng là một cách hưởng thụ khoái lạc của con người. Vì nó là một trong “tứ khoái”. Hơn nữa, nó lại là một trong năm món dục lạc: “tài, sắc, danh, thực, thù”.

Đối với thực phẩm ngày nay, có chứa quá nhiều độc tố. Bởi do ảnh hưởng nhiều thứ hóa chất đều do con người tạo ra. Thậm chí, những thức ăn thiên nhiên, không còn tinh khiết như ngày xưa nữa. Khắp mặt đất, thậm chí dưới sông, dưới biển, nơi nào cũng có chất độc. Thử hỏi những chất độc này do đâu mà ra? Một câu trả lời ngắn gọn: xin thưa: “tất cả đều do loài người tạo ra”. Chính con người giết chết con người chứ không ai khác.

Người ta vì lòng tham vọng quá lớn lao, ai cũng muốn làm bá chủ hoàn cầu, nên họ thi đua với nhau tạo ra đủ loại vũ khí hạt nhân nguyên tử. Để biết sự tác hại của nó tới đâu, người ta không ngần ngại mang nó ra đem thử dưới lòng biển, hoặc trên đất liền. Như thế, thì thử hỏi làm sao hơn loại có được một môi trường sống an lành trong sạch cho được? Ngoài ra, hằng ngày họ còn cho thải ra không biết bao nhiêu lượng khí độc làm ô nhiễm bầu khí quyển. Con người sống cũng phải nhờ vào sự hít thở không khí của trời đất ban cho mà sống. Nhưng không khí hiện nay đã bị ô nhiễm đến mức độ phải báo động trầm trọng.

Các nhà bảo vệ môi sinh phải la làng kêu gọi cầu cứu. Kêu gọi mọi người hãy ý thức cùng nhau bảo vệ môi sinh. Nếu không, thì họa hại không thể lường được.

Thế thì, thử hỏi làm sao con người không sanh ra nhiều thứ chứng bệnh nan y cho được? Con người đâu phải chỉ có ăn và uống không mà có thể sinh tồn, tất nhiên, còn phải nhờ vào những thứ khác nữa, mà cái quan trọng nhất giúp cho người ta sống được đó là nhờ hít thở không khí. Một mặt, các nhà khoa học, ngày đêm miệt mài cặm cụi nghiên cứu tìm đủ mọi phương cách để chữa trị nhiều chứng bệnh nan y cho con người. Mục đích là để cứu vãn duy trì mạng sống, vì mạng sống của con người rất quý giá. Mặt khác, người ta lại vì túi tham không đáy, muốn giàu có, quyền uy thế lực cao tột như thiên hạ, nên họ bất chấp những hậu quả tai hại của chất độc, họ sống vô ý thức cứ tiếp tục gây ra, ai chết mặc ai. Nhưng họ lại quên rằng, trong đó có họ, thân bằng quyến thuộc và đồng loại của họ. Đó là một hậu quả tai hại rất lớn, chính do lòng tham dục cao độ của con người gây ra.

Ngày xưa, người ta sống ít bệnh đau, là nhờ ăn uống có điều độ và thức ăn thiên nhiên tuy đơn sơ, nhưng có nhiều sinh tố thanh khiết, như các loại ngũ cốc hoa quả v.v... Nhờ ăn uống đơn giản đạm bạc mà đời sống tinh thần của họ cũng được thoải mái. Người ta ít có lo âu, sầu muộn, tính toán, dự án, mưu mô, thủ đoạn gian xảo v.v... nhiều như thời đại khoa học điện tử máy móc hiện nay.

Ngày nay thì có khác. Người ta bị nhiều chứng bệnh nan y phần lớn là do ăn uống mà ra. Theo thống kê cho biết, mỗi năm ở Mỹ, có hơn 500.000 người chết vì bệnh ung thư. Trong số đó 1/3 những cái chết liên quan đến việc ăn uống và thiếu vận động. Nhất là đối với người trọng tuổi, thiếu vận động thể dục, thể thao, nên rất dễ gây ra bệnh hoạn. Một câu hỏi được đặt ra là: muốn ngừa bệnh ung thư phải ăn uống như thế nào? Vấn đề này đã có nhiều sách vở hướng dẫn của các bác sĩ. Theo bác sĩ Nguyễn Văn Đức, trong bài viết: “Sống sao để tránh ung thư” đăng trong quyển Y Học và Đời Sống, xuất bản năm 2003, có đoạn ông viết: “Hiện tại, người ta chưa thực hiểu rõ vai trò của thực phẩm đối với ung thư, nhưng, các điều tra dân số cho thấy trong nhóm những người ăn nhiều rau trái, ít thịt, ít mỡ động vật, số người bị các loại ung thư thường xảy ra giảm thiểu hơn những người trong nhóm thích ăn thịt, mỡ động vật, ít dùng rau trái”.

Nhìn lại, thời xưa, đời sống của Đức Phật và các thánh chúng, phần nhiều các Ngài ít có bệnh đau. Lý do tại sao? Vì các Ngài khéo biết điều hòa sự ăn uống và ngủ nghỉ. Đời sống của các Ngài thật đơn giản. Các Ngài chú trọng đến đời sống tinh thần nhiều hơn. Phần lớn các Ngài chuyên tâm thiền định. Đạo lực của các Ngài rất thâm hậu. Tâm có an thì thân mới lạc. Các Ngài một ngày ăn chỉ một bữa. Và nhất là các Ngài thường xuyên đi bộ. Không phải như ngày nay, hễ chúng ta bước chân ra khỏi nhà là leo lên xe. Chúng ta không có thói quen đi bộ. Có nhiều người rất lười đi bộ. Dù biết rằng, đi bộ là cách vận động

tốt nhất cho thân thể. Nhưng vì thói quen đi xe, nên dù khoảng cách rất gần nhà cũng phải lái xe đi. Các bác sĩ thường khuyên mọi người nên năng vận động bằng cách đi bộ. Đi bộ không tốn tiền mà lại vô cùng hữu ích cho cơ thể. Nhất là đối với người trọng tuổi, bác sĩ khuyên mỗi ngày đi bộ ít nhất là hai lần: buổi sáng và buổi chiều. Đi bộ vào buổi sáng khi mặt trời lên khoảng từ 8 đến 9 giờ, thì tốt nhất.

Đến vấn đề ăn uống cũng thế. Nhiều người lười nấu nướng hay đi ăn ở nhà hàng cho tiện. Thức ăn ở nhà hàng rất béo bở ngon miệng. Càng béo bở ngon miệng, càng giết chết con người. Lúc ăn uống thưởng thức món ngon vật lạ, có mấy ai nghĩ đến cái hậu quả của nó. Có người còn nói, sống mà không ăn uống hưởng thụ đủ hết mọi thứ mùi vị trên đời, nữa chết thành con ma đói khát thèm thường. Vì nghĩ thế, nên họ tha hồ thụ hưởng, tới đâu hay đó.

Có người lại thích ăn vặt, đồ ăn vặt thì chứa cất đầy tử. Buồn miệng thì cứ lấy ra mà ăn. Thật là quá tiện lợi. Cứ tập thói quen ăn như thế, bảo sao không mập phì cho được. Càng mập phì lên cân chừng nào, thì càng sanh ra nhiều thứ bệnh chừng nấy. Nhất là bệnh tim mạch và các thứ bệnh khác. Sống, thì muốn sống lâu, nhưng ăn thì lại không chịu kiêng cử. Ngấm lại, đời sống con người sao mà có quá nhiều mâu thuẫn?!

Nghĩ lại, ngày nay, chúng ta ăn uống thì nhiều, một ngày ba bữa ăn, mà sự vận động thì ít. Chính vì thiếu sự vận động đi bộ, thể dục, thể thao, nên cơ thể của chúng ta không được mạnh khỏe và hay sanh ra nhiều thứ bệnh hoạn.

Câu chuyện dẫn chứng trên là một minh chứng cụ thể. Vua Ba tư nặc, Ông có thói quen ăn nhiều quá mà không vận động thể dục, thể thao, nên cơ thể của ông càng lúc càng phát phì. Vua thì ăn toàn đồ bổ dưỡng, các loại trân tu sơn hào hải vị, thử hỏi làm sao mà không phát phì cho được. Nhất là ăn vào thì lại buồn ngủ. Ngồi đâu thì muốn ngủ đó. Đây là bệnh trạng của người già. Thấy thế, Phật khuyên ông nên ăn ít lại và bảo đầu bếp phải chọn lựa nấu thức ăn thích hợp cho ông. Nhờ thế, mà nhà vua giảm cân, bớt béo phì. Những người béo phì, thì khó mà sống lâu được. Tất cả cũng đều do ăn uống mà ra. Thiết nghĩ, chúng ta nên lấy đó làm một bài học và nghe theo lời Phật dạy mà điều chế sự ăn uống để có được sức khỏe sống lâu.

Pháp cú trên, Đức Phật cảnh giác thức nhắc chúng ta, không nên tham ăn mê ngủ giống như con heo, ăn rồi lăn ra nằm. Đời sống chỉ biết có ăn và ngủ, thì thật là đời sống vô vị, thừa thãi. Nếu con người sống chỉ biết có ngằn ấy, thì thật là uổng phí cho kiếp làm người!

326. Trong những thời quá khứ, ta cũng từng thả tâm theo dục lạc, tham ái và nhàn du, nhưng nay ta đã điều phục được tâm ta như con voi đã bị điều phục dưới tay người quản tượng tài giỏi.

Formerly this mind wondered about as it liked, where it wished and according to its pleasure, but now I shall thoroughly master it with wisdom as a mahout controls with his ankus an elephant in rut.

Kệ tụng

Trước tâm này buông lỏng

Chạy theo ái, dục, lạc

Nay tâm Ta điều phục

Như quản tượng điều voi.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến chú tiểu Sànu.

Theo truyện tích, chú tiểu Sànu là con nhà mộ đạo. Sau khi được nhận vào Tăng đoàn, chú rất nhiệt tâm tu hành và có đạo hạnh. Chú làm tròn bổn phận đối với các bậc tôn túc. Chú có giọng tụng kinh rất hay. Các thầy Tỷ kheo khác thấy chú siêng năng cần mẫn chịu khó học tập, thường hay khuyến tấn và thích nghe giọng tụng kinh của chú. Khi các ngài yêu cầu tụng đọc, thì chú không bao giờ từ chối.

Khi trưởng thành tâm tánh của chú có đổi khác. Chú hay lười biếng và sống không có oai nghi đạo hạnh như xưa. Chú có ý muốn trở về nhà sống với cha mẹ. Bà mẹ của chú thấy chú về nhà một mình không có các thầy Tỷ kheo khác đi theo chú, mới hỏi lý do, chú bày tỏ là vì chú bất mãn, không muốn tiếp tục sống trong Tăng đoàn nữa. Nghe thế, bà mẹ hết lời khuyên bảo chú và tìm đủ mọi phương cách để thức nhắc ngăn cản chú. Bấy giờ có con quý Dạ xoa (bà mẹ tiền thân của chú) nhập vào xác của chú làm cho chú cả mình mẩy run lên giãy giụa bất tỉnh. Quý Dạ xoa không có ác ý muốn hại chú, mà chỉ là muốn thức tỉnh chú thôi. Thấy thế, bà mẹ ruột của chú ôm chú vào lòng và mọi người chạy đến cấp cứu cho chú tỉnh lại.

Sau khi đối đáp qua lại bằng những bài kệ giữa người mẹ ruột và quý Dạ xoa, cả hai đều ngầm ý khuyên chú nên tiếp tục tu hành. Chú không nên hoàn tục mà phải chịu nhiều đau khổ. Bằng những lời lẽ khuyên bảo thiết tha chân tình của hai người, cuối cùng, chú Sànu quyết từ bỏ ý định hoàn tục.

Sau đó, chú đã được bà mẹ dâng bình bát và đủ ba y cúng dường để cho chú thọ Tỳ kheo giới. Thế là, chú đã được Phật cho vào Tăng đoàn và Phật dạy: *“Nếu một người để tư tưởng mình rong ruổi xa xôi, lâu dài, suy nghĩ đủ mọi chuyện mà không cố gắng kiểm soát, người ấy không thể đạt được giải thoát. Vì thế, phải nỗ lực kiểm soát tư tưởng, như người nài voi kiểm thúc con voi trong thời phát dục bằng móc sắt”*.

Sau khi nghe Phật dạy, cả thính chúng và Sànu đều chúng được pháp nhãn. Về sau thầy Sànu trở thành một vị giảng sư tài giỏi thông suốt Tam tạng, sống 120 tuổi (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Đọc qua pháp cú trên, ta thấy Đức Phật lấy kinh nghiệm bản thân của Ngài trong quá khứ mà thức nhắc chúng ta không nên buông lung tâm ý. Vì đời sống buông lung phóng túng, là đời sống của con người sa đọa trụy lạc. Nhất là buông lung ở nơi tâm ý. Như nhiều lần Đức Phật đã từng dạy và nhấn mạnh đến hành động phóng dật của ba nghiệp: thân, ngữ, ý. Đời sống của người có đạo hạnh là nhờ họ khéo biết điều phục được tâm. Vì tâm là chủ động tạo tác. Lời nói và hành động của thân, đều do tâm sai sử.

Tâm là biết, là hiện tượng suy tính. Đã là hiện tượng, tất nhiên nó là bóng mờ giả dối không thật. Nó từ bản thể khởi lên và không rời bản thể. Cũng như sóng từ nước dấy lên và sóng không bao giờ tách biệt khỏi nước. Làm sao sóng và nước có thể tách biệt ly khai thành hai phạm trù đối nghịch nhau cho được? Như vậy, điều phục tâm ý là Phật dạy chúng ta phải tu ở nơi cái gốc. Cái gốc vọng tưởng đã dừng, thì cái ngọn ở nơi lời nói và hành động cũng theo đó mà không còn tạo nghiệp. Nghiệp có ra là từ tâm vọng dấy khởi. Tức từ suy nghĩ tính toán của con người làm chủ động. Ở bình diện tương đối, thì Phật dạy người Phật tử phải nên suy nghĩ điều lành. Tâm nghĩ lành, miệng nói lành, thân làm lành, đó là con đường hành thiện để tiến dần đến Diệu Quả Bồ Đề. Tu ở nơi ba nghiệp, đó là người Phật tử tự khéo biết xây dựng đời mình trên căn bản của đạo lý giác ngộ giải thoát. Khi ba nghiệp được thanh tịnh, thì người Phật tử đã giải thoát ngay trong cuộc đời này rồi. Đó là con đường ngắn nhất dẫn người Phật tử chóng đạt được Niết bàn an lạc.

Cuộc đời này sở dĩ dầy dầy những nỗi thống khổ đau thương, là vì nhơn loại không biết kèm chế ở nơi ba nghiệp. Cam phận làm nô lệ cho lòng dục vọng sai khiến. Tâm muốn điều gì thì chúng ta lại chiều theo điều ấy. Dù biết rằng, điều ấy sẽ đưa đến hậu quả rất xấu xa và tai hại. Biết thế mà vẫn làm, không tỉnh thức ngăn ngừa. Người ta cứ sống thả trôi theo dòng nước tâm ý xấu xa, mà không phút giây ngăn chặn. Từ đó, gây ra muôn ngàn nỗi khổ đau cho nhau. Đức Phật khuyên bảo chúng ta, khoan vội tu ở đâu xa, mà chỉ tu ở nơi ba nghiệp. Đó là phương cách tu hành gọn nhất và đạt được hiệu quả tốt đẹp rất cao.

Hòa bình, hạnh phúc, thật sự lòng người ai cũng mong muốn, chỉ trừ những kẻ mất hết tính người. Vì tham vọng của họ quá lớn, nên họ mới chủ trương chiến tranh mà thôi. Chiến tranh là mối thảm họa lớn nhất của nhân loại. Là con người đúng nghĩa thực chất của nó, thiết nghĩ không ai lại không chán ghét chiến tranh. Ước vọng chung của con người là muốn sống chung hòa bình. Nhưng xét kỹ lại, quả đó chỉ là ảo tưởng. Thực tế, thì thật khó mà có được. Vì con người còn quá nhiều tham vọng, mê chấp, bản ngã, ai cũng thấy mình là trung tâm của vũ trụ. Đã thế, thì làm sao mưu cầu hạnh phúc sống chung hòa bình cho được? Cho nên câu nói: “*tâm bình thế giới bình*”, đó chẳng qua chỉ là một ước vọng xa vời. Dù rằng, thực nghĩa của nó là như thế. Đức Phật thức nhắc mọi người, muốn có cuộc sống tương đối an vui hạnh phúc, thì mỗi người hãy tự điều chế tu ở nơi ba nghiệp, giống như người quản tượng điều phục được con voi hung hăng. Được thế, thì đó mới thật là người quản tượng giỏi.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, cho ta một bài học về tâm buông lung của chú Sa di Sànu. Đó là cái bệnh chung của người tu. Lúc đầu thì chú rất siêng năng tinh tấn tu hành, nhưng chỉ được một thời gian ngắn. Sau đó, thì cái tâm ban đầu tinh tấn kia càng ngày càng lui sụt. Tâm Bồ đề càng lúc càng thối thất. Người mới tu giống như giây đờn căng thẳng. Tu được một thời gian, thì giây đờn càng lúc càng chùng xuống dần. Ban đầu thì âm thanh của giây đờn khá nghe rất trong thanh lạnh lót êm tai, nhưng được một chập, thì âm thanh kia không còn nghe được nữa. Chú Sa di Sànu lúc đầu thì tinh tấn, ai thấy cũng thán khen ngợi, nhưng càng lớn lên, thì tâm tu hành của chú càng lười biếng chểnh mảng. Cuối cùng, thì chú thối tâm muốn bỏ cuộc. Cũng may, nhờ có bà mẹ của chú là người rất mực yêu thương chú và bà đã đánh thức chú bằng mọi cách, để cho chú tiếp tục tu hành. Rồi chú nhờ Phật chỉ điểm khuyến giáo, nên kết quả chú đã đạt thành sở nguyện. Chú đã trở thành một bậc Sa môn gương mẫu và thông suốt tam tạng (Kinh, Luật, Luận). Quả đó là một bài học gương mẫu cảnh tỉnh thức nhắc chúng ta.

---o0o---

327. Hãy vui vẻ siêng năng, gìn giữ tự tâm để tự cứu mình ra khỏi nguy nan, như voi gắng sức để vượt khỏi chôn sa lầy.

Delight in heedfulness! Guard well your thoughts! Draw yourself out of this bog of evil, even as an elephant draws himself out of the mud.

Kệ tụng

Hãy vui không phóng dật

Khéo nhiếp phục ý tâm

Kéo mình khỏi ác đạo

Như voi bị sa lầy.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến con voi tên là Pàveyyaka.

Theo tuyên tích, “*Vua Ba tư nặc có một con voi tên Pàveyyaka. Khi còn nhỏ nó rất mạnh, nhưng trở về già sức lực yếu đi. Một ngày nọ, nó lội ngang các hồ lớn, bị lún chân xuống bùn không bước được. Dân chúng kháo nhau:*

- Xem kìa! Con voi hồi nhỏ mạnh như thế, bây giờ yếu như thế.

Nhà vua nghe tin, lập tức ra lệnh cho người quản tượng:

- Hãy kéo con voi ra khỏi đầm bùn.

Người quản tượng đi đến bờ hồ, giả cách để cho voi thấy như mình sắp ra trận, đầu đội mũ sắt, trống đánh vang lừng.

Kiêu khí của con voi trời dậy. Nó đứng lên mau mắn, và rút chân ra khỏi sinh, bước liền lên đất khô. Các vị Tỳ kheo chứng kiến sự việc, về bạch Phật, Phật dạy:

- Nay các Tỳ kheo, con voi đã tự kéo mình ra khỏi sinh lầy. Nhưng các ông bị đắm nhiễm trong bãi lầy dục vọng, hãy cố gắng với tất cả sức lực của mình để thoát ra”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú Tập III, Viên Chiếu, tr 206).

Pháp cú này, Phật mượn hình ảnh con voi mạnh, yếu, sa lầy, rút chân ra khỏi sinh lầy để so sánh với người tu hành. Voi lúc còn nhỏ thì mạnh, khi trở về già thì yếu. Điều này Phật muốn ám chỉ, người ta lúc mới tu, tức mới bước chân vào đạo, xem có vẻ tinh tấn lắm, như voi đang lúc mạnh khỏe, nhưng dần dần về sau thì lại lười mỏi không chịu tu học như trước, giống như con voi già yếu suy nhược.

Phật dạy, người tu hãy vui vẻ siêng năng, giữ gìn tự tâm để tự cứu mình ra khỏi nguy nan, như voi gắng sức để vượt khỏi chón sa lầy. Lời dạy này, Phật nhằm cảnh giác chúng ta mỗi người phải tự nỗ lực tu hành, không nên ỷ lại vào tha nhân. Tu hành mà còn ỷ lại tin cậy vào những hiện tượng bên ngoài, thì đó chưa phải là người tu học theo đạo lý giác ngộ. Bởi vì đạo Phật là đạo giác ngộ, tỉnh thức. Từ ngữ Buddha, có nghĩa là con người tỉnh thức. Phải hằng tỉnh thức

ở nơi tự tâm. Phật bảo: “*giữ gìn tự tâm để cứu mình ra khỏi nguy nan*”. Muốn ra khỏi nguy nan, nghĩa là những nỗi khổ đau trong đường dài sanh tử, thì chỉ có chính mình tự cứu lấy mình mà thôi.

Những lời Phật dạy, chỉ có tác dụng giống như ngón tay chỉ mặt trăng. Người tu học là phải nương theo ngón tay Phật chỉ để nhìn thấy mặt trăng. Ngón tay chưa phải là mặt trăng. Kinh điển chưa phải là giác ngộ. Nhưng khi chưa nhìn thấy mặt trăng, thì chúng ta chớ nên vội xa lìa ngón tay. Chưa đạt ngộ chân lý, chớ nên rời lìa kinh điển. Kinh điển là dụ như ngón tay để chúng ta nương vào đó mà tu học, vì đó thuộc về văn tự Bát nhã. Một khi đã đạt ngộ chân lý rồi, tức chúng được Thật tướng Bát nhã, thì không cần phải nương vào văn tự bát nhã nữa. Vô lý, đã thấy mặt trăng rồi mà còn chấp chặt vào ngón tay. Đó là thái độ của kẻ khùng điên.

Đạo Phật dạy chúng ta phải tự mình mạnh dạn đứng lên để tự cứu lấy đời mình. Đời mình vui hay khổ là chính do mình định đoạt lấy. Không có một bàn tay thần thánh nào cứu giúp cho mình thoát khổ. Đời mình mở ra hay buộc vào cũng chính do mình tự tạo. Mình tự trói buộc mình vào ngũ dục, lục trần, thì cũng chính do mình hãy tự tháo gỡ nó ra. Hiểu như thế, là hiểu đúng theo tinh thần giác ngộ của đạo Phật. Con voi kia, sợ dĩ nó bị lún sâu vào sinh lầy, là tại vì, một phần nó bị yếu đuối và một phần tự nó bước xuống bùn lầy. Không một ai bắt nó phải xuống đó để chiêu họa vào thân. Muốn cho nó rút chân ra khỏi sinh lầy, thì chỉ có người quản tượng hiểu được nó. Và chính người quản tượng kia cũng không dùng tay của mình mà kéo dắt nó lên. Mà ông chỉ khéo léo dùng phương chước như một kẻ sắp ra trận, đánh trống la ó cổ võ làm cho voi hưng chí mà tự mình phấn đấu vượt thoát. Đó là cái khôn khéo dùng phương tiện của người quản tượng. Vì chỉ có chính ông mới hiểu ý con voi mà thôi.

Cũng thế, không ai bắt ta phải chui vào địa ngục thọ khổ, mà chính do ta tạo ra. Đức Phật dụ như người quản tượng, còn chúng sanh dụ như con voi kia. Chỉ có Đức Phật mới thấu hiểu hết căn bệnh tham ái của chúng sanh, nên Ngài dùng mọi phương chước, đánh trống pháp lớn, thổi pháp loa lớn, dùng mọi phương tiện pháp môn, để khéo dẫn dụ giảng dạy cho chúng sanh hiểu rõ để tự họ tu hành thoát khổ. Đó là tinh thần từ bi cứu khổ của đạo Phật. Còn chạy theo nương cậy vào bên ngoài, mà không tự xoay về mình để quán chiếu tỉnh thức, thì đó không phải là người tu theo đạo Phật. Đạo Phật không chấp nhận vào sự ỷ lại tin cậy như thế. Bản thân Đức Phật là một chứng minh cụ thể. Chính Ngài tự cứu lấy đời Ngài. Ngài không bao giờ tin cậy vào bất cứ thần lực nào ngoài Ngài. Không ai có đủ quyền năng thưởng phạt cho mình. Thường hay phạt, Niết bàn hay địa ngục... tất cả đều do chính mình tự tạo lấy mà thôi.

328. Nếu gặp bạn đồng hành hiền lương, giàu trí lực, hàng phục được gian nguy, thì hãy vui mừng mà đi cùng họ.

If for company you find a wise and prudent friend who leads a good life, you should, overcoming all impediments, keep his company joyously and mindfully.

Kệ tụng

Nếu được bạn hiền trí

Đáng sống chung, khéo xử

Hãy chung sống hoan hỷ

Chánh niệm, diệt hiểm nguy.

329. Nếu không gặp được bạn đồng hành hiền lương, giàu trí lực, thì hãy như vua tránh nước loạn, như voi bỏ về rừng.

If for company you cannot find a wise and prudent friend who leads a good life, then, like a king who leaves behind a conquered kingdom, or like a lone elephant in the elephant forest, you should go your way alone.

Kệ tụng

Không gặp bạn hiền trí

Đáng sống chung, khéo xử

Như vua bỏ nước bại

Hãy sống riêng cô độc

Như voi sống rừng sâu.

---o0o---

330. Thà ở riêng một mình hơn cùng người ngu kết bạn. Ở một mình còn rảnh rang khỏi điều ác dục như voi một mình thênh thang giữa rừng sâu.

Better it is to live alone; there is no fellowship with a fool. Live alone and do no evil; be carefree like an elephant in the elephant forest.

Kệ tụng

Tốt hơn sống một mình

Không người ngu kết bạn

Độc thân, không ác hạnh

Vô lự, như voi rừng.

Lược giảng

Ba pháp cú này, Phật dạy cho các thầy Tỳ kheo, khi Phật ở trong một khu rừng với con voi chúa Pàveyyaka.

Theo truyện tích, khi Phật ở Kosambi, các thầy Tỳ kheo thường hay xảy ra bất hòa tranh cãi với nhau. Đức Phật giải hòa nhưng không ai chịu nghe theo. Sau đó, Đức Phật bỏ đi vào rừng sâu một mình và Ngài làm bạn với con voi chúa tên là Pàveyyaka. Con voi chúa này hầu hạ Ngài rất chu đáo. Trong lúc đó, thì các hàng đệ tử xuất gia và tại gia, họ đều tỏ ra rất lo lắng cho Ngài. Mọi người yêu cầu Tôn giả A Nan cho họ gặp Đức Phật để nghe Phật thuyết pháp. Trước tình thế đó, Ngài A Nan không thể từ chối và rồi Ngài hướng dẫn năm trăm Tỳ kheo đi vào rừng gặp Phật. Khi đến gần khu rừng, Ngài A Nan tự nghĩ, giữa lúc này mà ta dẫn năm trăm Tỳ kheo đến, không biết có thích hợp và Phật có chấp nhận cho gặp Ngài hay không. Tốt hơn hết là ta nên đi một mình vào gặp Phật trước. Con voi chúa thấy tôn giả A Nan đến, liền tỏ ra không hài lòng và nó có ý tung vòi tiến tới để quần lấy tôn giả A Nan, khi ấy Đức Phật bảo:

- Hãy lui, Pàveyyaka, đừng xua đuổi người ấy. Đó là thị giả của Như Lai.

Voi chúa liền cuốn vòi lại và biểu lộ thái độ lễ phép với ngài A Nan. Sau khi đánh lễ Phật, ngài A Nan liền bạch với Đức Phật rằng, ngài có hướng dẫn năm trăm Tỳ kheo đến để ra mắt Phật, nhưng hiện giờ họ còn chờ đợi ở ngoài rừng. Đức Phật cho phép họ vào. Sau khi đánh lễ Phật, họ đều bày tỏ nỗi lòng lo lắng trong thời gian Phật sống một mình không có ai chăm sóc cho Phật. Hiểu ý, Phật nói:

- *Này các Tỳ kheo, voi chúa Pàveyyaka đã làm giúp ta tất cả mọi việc. Được một người bạn như thế, sống độc cư cũng tốt. Và nếu không có bạn như thế, tốt hơn là nên sống một mình. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).*

Nội dung ba pháp cú trên, Đức Phật nhằm nói lên việc kết bạn và sống chung trong tinh thần hòa hợp hỗ trợ cho nhau. Sống ở đời, dù người có khó tánh đến đâu, ít ra cũng phải có đôi bạn để tâm giao. Bạn hiền trí là người có thể

giúp đỡ ta qua nhiều phương diện. Khi ta gặp cảnh ngộ hoạn nạn khó khăn hay những lúc ta bị bế tắc đau khổ về tinh thần, thì chính những người bạn hiền tốt sẽ giúp ta thoát qua cơn nguy nan đó. Muốn thế, thì Đức Phật khuyên chúng ta nên giao du và chọn bạn hiền. Nhưng phải là bạn đồng hành hiền trí. Bạn đồng hành có thể là cùng một nghề nghiệp hay cùng một lý tưởng. Như thế, thì tình giao kết giữa ta và bạn sẽ dễ cảm thông nhau hơn.

Pháp cú 328, Phật đã khuyên chúng ta như thế. Khi kết bạn để giao du, ta cần phải có sự chọn lựa kỹ càng. Ta nên phân biệt cho rõ qua những người bạn mà ta kết giao. Đối với những người bạn mà ta không coi trọng họ ở một vài phương diện cá tính nào đó, thì ta không nên lân la gần gũi thân cận với họ nhiều. Vì như thế, sẽ không có lợi ích gì cho ta cả. Còn đối với những người bạn mà ta thấy họ đối xử với ta một cách chân tình, không giả dối bề ngoài, không có ý đồ lợi dụng, không tìm cách bôi nhọ nói xấu nhau, đó là những người bạn hiền lương chân thật mà ta nên kết thân. Nhưng dù bạn chí thân đến đâu, ta cũng nên tiếp xử với bạn có giới hạn chừng mực và phải có lòng tôn kính bạn. Sự tôn trọng với nhau, đó là điều ta không nên coi thường, nếu như ta muốn tình bạn qua lại lâu dài. Đừng vì quá thân thiện mà ta không để ý đến lời nói và hành động của ta. Bởi tất cả đều còn là con người trần tục như nhau. Những thất tình, lục đục hỷ nộ ái ô v.v... vẫn còn mạnh bạo và nó hiện ẩn tàng trong mỗi con người. Chính vì còn quá nhiều tham, sân, si phiền não, nên khi giao tiếp với nhau, ta cần phải cẩn trọng. Không nên xem thường quá suồng sã mà sẽ có ngày xa nhau ân hận. Từ bạn chí thân trở thành thù địch, đó là chuyện thường tình ở thế gian. Ta phải cẩn trọng để ý điều này. Phật nói đối với những người bạn tốt, bạn hiền, biết cách cư xử, nghĩa là biết người, biết ta, cần giúp đỡ cho nhau, khi bạn bị hoạn nạn. Với hạng người như thế, thì Phật khuyên chúng ta nên hãy vui mừng mà đi cùng họ.

Pháp cú 329, Đức Phật nhắc nhở chúng ta: *“nếu không gặp được bạn đồng hành hiền lương, giàu trí lực, thì hãy như vua tránh nước loạn, như voi bỏ về rừng”*. Bạn đồng hành mà phải hiền lương, hiền lương không chưa đủ mà cần phải có trí tuệ. Người có trí tuệ là người phán đoán nhận xét mọi việc rất sâu sắc. Họ không phải là hạng người bốc đồng nông nổi, nghe đâu theo đó, vui đâu chúc đấy. Đó là hạng người thuộc dạng “ba phải”, ta không nên giao du với họ. Đối với người bạn theo tiêu chuẩn mà Phật nói ở đây, trong xã hội ngày nay cũng không phải dễ kiếm. Ba yếu tố thiết yếu: *đồng hành*: cùng có chung một lý tưởng phục vụ. *Hiền lương*: tánh tình chân thật đạo đức, hòa ái, trung hậu. *Giàu trí lực*: phải có lý trí, khéo biết dung hòa giữa tình và lý trong tương quan nhận thức. Đó là ba yếu tố thiết yếu Phật dạy, khi chọn bạn kết thân, ta cần phải để ý.

Pháp cú 330, Đức Phật nhắc nhở chúng ta không nên kết bạn với những hạng người ngu dốt. Trong phẩm Hiền Trí, Đức Phật cũng đã từng dạy chúng ta không nên kết bạn với người kém hèn, mà phải kết bạn với những người lành,

có chí khí cao thượng. Đọc lời Phật dạy đây, qua kinh nghiệm bản thân cũng như đối với bạn bè, ta thấy rất rõ khi giao tiếp hay sống chung với những người bạn kém học thức, thiếu suy nghĩ, họ làm cho ta thật nhức đầu bực mình về những ngôn từ và hành động của họ. Gặp phải những hạng người này, thì như lời Phật dạy, thà ở một mình còn khỏe trí hơn khi gần gũi tiếp xúc với họ. Như thế, là ta mới thật sự sáng suốt khi chọn bạn để giao du kết thân.

Qua những pháp cú trên, chúng ta chỉ tìm hiểu sơ qua về những việc cư xử giao tiếp qua lại thường tình của con người. Nhưng, thật ra, thâm nghĩa Phật dạy không hẳn chỉ có ngần ấy. Nó còn chứa đựng những ý nghĩa thâm trầm hơn. Tìm được một người bạn đồng hành, theo nghĩa lý sâu xa, cũng không phải là chuyện dễ dàng. Một người bạn, hơn nữa là một người thầy giác ngộ tỉnh thức chân lý, giữa thế gian này đâu phải dễ tìm. Một người bạn vượt thoát những ước lệ phàm tục, những giáo điều trói buộc, những tập quán thường tình, những tôn giáo nhãn hiệu, những quyền lực cai trị, nói chung, là những pháp thế gian hữu vi sinh diệt, còn nằm trong phạm trù nhị nguyên đối đãi. Có được người bạn như thế, thì chính đó mới thật sự là người bạn mà Phật dạy ta nên kết giao. Còn bằng không, thì chỉ còn có cách là phải đơn thân độc hành sống một mình trong cô đơn. Cô đơn không nằm trong ý nghĩa thường tình mà phải vượt lên trên vô thức. Làm một con người trần trụi buông lỏng hai tay giữa thế giới cuồng nhiệt tranh chấp hỗn loạn của cõi đời này.

Câu chuyện lược dẫn trên, cho ta thấy, Tăng đoàn thời Phật không phải tất cả đều giữ hòa khí hết. Đối với người lậu hoặc phiền não không còn, thì đương nhiên những việc tranh cãi hơn thua bất hòa không có. Nhưng những vị mới tu, phiền não chưa sạch, tất nhiên không sao tránh khỏi những sự bất đồng. Dù đã được phước duyên lớn sống gần Phật, nhưng không phải việc gì các ngài cũng nghe theo lời Phật dạy hết. Điều này cho ta một bài học về giá trị của Lục Hòa. Sở dĩ có chuyện tranh cãi hơn thua, là vì các ngài không nghiêm chỉnh thật hành sáu phép hòa kính. Nếu trong một tăng thân, ai ai cũng tôn trọng giữ gìn Lục Hòa một cách nghiêm túc, thì chắc chắn đảm bảo sẽ không có chuyện tranh cãi phải trái hơn thua xảy ra.

Đó là bài học lớn mà chúng ta cần phải quan tâm thật hành. Nhất là, hiện ta đang sống trong đoàn thể tu hành. Nói rộng ra, là trong gia đình, xã hội, quốc gia cũng thế. Khi không dàn xếp được sự tình, Phật liền bỏ đi vào rừng. Sự bỏ đi của Phật không có nghĩa là Phật buồn giận (làm gì có chuyện đó). Nhưng thâm ý của Phật là nhằm thức tỉnh các vị Tỳ kheo tranh cãi này. Đó cũng là một phương cách giáo hóa của Phật. Thật vậy, khi vắng Phật, mọi người xôn xao bàn tán và muốn đi tìm gặp Phật. Những vị đó thỉnh cầu Tôn giả A Nan giúp họ.

Dù là một bậc Thầy đáng kính, nhưng khi có mặt thường xuyên răn nhắc dạy dỗ, thì lại bị người ta coi thường. Chính cái niệm coi thường đó, nên gây ra

nhiều việc bất ổn không hay. Ở đây, ta thấy sự vắng mặt của Phật thời gian tuy ngắn, nhưng đã gây cho mọi người sanh lòng hối tiếc. Đó cũng là một sự cảnh giác thức nhắc của Phật. Như thế, mới thấy sự hiện diện của Phật thật là vô cùng quý giá. Ngày nay, chúng ta thấy, có nhiều bậc Thầy đáng kính, thỉnh thoảng cũng vắng bóng lánh mặt ở trong chúng một thời gian, vì lý do nào đó xét thấy cần răn nhắc khuyến cáo trong chúng, phải chăng các vị đó cũng học theo phương cách giáo dục của Phật ở đây!

Khi các vị đó gặp Phật, Phật đem con voi chúa Paveyyaka ra để chứng minh. Chính con voi này đã giúp hầu Phật đủ mọi thứ. Nhân đó, Phật dạy, sống chung mà không hiểu, thương, cảm thông, giúp đỡ lẫn nhau, thì tốt hơn hết là nên sống một mình.

---o0o---

331. Gặp bạn xa lâu ngày là vui, sung túc phải lúc là vui, mệnh chung có được thiện nghiệp là vui, lìa hết thống khổ là vui.

Good are friends when need arises; good is contentment with just what one has; good is merit when life is at an end, and good is the abandoning of all suffering (through Arhatship).

Kệ tụng

Vui thay gặp bạn cũ!

Vui thay sống biết đủ!

Vui thay chết có đức!

Vui thay thống khổ diệt!

332. Được kính dưỡng mẹ hiền là vui, kính dưỡng thân phụ là vui, kính dưỡng Sa môn là vui, kính dưỡng thánh nhơn là vui.

In this world, good it is to serve one's mother, good it is to serve one's father, good it is to serve the monks, and good it is to serve the holy men.

Kệ tụng

Vui thay kính dưỡng mẹ!

Vui thay kính dưỡng cha!

Vui thay kính Sa môn!

Vui thay kính hiền thánh!

333. Già vẫn giữ giới là vui, thành tựu chánh tín là vui, đầy đủ trí tuệ là vui, không làm điều ác là vui.

Good is virtue until life's end, good is faith that is steadfast, good is the acquisition of wisdom, and good is the avoidance of evil.

Kệ tụng

Già có giới là vui

Tin chắc thật là vui

Đủ trí tuệ là vui

Ác không làm là vui.

Lược giảng

Ba pháp cú này, Phật dạy cho các ma vương khi Ngài ản tu trong núi Tuyết thuộc vùng Hy mã Lạp sơn.

Truyện tích kể lại: “*Khi đức Bồ tát còn ở trong thời kỳ tu ản dật ở trong dãy núi Tuyết (Himalaya), chế độ cai trị của các quốc vương khắc nghiệt. Và đức Thế Tôn trông thấy dân chúng bị nhiều hình phạt độc ác, Ngài động lòng thương xót. Ngài tự nhủ: “Tại sao không thực hành một chế độ công bình, chính trực, không có giết chóc, chinh phạt đau khổ”.*

Khi ấy ma vương bắt gặp tư tưởng trên thoáng qua trong đầu đức Phật, hấn nghĩ: “Sa môn Cồ Đàm vừa nghĩ đến việc cai trị. Có lẽ bây giờ ông ấy muốn làm vua, đó là một dịp cho ông ấy tán tâm. Nếu ông ấy ra nắm quyền cai trị, ta có thể cám dỗ ông ấy. Ta sẽ đến để gọi lòng tham ông ấy.”

Ma vương đến chỗ Phật và bảo:

-Thưa Ngài, hãy để đức Thế Tôn cai trị, hãy để bậc Tôi Thắng cai trị, sẽ không có giết chóc, chinh phạt và khổ đau, mà chỉ có công bằng và chánh trực.

- Này Ma vương! Ông thấy ta thế nào mà nói như vậy?

- Thưa Ngài, một vị Phật có thể thi triển bốn phép mầu. Chỉ cần Ngài ra lệnh: Ngọn núi Himalaya hãy biến thành vàng, lập tức nó sẽ biến thành vàng. Tôi cũng sẽ lấy tài lực này để thực hiện tất cả những việc có thể thực hiện bằng tài lực. Như thế, Ngài sẽ cai trị công bằng chánh trực. Phật bảo:

Lòng tham người không thỏa

Dù có núi tử kim

Biết vậy, người khôn tìm

Đường thẳng ngay tiến bước.

Người đã sớm vẽ trước

Người nhân của khổ đau

Đâu có thể nào giao

Đời mình cho lạc thú?

Hãy để người đã thấu

Nhân sanh tử luân hồi

Tự tu tập điều phục

“Lưới ái” buộc bao đời.

Phật cảnh cáo Ma vương:

- *Này Ma vương, ta khuyên ông một lần nữa, Ta không giống ông. Đó là điều Ta muốn nói*”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú Tập III, Viên Chiếu, tr 210)

Qua ba pháp cú Phật dạy trên, pháp cú 331, ta thấy Đức Phật nêu ra có 4 điều vui:

1. Gặp bạn xa lâu ngày là vui. Đây là tâm lý rất thường tình. Nếu là người bạn chí thân của ta, tức là bạn đồng hành, đã từng vào sanh ra tử với ta, khi xa vắng nhau lâu ngày, nay tình cờ bỗng gặp lại nhau, thì quả thật cả hai đều vui mừng không thể nào tả xiết. Điều này là một chứng nghiệm thực tế.

Đó là luận theo nghĩa thường tình trong cách đối nhân xử thế. Nếu luận về nghĩa lý thâm sâu hơn, thì chữ bạn mà Phật nói ở đây, đó là người bạn không tên tuổi, người “Bạn” mà không làm bạn với muôn pháp. Đây là người bạn mà ông Bàn Long Uẩn đã hỏi đức Mã Tổ: “Người không cùng với muôn pháp làm bạn là người gì?” Đức Mã Tổ bảo: “khi nào ông uông một hợp mà hết nước sông Giang Tây, thì ta sẽ nói cho ông nghe”. Người mà ông Bàn đã hỏi, không nằm trong bình diện là người thường nữa. Mà là một Người không tên tuổi họ

hàng, siêu xuất thế gian, nhưng thực tế cũng không có gì là siêu xuất cả. Đối với người Bạn này, ta đã cách biệt quá lâu đời, từ vô lượng kiếp đến nay. Hôm nay, bỗng dưng gặp lại (tức nhận ra tánh giác hay bản tâm của mình) thì thử hỏi còn niềm vui nào có thể so sánh đây?! Đó mới thật là niềm vui tuyệt vời không lời diễn tả.

2. Sung túc phải lúc là vui. Sung túc là dồi dào đầy đủ. Sung túc phải lúc là như thế nào? Sung túc có hai nghĩa: vật chất và tinh thần. Sung túc về vật chất, nếu sự sung túc đó chính do bàn tay ta tạo dựng nên, bằng tất cả tâm huyết mồ hôi nước mắt, tạo dựng sự nghiệp chánh đáng lương thiện, thì Phật nói đó là sung túc phải lúc. Ngược lại, xây dựng sự giàu sang bằng cách vơ vét bóc lột xương máu của kẻ khác, thì đó không phải là sung túc phải lúc. Mà sự sung túc đó là bất nhân, bất nghĩa, phi pháp. Vơ vét của người làm của mình, đó là kẻ chuyên hút máu người để sống. Sống như thế, thật không hơn gì loài muỗi.

Sung túc về tinh thần, đây mới là sự sung túc đáng kể. Vì sung túc phần vật chất, chỉ là tạm bợ, vô thường, nay có, mai không, thay đổi bất thường. Còn sung túc phần tinh thần, tức là dồi dào phần giới hạnh đạo đức. Sung túc tinh thần, là do người ta khéo biết xây dựng đời mình trên căn bản đạo đức thanh cao. Nhờ có đạo đức tình người thanh cao sung mãn đó, nên tâm hồn của họ lúc nào cũng an vui, thanh thoát nhẹ nhàng thoải mái, không có gì ràng buộc họ. Đó là tinh thần giải thoát. Thứ sung túc đạo đức chân thật này, mới thật sự là bền bỉ lâu dài, xài hoài không hết. Đây mới thật sự là chơn hạnh phúc vậy.

3. Mệnh chung có được thiện nghiệp là vui. Thiện nghiệp là nghiệp lành. Có hai thứ nghiệp căn bản mà ta cần chú ý: thiện nghiệp và ác nghiệp. Nhờ tích lũy nghiệp lành trong đời sống hằng ngày, nên khi mạng chung, ta không còn lo âu sợ hãi. Vì ta biết chắc là ta sẽ đi theo thói quen lành mà ta đã gây tạo. Khi nhắm mắt đi theo hướng lành để thọ quả báo vui. Nếu khi sắp chết, ta có được một trợ duyên tốt, có bạn hiền nhắc nhở trợ niệm, khi đó, ta khởi niệm lành trong lúc tắt thở, thì chắc chắn là ta thác sanh vào cảnh giới an lành. Đó là cận tử nghiệp, tức thói quen niệm lành lúc gần chết. Ngược lại, thì là nghiệp báo khổ.

4. Lìa hết thống khổ là vui. Điều vui này rất là cụ thể rõ ràng. Không cần phải lý luận dài dòng. Hết khổ là vui, đó là điều thực tế nhất. Nhưng Phật nói hết khổ ở đây, ta phải hiểu rõ nguồn gốc của nó. Cái gì gây ra cho ta phải chịu khổ? Khổ tuy rất nhiều, nói không thể hết, nhưng tóm lại, Phật nói chỉ có ba khổ và tám khổ. Ba khổ gồm có: Khổ khổ, hành khổ và hoại khổ. Tám khổ gồm có: sanh, già, bệnh, chết, thương yêu nhau mà phải xa lìa, mong cầu mà không được toại ý, oán ghét gặp nhau, năm âm sung mãn lưng lẩy. Đó là tám nỗi thống khổ lớn của con người. Sở dĩ có những nỗi thống khổ lớn này, tất cả đều do vô minh phiền não gây ra. Muốn dứt khổ, thì phải diệt trừ hết vô minh phiền não. Khi tập

nhân phiền não không còn, thì mọi quả khổ đau ngang đó chấm dứt. Đó là Niết bàn an lạc. Đây mới là cái vui cùng tốt vậy. Nhưng điều quan trọng là làm sao mới diệt hết vô minh phiền não? Đây là cả một vấn đề khó khăn, mà bất cứ hành giả nào cũng phải nhắm tới.

Đến pháp cú 332, Phật cũng nêu ra 4 điều vui:

1. Ở đời được kính dưỡng mẹ hiền là vui. Đây là niềm vui lớn nhất trong cuộc đời của những ai còn mẹ để phụng dưỡng. Vì mẹ là cả một bầu trời dịu ngọt thương yêu. Công lao của mẹ thật không sao kể xiết. Tình thương của mẹ đã dành hết cho con. Con là núm ruột của mẹ. Người ta thường nói còn mẹ là còn tất cả, mất mẹ là mất tất cả. Thế mà, ở đời có những người con, khi mẹ còn sống lại đối xử với mẹ mình một cách tàn nhẫn tệ bạc. Họ tính với mẹ từng đồng từng cắc, không mả một đồng xu. Trong khi đó, họ quên công ơn sanh thành giáo dưỡng của mẹ như trời cao bể rộng. Đúng là tình mẹ bao la như bể đại dương. Chính vì sự tính toán đó, nên ca dao Việt Nam mới có câu:

Mẹ nuôi con như biển hồ lai láng

Con nuôi mẹ tính tháng tính ngày.

Khi mẹ còn thì đối xử tệ bạc như thế, đến khi mẹ mất, thì họ lại ăn năn hối tiếc. Sự ăn năn hối tiếc đã quá muộn màng. Chi bằng khi mẹ còn sống ta hết lòng chăm nom phụng dưỡng. Được thế, thì dẫu cho sau này mẹ có mất đi, thì ta cũng đã mãn nguyện, không có gì phải hối tiếc khó chịu trong lòng.

2. Kính dưỡng thân phụ là vui. Đây là niềm vui khi được phụng dưỡng người cha. Cha với mẹ cả hai đều có công lao giáo dưỡng con cái rất lớn. Vậy bốn phận làm con, chúng ta phải lo đền đáp báo ân cho cha mẹ. Lòng tri ân và báo ân là nghĩa cử cao đẹp tối cần thiết của đạo làm người. Mất đi yếu tính này, thì đạo làm người đã mất. Nói cách khác, là ta không còn ý nghĩa của một con người nữa. Ta nên lưu ý điều này, khi chăm sóc lo lắng phụng dưỡng cho cha mẹ, ta cần phải biểu lộ có thái độ cung kính. Nếu thiếu sự cung kính, thì dù cho ta có dâng lên bao thứ vật phẩm có giá trị cao, cũng không thể nào làm cho cha mẹ vui lòng được. Cho nên, sự phụng dưỡng không phải chỉ biểu lộ bằng vật chất không thôi, mà cần phải biểu lộ bằng tinh thần. Tinh thần, đó là sự cung kính bằng tất cả tấm lòng. Khi cha mẹ vui, thì chính ta mới có được niềm vui rất lớn. Nên Phật nói: kính dưỡng thân phụ là vui.

3. Kính dưỡng Sa môn là vui. Sa môn là những vị xuất gia đã thọ đại giới (giới luật của Tỳ kheo 250 giới). Những vị chân chánh tu hành có giới đức cao, ta phải hết lòng kính trọng. Được duyên lành cúng dường cho các ngài, đó là điều diễm phúc rất lớn. Sự cúng dường này, ta phải biểu lộ bằng tất cả tâm thành. Ta nên nhớ, cúng dường phải được biểu lộ cả hai: vật chất và tinh thần.

Vật chất là tùy khả năng chúng ta có, nhiều ít không thành vấn đề. Nhưng điều quan trọng là biểu lộ lòng thành cung kính. Chính sự cung kính này, mới là căn bản của sự cúng dường. Vì có cung kính, thì cả hai: người nhận và người cúng thí mới được lợi lạc. Lợi lạc là chúng ta được tăng trưởng phước đức. Nếu cúng dường bằng thái độ thiếu cung kính, thì chẳng những ta không được phước đức mà còn mang thêm cái trọng tội là cống cao ngã mạn khinh người. Như vậy, thì làm sao ta có được niềm vui. Muốn có được niềm vui trọn vẹn, thì ta nên vâng theo lời Phật dạy, phải thành tâm cung kính cúng dường các bậc Sa môn chân chánh tu hành.

4. Kính dưỡng Thánh nơn là vui. Thánh nơn là những vị tu hành đã dứt hết cội gốc phiền não. Thánh nơn cũng có nhiều bậc cao thấp khác nhau. Như Phật là bậc Thánh nơn cao tột trong các bậc Thánh. Thấp hơn là các vị Bồ tát hoặc A la hán trở xuống. Trong tứ quả Thanh Văn của hàng tiểu thừa, đều gọi chung là Thánh nơn. Tức từ quả vị Tu đà hoàn trở lên. Trong hàng Bồ tát, cũng có nhiều cấp bậc khác nhau. Sự khác biệt này là căn cứ trên vấn đề diệt trừ phiền não, lậu hoặc, vô minh, nhiều ít. Kinh nói, hành giả diệt một phần vô minh là chứng được một phần pháp thân. Đối với các bậc này, mà ta thành tâm cúng dường, tất nhiên chúng ta sẽ được phước báo rất lớn. Cho nên, Phật nói: “kính dưỡng Thánh nơn là vui”.

Pháp cú 333, Phật cũng nêu ra bốn điều vui:

1. Già vẫn giữ giới là vui. Người già thường là kém minh mẫn, trí nhớ lắm cảm, hay lẫn lộn. Nhưng đối với những giới luật đã thọ, mà vẫn nhớ gìn giữ đúng pháp, thì quả đó là niềm vui. Niềm vui là vì mình vẫn còn tâm trí sáng suốt, khéo biết phân biệt tà giới và chánh giới. Có nhiều người, khi còn trẻ mạnh khỏe, thì giữ giới rất nghiêm minh, nhưng đến khi già, thì lại hay sanh tật phá trai phạm giới. Có đôi khi lại còn trở đũa ngã mận. Cho rằng, vì già yếu cần phải bỏ dưỡng.

Xưa kia, ăn trường chay, nay lại ăn chay kỳ, thậm chí có người không còn giữ ăn chay ngày nào nữa cả. Họ còn lý luận ngụy biện là xưa kia, Phật có ăn chay lạ ngày nào đâu mà Ngài vẫn thành Phật. Thật là tội lỗi ! Họ quên rằng, Phật thì không còn vô minh phiền não. Ngài ăn không có phân biệt ngon dở, ăn chỉ cốt để có sức khỏe mà làm lợi ích cho chúng sinh. Ngược lại, chúng ta còn là phàm phu vô minh phiền não đầy đầy, ăn thì còn chê khen ngon dở, rồi sanh tâm đắm nhiễm, khởi phiền não ghét thương, để rồi tạo nghiệp thọ khổ. Thế mà dám so sánh ngang hàng với Phật được ư? Quả thật, họ là hạng người điếc không sợ súng, không sợ đọa địa ngục. Đó là gì? Là do họ quá coi trọng xác thân mà phải phá trai phạm giới đã thọ. Đó là một sự thật, không thể biện minh chối cãi. Có thể họ vui với vật chất, vui trong đau khổ, chớ không phải cái vui của người tu hành lạc đạo, pháp hỷ sung mãn ở nơi tâm hồn.

2. Thành tựu chánh tín là vui. Chánh tín là ngược lại với tà tín. Tà tín thì không tin Tam bảo, nhân quả nghiệp báo. Đã thế, tất nhiên, là họ dễ sa đọa. Ngược lại, người có lòng tin chân chánh đúng hướng nhân quả, thì họ không gây tạo ác nghiệp. Không gây tạo ác nghiệp, thì họ không sa đọa vào tam đồ ác đạo. Nghĩa là họ không đi vào con đường đau khổ. Chẳng những họ không gây tạo ác nghiệp, mà họ còn biết gây tạo nghiệp lành. Khi tạo nghiệp lành ở nơi ba nghiệp, tất nhiên là hiện đời họ không gặp quả khổ, mà tương lai họ cũng được hưởng những quả lành. Thế thì, có niềm vui nào bằng! Sở dĩ họ được an hưởng niềm vui đó, là do họ có niềm tin chân chánh vào Tam bảo và lý nhân quả. Tất nhiên, họ đã thành tựu trọn vẹn được niềm tin chân chánh vậy.

3. Đầy đủ trí tuệ là vui. Người tu học Phật, nếu thiếu trí tuệ, thì khó có thể thành công trong sự tu hành. Trí tuệ là sự nghiệp quan trọng vĩ đại của người tu. Nhờ có trí tuệ, mới phân biệt được lẽ chánh tà chân ngụy. Nếu không có trí tuệ, thì sự tu hành giống như kẻ mù lòa đi trong đêm tối. Đã thế, tất nhiên khó tránh khỏi rơi hầm sục hố. Hầm và hố sâu tội lỗi đang chờ đón họ. Người có trí tuệ giống như kẻ có con mắt tinh sáng. Nhìn xa thấy rộng và tránh khỏi nạn té hầm sục hố. Tức tránh được những tội lỗi sai lầm. Do nhờ trí tuệ mà đưa hành giả mau đến bến bờ giải thoát an vui. Như thế, thì thử hỏi có niềm vui nào bằng. Nên Phật nói: “đầy đủ trí tuệ là vui”.

4. Không làm điều ác là vui. Người nào đã gây tạo nghiệp ác, chắc chắn lòng họ khó có được giây phút an vui. Vì sao? Vì khi gây điều ác, lòng họ luôn bồn chồn bứt rứt không an. Họ luôn lo sợ đủ thứ. Thí như kẻ đã ra tay giết người, thử hỏi lòng họ sẽ như thế nào? Có thể họ sẽ thỏa mãn lòng sân hận nhứt thời trong khi họ ra tay hành hung hạ sát đối phương, nhưng sau đó, họ phải lãnh lấy cái quả báo thâm trọng. Cõi lòng họ ảm đạm như bãi tha ma. Họ không có được giây phút nào an ổn. Pháp luật sẽ không dung tha họ. Phải trừng trị thích đáng cái nhân ác mà họ đã gây. Và hình ảnh giết người kia, nó luôn luôn ám ảnh bám sát theo họ. Hình ảnh đó nó đã ăn sâu vào tâm thức của họ. Thế là, họ sẽ đối diện trong nỗi khổ cô đơn tuyệt vọng, với bốn bức tường đen tối mà họ đã bị giam cầm. Đó là một ngục tù hành hạ họ cả thể xác lẫn tinh thần. Một sự đau khổ cùng cực, ăn ngủ không yên. Nhất là, mỗi khi họ nhớ lại hình ảnh hung bạo giết chết mạng người rùng rợn khiếp đảm đó. Đó là chưa nói đến sự báo oán trả thù sau này. Cho nên, người nào muốn được hiện đời và đời sau an vui, thì Phật dạy, không nên gây tạo điều ác.

Qua câu chuyện trích dẫn trên, có một vài đặc điểm mà chúng ta cần chú ý:

Điểm thứ nhứt, khi Đức Phật khởi nghĩ, ma vương thấy rõ điều Phật suy nghĩ. Đối với các loại quỷ thần, chúng nhìn thấy rõ tư tưởng của ta. Khi chúng ta nghĩ điều lành, điều dữ, điều xấu, điều tốt, chúng nhìn thấy một cách rõ ràng. Vì thế, nên người đời thường nói, không thể qua mắt quỷ thần là vậy. Mình có

thể che giấu việc làm tội lỗi phi pháp của mình với người đời, nhưng làm sao có thể che giấu với quỷ thần. Quỷ thần còn không che giấu được, nói chi đến Phật, Bồ tát. Tại sao chúng thấy rõ như vậy? là vì khi chúng ta dấy niệm khởi nghĩ là nó có hình bóng của cái khởi nghĩ. Như chúng ta khởi nghĩ cái nhà, thì hình ảnh cái nhà liền in trên tâm thức ta. Còn nếu ta không khởi nghĩ bất cứ cái gì hết, thì quỷ thần không tài nào thấy được. Đó là đến chỗ bật hết dấu vết. Người tu hành mà tâm được an định như thế, thì chắc chắn sẽ được giải thoát.

Điểm thứ hai, ma vương cám dỗ khuyến dụ khi chúng ta khởi nghĩ điều ác. Đó là cơ hội tốt nhất để ma vương dẫn dắt xúi giục chúng ta hành động sai trái. Do đó, tốt nhất là khi khởi nghĩ, chúng ta không nên nghĩ điều xấu ác. Mà có lỡ khởi nghĩ, thì chúng ta phải cắt đứt ngay, đừng để kẻ hở cho ma vương lợi dụng xúi giục. Khi chúng ta đã nghe theo mệnh lệnh của chúng xúi giục sai khiến rồi, liền đó chúng ta thể hiện ra hành động ở nơi ba nghiệp sai lầm, thì đó là một tai hại rất lớn. Thế nên, chúng ta cần phải cẩn trọng dè dặt đề phòng.

Điểm thứ ba, chúng ta hằng phải có chánh kiến, chánh niệm. Có chánh niệm, tất nhiên chúng ta sẽ nhận rõ những ý niệm sai quấy, tội lỗi. Nhất là ý niệm tham lam theo danh lợi. Mà đầu mối của nó là vô minh. Chúng ta cương quyết không làm nô lệ cho vô minh lộng hành sai sử. Muốn thế, thì chúng ta cần phải có trí huệ. Có trí huệ mới có thể chiếu phá vô minh được. Vô minh phiền não không dấy khởi, thì ngay đó là chúng ta sẽ được giải thoát mọi khổ đau trói buộc vậy.

---o0o---

XXIV Phẩm Ái Dục

(Tanhavaggo)

334. Nếu buông lung thì tham ái tăng lên hoài như giồng cỏ Tỳ la na mọc tràn lan, từ đời này tiếp đến đời nọ như vợ chồng chuyên cây tìm trái.

The craving of one given to heedless living grows like a creeper. Like the monkey seeking fruits in the forest, he leaps from life to life (tasting the fruit of his kamma).

Kệ tụng

Người sống mặc buông lung

Ái tăng như dây rừng

Sống đời này đời khác

Như vượn tham quả rừng

335. Nếu ở thế gian này, mà bị ái dục buộc ràng, thì những điều sầu khổ càng tăng mãi như loài cỏ Tỳ la gặp mưa.

Whoever is overcome by this wretched and sticky craving, his sorrows grow like grass after the rains.

Kệ tụng

Ai sống trong đời này

Bị ái dục buộc ràng

Sầu khổ sẽ tăng trưởng

Như cỏ Bi gặp mưa.

336. Nếu ở thế gian này, mà hàng phục được những ái dục khó hàng phục, thì sầu khổ tự nhiên rụng tàn như nước giọt lá sen.

But whoever overcomes this wretched craving, so difficult to overcome, from him sorrows fall away like water from a lotus leaf.

Kệ tụng

Ai sống trong đời này

Ái dục được hàng phục

Sầu khổ tự tiêu dần

Như nước giọt lá sen.

337. Đây là sự lành mà Ta bảo với các người: các người hãy dồn sức vào để nhổ sạch gốc ái dục, như người muốn trừ sạch giống cỏ Tỳ la phải nhổ hết gốc nó. Các người chớ lại để bị ma làm hại như loài cỏ lau gặp cơn hồng thủy!

This I say to you: Good luck to all assembled here! Dig up the root of craving, like one in search of the fragrant roots of birana grass. Let not Mara crush you again and again, as a flood crushes a reed.

Kệ tụng

Đây sự lành Ta dạy

Các người tụ họp đây

Hãy nhớ tận gốc ái

Như nhớ gốc cỏ Bi

Chớ để ma quân hại

Như nước tràn cỏ lau.

Lược giảng:

Bốn pháp cú trên Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến câu chuyện con cá vàng Kapilamaccha.

Theo truyện tích, thuở xưa, thời đức Phật Ca Diếp, có hai anh em sanh trưởng trong một gia đình quý tộc, lớn lên xuất gia làm Sa môn. Người anh tên Sodhana và người em tên Kapila. Người mẹ Sàdhini và cô em gái Tàpanà cũng xuất gia làm Tỷ kheo ni. Sau khi xuất gia, hai anh em đều làm tròn bổn phận của một vị Sa môn. Một hôm, họ hỏi thầy Giáo thọ một người xuất gia có bao nhiêu bổn phận chánh yếu? Thầy Giáo thọ trả lời: có hai bổn phận chánh yếu: học và thiền định.

Nghe thế, người anh quyết tâm tu tập thiền quán và kết quả chứng A la hán. Ngược lại, người em thì chuyên tâm học hỏi thông suốt Tam tạng, không tu thiền định, bị con ma tham danh lợi quyến rũ, lại tự cao tự phụ, cậy mình học giỏi, khinh miệt các bậc tôn túc giới đức, kết bè lập phái, bất chấp lời khuyên giải của người anh, một bè hồng hách, cuối cùng, thầy Kapila bị đọa vào địa ngục A tỳ.

Thời ấy, có năm trăm tên cướp, bị luật pháp truy tầm, nên cả thầy chạy vào rừng sâu ẩn náu. Bấy giờ, bọn họ gặp một vị ẩn sĩ và xin vị đó cho họ nương tựa. Vị ẩn sĩ bảo họ: không có nơi nương tựa nào an ổn bằng nương tựa vào đạo đức. Vậy, các anh có thể giữ năm giới được không? Tất cả đều đồng ý. Vị ẩn sĩ lại khuyên họ, các anh đã nguyện giữ năm giới cấm, từ nay về sau gặp phải bất cứ nghịch cảnh khó khăn nào, dù nguy hại đến tánh mạng, các anh cũng không được phạm giới. Họ nguyện quyết tâm vâng giữ.

Không bao lâu, dân làng biết được chỗ ẩn náu của họ, nên bọn họ đều bị dân làng giết sạch. Nhờ giữ giới luật trong sạch, nên tất cả đều được sanh lên cõi trời. Trải qua nhiều kiếp tái sanh đều được hưởng phước báo ở cõi trời.

Khi hưởng hết phước báo ở thượng thiên, cả bọn họ đều tái sinh ở nhân gian. Họ cùng tái sinh trong một ngày, vào thời của đức Phật Thích Ca còn tại thế. Riêng Kapila, sau khi mãn kiếp địa ngục, do dư báo của nghiệp ác, nên thầy tái sinh làm con cá nơi dòng sông Aciravati. Minh cá thì vàng óng nhưng hơi thở thì hôi thúi vô cùng.

Cá vàng lọt vào lưới của bọn trai dân chày trong làng. Biết được loại cá quý, bọn họ mang cá lên yết kiến nhà vua. Nhà vua nhìn thấy lấy làm lạ mới đem trình lên Phật và hỏi nguyên do về con cá vàng đó. Phật kể lại tự sự về tiền kiếp của Kapila trong thời Phật Ca Diếp. Tuy mang nghiệp ác mắng nhiếc các bậc Sa môn chân chánh tu hành, nhưng nhờ tụng đọc kinh điển, giảng pháp tán Phật, nên kết quả thân cá mới có được màu vàng đó.

Sau khi nghe Phật kể xong tiền kiếp của Kapila và những người thân trong gia đình, bà mẹ và người em gái cũng bị dọa địa ngục, vì tội phỉ báng Sa môn, chỉ có người anh là Sodhana nhờ tu thiền định mà được giải thoát. Nghe xong, tất cả thính chúng đều xúc động, lông tóc dựng ngược cả lên. Nhân đó, đức Phật nói bài kệ:

Hằng sống trong chánh kiến,

Hằng tu hạnh thanh tịnh,

Đầy hạt ngọc sang đẹp,

Quý hơn trong tất cả.

(Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Ái dục nguyên tiếng Phạn là Tanhà, nó có nghĩa là luyến ái, khát khao, bám víu. Có ba loại ái dục:

1. **Dục ái:** lòng ham muốn đắm mê đắm nhiễm không rời ngũ dục, lục trần.

2. **Hữu ái:** thích thụ hưởng những thứ khoái lạc vật chất làm thỏa mãn ở nơi thân thể. Trong lúc thụ hưởng dục lạc, nghĩ rằng, sau khi chết không còn gì cả, đây là chủ trương thỏa mãn dục tính của phái Đoạn Kiến. Không sợ tội lỗi luân hồi nghiệp báo.

3. **Vô hữu ái:** Trong khi đắm mê thụ hưởng khoái lạc vật chất, nghĩ rằng, đời đời sanh ra sẽ tiếp tục thụ hưởng, đây là thuộc về phái Thường Kiến hữu ái (Bhavatanha). Họ cho rằng, việc thụ hưởng khoái cảm vật chất này sẽ vĩnh cửu trường tồn bất diệt.

Bhavatanha (hữu ái) có khi được giải thích là sự đam mê luyến ái bám víu theo sắc giới và Vibhavatanha (hy hữu ái) là sự luyến ái đeo níu theo vô sắc giới.

Ái và dục là căn nguyên của sanh tử luân hồi. Trong Kinh Đại Bảo Tích ở phẩm Nhứt Mật Bồ Tát, Phật dạy: “*ái là căn bản trong tất cả phiền não*”. Từ ái sanh dục, từ dục sanh ưu, từ ưu sanh khổ não. Đó là một vòng tròn lẩn quẩn khổ đau mà hết thấy chúng sanh đều bị vướng mắc. Trong mười hai nhân duyên “Ái” và “Thủ” là đầu mối hay nguyên nhân gây ra quả khổ đau trong hiện tại. Luận cho cùng, ái và dục cũng phát sanh từ tâm vọng khởi. Vọng tâm mới thật sự là cội gốc. Nếu chúng ta muốn thoát khỏi gốc rễ luân hồi thọ khổ, thì không còn cách nào hơn là phải đoạn trừ ái dục. Đây là nói đối với những hành giả tu theo hạnh xuất thế. Tức tu theo hàng Nhị thừa, hay Bồ tát thừa hoặc là Phật thừa. Ngược lại, nếu chúng ta tu theo Nhân và Thiên thừa, tất nhiên, không thể nào đoạn hết ái dục được. Vì ái dục nó có dục thiện và dục ác. Người tu theo hai thừa căn bản này, thì cần phải khử trừ dục ác mà giữ lại dục thiện. Vì nhờ có dục thiện, nên người ta mới tạo nhiều việc phúc thiện và làm lợi ích cho mọi người. Kinh nói: “tu hành vô dục, đạo quả nan thành”. Dục thiện là ước muốn hướng thượng cao đẹp, nhằm xây dựng bản thân, gia đình và xã hội có đời sống thánh thiện an vui hạnh phúc. Tuy nhiên, nếu bạn muốn tu hạnh xuất thế, quyết vượt thoát khỏi vòng sống chết khổ đau, thì bạn phải hoàn toàn đoạn dục khử ái. Vì chính nó luôn làm cho bạn bất an. Nó khuấy động dẫn dắt bạn chạy theo nó không phút giây dừng nghỉ. Thất tình, lục dục là những thứ luôn làm cho mọi người phải bị điên đầu, điêu đứng vì nó.

Pháp cú 334, Phật dạy nếu buông lung thì tham ái tăng lên hoài. Thật vậy, lòng tham muốn khát vọng của con người, thật không bao giờ biết đủ dừng lại. Biển sâu đến đâu, người ta cũng còn có thể dò được, còn biển lòng của con người có đáy đâu mà đo! Quả đúng với câu nói của người xưa: “túi tham không đáy, đựng hoài không đầy, muốn mãi không thôi”. Nhưng người ta quên rằng càng tham muốn nhiều chừng nào, thì tất khổ lụy nhiều chừng nấy. Đời sống của những người không biết đủ, chắc chắn đời họ sẽ không bao giờ có hạnh phúc an vui. Bạn có thể cho rằng, những nhà tỷ phú, giàu có như thế giới, đời sống của họ chắc là hạnh phúc lắm phải không? Nghĩ thế, bạn sẽ lầm to. Bề ngoài, tưởng là họ có nhiều tiền của hẳn là hạnh phúc lắm, nhưng kỳ thật, lòng họ không lúc nào an ổn. Họ là người luôn sống trong cô đơn và buồn chán. Đời họ chưa bao giờ có được hạnh phúc. Họ là người tính toán khổ tâm nhiều nhưt. Đầu óc của họ khó có được những giây phút an lạc thanh thoi.

Ngược lại, đối với những người nghèo khổ, bạn cho rằng, đời họ sẽ không bao giờ có hạnh phúc. Sự đoán định đó của bạn, theo tôi, cũng chưa hoàn toàn đúng hẳn. Ở đời, có lắm người nghèo khổ, nhưng lòng họ cảm thấy rất hạnh phúc, vì họ khéo biết đủ. Lòng họ lúc nào cũng tươi mát. Họ không tranh giành

bon chen với đời. Họ là hạng người: “khéo ăn thì no, khéo co thì ấm”. Chỉ cần, khéo biết an phận tùy thời, thì đời họ sẽ có rất nhiều an lạc hạnh phúc. Tuy hai chữ hạnh phúc rất khó định nghĩa cho chuẩn xác, nhưng, theo tôi, thì lúc nào tâm bạn thật sự bình an, không làm nô lệ cho dục vọng sai khiến, dẫn dắt, thì chính ngay giây phút đó là bạn mới thật sự là người có hạnh phúc nhất trên trần gian này.

Đối với người không biết đủ để hạn chế bớt lòng tham dục, thì Phật nói, giống như loại cỏ Tỳ la na la mọc tràn lan từ đời này đến đời nọ và như vượn chuyền cây tìm trái. Phật nêu ra thí dụ cụ thể để so sánh tâm buông lung ham muốn vô độ của con người. Hình ảnh con vượn chuyền cây tìm trái, thật quá rõ ràng. Tâm chúng ta giống như con vượn chuyền nhảy phan duyên không lúc nào yên. Nó chuyền nhảy để tìm trái, đó là trái ngũ dục, lục trần. Khi nào vượn không còn chuyền nhảy tìm trái nữa, thì khi ấy, vượn mới thật sự có hạnh phúc. Cũng thế, chỉ có khi nào tâm ta chịu dừng lại, không còn săn đuổi đăm nhiễm theo sáu trần, thì khi ấy đời ta mới thật sự có hạnh phúc an lạc.

Pháp cú 335, Phật dạy, nếu ở thế gian này mà bị ái dục buộc ràng, thì những điều sầu khổ càng tăng trưởng mãi như loài cỏ Tỳ la gặp mưa. Ai cũng biết, ái dục từ tư tưởng sanh, nếu tư tưởng không sanh khởi thì làm gì có ái dục? Loài cỏ Tỳ la bản chất của nó là mọc lan tràn, đã thế, mà còn gặp mưa nữa, thì nó lại càng tăng trưởng tốt tươi mạnh mẽ hơn. Cũng vậy, lòng người vốn là ham muốn không dừng, nay lại gặp những thứ vật chất, toàn là những thứ đầy sức quyến rũ hấp dẫn, thử hỏi làm sao tâm người ta không buông lung tham đắm cho được? Khi khởi một niệm tham muốn thèm khát một đối tượng nào đó, là ta đã bị cái đối tượng đó nó ràng buộc siết chặt ta rồi. Siết chặt như niềng kim cô trên đầu Tôn Hành Giả. Mỗi lần bị siết chặt đau đớn khó chịu như thế, ta thấy thật là tội nghiệp cho Tôn Hành Giả quá! Ngẫm kỹ lại, ta đã bị những niệm tham dục thèm khát, chúng siết chặt ta đau đớn sầu khổ không khác gì thân phận của Tôn Hành Giả. Muốn tránh nỗi khổ đau đó, chỉ có cách là ta phải gấp rút chuyển hóa những hạt giống thèm khát tham muốn của ta. Có thế, thì đời ta mới thật sự an vui hạnh phúc vậy.

Pháp cú 336, Phật dạy: “nếu ở thế gian này mà hàng phục những ái dục khó hàng phục, thì sầu khổ tự nhiên rụng tàn như nước giọt lá sen”. Lời Phật dạy tuy nhiều, nhưng ta có thể tóm gọn trong bốn chữ: “*Giác ngộ giải thoát*”. Giác ngộ là nhận diện trực giác cái hiện hữu đang xảy ra. Giải thoát là mở trí tháo gỡ những buộc ràng. Sự tháo gỡ không phải từ bên ngoài, mà chính trong tâm thức của mỗi người. Vì trong tâm thức của mỗi người có quá nhiều phiền não rối rắm, nội kết. Gốc của “nội kết” làm ta đau khổ là ái dục. Đó là thứ nội kết lớn. Thứ nội kết này không phải dễ hàng phục chế ngự. Nếu người nào hàng phục và chế ngự được nó, thì hẳn nhiên người đó sẽ là kẻ chiến thắng. Một sự chiến thắng hùng dũng oanh liệt như thế. Đó mới thật sự giải thoát. Đã thế, thì mọi

ưu tư sâu khổ, sợ hãi sẽ không còn nữa. Nên Phật nói: “như nước giọt lá sen”. Nước và lá sen không hề dính dáng gì nhau. Nghĩa là tâm và cảnh không còn liên quan dính mắc nữa. Tâm là tâm, cảnh là cảnh. Đến đây, mới thật sự như Ông Bàng Long Uẩn đã nói:

Tâm cảnh như như chỉ giá thị,

Hà lự Bồ đề đạo bất thành.

Pháp cú 337, Phật bảo chúng ta phải nhổ sạch gốc ái dục, giống như nhổ cỏ phải nhổ cho hết gốc rễ của nó. Phật còn thức nhắc chúng ta thêm rằng: “*các người chớ để bị ma làm hại như loài cỏ lau gặp cơn hồng thủy*”. Ái dục có gốc rễ rất sâu dày. Muốn nhổ tận gốc rễ của nó, thật không phải là chuyện dễ dàng. Người tu, nếu không có ý chí kiên quyết mãnh liệt và thanh kiếm trí tuệ sắc bén, thì khó có thể đoạn trừ ái dục lắm. Thường chúng ta rất yếu đuối, luôn bị nó khống chế sai sử. Nó sai sử chúng ta không phải trong hiện đời này thôi, mà còn trải qua vô lượng đời trong quá khứ. Do đó, nên Phật nói gốc rễ của nó rất sâu dày. Khi nó không hoạt động, ta cứ ngỡ là nó không có, nhưng sự thật, đó là lúc nó đang phục kích tiềm ẩn. Bởi bản chất của nó là tập khí. Bình thường ta không thấy hơi hám của nó ở đâu, nhưng khi đối cảnh xúc duyên, thuận hoặc nghịch cảnh, thì chừng đó ta mới thấy nó xuất đầu lộ diện. Nếu là thuận cảnh thì nó hiện tướng khoái cảm thích thú. Nếu là nghịch cảnh không vừa ý, thì nó hiện tướng hung hăng dữ tợn, thật đáng ghê sợ. Muốn mà không đáp ứng đúng theo nhu cầu thỏa mãn, thì nó có thể phá tung cả thế giới. Bao cuộc chiến tranh, tàn sát đẫm máu, đại loạn, đó là hậu quả của lòng tham sân mà ra.

Đức Phật đã từng trải nghiệm và nhận diện rất rõ loại ma ái dục này. Nó luôn luôn khát vọng đòi hỏi mọi thứ nhu cầu thỏa mãn. Phải thỏa mãn qua ba nhu cầu thiết yếu: vật lý, sinh lý và tâm lý. Nhưng làm sao thỏa mãn cho lòng ham muốn? Biết sao cho vừa túi tham. Nhưng chúng ta đừng quên rằng: “*Nhơn tham tài tắc tử, điều tham thực tắc vong*”. Nghĩa là con người vì ham tiền bạc của cải mà chết, chim vì tham ăn mà mất mạng. Đó là câu nói đầy kinh nghiệm của người xưa. Con người vì tham tiền bạc giàu có mà chết. Có biết bao người bị treo cổ hoặc tử hình, nhẹ hơn thì bị tù tội giam cầm cho đến chết, cũng chỉ vì nghe theo lời xúi giục của con ma tham mà buôn lậu nha phiến. Còn biết bao thực trạng đau khổ ngút ngàn khác, chung quy cũng chỉ vì không thắng nổi bọn ma ái dục này. Phật nói: “*giống như loài cỏ lau gặp cơn hồng thủy*”. Đó là một họa hại không thể lường được.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, có hai đặc điểm đáng đề cho chúng ta lưu ý ghi nhớ lấy đó làm bài học:

Thứ nhất, mặc dù hai anh em đều xuất gia tu hành, nhưng người anh nhờ chuyên tu thiền quán, nên kết quả được giải thoát. Ngược lại, người em, thì lại

chuyên tâm học hỏi, không lo tu hành thiên định, lại dựa vào sở học của mình mà khinh chê coi thường các bậc chân chánh tu hành, nên kết quả bị sa đọa. Như vậy, người tu mà chỉ một bề nghiên cứu nặng phần triết lý, chỉ ham đa văn lý thuyết suông, không chịu thật hành, kết quả không được lợi lạc trong sự nghiệp giải thoát.

Thứ hai, là chuyện của bọn giặc cướp. Bọn họ tuy làm ác, nhưng sau khi thức tỉnh hồi đầu, gặp được bậc thiện tri thức khai thị chỉ giáo, nên bọn họ quyết tâm nguyện vâng giữ năm giới cấm căn bản đạo đức của con người. Dù tất cả đều bị dân làng đuổi giết, nhưng đồng bọn thà chết, chứ không phá giới. Nhờ đó mà họ được sanh lên cõi trời hưởng nhiều phước báo. Ngược lại, thầy Kapila vì tạo nhân ác nên phải chiêu cảm đọa vào địa ngục A tỳ. Mãn kiếp địa ngục liền tái sanh làm con cá vàng mình mấy hồi thúi. Đồng thời, bà mẹ và cô em gái, vì nghe theo lời xúi giục của Kapila kết bè lập phái tạo nhiều nghiệp ác, nên cả hai cũng đều bị đọa vào địa ngục thọ khổ. Đây là bài học cho chúng ta thấy rõ định luật nhân quả không bao giờ sai lệch. Từ đó, ta nên tránh những điều ác mà cố gắng làm những điều lành và luôn giữ tâm ý mình cho trong sạch. Được thế, thì chắc chắn chúng ta sẽ hưởng được những quả báo tốt đẹp trong hiện tại và tương lai. Ngược lại, thì rất là đau khổ.

---o0o---

338. Đốn cây mà chưa đào lấy gốc rễ thì tược vẫn ra hoài, đoạn trừ ái dục mà chưa sạch căn gốc thì khổ não vẫn sanh trở lại mãi.

Just as a tree, though cut down, sprouts up again if its roots remain uncut and firm, even so, until the craving that lies dormant is rooted out, suffering springs up again and again.

Kệ tụng

Đốn cây chưa sạch gốc

Rễ bén vẫn sanh hoài

Ái dục chưa sạch gốc

Khổ não vẫn sanh hoài.

339. Những người có đủ 36 giòng ái dục, họ mạnh mẽ dong ruổi theo dục cảnh chẳng chút ngại ngùng, bởi vậy, người đã có tâm tà kiên, hằng bị những tư tưởng ái dục làm trôi giạt hoài.

The misguided man in whom the thirty-six currents of craving strongly rush toward pleasurable objects, is swept away by the flood of his passionate thoughts.

Kệ tụng

Ba mươi sáu dòng ái

Đẩy người theo dục cảnh

Người có tâm ái dục

Bị dòng ái cuốn băng.

---o0o---

340. Lòng ái dục tuôn chảy khắp nơi như giồng cỏ Man la mọc tràn lan mặt đất. Người hãy xem giồng cỏ đó để dùng tuệ kiếm đoạn hết căn gốc ái dục đi.

Everywhere these currents flow, and the creeper (of craving) sprouts and grows. Seeing that the creeper has sprung up, cut off its roots with wisdom.

Kệ tụng

Dòng ái dục chảy khắp

Như giây leo mọc tràn

Thấy giây leo vừa sanh

Dùng kiếm tuệ đoạn gốc.

341. Người đời thường ưa thích theo ái dục, ưa dong ruổi lạc trần, tuy họ có hướng cầu an lạc mà vẫn bị quanh quẩn trong chốn trầm luân.

Flowing in (from all objects) and watered by craving, feelings of pleasure arise in beings. Bent on pleasures and seeking enjoyment, these men fall prey to birth and decay.

Kệ tụng

Người đời thích ái dục

Ưa dong ruổi lạc trần

Tuy mong cầu hạnh phúc

Nhưng vẫn phải sanh già.

342. Những người trì trệ theo ái dục khác nào thỏ bị sa lưới, càng buộc ràng với phiền não, càng trở lại chịu khổ lâu dài.

Beset by craving, people run about like an entrapped hare. Held fast by mental fetters, they come to suffering again and again and again for a long time.

Kệ tụng

Người bị ràng ái dục

Sợ như thỏ sa lưới

Càng buộc ràng phiền não

Càng chịu khổ lâu dài.

---o0o---

343. Những người trì trệ theo ái dục, khác nào thỏ bị sa lưới. Hàng Tỳ kheo vì cầu vô dục nên phải tự gắng lìa dục.

Beset by craving, people run about like an entrapped hare. Therefore, one who yearns to be passion-free should destroy his own craving.

Kệ tụng

Người bị ràng ái dục

Sợ như thỏ sa lưới

Nên tự gắng lìa dục

Tỳ kheo dục vô cầu.

Lược giảng

Sáu pháp cú trên Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến cốt chuyện con heo nái tơ.

Chuyện kể rằng, một hôm Đức Thế Tôn vào thành Vương xá khát thực gặp một con heo nái tơ. Con heo nái này thường sống lẫn lóc trong đồng phân. Thấy thế, đức Phật mỉm cười và hào quang phát sáng từ răng của Ngài. Tôn giả A Nan liền thưa hỏi lý do, vì sao Phật lại cười? Nhân câu hỏi này, đức Phật liền kể lại câu chuyện tiền kiếp của con heo nái tơ cho Tôn giả A Nan nghe.

Phật nói vào thời đức Phật Kakusandha, con heo nái tơ này là một chị gà ở gần Thiên đường nọ. Nhờ chăm chú nghe âm thanh của một thầy Tỳ kheo khi niệm đề mục thiên quán, mà chị gà thoát kiếp sanh vào cung vua làm công chúa Ubbari.

Trong lúc đi cầu, cô chăm chú quan sát những con dòi lúc nhúc trong đồng phân, tâm liền định tĩnh, vào được Sơ thiên. Mãn kiếp công chúa, cô tái sanh vào dòng dõi Bà la môn. Từ đó, cô lại tạo nhiều nghiệp ác, nên kết quả phải tái sanh làm con heo nái tơ này. Phật nói tiếp, vì biết rõ cảnh huống ấy nên Ta cười.

Trong khi đó, các vị Tỳ kheo khác đi phía sau Tôn giả A Nan, nghe Phật nói thế, các vị rất chạnh lòng xúc cảm. Sau khi tác động tâm tư họ, đức Phật liền giảng giải sự ngu si của tham ái, và rồi Phật nói những pháp cú trên.

Con heo nái tơ về sau trải qua mười ba kiếp tái sinh, khi thì bị đọa làm súc sinh, khi thì được làm người giàu có sang trọng v.v... Có một kiếp cô làm vợ của một vị tể tướng và khi ấy có vị trưởng lão Anula đi ngang qua nhà trông thấy cô bèn bảo các vị Tỳ kheo:

- Đây chư huynh, con heo nái tơ đã trở thành phu nhân ngài Lakuntaka Atimbara, Tể tướng của đức vua, thật lý thú biết bao!

Nghe những lời nói ấy, bỗng nàng nhớ lại hết những tiền kiếp của mình và chứng được Túc mạng thông. Sau đó, nàng bỏ tục xuất gia làm Tỳ kheo ni Pancabalaca và không bao lâu chứng quả A la hán. Bây giờ, cô kể lại đầu đuôi tự sự câu chuyện đã trải qua nhiều kiếp luân hồi của mình cho mọi người nghe. Kể xong, cô khuyên các vị: Xin chư vị mỗi người hãy tự mình chánh niệm tinh tấn đến giải thoát.

Nghe qua câu chuyện và lời khuyên của cô làm tứ chúng vô cùng xúc động. Sau đó, cô nhập Niết bàn. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Pháp cú 338, Phật so sánh sự đoạn trừ ái dục giống như người đốn cây. Muốn cho cây không còn đâm chồi nảy tược nữa, thì chúng ta phải đào bứng lấy cho hết gốc rễ của nó. Nếu còn gốc rễ, thì cây sẽ còn đâm chồi nảy tược hoài. Đoạn trừ ái dục cũng thế. Phải bứng tận gốc rễ của nó, mới mong không còn tái sanh. Nếu còn ái dục dù là một niệm ham muốn nhỏ nhiệm, vẫn còn phải tái

sanh trong vòng sanh tử luân hồi. Thế nên, Phật dạy, muốn không còn tái sanh thọ khổ, thì hành giả phải đoạn trừ tận gốc rễ ái dục.

Pháp cú 339, Phật nói mỗi người chúng ta đều bị ba mươi sáu dòng thác đổ ái dục đang tuôn chảy mạnh mẽ xô đẩy chúng ta đi vào những con đường bất thiện. Con số ba mươi sáu Phật nói ở đây, là để tiêu biểu cho số nhiều, đó chỉ là một ẩn dụ. Kinh điển thường nêu ra gồm có 18 thứ: “*sáu căn, sáu trần và sáu thức*”. Gọi chung là thập bát giới. Thế nhưng ở đây, Phật nêu ra con số ba mươi sáu là nói ái dục chỉ có liên quan đến căn và trần. Sáu căn và sáu trần cộng lại là mười hai rồi đem nhân với ba đời: quá khứ, hiện tại và vị lai, thành ra con số ba mươi sáu. Nếu nói rộng ra, khi căn, trần và thức chúng duyên kết lại với nhau, sẽ tạo thành một năng lượng phân biệt kích thích cho sự thèm khát ham muốn.

Đời sống hiện hữu của chúng ta, luôn bị những dòng thác ái dục này chi phối tất cả. Chúng lôi kéo chúng ta chạy qua nhiều phương hướng khác nhau. Khi mắt chạm xúc với sắc trần, liền khởi phân biệt tốt xấu. Tốt thì ham thích, xấu thì ghét chê. Cả hai đều gây ra cho ta bất an đau khổ. Chính cái sắc trần tốt đẹp vừa ý đó, nó có một sức thu hút mãnh liệt lôi cuốn chúng ta phải chạy theo nó. Có biết bao người chết vì đam mê sắc dục. Sắc nói ở đây gọi chung là vật chất, trong đó dĩ nhiên là có nhan sắc duyên dáng của con người. Có biết bao cặp tình nhân nam nữ ngày nay đã tự tử, chỉ vì không thỏa mãn được lòng khát vọng cao độ của tình yêu. Một khi lòng dục vọng thèm khát lên đến mức cao độ như dòng thác chảy rồi, thì không có một mãnh lực nào có thể ngăn cản nó được. Ngăn cản là có sự kháng cự chống đối mãnh liệt. Đó là hậu quả của biết bao gia đình tan nát con cái ly tán, chỉ vì không đáp ứng đúng theo nhu cầu đòi hỏi sở thích của sắc dục.

Đến như tinh dục hậu quả tai hại của chúng cũng không lường. Thịnh là nói về các thứ âm thanh của các loại âm nhạc. Có biết bao người say mê theo âm nhạc mà quên ăn bỏ ngủ, tán thân mất mạng. Có những người nghe tiếng sáo thổi lạnh lốt du dương của một khúc nhạc trầm buồn tâm sự nào đó, mà người ta rụng rời cả tay chân và rồi sanh bệnh tương tự ngày đêm nhưng nhớ. Trường hợp như câu chuyện giữa chàng Trương Chi và nàng My Nương chẳng hạn. Thuở xưa, có năm trăm vị Tiên nhơn tu luyện ở trong núi Tuyết, chỉ vì nghe tiếng ca của nàng Chân đà la mà mất Thiên định, tâm say mê đắm đuối cuồng loạn.

Chúng ta thử kiểm nghiệm qua năm loại dục: tài, sắc, danh, thực, thù, hay sắc, thịnh, hương, vị, xúc, thì đủ biết tai hại của chúng đến mức độ nào. Luận cho cùng, thì căn và trần, thật ra chúng không có lỗi chi cả, mà lỗi là do ở nơi ý thức tác ý phân biệt. Do thức phân biệt tốt xấu... nên mới sanh tâm thương và ghét. Đó là đầu mối của sự ràng buộc trong vòng sanh tử khổ đau.

Pháp cú 340, Phật nhấn mạnh rõ thêm về tai hại của lòng khao khát ham muốn. Vì lòng ham muốn của con người không có giới hạn, giống như cỏ man la mọc tràn lan mặt đất. Lòng ham muốn của con người chỉ muốn thêm, không bao giờ muốn bớt. Dù là kẻ giàu có nhứt xứ, nhưng lòng họ cũng không bao giờ biết đủ. Kẻ ăn xin nghèo khó khao khát giàu có đã đành, nhưng bạn thử nghĩ các ông hoàng đế thì sao? Các ông này còn khao khát tham vọng của họ đến mức độ nào. Bản chất khao khát ước vọng của hai người chẳng khác gì nhau. Chỉ khác nhau trên hình thức bên ngoài mà thôi. Một kẻ ăn xin nghèo và một kẻ ăn xin giàu. Khi hy vọng mong cầu điều gì đó, người ta lại quên rằng, trong cái hy vọng đó đã ngầm chứa cái thất vọng. Có thất vọng là có buồn khổ. Người nào mong cầu nhiều, thì người đó đau khổ nhiều. Trong kinh thường gọi là cầu bất đắc khổ, một trong tám nỗi thống khổ lớn của con người. Muốn giảm bớt khổ đau, Phật dạy người Phật tử nên hạn chế bớt lòng ham muốn. Cao hơn là phải đoạn trừ tận gốc rễ của chúng. Có thế, thì mới thực sự được an lạc giải thoát vậy.

Pháp cú 341, Phật nói rõ tai hại của người nặng lòng ái dục. Người nặng lòng ái dục thường bám víu chạy theo những ham thích ở nơi sáu trần, dù có tâm hướng cầu an lạc, nhưng rốt lại, họ vẫn bị quanh quẩn trong chốn trầm luân. Qua lời Phật dạy, ngẫm kỹ, trong đời sống của chúng ta sao có quá nhiều mâu thuẫn. Một mặt, khi gặp nghịch cảnh khổ đau tràn ngập, thì lúc đó ta không còn tha thiết gì đến việc hưởng thụ những dục lạc ở đời. Chỉ một bề mong sao thoát khỏi cảnh khổ đau đó càng sớm càng tốt. Nhưng khi qua cơn đau khổ ngặt nghèo rồi, thì ta lại quên đi ý niệm mong được thoát ly. Bấy giờ cái tâm tha thiết giải thoát kia, như không còn có mặt với ta nữa. Ta trở lại nguyên hình với cái tâm tham cầu đắm nhiễm đắm mê ở nơi dục lạc.

Nghe nói đến Niết bàn an lạc hạnh phúc, dập tắt mọi khổ đau thì ta cũng thích. Nhưng sự hưởng thụ những dục lạc ở thế gian thì ta cũng ham. Đó là tâm trạng của con chó chết giữa dòng sông. Người kia nuôi một con chó. Một hôm, ông cùng với nó đi dạo ở bờ sông. Bỗng nó nghe bên kia bờ sông có mùi thịt nướng thơm phứt, nó liền bỏ chủ cắm đầu bơi lội xuống sông định sang bên kia bờ. Nhưng khi nó bơi lội ra giữa dòng sông, thì nó nghe tiếng kêu gọi của ông chủ, nó liền quay đầu lại, định bơi trở về, vì nó không đành bỏ chủ. Vừa quay đầu lại, mùi thơm bên kia lại phất qua nữa, nó lại quay đầu hướng về mùi thơm, định bơi qua bên kia bờ. Cứ như thế, nó quay tới, quay lui, cuối cùng, đuối sức quá nó đành phải chết đuối giữa dòng sông. Tiếng kêu gọi của chủ là dụ cho ân nghĩa đạo đức. Còn mùi thơm là dụ cho ngũ dục lạc và sáu trần. Rốt lại, đạo đức cũng không thành, mà dục lạc cũng không hưởng được. Tâm trạng của chúng ta cũng mâu thuẫn tương tự như thế. Cuối cùng, chúng ta cũng chết đuối giữa dòng sông sanh tử, giống như con chó kia chết đuối giữa dòng sông vật lý không khác.

Pháp cú 342, Phật nêu ra hình ảnh con thỏ bị sa vào lưới, để dụ cho những ai đam mê theo ái dục, cũng giống như thế. Con thỏ một khi đã bị sa vào lưới rồi, thì dù cho nó có muốn vùng vẫy để thoát ra, nhưng không phải thoát được dễ dàng. Chắc chắn là thỏ sẽ bị chết trong tay của người thợ săn. Cũng thế, Phật dạy, hàng Tỷ kheo vì cầu vô dục, nên phải gắng sức xa lìa ái dục. Nếu không, thì cũng chết như thân phận của con thỏ kia không khác. Lửa ái dục một khi đã bốc cháy cao ngọn, thì nó có thể thiêu hủy tất cả. Trước hết là tự thiêu mình trước, rồi sau đó, nó đốt cháy lan lây đến những người khác. Thật là đáng khiếp sợ cho lòng ái dục!

Cứ nhìn vào hiện trạng xã hội hiện tại, ta thấy có biết bao người đã và đang bị sa vào lưới dục vọng ái tình. Nói rộng ra là lưới ngũ dục lục trần. Sự hưởng thụ khoái lạc của xác thân, có lắm người cho rằng, đó là nguồn vui sướng khoái cảm nhất trên đời. Quan niệm này thật là sai lầm. Nặng lời hơn, theo như ông OSHO (tác giả bộ sách “Con Đường Của Phật” do Thích Nữ Trí Hải tuyển dịch), thì cho là quá ngu xuẩn. Chúng ta thử sát nghiệm có đúng như thế không? Hay đó chỉ là một sự trá hình mà chúng ta bị nó lường gạt thật vô cùng đau khổ. Vì lạc thú của thân xác thật là mong manh, vui đó rồi khổ đó. Có biết bao người bị thân tàn ma dại, cũng chỉ vì ham mê mua vui trong chốc lát, mà phải chịu khổ hận suốt cả cuộc đời. Chẳng những khổ mình mà còn làm khổ lây đến những người thân khác.

Sự đam mê chạy theo dục lạc, khác nào như người bị bệnh cùi ngứa ngứa, thích nướng mình trên lò than lửa cháy đỏ rực. Tuy có đã ngứa thật trong chốc lát, nhưng chứng bệnh cùi kia cũng vẫn còn nguyên vẹn, và mỗi ngày căn bệnh lại càng tăng thêm. Nếu không chữa trị tận gốc rễ kịp thời, thì người bệnh khó thoát khỏi lưới hái của tử thân. Cũng thế, nếu không đoạn trừ được cái gốc ái dục, thì chúng ta sẽ mãi mãi trầm luân trong biển sanh tử khổ đau.

Pháp cú 343, Phật lặp lại và nhấn mạnh thêm một lần nữa, người nào muốn xa lìa khổ đau, thì phải mau trừ ái dục. Đặc biệt, Phật dạy người xuất gia, hơn ai hết, cần phải đoạn trừ ái dục. Nếu không thì cũng giống như con thỏ bị sa lưới. Đó là lưới phiền não buộc ràng. Người tu, dù xuất gia hay tại gia, mà không dứt trừ phiền não, thì chắc chắn sẽ không thể nào thoát khỏi nghiệp quả khổ đau. Phật khuyên bảo người xuất gia phải luôn ý thức đến sự sanh tử khổ đau, mà gấp mau nỗ lực đoạn trừ ái dục.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, cho chúng ta một bài học về hiệu năng lực dụng của thiên quán. Con heo nái tở, trong lúc đọa làm kiếp gà, chỉ chăm chú nghe một thầy Tỷ kheo niệm đề mục thiên quán, mà kết quả gà được tái sinh vào cung vua và làm công chúa. Nhờ chăm chú quan sát đám dòi, tâm công chúa được định tĩnh và chứng được Sơ thiên. Sau khi chết, công chúa được sanh vào dòng Bà la môn. Nhưng rất tiếc, do tạo nghiệp ác, nên phải thọ sanh làm

con heo nái tơ. Như vậy, dù tu chứng Sơ thiên, nhưng cũng không lấy gì làm đảm bảo. Một khi tạo nghiệp ác, thì cũng vẫn bị sa đọa như thường. Đó là luật nhân quả rất công bằng. Làm lành được hưởng phước, làm ác bị đọa lạc. Gieo hạt giống nào, thì lên hạt giống nấy, không bao giờ lộn lạo. Không thể gieo hạt ốt mà lên cây cam được.

Trải qua nhiều kiếp tái sinh khổ vui đều có, nhưng cũng nhờ có chút ít phước lành, nên con heo nái tơ có một kiếp tái sinh làm phu nhân của một vị Tể tướng. Tuy sống trong cảnh giàu sang nhung lụa, quyền uy thế lực, nhưng khi nghe được chuyện tiền kiếp lặn lội khổ đau của mình, do một vị Trưởng lão tu chứng kể lại, cô liền thức tỉnh bỏ tục xuất gia. Tu hành không bao lâu, cô chứng được quả A la hán.

---o0o---

344. Người đã lìa dục xuất gia, vui ở chốn sơn lâm, rồi trở về nhà lại; người hãy xem hạng người đó, kẻ đã được mở ra rồi lại tự trói vào.

There is one who, turning away from desire (for household life) takes to the life of the forest (i.e. of a monk). But after being freed from the household, he runs back to it. Behold that man! Though freed, he runs back to that very bondage!

Kệ tụng

Người lìa dục xuất gia

Sống vui trong rừng thẳm

Nay chạy ngược về nhà

Nên xem người như vậy

Được thoát, lại tự ràng.

Lược giảng

Pháp cú này, Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến một thầy Tỳ kheo hoàn tục.

Theo truyện tích, có một thầy Tỳ kheo vốn là đồ đệ của Trưởng lão Đại ca điếp. Nhờ tinh tấn tu tập, nên thầy đã đạt được Tứ thiên. Một hôm, thầy đến nhà của ông chú chơi, ông này hành nghề thợ bạc. Do trông thấy nhiều đồ trang sức quý giá, thầy động lòng tham luyến, nên từ bỏ tu hạnh xuất gia.

Sau khi hoàn tục về nhà, thầy ăn không ngồi rồi, nên bị đuổi ra khỏi nhà. Từ đó, thầy giao du với những bạn xấu ác chuyên hành nghề cướp bóc. Thầy bị bắt và bị tra tấn hành hình rất đau khổ. Thầy bị trói chặt và dẫn đi hành quyết. Bất thần, thầy gặp lại sư phụ. Sư phụ liền dùng thần lực làm cho dây trói lỏng đi và bảo thầy:

- Ông hãy quán tưởng lại đề mục thiền định như đã từng làm.

Vâng lời Sư phụ dạy, thầy liền nhập định Tứ thiền. Dù thầy đã bị bọn lính hành hạ đủ mọi cách hung bạo, nhưng thầy không chút tỏ ra run sợ. Thầy rất bình tĩnh trước mọi áp lực. Thấy thế, bọn lính rất kinh ngạc, thán phục và rồi bọn chúng tâu lên vua. Sau khi nghe thuật lại mọi việc, nhà vua ra lệnh thả thầy tự do.

Thấy việc xảy ra lạ lùng, bọn chúng kéo nhau đến bạch trình với đức Phật. Đức Phật phóng quang và phân thân đến pháp trường nói kệ. Nhân nghe pháp âm Phật nói, thầy liền khởi quán tưởng đề mục sanh tử, thấu rõ ngã không và đắc quả Dự lưu. Và sau cùng thầy chứng quả A la hán. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Pháp cú trên, nhân chuyện xảy ra của một thầy Tỳ kheo hoàn tục, nên Phật dạy chung cho tất cả những vị xuất gia. Tuy đã xuất gia, nhưng tâm tham dục luyện ái vẫn còn, nên khi thấy những món đồ trang sức chung bày ở nhà của người chủ làm thợ bạc, thì lửa tham dục của thầy bốc cháy lên dữ dội. Do không chế ngự được lòng ham muốn, nên thầy từ bỏ đời sống cao đẹp phạm hạnh xuất thế. Thầy trở về với đời sống của người thế tục. Tuy tu hành chứng được Tứ thiền, (loại thiền của phàm phu, vẫn còn trong vòng sanh tử tam giới), nhưng không lấy gì làm đảm bảo. Sau khi trở về nhà, thầy lại bị cuốn hút vào con đường tội lỗi, trở thành một kẻ đạo tặc hành nghề cướp bóc. Thầy sống trên sự đau khổ nước mắt của người khác. Nhân nào quả nấy, cuối cùng, thầy bị sa vào lưới pháp luật. Dù vậy, nhưng thầy nhờ có một vị Sư phụ, đạo lực cao thâm, biết rõ căn cảnh của thầy, nên cứu thoát được thầy thoát khỏi ngục hình tử tội.

Nhờ tập quán công năng của thiền định; nhờ sự thức nhắc của một bậc Đại thiện tri thức, người mà xưa kia thầy đã hết lòng tin tưởng, nên thầy an trụ vào Tứ thiền, quên hết mọi cảnh vật chung quanh, lúc đó, dù thầy đã bị bọn lính hành hạ đủ mọi cách hung bạo, nhưng thầy hoàn toàn không lộ ra một chút lo âu sợ hãi. Thế mới biết, sức mạnh của thiền định như thế nào. Đó chỉ là cái định của phàm phu thôi, mà còn có hiệu quả mạnh mẽ như thế. Nói chi đến những loại thiền định của các bậc A la hán, Bồ tát hay Phật.

Qua đó, chúng ta thấy tập khí của ái dục rất sâu nặng. Đối với người xuất gia chúng ta, cần phải nỗ lực đề phòng cẩn trọng những thứ tập khí trong tâm ta. Đối với người tu, dù xuất gia hay tại gia, Phật dạy, chúng ta đều phải luôn luôn

tỉnh thức. Có tỉnh thức, chánh niệm, chánh quán, chúng ta mới có thể làm chủ được mình phần nào. Nếu không, thì chúng ta là những kẻ hoàn toàn làm nô lệ cho những thứ dục vọng phiền não sai sử. Đã thế, thì không sao tránh khỏi sự sa đọa khổ đau.

---o0o---

345. Đối với người trí, sự trói buộc bằng dây gai, bằng cây, bằng sắt chưa phải kiên cố, chỉ có lòng luyến ái vợ con, tài sản mới thật là sự trói buộc chắc bền.

345-346 That is not a strong fetter, the wise say, which is made of iron, wood or hemp. But the infatuation and longing for jewels and ornaments, children and wives – that, they say, is a far stronger fetter, which pulls one downward and, though seemingly loose, is hard to remove. This, too, the wise cut off. Giving up sensual pleasure, and without any longing, they renounce the world.

Kệ tụng

Sắt, dây gai trói buộc

Người trí xem chưa chắc

Tham châu báu vợ con

Trói buộc mới thật bền.

346. Những kẻ dắt người vào sa đọa, là như sự trói buộc chắc bền, nó hình như khoan dung hòa hoãn mà thật khó lòng thoát ra. Hãy đoạn trừ dưng dính mắc, lìa dục mà xuất gia.

Kệ tụng

Người có trí nói rằng:

“Trói buộc này rất chắc”

Rì kéo xuống, mềm mỏng

Nhưng thật sự khó thoát

Người trí cắt trừ nó

Bỏ dục lạc, không màng.

Lược giảng

Hai pháp cú trên, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến ngôi nhà tù.

Một hôm, các tội phạm bị dẫn đến trước vua Ba tư nặc. Bọn họ phạm nhiều trọng tội như: trộm cướp, giết người, hiếp dâm v.v... Những tội nhân này đều bị trói chặt. Các thầy Tỷ kheo nhân trông thấy bọn tội phạm bị hành hạ tra tấn trong nhà tù, các thầy liền kéo nhau đến bạch trình thưa hỏi đức Phật.

Sau khi trình bày qua sự chứng kiến tận mắt về những tội nhân bị trói bằng gông, dây thừng, dây xích, thật là đau khổ, các ngài thắc mắc hỏi đức Phật, không biết có thứ gì trói buộc bền chắc hơn nữa không? Nhân câu hỏi này, Phật cho biết, những loại dây đó không có gì bền chắc, chỉ có những dây tham ái, si mê, mới là những thứ dây gông cùm trói buộc siết chặt chúng sanh chịu đau khổ lăm tang thương hệ lụy trải qua nhiều đời. Phật lại nói tiếp, tuy những sợi dây đó, nó có sức mạnh trói buộc gấp trăm ngàn lần hơn những thứ dây mà các ông thấy, nhưng đối với những bậc hiền trí, người ta cũng có thể cởi bỏ nó được dễ dàng.

Đức Phật kể chuyện quá khứ của Ngài. Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì ở Ba la nại, Ngài là một con trai của một gia đình nghèo khổ. Lớn lên, cha chết, Ngài phải đi làm thuê nuôi mẹ. Sau khi lập gia đình, mẹ mất, vợ chàng mang thai đứa con đầu lòng, nhưng chàng không hề hay biết. Một hôm, chàng nói với vợ là chàng muốn đi tu. Người vợ mới nói thật là mình đã có thai và xin chàng ở lại. Sau khi sanh con, chàng thực hiện ý định cũng không muốn. Sau khi sanh, chàng nói với vợ, bây giờ hãy để cho anh đi. Nhưng người vợ lại xin chàng ở nán lại chờ khi con dứt sữa hãy đi. Trong thời gian chờ đợi, người vợ lại có thai đứa con thứ hai.

Bây giờ, chàng tự nghĩ, nếu tình trạng kéo dài như thế này, thì biết bao giờ chàng mới thực hiện được ý định. Chỉ còn có cách là phải bỏ trốn đi thôi. Thế là, chàng bỏ nhà trốn đi vào giữa đêm, không một lời từ giã. Dù bị lính gác bắt giữ, nhưng sau cùng chàng cũng được toại nguyện.

Chàng lên núi Hy mã Lạp sơn sống đời ẩn sĩ. Không bao lâu, chàng đắc thân thông và những quả vị cao hơn. Chàng thầm nghĩ: “Ta đã bứt tung được sợi dây trói thật quá ư bền chắc, sợi dây tham dục xấu xa, sợi dây của lòng luyến ái vợ con”.

Kể xong chuyện quá khứ, đức Phật liền nói kệ để làm rõ nghĩa bài kệ của nhà ẩn sĩ. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Hai pháp cú trên, Phật nói rõ về sự ân ái quyến luyến trong tình gia đình vợ con. Phật cho rằng, đối với người trí, thì mọi thứ dây trên đời, không có dây nào trói buộc bền chắc cho bằng sợi dây ân ái. Đây là sợi dây tuy vô hình, nhưng nó có một sức mạnh trói chặt mãnh liệt. Ngoài sự luyến ái vợ con ra, người ta còn luyến ái của cải tài sản. Chính những thứ này, nó trói buộc chặt con người từ đời này sang đời khác. Hiểu được ý này, nên dân gian có câu nói: “Tu là cội phúc, tình là dây oan”. Sợi dây oan gia này mới đáng ghê sợ. Tuy biết là dây oan, nhưng nhìn lại, có mấy ai thoát khỏi sợi dây này. Thật là sông mê bể ái nghìn trùng. Xưa nay, sóng tình đã nhận chìm không biết bao anh hùng cái thế. Người ta có thể diêu vũ dương oai, hò hét khét tiếng vang dậy khắp trong thiên hạ, nhưng bản thân họ thật sự lại rất yếu mềm hơn con bún thiêu trước sắc đẹp của mỹ nhân.

Thử nhìn lại, các ông vua, ông chúa, những ông tai to mặt lớn, đi đâu cũng được người ta tiền hô hậu ủng, oai phong lẫm liệt, mọi người trông thấy đều phải khúm núm sợ hãi trước oai quyền thế lực, nhưng cuối cùng, cuộc đời của các ông đó ra sao? Có phải phần lớn đều phải tán thân mất mạng, sự nghiệp tiêu tan, chỉ vì không qua khỏi cửa ải của mỹ nhân không?!

Người xưa có nói: “mưa không phải là cái khóa bằng sắt, mà nó có thể giữ lại người. Sắc đẹp không phải là sóng to, nhưng nó có khả năng nhận chìm con người. Xưa nay, có biết bao anh hùng đều chết vì nó, và có cả hàng trăm ngàn người đều phải bị sa vào hàm hố này”. (*Vũ vô thiết tỏa năng lưu khách, sắc bất ba đào dị nịch nhân, thiên cổ anh hùng giai tạ thử, bá thiên đồng tác tự khanh trần*).

Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, có một bài kinh Phật nói về sự ân ái quyến luyến của tình thâm tử. Phật dạy rằng: “*Người bị ràng buộc bởi vợ con, nhà cửa còn quá hơn lao ngục, lao ngục còn có thời kỳ phóng thích, vợ con không có một ý niệm xa lìa. Một khi tâm thích về sắc đẹp, thì đâu còn sợ gì đến sự gian nguy. Dầu cho có sự hoạn họa nơi miệng hùm, lòng cũng đành chịu. Vì tự đắm mình nơi lây lội, gọi là phạm phu, nếu hiểu được lẽ ấy, chính là bực xuất trần La hán*”. (Chương 23, giáo sư Thích Hoàn Quan dịch).

Câu chuyện lược dẫn trên, Phật kể cho chúng ta biết về chuyện quá khứ của Ngài. Dù đôi lần muốn thoát ly, nhưng sự dứt khoát ra đi của Ngài quả là một vấn đề nan giải. Nhưng cuối cùng, Ngài cũng vẫn thực hiện được ý nguyện. Đó là nhờ căn lành tròng sâu trong nhiều đời, nên Ngài mới có được một ý chí cương quyết dứt khoát mãnh liệt. Nhờ đó, Ngài mới có thể cắt đứt sợi dây ái tình thâm tử ràng buộc.

347. Những người say đắm theo dục, tự lao mình trong lưới buộc như nhện giăng tơ. Ai dứt được sự buộc ràng không còn dính mắc nữa, thì sẽ xa mọi thống khổ để ngao du tự tại.

Those who are lust-infatuated fall back into the swirling current (of samsara) like a spider on its self-spun web. This, too, the wise cut off. Without any longing, they abandon all suffering and renounce the world.

Kệ tụng

Người đắm say ái dục

Tự lao mình xuống dòng

Như nhện sa lưới dệt

Người trí cắt trìn nó

Bỏ thống khổ, không màng.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến câu chuyện của bà hoàng hậu Khema, vợ của vua Tần bà sa la.

Bà Khema là người có nhan sắc tuyệt đẹp, do đó, nên bà rất tự kiêu tự hào về nhan sắc của mình. Sở dĩ được thế, là nhờ bà khéo biết tu hạnh nhẫn nhục và có lòng nguyện dưới chân đức Phật Padumuttara. Do lòng kiêu hãnh, nên bà không muốn gặp Phật, vì bà thường nghe người ta nói Phật hay quở trách về sắc đẹp. Nhà vua, vì muốn thức tỉnh bà, nên ông cho người sáng tác bản nhạc tán thán Trúc Lâm. Vua ra lệnh cho các nghệ sĩ hát bài ca ấy khắp nơi.

Nghe qua bài hát, bà rất ngạc nhiên và muốn biết về Trúc Lâm. Bà hỏi thăm các nghệ sĩ chỉ khu rừng Trúc cho bà. Thế là bà tìm đến. Khi đến, trong lúc Phật đang thuyết pháp và biết ý bà, nên Phật dùng thần lực hóa hiện một cô gái tuyệt đẹp cầm quạt hầu Phật.

Thấy thế, bà rất ngạc nhiên, tại sao có một cô gái quá đẹp như thế? So với nhan sắc của ta, thì nhan sắc của cô gái hơn ta gấp trăm ngàn lần. Bà tự hỏi, tại sao Phật thường chê trách sắc đẹp mà hôm nay Ngài lại cho một cô gái đẹp đứng hầu bên Ngài. Bà tự nghĩ, chắc chắn những gì mà người ta nói về đức Phật chê bai sắc đẹp không được đúng lắm.

Bà luôn để mắt chăm chú nhìn người con gái đó, mà không quan tâm gì đến lời Phật giảng. Biết thế, Phật liền biến người con gái đẹp kiêu diễm kia

thành bà già lụ khụ, rồi cuối cùng chỉ còn là một bộ da bọc xương. Thấy thế, bà liền thức tỉnh về sự tàn phai và hoại diệt của nhan sắc thật rất nhanh chóng. Quả thân này không thật chút nào!

Biết được ý nghĩ của bà, Phật liền bảo:

-Khema, bà nghĩ một cách sai lầm rằng sắc đẹp thể chất là có thật. Bà hãy xem cái không thật của nó kia. Phật liền nói kệ:

Bà Khema có thấy

Mớ duyên hợp kia không?

Đầy bệnh hoạn thối ung

Đồ bất tịnh dơ xấu

Từng phút giây rĩ chảy

Chỉ những kẻ ngu si

Mới đắm say thứ ấy.

Nghe xong, hoàng hậu Khema đắc quả Dự lưu, đức Phật bảo bà:

- “Này Khema, chúng sanh trong thế gian này đắm say ái dục, bị lòng sân hận làm hư hỏng, bị ngu si đánh lừa, do đó dính chặt trong dòng sông tham ái, không thể vượt thoát ra nổi”.

Khi bài pháp kết thúc, bà đắc quả A la hán và cả hội chúng đều được lợi lạc. Về sau bà xuất gia trở thành một trong những Trưởng lão ni xuất sắc của Tăng đoàn đức Phật. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Kinh Tứ Thập Nhị Chương, có một bài kinh Phật nói: “*Người say đắm ái dục khác nào như kẻ cầm đuốc đi ngược gió, tất không thể nào tránh khỏi nạn cháy tay*”. Có biết bao người lâm vào khổ cảnh của nạn cháy tay này. Biết thế, nhưng con người vẫn thích đùa giỡn với cây đuốc ái dục. Khi nào bị cháy tay thiêu hủy tàn hại thân thể rồi, thì chừng đó người ta mới giật mình ăn năn hối hận. Song rất tiếc, sự ăn năn đó đã quá muộn màng rồi! Chi bằng tránh cái nhân cầm đuốc đi ngược gió, thì làm gì có cái quả khổ nạn cháy tay. Không phải cháy tay trong hiện đời này thôi, mà nó còn kéo dài triền miên trong nhiều đời đau khổ nữa. Đó là hậu quả của những người say đắm đam mê theo sắc dục. Thực sự, họ không một chút tỉnh giác hồi đầu. Khác nào như con nhện tự sa vào lưới. Nhện giăng tơ dệt ra, rồi chính nó lại bị mắc kẹt trong đó. Dính kẹt một cách rất đau thương không còn cơ may vùng vẫy. Cũng thế, sắc dục do con người ham

muốn gây ra, và rồi cũng chính con người tự hủy diệt đời mình. Không ai gây ra đau khổ cho mình, mà chính mình tự gây và tự chuốc lấy họa hại vào mình mà thôi. Khác nào như sắt sanh ra sét và chính chất sét trở lại phá hoại làm tiêu hủy hình hài của sắt.

Chuyện lược dẫn trên, khá khen cho bà hoàng hậu Khema. Nhìn thấy sự biến đổi vô thường nhanh chóng của nhan sắc, bà tự thức tỉnh giác ngộ ngay. Lòng kiêu hãnh, tự hào về sắc đẹp của bà, chỉ trong phút chốc đã tan biến hết. Mình đẹp có người đẹp hơn. Đời tương đối là thế. Có gì mà phải đắc ý kiêu hãnh. Nhưng cái đẹp của nhan sắc sao bằng cái đẹp của tấm lòng. Người có nhan sắc tuyệt trần, chim sa cá lặn, mà lòng dạ độc ác còn hơn quỷ Dạ xoa, thì cũng không ai thèm ưa thích. Bởi cái nét đánh chết cái đẹp kia mà. Nhưng ở đời người ta chỉ thích chuộng cái đẹp dáng vẻ bề ngoài, không mấy ai thấy được cái đẹp bên trong. Dù đẹp đến cỡ nào đi chăng nữa, cũng có ngày phải héo úa tàn phai!

Ở đây, ta thấy bà hoàng hậu Khema, đã thực sự hồi tâm tỉnh giác. Cuối cùng, bà đã xuất gia và trở thành một Trưởng lão ni gương mẫu. Đó là bài học cảnh tỉnh cho những ai còn quá coi trọng nhan sắc. Chính vì quá coi trọng nhan sắc mà gây lắm điều khổ hại cho mình và người. Chúng ta nên nhớ rằng, sắc đẹp ngoại diện chỉ là hào nhoáng giả dối và bất tịnh. Chúng không qua mắt lừa đảo phỉnh gạt được người có trí. Phật nói, chỉ có những kẻ ngu si mới bị chúng lường gạt đau khổ mà thôi. Quả thật, càng ham mê sắc đẹp, con người càng lao mình vào ngục tù đau khổ. Khác nào như con phù du đâm đầu vào ánh sáng để tự hủy diệt vậy.

---o0o---

348. Bỏ quá khứ, hiện tại, vị lai mà vượt qua bờ kia; tâm đã giải thoát tất cả, thì không còn bị sanh già trở lại.

Let go of the past, let go of the future, let go of the present, and cross over to the farther shore of existence. With mind wholly liberated, you shall come no more to birth and death.

Kệ tụng

Bỏ quá, hiện, vị lai

Đến bờ kia cuộc đời

Tâm giải thoát tất cả

Không còn bị sanh già.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc lâm, có liên quan đến câu chuyện của Uggasena.

Theo truyện tích, có một đoàn xiếc đến trình diễn bảy ngày tại thành Vương xá. Nhà vua và nhiều khán giả đến xem họ biểu diễn. Bọn họ được mọi người tán thưởng và hiến tặng quà cáp, tiền, vàng rất nhiều.

Trong đoàn có cô gái vừa có nhan sắc đẹp lại vừa biểu diễn rất hay, làm cho chàng trai con của ông chường khổ nhìn say mê đắm đuối và sau khi về nhà chàng nói: “nếu cưới được nàng ấy, thì chàng mới sống, còn không thì chết cho xong”. Từ đó, chàng ta nhớ nhung nàng quá độ đến đổi bỏ ăn mất ngủ. Ba mẹ chàng thấy thế, hết lời khuyên nhủ, nhưng chàng vẫn một mặt khư khư đòi tự tử, nếu không cưới được nàng ta. Thấy con quá đau khổ vì tình yêu, người cha đành phải chiều theo ý con bằng cách dùng tiền lo lót cho ông chủ đoàn xiếc, tức ba của cô gái để ông ta đưa người con gái đến gặp mặt con trai quý của ông. Ông chủ đoàn xiếc từ chối và ông ta đưa ra một điều kiện là, người con trai đó phải đi theo đoàn xiếc, thì ông mới gả con gái cho. Vì muốn được sống chung với người mình yêu, nên chàng ta đành phải chấp nhận gia nhập đoàn xiếc.

Sau khi cưới xong, chàng ta cùng đoàn xiếc đi biểu diễn khắp nơi. Chẳng bao lâu, cô vợ sanh một đứa con trai. Những lúc đùa giỡn với con, nàng ta có ý dùng lời châm biếm mỉa mai người chồng, bằng những câu nói khó nghe. Chàng ta hiểu ý, chạm lòng tự ái, nên chàng nói, nếu nàng còn nói bóng gió chê bai như thế, thì chàng quyết định bỏ nàng. Người vợ ỷ vào tài năng diễn xuất của mình, nên nàng tỏ ra bất cần chàng. Thấy vợ có vẻ kiêu ngạo khinh mình, chàng ta quyết định sẽ học làm xiếc. Chàng học với cha vợ thời gian không bao lâu, chàng ta trở thành người diễn xuất rất giỏi, được khán giả hoan nghinh ủng hộ nhiệt liệt.

Một hôm đoàn xiếc trở về biểu diễn ở thành Vương xá, chàng Uggasena trèo lên đầu cây cột cao ba chục mét và đứng lơ lửng trên đầu sào.

Hôm ấy, Đức Phật quán sát và muốn độ chàng, nên Phật nói bốn câu kệ. Nghe xong, chàng Uggasena liền đắc quả A la hán.

Hôm sau, đức Phật và các Tỳ kheo vào thành Vương xá khát thực, đến chỗ biểu diễn, mọi người trông thấy Phật, tất cả đều để ý chăm chú nhìn Phật, không còn ai để ý đến việc biểu diễn của Uggasena nữa. Chàng ta buồn tủi và vô cùng thất vọng. Chàng tự nhủ thầm, ta phải mất một năm luyện tập mới được thế này. Thế mà mọi người khi nhìn thấy đức Phật, không còn ai chú ý đến tài nghệ biểu diễn của ta. Thật là quá đau lòng! Vì hiểu được ý nghĩ tâm tư của chàng, nên Phật sai bảo Trưởng lão Mục Kiền Liên:

- Ông hãy đến bảo con viên chương khổ ta muốn xem chàng biểu diễn tài nghệ.

Nghe thế, chàng ta rất mừng và liền biểu diễn cho Phật và mọi người xem. Đức Phật bảo:

- *Này Uggasena, người trí phải biết cởi bỏ buộc ràng của thân ngũ uẩn trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Như vậy, người ấy mới thoát được sanh, già, bệnh, chết. Sau khi nghe Phật dạy, mọi người đều được pháp nhãn thanh tịnh.* (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Pháp cú trên, đức Phật bảo chúng ta muốn thoát ly sanh, già, bệnh, chết, bốn nỗi thống khổ lớn của con người, thì phải mau quán chiếu xả ly ngũ uẩn. Sở dĩ ta đau khổ, vì ta còn quá coi trọng ngũ uẩn. Ngũ uẩn là do kết hợp bởi năm yếu tố: sắc, thọ, tưởng, hành và thức mà thành thân tâm. Như vậy, mạng sống của ta là do duyên hợp. Dù điều kiện tương hợp, thì còn sinh tồn, khi thiếu một điều kiện nào đó, thì thân xác ta tan rã. Năm yếu tố trên, tóm gọn cho dễ nhận hiểu là: “vật chất và tinh thần”. Vật chất thuộc về tứ đại: đất, nước, gió, lửa. Tinh thần, là do bốn thứ: thọ, tưởng, hành và thức kết hợp. Phân tích ra từng yếu tố, ta thấy không có gì là mình, nên nói là vô ngã. Nghĩa là không có cái ta chân thật. Như vậy, cái mà ta gọi là mình hay tôi, ta, đó chẳng qua là tên gọi giả danh, rỗng tuếch mà thôi. Thực chất thì không có cái gì là cái ta cả. Cho nên, Kinh Bát Nhã nói: “Ngũ uẩn giai không là thế”. Nếu người nào hằng quán sát khế nhận tường tận như thế, thì Phật nói, người ấy sẽ vượt qua mọi khổ nạn. Ngược lại, thì khổ nạn dài dài, bởi do vọng chấp cho cái giả ngã là thật.

Sanh, già, bệnh, chết, suy cho cùng cũng chỉ vì có cái thân xác này. Đó là trạng thái biến dịch, vô thường, hoại diệt. Sinh, trụ, dị, diệt, là một chu kỳ thay đổi bất cứ một vật thể nào cũng đều phải nằm trong cái nguyên tắc căn bản của định luật đó. Còn luyến ái chấp chặt vào cái sắc thân ngũ uẩn, tất nhiên, ta còn phải đi lang thang trong tam giới khổ đau. Tất nhiên còn phải thọ thân qua ba thời gian: quá khứ, hiện tại, và vị lai, nếu như ta còn thấy thân tâm và vạn pháp là thật. Chính cái thấy thật này, đó là tà kiến, là tạo nghiệp, là thọ mạng trôi nổi trong biển sanh tử khổ đau mãi. Và tất nhiên, là ta sẽ cảm thọ những cái bất như ý của cái thân tâm giả hợp này.

Câu chuyện lược dẫn trên, cho ta một vài bài học đáng nhớ:

1. Duyên nợ khó tránh. Chàng trai Uggasena lần đầu gặp người con gái trong đoàn xiếc, tiếng sét ái tình đã nổ tung rung động trong trái tim chàng. Chàng đau tương tư quên ăn bỏ ngủ. Nhứt quyết phải cưới cho được nàng. Và mối si tình đó của chàng đã được toại nguyện. Âu đó cũng là do duyên nghiệp nhiều đời trong quá khứ.

2. Khích lệ người chồng. Sau khi hai người sống chung có con, nàng muốn cho chàng có tương lai sự nghiệp, nên trong lúc đùa giỡn với con, nàng nói những lời khó nghe để đánh mạnh vào lòng tự trọng, tự ái của chàng. Kết quả, người chồng đã chịu học hỏi và đã thành tài.

3. Nhân duyên khó lường. Biết rõ căn duyên của chàng Uggasena đã đến lúc chín muồi cần hóa độ, nên đức Phật hiện thân đến nói kệ và chàng ta nghe xong đã đắc quả A la hán. Thật là căn duyên của mỗi người khó mà đoán định. Chỉ có đức Phật mới thấu rõ mà thôi. Điều đó cho ta nhớ là chớ nên khinh thường ai. Vì duyên lành sâu dày của mỗi người không ai biết được. Mỗi người đều sẵn có chủng nhân Phật tánh.

4. Phá vỡ ngôi nhà ngũ uẩn. Muốn giải thoát sanh tử khổ đau, Phật dạy chúng ta phải cởi bỏ sự ràng buộc của ngũ uẩn. Vì chính ngũ uẩn là ngôi nhà giam hãm chúng ta trải qua nhiều đời, nay ta cần phải phá vỡ ngôi nhà này mới mong giải thoát.

---o0o---

349. Những kẻ bị tư tưởng xấu ác làm tao loạn, thường cầu mong dục lạc thật nhiều. Mong dục lạc tăng nhiều là tự trói mình càng thêm chắc chắn.

For a person tormented by evil thoughts, who is passion dominated and given to the pursuit of pleasure, his craving steadily grows. He makes the fetter strong indeed.

Kệ tụng

Người ác ý giao loạn

Tham dục nặng, lạc cầu

Ái tất phải tăng trưởng

Tự trói chặt thân mình.

350. Muốn lìa xa ác tướng hãy thường nghĩ tới bất tịnh. Hãy trừ hết ái dục, đừng để ác ma buộc ràng.

He who delights in subduing evil thoughts, who meditates on the impurities and is ever mindful – it is he who will make an end of craving and rend asunder Mara's fetter.

Kệ tụng

Ai vui lia ác tưởng

Quán bất tịnh, chánh niệm

Người ấy sẽ diệt ái

Cắt hẳn với ma vương.

Lược giảng

Hai pháp cú trên Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến câu chuyện của thầy Tỳ kheo trẻ tên Culla Dhanuggaha Pandita, có nghĩa là chàng xạ thủ tài ba.

Theo truyện tích, một hôm, có một thầy Tỳ kheo trẻ sau khi khát thực về, thấy hết nước uống, thầy liền đến nhà Đàn việt xin. Trong nhà có cô gái trẻ. Cô này vừa trông thấy thầy, cô liền khởi tâm luyến ái, cô nói:

- Bạch Đại đức, khi nào cần nước uống, xin ngài trở lại đây chớ đừng đi nơi khác. Từ đó, thầy Tỳ kheo thường đến nhà cô ta và được cô ta cúng dường thức ăn đủ mọi thứ. Đó là cái cớ để cho cô ta dễ lân la trò chuyện. Sau vài lần chuyện trò thân mật cởi mở, thầy Tỳ kheo có ý muốn hoàn tục cưới cô. Bây giờ, thầy rơi vào tình cảnh phiền muộn tán thối lương nan. Một mặt, thì vẫn còn muốn tiếp tục tu hành; mặt khác, thì cảm thấy chán nản cho việc tu hành ép mình kham khổ. Ý nghĩ của thầy rất là mâu thuẫn, không dứt khoát. Các thầy Tỳ kheo khác thấy thế, mới trình lên thầy Giáo thọ. Thầy Giáo thọ đến trình bày với đức Phật. Đức Phật liền quở trách thầy Tỳ kheo đó. Phật nói, người xuất gia lẽ ra phải luôn sống trong an lạc giải thoát, tại sao thầy lại để cho phiền não sai sử hoành hành, khiến cho thầy phải sống trong bức bách đau khổ. Ông thật là có lỗi lớn. Nhân đó, Phật lại kể tiếp câu chuyện quá khứ giữa hai người.

Phật nói, một thuở xa xưa, Culla Dhanuggaha là chàng trai có tên Xạ Thủ Tài Ba. Do tài nghệ bắn cung tên giỏi, nên chàng được vị thầy mà chàng theo học gả con gái cho chàng. Có một hôm, tại thành Ba la nại chàng dùng năm mươi mũi tên đã giết năm mươi tên cướp. Hết tên, chàng túm lấy đầu một tên cướp và kêu vợ đưa kiếm cho chàng. Vừa thấy tên cướp, vợ chàng say mê đắm đuối và trao kiếm cho tên cướp. Tên cướp sau khi giết chàng Xạ Thủ, liền dẫn cô đi theo. Nhưng không bao lâu, tên cướp bỏ rơi nàng, vì sợ nàng cũng giết chàng như nàng đã giết người chồng của nàng...

Thấy người đàn bà thay lòng đổi dạ chẳng những không chung tình với chồng, mà còn mượn tay người khác giết chồng, nên trời Đế Thích liền hóa hiện xuống để trêu chọc cho nàng phải xấu hổ. Khi hiện xuống, trời Đế Thích có mang theo người đánh xe và viên nhạc thần. Trời Đế Thích hóa thành con chó

rừng, người đánh xe hóa thân con cá và nhạc thần hóa làm con chim. Cả ba đều trêu chọc người đàn bà, bằng những lời lẽ mỉa mai châm biếm. Người đàn bà cảm thấy bị nhục và vô cùng xấu hổ.

Kể xong câu chuyện, đức Phật kết luận: kiếp ấy, ông là chàng xạ thủ trẻ, người đàn bà kia là cô gái cho uống nước đó. Vua Đê Thích chính là ta. Cô kia chỉ mới thấy tên cướp đã mê mết, giết chết chàng trai tài giỏi nhất Ấn Độ. Nay Tỳ kheo, ông hãy nhớ hết gốc rễ lòng tham ái trong ông đối với người đàn bà này. Khuyên răn xong, Phật liền nói hai pháp cú trên. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Pháp cú 349, Phật dạy: *“những kẻ bị tư tưởng xấu ác làm tao loạn, thường cầu mong dục lạc thật nhiều”*. Như đã nói, tất cả sự ham muốn của con người đều do từ tư tưởng sanh ra. Trong tâm thức của mỗi người chúng ta đều sẵn có tiềm tàng hai loại hạt giống thiện và bất thiện. Hai loại hạt giống này đều có khả năng hướng dục. Nếu nó khởi dục thiện, thì lời nói và hành động của chúng ta theo chiều hướng thiện, mà làm nhiều điều lợi ích cho mọi người. Ngược lại, khi nó khởi dục ác, thì lời nói và hành động của ta sẽ gây ra bao tai họa khổ đau cho người khác. Người biết tu, Phật dạy chúng ta nên luôn luôn nuôi dưỡng chăm sóc và làm tăng trưởng dục thiện. Đồng thời phải thường xuyên quán chiếu phá trừ dục ác. Tư tưởng của con người dụ như ông vua (tâm vương). Đã là vua, tất nhiên, ông vua nào cũng có cái uy quyền tột đỉnh và tham vọng rất lớn. Mọi việc trị nước đều do vua quyết định. Tuy nhiên, làm vua cũng có ông vua nhân từ đức hạnh và cũng có ông vua bạo ác u mê. Nếu là bậc minh quân trị nước, thì thần dân sẽ được an ổn, nước nhà thái bình thanh trị. Ngược lại, nếu là bậc hôn quân vô đạo trị nước, thì thần dân rối loạn, nước nhà sẽ lâm nguy, giặc giã nổi lên chống đối mãnh liệt không lúc nào an ổn.

Đất tâm của con người cũng thế, tất cả đều do tư tưởng con người chỉ đạo. Nếu tư tưởng hiền lương sáng suốt (dụ như minh quân), thì nó ra lệnh cho thân và miệng (dụ như các vị cận thần) làm nhiều điều lợi ích cho chúng sinh. Ngược lại, thì sẽ gieo rắc gây ra bao thảm họa tang thương khổ đau cho muôn loài húng chịu. Những hôn quân bạo ác, chắc chắn sẽ không tồn tại lâu dài, vì chính những tư tưởng xấu ác đó nó sẽ tự hủy hoại tiêu diệt họ. Như sắt sanh ra sét, và chính chất sét đó sẽ trở lại làm tiêu hình của sắt. Cũng thế, những tư tưởng xấu ác nó sẽ phá hại chúng ta, làm cho chúng ta phải bị trầm luân sa đọa. Chẳng những sa đọa trong hiện đời, mà chúng ta còn phải bị đọa lạc trầm luân trong nhiều kiếp nữa. Con người vì có quá nhiều tham vọng, say mê theo dục lạc không dừng, nên bị nó luôn luôn trói buộc siết chặt người ta trong đau khổ. Do đó, nên Phật nói: *“Mong dục lạc tăng nhiều là tự trói mình càng thêm chắc chắn”*.

Pháp cú 350, Phật bảo chúng ta phải thường nghĩ tới bất tịnh, để diệt trừ lòng đam mê ái dục, đừng để ác ma buộc ràng. Có hằng quán chiếu thân tâm này bất tịnh, bất an, thì lòng ham muốn luyến ái về nhan sắc hay vật chất của chúng ta mới có thể giảm bớt. Sâu hơn là đoạn trừ tận gốc rễ của nó. Có thế, thì mới mong thực sự được giải thoát.

Phật dạy, quán thân bất tịnh để thấy rõ yếu tính không sạch, bất an và vô thường của nó. Các nhà tâm lý cho chúng ta biết, sự khoái cảm của nhục thể chỉ là một cảm giác rất mong manh. Nó chỉ thoáng qua trong chốc lát, rồi dập tắt và sẽ hiện lại nguyên hình của sự mệt mỏi, uể oải chán chường và đau khổ. Đó là một sự thật mà không ai có thể chối cãi phủ nhận được. Trong cơn si mê ái ái, người ta có thể quên đi tất cả. Nhưng bản chất bất tịnh, vô thường, nó vẫn hiện bày ra trước mắt ta. Người trí, họ thấy rõ bản chất bộ mặt thật của nó. Cho nên, họ không bị sóng tình nhận chìm đắm. Có vận dụng trí huệ, hằng để tâm quán chiếu như thế, thì ta mới mong thoát khỏi sự đam mê ràng buộc của ái dục.

Chuyện lược dẫn trên cho ta thấy duyên nghiệp, nghiệp duyên liên hệ trải qua nhiều đời thật khó nghĩ bàn. Tuy có duyên xuất gia, nhưng những tập khí ái dục phiền não trong nhiều đời, thật không phải dễ dàng chuyển hóa. Nếu người tu hành không trau dồi tài bồi cho mình có sức huân tu đạo lực thâm hậu, thì khó có thể thoát khỏi lưới ma dục tình ràng buộc. Thầy Tỳ kheo nói trên, là một điển hình của tâm lý khát vọng thường tình của con người. Tuy thầy đang rơi vào một trạng huống tâm lý mâu thuẫn giữa đạo đức giải thoát và dục tính trầm luân, nhưng thầy còn có phước duyên là gặp được những bậc Đại thiện tri thức cao đức, mà cụ thể tiêu biểu là đức Phật. Chính đức Phật đã cứu thầy thoát khỏi ách nạn dục vọng trầm luân trong hiện đời và nhiều kiếp. Cuối cùng, thầy đã được giải thoát. Đó là chuyện xảy ra thời xưa. Còn thời nay thì sao?

Ngẫm lại, thời nay, cũng có biết bao người tu hành lâm vào tình huống giống như thầy Tỳ kheo kia không khác. Nhưng làm sao có được cái phước duyên hy hữu gặp được những bậc Đại thiện tri thức như Phật mà cứu thoát được mình đây?! Thế mới biết, tâm dục thì có thể giống nhau, nhưng hoàn cảnh và môi trường thì rất là khác biệt. Thời này, không dễ gì chúng ta gặp được bậc Đại tri thức cao đức như thế. Nghĩ thế, chúng ta nên lấy đó làm gương để tự soi rọi lại mình và nỗ lực quyết chí vươn lên để tự cứu thoát lấy mình. Đó là con đường hay biện pháp hay nhất trong tinh thần cảnh tỉnh tự giác để được giải thoát.

---o0o---

351. Bước tới chỗ cứu kính thì không còn sợ hãi; xa lìa ái dục thì không còn nhiễm ô; nhổ lấy mũi tên sanh tử thì chỉ còn một thân này là cuối cùng, không bị tiếp tục sanh nữa.

He who has reached the goal, is fearless, free from craving, passionless, and has plucked out the thorns of existence – for him this is the last body.

Kệ tụng

Ai tới đích, không sợ

Lìa ái không nhiễm ô

Nhỏ mũi tên sanh tử

Thân này là thân cuối.

352. Xa lìa ái dục không nhiễm trước, thông đạt từ vô ngại, thấu suốt nghĩa vô ngại, pháp vô ngại, và thứ lớp của tự cú⁶, đó là bậc đại trí đại trượng phu, chỉ còn một thân này là cuối cùng, không bị tiếp tục sanh nữa.

He who is free from craving and attachment, is perfect in uncovering the true meaning of the Teaching, and knows the arrangement of the sacred texts in correct sequence – he, indeed, is the bearer of his final body. He is truly called the profoundly wise one, the great man.

Kệ tụng

Ái lìa không chấp thủ

Cú pháp khéo biện tài

Thấu suốt từ vô ngại

Hiểu thứ lớp tự cú

Thân này là thân chót

Bậc đại trí đại nhân.

Lược giảng

Hai pháp cú trên, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến ma vương.

Theo truyện tích, “Một hôm, nhiều Trưởng lão Tỳ kheo đến tinh xá Kỳ Viên không phải thời. Các thầy vào thất Trưởng lão La hầu la, đánh thức Tôn giả dậy. Thấy chẳng còn chỗ nào để ngủ, Tôn giả bèn đến trước hương thất Phật. Vị Trưởng lão tôn kính này tuy mới tám tuổi nhưng đã đắc quả A la hán. Ma vương Vasavatti thấy vậy bèn nghĩ: “Con của Sa môn Cồ Đàm đang nằm trước

cửa hương thất, còn Sa môn Cù Đàm thì nghỉ ở trong. Nếu ngón tay người con bị kẹp đau, vị Sa môn cũng sẽ thấy đau như mình bị kẹp vậy”.

Rồi hẩn biến thành voi chúa khổng lồ tiến đến bên vị Trưởng lão, dùng vòi quấn đầu Tôn giả và găm lên thật to. Trong hương thất, đức Thế Tôn thấy hết, bèn nói:

Nầy ma vương, trăm ngàn kẻ như ngươi cũng không làm La hầu sợ hãi được. Người này không còn kinh sợ vì đã diệt trừ tham ái, mạnh mẽ hùng tráng, đại trí huệ. Nhân đó, Phật liền nói hai pháp cú trên, mọi người nghe xong, rất nhiều người đắc quả Tu đà hoàn, Tư đà hàm và A na hàm. Ma vương tự bảo: Sa môn Cù Đàm thấy ta, hẩn bèn biến mất”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú Tập III, Viên Chiếu, tr 248)

Pháp cú 351, Phật nói: *“Bước tới chỗ cứu cánh thì không còn sợ hãi”*. Sợ hãi là một kinh nghiệm sống mà hầu hết chúng ta ít nhiều đều có. Có những cái sợ hữu lý theo nếp nghĩ thường tình, như sợ khổ, sợ bệnh, sợ chết v.v... nhưng cũng có những cái sợ vô cơ phi lý, như sợ ma, sợ quỷ v.v... Sự thật, ta chưa bao giờ thấy ma quỷ. Nhưng nghe ai nói đến ma quỷ, thì ta lại hình dung tưởng tượng rồi phát run sợ. Đó là cái sợ do ta phóng đại vọng tưởng. Ta thật quá dòi dào tưởng tượng biến kế. Sống trong ảo giác biến kế, là ta luôn luôn tiếp nhận khổ đau. Ta không đủ sức vươn lên để nhận diện chân lý. Dù rằng thực tại chân lý đang hiện hữu phô bày sò sò trước mắt ta. Ta bị vô minh vọng tưởng điên đảo che mờ không nhận rõ.

Ta có thể nghĩ ra hình thù của những con ma quái dị. Đó là do ta thiếu trí huệ suy xét nhận thức vào sự thật. Sự nhận thức của ta thật là hời hợt theo thói quen cảm tính. Nhưng khi ta có được cái nhìn thâm thấu vào sự thật hiện hữu của vạn pháp, thì những nỗi lo âu sợ hãi của chúng ta tức khắc sẽ tan biến ngay. Đó là ta đang tiến bước trên lộ trình giác ngộ. Nhận rõ lý duyên sinh, vô ngã của vạn pháp, thì còn gì nữa đâu mà ta phải lo sợ? Nhận rõ mặt thật của vạn pháp không sinh, không diệt, tự thể vắng lặng sáng suốt bất dứt mọi dấu vết, hằng an trụ nơi thật tướng, Phật nói, đó là ta bước tới chỗ cứu cánh thì không còn sợ hãi.

Sở dĩ ta bị đắm chìm trong ao tù ô nhiễm, là vì ta còn chứa chất quá nhiều lòng ích kỷ ái dục. Muốn thoát khỏi ao tù ái dục đó, Phật dạy, ta cần phải có chánh kiến nhận định đúng chân lý. Khi đạt ngộ chân lý, thì mọi sự cảm dỗ của ái dục tất nhiên không còn. Phật nói đó là xa lìa ái dục không còn ô nhiễm. Như người bị tên cắm sâu, nay nhổ lấy mũi tên ra khỏi thân xác. Đó là nhổ mũi tên sanh tử không còn bị tiếp tục thọ sanh nữa. Đến đây, mới được gọi là bậc đại trí, đại nhân.

Pháp cú 352, đức Phật nói rõ sự xa lìa ái dục không nhiễm trước. Nhưng với điều kiện là phải thông đạt thấu suốt Tứ vô ngại biện tài. Đó phải là bậc A la

hán, Bồ tát mới có khả năng phá vỡ mọi thứ lậu hoặc phiền não, đạt được quả vị Niết bàn an lạc. Tứ vô ngại biện, còn gọi là Tứ vô ngại giải hay Tứ vô ngại trí. Đây là Trí huệ biện tài thuyết pháp của các vị Bồ tát. Nếu đứng về ý nghĩa thì gọi là Giải, là Trí, còn đứng về mặt khẩu nghi thì gọi là Biện. Tứ vô ngại gồm có: 1. Nghĩa vô ngại: Có khả năng hiểu biết thông suốt hết mọi nghĩa lý thế gian và xuất thế gian. 2. Pháp vô ngại: Có khả năng hiểu biết thông suốt hết tất cả pháp. 3. Từ vô ngại: Có khả năng hiểu biết thông thạo hết các thứ tiếng. 4. Lạc thuyết vô ngại, còn gọi là Biện thuyết vô ngại: Có khả năng biện giải thông suốt hết cách trình bày và giảng nói một cách vui vẻ tự tại. Phật nói, người nào thấu suốt và hành trì đúng theo thứ lớp của tự cú, đó là bậc đại trí, đại trượng phu, chỉ còn thân này cuối cùng, không bị tiếp tục sanh nữa. Đối với các bậc A la hán, thì không còn sanh nữa, vì các ngài đã dứt hết Kiến Tư hoặc phiền não. Thế nhưng, đối với các vị Bồ tát thì vẫn còn tái sanh. Các Ngài tái sanh theo bản nguyện để độ sanh, chớ không phải tái sanh theo nghiệp lực để thọ khổ. Ngược lại, chúng ta cũng tái sanh, nhưng tái sanh theo dòng nghiệp lực để chiêu cảm thọ khổ. Đó là ý nghĩa của hai hướng tái sanh khác nhau rất xa. Xin mọi người chớ có lầm nhận.

---o0o---

353. Ta đã hàng phục tất cả, ta đã rõ biết tất cả, ta không nhiễm một pháp nào. Ta xa lìa hết thầy, diệt dục mà giải thoát và tự mình chứng ngộ, thì còn ai là thầy ta nữa?

A victor am I over all, all have I known. Yet unattached am I to all that is conquered and known. Abandoning all, I am freed through the destruction of craving. Having thus directly comprehended all by myself, whom shall I call my teacher?

Kệ tụng

Ta hàng phục tất cả

Ta biết rõ tất cả

Không nhiễm lụy pháp nào

Ái diệt, tự giải thoát

Ta đã tự chứng vậy

Còn ai thầy ta nữa?

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy có liên quan đến đạo sĩ khổ hạnh tên là Upaka thuộc giáo phái Ajivaka.

Theo truyện tích, “Sau khi thành đạo dưới cội Bồ đề, Phật lưu lại bảy tuần tại đó. Rồi Ngài mang y, cầm bát lên đường đi mười tám dặm về Ba la nại để chuyển bánh xe pháp. Trên đường đi, Ngài gặp đạo sĩ thuộc giáo phái khổ hạnh Ajivaka. Đạo sĩ hỏi:

- Huynh đệ, các căn Ngài thật tịch tịnh, da sáng đẹp quá. Ngài theo ai xuất gia? Ai là thầy Ngài? Ngài tu theo giáo lý của ai?

Phật đáp:

Như Lai không có thầy tế độ, cũng không có giáo thọ. Phật liền nói pháp cú trên.

Upaka chẳng lộ vẻ đồng ý hay bất bình trước những lời của đức Như Lai. Đạo sĩ chỉ lắc đầu, chép miệng rồi rẽ vào đường tẻ, đi đến lều một thợ săn”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú Tập III, Viên Chiếu, tr 252)

Đức Phật là người tỉnh thức, là bậc Đại giác ngộ. Ngài đã hàng phục chiến thắng tất cả ma quân. Trong nhà Phật thường nêu ra có bốn loại ma: phiền não ma, ngũ âm ma, thiên ma và tử ma. Nói gọn là nội ma và ngoại ma. Các loại ma này đều bị Ngài hàng phục. Nên Phật nói: “*Ta đã hàng phục tất cả*”. Đức Phật còn có danh hiệu là Chánh biến tri, hay Nhứt thiết chủng trí. Nghĩa là đối với muôn pháp, Ngài đều thấu suốt tất cả. Không có gì mà Ngài không biết rõ cội nguồn. Nên Phật nói: “*Ta đã biết rõ tất cả*”. Vì đã hàng phục tất cả vô minh phiền não, nên đối với vạn pháp, Ngài không một mảy may nhiễm trước, nên Phật nói: “*Ta không nhiễm một pháp nào*”.

Vì còn nhiễm là còn dính mắc vào trần cảnh. Còn dính mắc, thì sao gọi là Phật được? Do đó, đời sống của đức Phật hoàn toàn được tự do, tự tại, giải thoát. Cho nên Phật nói: “*Ta xa lìa hết thấy, diệt dục mà giải thoát và tự mình chứng ngộ, thì còn ai là thầy ta nữa*”. Lời nói này, là đức Phật đã minh định rõ “Trí vô sư tự ngộ”. Trong kinh thường nói có hai loại trí: Trí hữu sư và Trí vô sư. Trí hữu sư là trí còn nương thầy bạn học hỏi. Nhờ học hỏi mà có được phát sanh trí huệ hữu lậu. Nghĩa là trí huệ nhận xét còn có giới hạn. Ngược lại, trí vô sư là thứ trí huệ sẵn có. Trí huệ này là tên khác của Phật tánh hay pháp thân v.v... Vì là sẵn có, nên đức Phật sau khi thanh lọc chuyển hóa hết vô minh phiền não, thì cái trí huệ này hiện bày. Nên Phật nói là không nhờ thầy chỉ dạy. Do Ngài sống trọn vẹn với cái trí sáng suốt thanh tịnh này, nên gọi Ngài là Phật hay đấng Đại Giác thể thôi.

354. Trong các cách bố thí⁷, pháp thí⁸ là hơn cả; trong các chất vị, pháp vị⁹ là hơn cả; trong các hỷ lạc, pháp hỷ¹⁰ là hơn cả; người nào trừ hết mọi ái dục là vượt trên mọi đau khổ.

The gift of Dhamma excels all gifts; the taste of Dhamma excels all tastes; the delight in Dhamma excels all delights. The Craving – Freed vanquishes all suffering.

Kệ tụng

Pháp thí, thì tối thắng

Pháp vị, vị tối thắng

Pháp hỷ, hỷ tối thắng

Ái diệt, thắng khổ đau.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến vua trời Đế Thích.

Theo truyện tích, một hôm, chư thiên cõi trời ba mươi ba tụ họp lại đưa ra bốn câu hỏi:

- Vật gì cao quý nhất?
- Vị ngon nào trên tất cả?
- Hạnh phúc nào cao tột đỉnh?
- Tại sao diệt trừ tham ái là việc làm tối hệ trọng?

Qua bốn câu hỏi này, chư thiên không một ai trả lời được, dù họ đã đi khắp nơi để hỏi mà cũng không có một lời giải đáp thỏa mãn. Cuối cùng, tất cả chư thiên đồng đến gặp Tứ thiên vương. Sau khi nghe qua bốn câu hỏi, Tứ thiên vương cũng không trả lời được và rồi tất cả đồng kéo đến gặp trời Đế Thích. Họ nêu ra bốn câu hỏi với trời Đế Thích, trời Đế Thích cũng chịu thua không thể giải đáp được. Trời Đế Thích nói, chỉ có đức Thế Tôn mới có thể giải đáp được. Họ đồng kéo nhau đến gặp Phật tại tinh xá Kỳ Viên. Phật hỏi họ lý do tại sao các người đến đây đông đảo như thế? Trời Đế Thích mới nêu ra bốn câu hỏi và thỉnh cầu Phật giải đáp hộ. Phật đáp:

- “Chỉ có pháp thí thắng mọi thí. Pháp vị thắng mọi vị, pháp hỷ thắng mọi hỷ. Có diệt trừ tham ái mới đắc quả A la hán, cho nên đó là việc làm tối hệ trọng. Nói xong, đức Phật liền nói pháp cú trên”.

Trời Đế Thích thỉnh cầu Phật, nếu pháp thí cao tột như thế, thì tại sao Ngài không hồi hướng công đức ấy cho chúng con? Nghe qua lời thỉnh cầu này, Phật liền họp chúng Tỷ kheo lại và nói, từ đây về sau, trong tất cả những thời giảng pháp, các ông nên hồi hướng công đức pháp thí cho tất cả chúng sanh. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Pháp cú trên, đức Phật nêu ra bốn vấn đề lớn để trả lời bốn câu hỏi của chư thiên. Câu hỏi: vật gì cao quý nhất? Đức Phật trả lời: chỉ có pháp thí là cao quý hơn cả. Lý do tại sao? Vì trong các cách bố thí làm lợi ích cho chúng sanh, chỉ có pháp thí mới có đủ khả năng lực dụng đưa chúng sanh đến chỗ giác ngộ giải thoát. Ngoài ra, không còn pháp nào khác. Những lời Phật dạy, tùy theo căn cơ trình độ của mỗi chúng sanh, mà Phật nói có sai khác. Tuy nhiên, chủ ý của Phật cũng chỉ nhằm vào một mục đích duy nhất, là mở bày Tri kiến Phật cho hết thảy chúng sanh để họ chứng đạt chân lý giải thoát hoàn toàn. Đó là bản hoài duy nhất của đức Phật ra đời.

Đến câu hỏi thứ hai: vị ngon nào trên tất cả? Đức Phật khẳng định chỉ có pháp vị là hơn cả. Pháp vị là hương vị khi được tiếp nhận chân lý. Nhận rõ chân lý và sống với chân lý, dù chưa được trọn vẹn hết, nhưng người ta cũng vẫn cảm thấy an lạc phần nào. Hơn là suốt đời chỉ biết sống chạy theo những thứ vật dục giả dối phù phiếm ở thế gian, làm cho tâm hồn người ta luôn luôn bị chao đảo rối loạn bất an. Những thứ hương vị tạm bợ ảo huyền của thế gian, chỉ đưa người ta đến chỗ đắm nhiễm đam mê đau khổ. Tất cả đều là giả dối không thật. Hưởng được pháp vị là hưởng được hương vị giải thoát, không có hương vị nào trên đời có thể so sánh được.

Câu hỏi thứ ba: hạnh phúc nào cao tột đỉnh? Phật trả lời chỉ có pháp hỷ là hạnh phúc hơn cả. Pháp hỷ là niềm vui chân thật an thoát nhẹ nhàng. Đó là pháp vị khi chúng ta nghe pháp hay khi nhận ra được lẽ chân thật mâu nhiệm của sự sống. Hạnh phúc, theo quan niệm thế gian, thì thật khó tìm một định nghĩa cho chính xác. Tùy theo quan niệm, hoàn cảnh sống của mỗi người mà người ta hiểu ý nghĩa của hạnh phúc có muôn ngàn sai khác. Nhưng theo Phật giáo, thì mọi thứ hạnh phúc trên đời, không có hạnh phúc nào đạt đến Chân, Thiện, Mỹ. Tất cả chỉ là tương đối, nằm trên bình diện của sự hưởng thụ cảm lạc mà thôi. Vì bản chất của mọi hưởng thụ là đau khổ. Nói cách khác, những thứ hạnh phúc mà người đời quan niệm và có được, thì thật là mong manh như bọt nước. Học vị cấp bằng cao, giàu có sang trọng, địa vị quyền uy vinh quang tột đỉnh, nhà cao cửa rộng, vợ đẹp con xinh v.v...những thứ đó có thực sự đưa người ta đến

chỗ hoàn toàn hỷ lạc hay không? Và tất cả có phải thực sự là hạnh phúc hay không? Câu hỏi này, xin để tự mỗi người trả lời lấy.

Theo đạo Phật, con đường đưa chúng sanh đến chân trời hạnh phúc, đó là con đường: “**Niệm, Định, Tuệ**”. Niệm là “Biết” rõ những gì đang xảy ra trong giây phút hiện tại. Định là dừng hết mọi vọng tưởng tính toán nghĩ suy. Tuệ là sáng suốt thanh tịnh nhận định đúng theo chân lý. Chỉ có con đường đó, mới đưa chúng sanh đến đích giác ngộ an lạc và giải thoát mà thôi. Và đó mới thực sự là đạt đến tột đỉnh của chân hạnh phúc vậy.

Câu hỏi cuối cùng, tại sao diệt trừ tham ái là việc làm tối hệ trọng? Phật trả lời: “*Người nào trừ hết mọi ái dục là vượt lên trên mọi khổ đau*”. Đây là Phật trả lời giải bày một cách khẳng quyết tường tận. Bởi tham ái chính là nguồn gốc của mọi khổ đau. Dứt tham ái là chấm dứt mọi khổ đau. Đó là điều mà đức Phật đã lặp đi lặp lại nhiều lần trong phẩm này. Vì trọng tâm của phẩm này là Phật nêu ra mọi khía cạnh của ái dục để chúng ta nhận rõ tai hại của chúng mà gấp mau đoạn trừ. Có thế, thì chúng ta mới mong thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử.

---o0o---

355. Giàu sang chỉ làm hại người ngu chớ không phải để cầu sang bờ giác. Người ngu bị tài dục hại mình như mình đã vì tài dục mà hại người khác.

Riches ruin only the foolish, not those in quest of the Beyond. By craving for riches the witless man ruins himself as well as others.

Kệ tụng

Giàu sang hại người ngu

Không hại người cầu giác

Kẻ ngu vì tham giàu

Hại mình và hại người.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến quan chưởng khổ không con tên là Aputtaka.

Chuyện kể rằng khi quan chưởng khổ chết, vua Ba tư nặc hỏi:

- Người không con khi chết tài sản thuộc về ai?

- Muôn tâu, thuộc về bệ hạ.

Sau khi chương khổ chết, vua cho người chở hết tài sản về cung, và rồi vua thân hành đến bạch hỏi với đức Phật một vài lý do qua cung cách hành xử về việc ăn mặc của ông đối với những kẻ hầu hạ. Khi được mọi người dâng thức ăn thượng vị đựng trong đĩa vàng, thì ông lại từ khước và nặng lời quở trách họ. Khi người hầu đem đồ mặc đẹp, xe cộ tốt, ô dù v.v... đều bị ông đánh đuổi xử tệ, bạc đãi với họ. Ông chỉ ăn cháo, mặc vải thô, đi chiếc xe cũ kỹ, đầu thì hái lá che, không đội nón dù. Đó là những điều mà nhà vua nêu ra thắc mắc hỏi Phật.

Nhân đó, Phật kể câu chuyện về quá khứ của ông quan chương khổ này. Phật nói, thuở xưa, có vị Bích Chi Phật tên là Tagarasikhi đã được ông quan chương khổ này mang thức ăn đến cúng dường. Ông bảo bà vợ nên đem thức ăn thượng vị cúng dường cho vị Tỳ kheo. Bà vợ vốn là người mộ đạo, nghe thế, bà rất lấy làm vui mừng. Đây là lần đầu tiên, bà ta được nghe ông sai bảo như thế. Cúng dường xong, ông ta lại hối tiếc. Ông nghĩ thầm, phải chi những thức ăn này cho những kẻ hầu hạ ăn để chúng nó có sức làm việc cho ta, còn tốt hơn là cho vị Tỳ kheo này ăn rồi nằm ngủ. Đồng thời ông ta còn giết chết người con trai độc nhất của anh mình để đoạt lấy hết gia tài. Vì người cháu trai này cho rằng, tất cả tài sản trong nhà đều do cha của nó tạo ra và tất nhiên, tất cả đều thuộc về cha của nó. Nghe thế, lòng tham sân nổi lên, ông ta dắt đứa cháu vào trong rừng và xiết cổ đứa cháu cho đến chết.

Kể xong chuyện quá khứ, đức Phật nói với nhà vua, nhờ công đức cúng dường cho vị Bích Chi Phật mà suốt bảy kiếp ông được sanh và hưởng phước báo ở các cõi trời. Khi sanh xuống nhân gian, nhờ còn dư báo tốt, nên suốt bảy kiếp ông giữ độc quyền chức chương khổ. Nhưng do ý nghĩ tiếc nuối và nói lời bất thiện, nên tuy làm chương khổ mà ông không thể hưởng những thức ăn và những vật dụng quý giá. Hơn nữa, do giết cháu đoạt gia tài, nên ông phải bị đọa địa ngục trải qua trăm ngàn kiếp và suốt bảy kiếp không con.

Phật kể xong, vua Ba tư nặc thưa:

- Bạch Thế Tôn, quan chương khổ này tội thật quá lớn. Gia tài đồ sộ thế kia sao hắn không dùng cho hắn hoặc cúng dường cho đức Thế Tôn?

Phật dạy:

Đúng vậy đại vương. Quả có thế, khi kẻ ngu được giàu sang họ chẳng tìm cầu Niết bàn. Trái lại, của cải chỉ khiến tham ái nổi lên trong tâm họ làm khổ họ lâu dài thôi. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Đối với người đời, thậm chí ngay cả những người biết chút ít tu hành, cũng không ai lại không ham mê tiền bạc của cải. Vì đó là bản chất tham dục của con

người xưa hay nay ai cũng thế. Khó ai thoát khỏi dòng hệ lụy của sự tham đắm này. Ngoại trừ các bậc thánh nhân, hay những bậc chân tu, mới xem nhẹ tiền bạc của cải như cỏ rác. Đối với các Ngài không còn niệm tham chấp. Tuy nhiên, điều mà ta nên lưu ý lời Phật dạy ở đây là: “*giàu sang chỉ làm hại người ngu chứ không phải để cầu sang bờ giác*”. Lời dạy này, Phật nhắc nhở chúng ta nên không muốn làm kẻ ngu muội, thì không nên tham đắm làm nô lệ cho tiền bạc của cải. Lời tục thường nói: “tham thì thâm”. Tham nhiều thì khổ nhiều. Đôi lúc vì sự giàu sang mà người ta đành bán rẻ cả lương tâm. Đối với tình nghĩa bạn bè cũng không còn. Câu nói: giàu đôi bạn sang đôi vợ, đó là chuyện xảy ra hết sức thường tình. Nhưng thử ngẫm kỹ lại, sự giàu sang có tồn tại lâu dài không? Có mấy ai giàu ba họ, khó ba đời. Bởi vì bản chất của vật chất là vô thường sanh diệt. Dù chúng ta có cố bám giữ nó, nó cũng không tồn tại lâu dài. Bản thân ta, ta còn không giữ được nói gì đến tài sản của cải ngoài ta.

Hiểu như thế, ta không còn cố tham chấp vào sự vật nữa. Ta không thể cam tâm làm người ngu để bị tài vật sai sử hại mình cũng như mình vì tài dục mà nhẫn tâm làm hại người khác. Đó là điều mà đức Phật muốn cảnh giác thức nhắc chúng ta qua pháp cú trên.

Chuyện lược dẫn trên, cho ta một bài học về nhân quả rất rõ. Ông quan chương khố sở dĩ được địa vị giàu có sang trọng trong hiện đời, Phật nói, nhờ ông biết cúng dường cho một vị Bích Chi Phật. Tuy nhiên, tuy giàu có mà ông vẫn keo kiệt không hưởng dụng được những gì ông có, đó là vì khi bố thí ông còn cái tâm hối tiếc. Ông bị đọa địa ngục trong nhiều kiếp là do ông dùng lời chê bai mắng nhiếc một vị tu hành chứng quả. Ông không có con thừa kế tài sản, là do đời trước ông đã ra tay giết chết người cháu ruột để chiếm đoạt gia tài. Do đó, mà gia tài của ông bị sung vào quốc khố. Thế mới biết luật nhân quả rất công bằng, gieo nhân nào gặt hái quả đó, không mấy may sai chạy vậy.

---o0o---

356. Cỏ làm hại rất nhiều ruộng vườn, tham dục làm hại rất nhiều thế nhân. Vậy nên bố thí cho người lìa tham, sẽ được quả báo lớn.

Weeds are the bane of fields, lust is the bane of mankind. Therefore, what is offered to those free of lust yields abundant fruit.

Kệ tụng

Cỏ làm hại ruộng vườn

Tham lam hại thế nhân

Bố thí người lìa tham

Do vậy được quả lớn.

---o0o---

357. Cỏ làm hại rất nhiều ruộng vườn, sân nhuế làm hại rất nhiều thế nhân. Vậy nên bố thí cho người lìa sân, sẽ được quả báo lớn.

Weeds are the bane of fields, hatred is the bane of mankind. Therefore, what is offered to those free of hatred yields abundant fruit.

Kệ tụng

Cỏ làm hại ruộng vườn

Sân làm hại thế nhân

Bố thí người lìa sân

Nhờ vậy được quả lớn.

---o0o---

358. Cỏ làm hại rất nhiều ruộng vườn, ngu si làm hại rất nhiều thế nhân. Vậy nên bố thí cho người lìa si, sẽ được quả báo lớn.

Weeds are the bane of fields, delusion is the bane of mankind. Therefore, what is offered to those free of delusion yields abundant fruit.

Kệ tụng

Cỏ làm hại ruộng vườn

Si làm hại thế nhân

Bố thí người lìa si

Nhờ vậy được quả lớn.

---o0o---

359. Cỏ làm hại rất nhiều ruộng vườn, dục vọng làm hại rất nhiều thế nhân. Vậy nên bố thí cho người lìa dục, sẽ được quả báo lớn.

Weeds are the bane of fields, desire is the bane of mankind. Therefore, what is offered to those free of desire yields abundant fruit.

Kệ tụng

Cỏ làm hại ruộng vườn

Dục làm hại thể nhân

Bố thí người lìa dục

Nhờ vậy được quả lớn.

Lược giảng

Bốn pháp cú trên, Phật dạy tại Yellowstone Rock, Pandukambala Sila, có liên quan đến Ankura.

“Câu chuyện đã được kể đầy đủ chi tiết trong phần chú giải câu kệ “Người chuyên tâm thiền định”, truyện liên quan đến Indaka.

Một hôm, Trưởng lão A na luật vào làng khát thực. Indaka cúng dường Tôn giả một muống thức ăn của phần mình. Đây là việc thiện ông làm trong đời trước. Còn Ankura thì cung cấp lò sưởi trên khắp năm mươi cây số suốt mười ngàn năm và bố thí cúng dường rất nhiều vật thực. Indaka được phước báo lớn hơn.

Phật dạy:

- Nay Ankura, khi bố thí nên suy xét kỹ càng. Làm vậy sẽ giống như hạt giống gieo trên đất lành, đơm hoa kết trái sum suê. Nhưng ông đã không làm thế. Do đó, việc bố thí của ông chẳng đưa đến phước báo lớn.

Để làm sáng tỏ vấn đề, Phật bảo:

Bố thí nên suy xét

Mới gặt nên quả tốt

Bố thí có suy xét

Được người trí ngợi khen

Vật thực dâng cúng trước

Người xứng đáng cúng dường,

Sẽ được vô lượng phước,

Như hạt giống đem gieo,

Trên mảnh đất lành tốt”

(Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú Tập III, Viên Chiếu, tr 260)

Pháp cú 356, Phật dạy: “*Cỏ làm hại ruộng vườn, tham dục làm hại thế nhân*”. Điều này, đức Phật so sánh cho chúng ta thấy rõ. Muốn cho ruộng tốt, vườn tốt, tất nhiên, người làm ruộng, làm vườn, phải siêng năng nhổ cỏ sạch cỏ. Nếu không, thì có hại cho ruộng vườn. Vì nó sẽ ăn hết phân đất làm cho lúa mạ cây cối không còn được tốt tươi. Và như thế, thì sẽ không được thu hoạch lợi lộc nhiều. Cũng thế, tham dục nhiễm trước giống như loại cỏ hoang dại, làm hại người ta rất lớn. Nếu muốn xã hội được an ổn, thì mỗi người cần phải diệt trừ lòng tham dục, như người làm ruộng vườn diệt cỏ. Nếu không dứt trừ tham dục, thì con người sẽ không bao giờ có được đời sống an vui.

Muốn đối trị lòng tham, Phật dạy chúng ta nên mở rộng cõi lòng để san sẻ tài vật cho những người nghèo khổ. Đó là lấy bố thí để vượt qua cái lòng ích kỷ xan tham. Vì tham lam mà người ta tạo ra nhiều tội lỗi. Muốn cho người ta bớt đi lòng tham lam vô độ, thì Phật dạy nên bố thí chia bớt phần nào tài vật mà mình đã có. Hoặc chúng ta dùng những lời pháp ngữ, ái ngữ chân thành khuyên bảo cho người ta thức tỉnh mà giảm bớt đi lòng tham. Được thế, thì Phật nói, sẽ được quả báo tốt đẹp rất lớn.

Ba pháp cú 357, 358, 359, ý nghĩa và lời khuyên giáo của đức Phật cũng giống như pháp cú 356 đã nói ở trên. Tuy nhiên, pháp cú 357, Phật dạy phải dứt trừ sân nhuế. Pháp cú 358, Phật dạy phải dứt trừ ngu si. Vì đó là ba thứ độc tố làm hại người rất lớn. Thế giới ngày nay luôn xáo trộn loạn động bất an, cũng chỉ vì nhơn loại còn nuôi dưỡng và cam tâm làm nô lệ cho ba thứ độc tố này sai sử. Bao giờ loại trừ chúng ra khỏi khu vườn đất tâm, cũng như tiêu diệt hết cỏ hoang dại trong ruộng vườn, thì nhơn loại mới mong có được cuộc sống an bình hạnh phúc. Ái dục cũng là loại rất nguy hiểm, nếu không sớm tiêu diệt chúng, thì nhơn loại cũng không có ngày nào được yên. Gốc của nó cũng do từ si mê mà ra. Cho nên, pháp cú 359, Phật dạy, ái dục làm hại thế nhân, nên bố thí cho người lìa dục sẽ được quả báo lớn.

---o0o---

XXV. Phẩm Tỳ Kheo

(Bhikkhuvaggo)

360- 361. Chế phục được mắt, lành thay; chế phục được tai, lành thay; chế phục được mũi, lành thay; chế phục được lưỡi, lành thay; chế phục

được thân, lành thay; chế phục được lời nói, lành thay; chế phục được tâm ý, lành thay; chế phục được hết thấy, thật lành thay. Tỳ kheo nào chế phục được hết thấy thì giải thoát hết thấy khổ.

Good is restraint over the eye; good is restraint over the ear; good is restraint over the nose; good is restraint over the tongue.

Good is restraint in the body; good is restraint in speech; good is restraint in thought. Restraint everywhere is good. The monk restrained in every way is freed from all suffering.

Kệ tụng

Lành thay, chế ngự mắt

Lành thay, chế ngự tai

Lành thay, chế ngự mũi

Lành thay, chế ngự lưỡi

Lành thay, chế ngự thân

Lành thay, chế ngự lời

Lành thay, chế ngự ý

Lành thay, chế tất cả

Tỳ kheo chế tất cả

Thoát khỏi mọi khổ đau.

Lược giảng

Phẩm Tỳ kheo gồm có 20 câu, trình bày đời sống phạm hạnh chân chánh của một vị Sa môn sống trong hàng ngũ Tăng đoàn. Đời sống của một vị khát sĩ là phải “*Tam thường bất túc*”. Ăn, mặc và ngủ nghỉ không nên thừa thãi. Đó là đời sống đạo hạnh cao đẹp mà một vị Tỳ kheo phải có. Khước từ mọi dục lạc thế gian để chọn lấy đời sống phạm hạnh. Mục đích của người xuất gia rất cao siêu là phải đạt cho kỳ được mục đích tối hậu giác ngộ và giải thoát.

Hai pháp cú trên, đức Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến năm thầy Tỳ kheo.

Theo truyện tích, có năm thầy Tỳ kheo sau khi lãnh yếu chỉ Phật dạy, mỗi thầy tự điều phục một trong năm giác quan. Một hôm, các thầy gặp nhau bàn cãi. Thầy thì nói:

- Chỉ có giác quan của tôi khó điều phục.

Thầy khác cũng nói:

- Chỉ có tôi là người tự chế ngự giác quan khó nhất.

Rốt cuộc, các thầy cùng nhau đến bạch Phật. Mỗi người trình bày và ai cũng cho sự chế ngự giác quan của mình là khó nhất. Kính mong đức Thế Tôn phân định trong năm người chúng con người nào điều phục giác quan khó nhất.

Đức Phật thận trọng tránh không cho biết thầy Tỳ kheo nào kém hơn các huynh đệ mình. Ngài dạy:

- “*Này các Tỳ kheo, tất cả các căn đều khó canh phòng. Nhưng không phải đây là lần đầu các ông thất bại trong việc canh phòng ngũ căn. Trong một kiếp quá khứ, các ông cũng thất bại trong việc kiềm chế ngũ căn. Vì các ông không nghe lời khuyên của bậc thiện tri thức nên đã bị hại*”. Phật kể chuyện quá khứ.

Trong một kiếp quá khứ, Ngài là vị lãnh đạo năm ông quan cận thần đến thành Hoa Thị để nhận ngôi báu. Trong khi đó, cả hoàng tộc trong triều đều bị bọn quý Dạ xoa giết sạch hết. Trên đường đi, bọn quý Dạ xoa quyền rũ cảm dỗ đủ mọi thứ: âm thanh, hình ảnh, mùi hương, thức ăn ngon và gái đẹp. Năm ông quan vì không nghe lời vị Bồ tát căn dặn, nên tất cả đều bị đắm nhiễm và bị hại. Chỉ có riêng Ngài kèm chế được mình nên không bị hại. Sau cùng, Ngài đến được thành Hoa Thị và trở thành một vị quốc vương. Trong khi đăng quang, ngồi trên ngai vàng Ngài tự nghĩ: Người ta nên sử dụng sức mạnh của ý chí mình. Ngài nói kệ:

Kiên trì tuân phục Hiền Tri

Lòng can đảm chẳng lung lay

Khỏi bị Dạ xoa không chế

Vì ta không sợ không lo

Qua cơn hiểm nguy gian khó

Đến nơi ta được an toàn.

Phật kết luận: “Năm ông quan thuở ấy là các ông, người đến được thành Hoa Thị an toàn và làm vua chính là Ta”.

Phật dạy thêm: “*Một Tỳ kheo cần phải canh phòng cẩn mật tất cả các căn, vì chỉ thu nhiếp lục căn mới thoát được khổ não*”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Sự thu nhiếp sáu căn là điều tối hệ trọng trong việc tu hành. Người nào luôn canh phòng cẩn mật điều ngự sáu căn, chắc chắn người đó sẽ được đến bờ giải thoát. Riêng đối với người xuất gia, thì việc chế phục sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần, giữ không cho đắm nhiễm, không bị sáu trần lôi cuốn ràng buộc, đó là điều mà chư Phật Tổ hằng nhắc khuyên bảo. Vì luân hồi hay giải thoát cũng từ nơi sáu căn của chúng ta mà ra.

Chuyện lược dẫn trên là một chứng minh cụ thể. Đức Phật nhờ phòng ngự được sáu căn, nên Ngài mới đến được thành Hoa Thị và lên làm vua. Ngược lại, năm ông quan cận thân kia, vì buông lung các căn đắm say nhiễm trước ở nơi sáu trần, kết quả, tất cả đều bị sát hại dưới tay của bọn ác quỷ. Thành Hoa Thị là tiêu biểu dụ cho mục đích giải thoát mà tất cả người tu nói chung, cần phải hướng đến. Nhưng muốn đạt được mục đích giải thoát, không phải là chuyện dễ dàng. Người tu hành, đặc biệt là người xuất gia, nếu không trang bị cho mình có một ý chí mãnh liệt, thiên định cao thâm, và một thanh kiếm trí huệ sắc bén, thì chúng ta thật khó mà đạt thành ý nguyện. Bởi trên đường tu, có không biết bao nhiêu thứ chướng duyên cạm bẫy thử thách. Nhất là đối với những cạm bẫy ngũ dục, lục trần. Những thứ này có sức hấp dẫn cám dỗ quyến rũ người tu hành thật vô cùng mãnh liệt. Nếu không khéo canh phòng chế ngự nghiêm ngặt ở nơi sáu căn, chỉ cần lơ đãng sơ sẩy một chút, thì chúng ta cũng dễ bị sa đọa vào con đường khổ đau nhanh như tên bắn. Pháp cú trên, đức Phật khen ngợi những ai khéo biết phòng hộ ở nơi sáu căn vậy.

---o0o---

362. Gìn giữ tay chân và ngôn ngữ, gìn giữ cái đầu cao, tâm mến thích thiền định, riêng ở một mình và tự biết đầy đủ, ấy là bậc Tỳ kheo.

He who has control over his hands, feet and tongue; who is fully controlled, delights in inward development, is absorbed in meditation, keeps to himself and is contented – him do people call a monk.

Kệ tụng

Người chế ngự tay chân

Chế ngự lời và đầu

Vui thích trong thiên định

Độc thân, biết tự túc

Thật xứng danh Tỳ kheo.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một thầy Tỳ kheo giết ngỗng.

Theo truyện tích, tại thành Xá vệ, có hai thanh niên sau khi xuất gia làm Tỳ kheo, hai người trở thành đôi bạn chí thân. Một hôm, hai thầy cùng rủ nhau ra sông tắm. Tắm xong, hai thầy lên bờ phơi nắng chuyện trò. Trong lúc đó, có hai con ngỗng bay ngang qua. Cả hai nhìn thấy và lượm đá ném chúng. Thầy thứ nhứt ném không trúng. Thầy thứ hai, ném trúng một con mắt của ngỗng và nó kêu lên một tiếng thất thanh rồi rơi xuống đất trước mặt hai thầy. Các thầy Tỳ kheo khác trông thấy hành động sát hại bất nhân đó, liền quở trách vị Tỳ kheo kia và rồi đến bạch trình với đức Phật. Phật quở:

- *“Này Tỳ kheo, sao đã xuất gia từ bỏ gia đình theo Ta để cầu đạo giải thoát mà ông lại làm như thế? Người trí thời Phật chưa ra đời, dù sống ở thế gian cũng còn phải e dè thận trọng từng việc nhỏ nhặt. Các ông đã xuất gia theo Phật, lại không lo dè dặt chút nào vậy. Rồi Phật kể tiếp chuyện tiền thân của Ngài là Kurudhamma”.*

Phật nói, có một thuở xa xưa, Ngài là thái tử con vua Dhananjaya của vương quốc Kuru. Sau khi học bắn tên, thái tử trở nên một tay thiện xạ. Khi trở về vương quốc, thái tử được vua cha phong làm Phó vương. Vua cha băng hà, thái tử kế vị. Khi lên ngôi, nhà vua nghiêm trì năm giới cấm và ra lệnh cho các quan, cũng như hoàng tộc trong triều thấy đều gìn giữ năm giới không được trái phạm.

Lúc ấy, trong nước của vua Kalinga bị hạn hán nhiều năm, dân chúng đói khát rất đau khổ. Vua Kalinga trầm nghĩ, trong nước của vua Kuru nhờ giữ năm giới cấm mà thường được mưa thuận gió hòa không có hạn hán, dân chúng ấm no. Nghĩ xong, nhà vua ra lệnh cho các thầy Bà la môn và các quan sang nước Kuru xin khắc năm giới cấm vào một đĩa vàng rồi mang về nước.

Lúc đầu, họ đều bị từ chối, nhưng sau đó nhờ khẩn khoản nài nỉ van xin, nên cuối cùng, vua Kuru cho khắc năm giới mang về. Khi về nước, vua Kalinga và dân chúng trong nước đều hết lòng nghiêm trì năm giới và lập tức trời mưa.

Kể xong câu chuyện tiền kiếp, đức Phật kết luận: vua Kuru thuở ấy nay chính là Ta.

Đức Phật dạy tiếp:

- Nay các Tỳ kheo, người trí thời xưa, dù một lỗi nhỏ họ cũng cảm thấy ái ngại. Còn các ông, đã xuất gia vào đạo của Phật đã lại chấp nhận một lỗi lớn là sát hại sanh vật. Một Tỳ kheo phải hằng kiểm soát được tay chân, và ngôn ngữ của mình. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Phật dạy: “*giữ gìn tay chân và ngôn ngữ*”, đây thuộc về thân nghiệp và ngữ nghiệp. Về thân nghiệp, nếu chúng ta khéo biết lợi dụng cái thân này để hành thiện làm lợi lạc cho chúng sanh, thì quả đó là điều đáng được tán dương khích lệ. Ngược lại, nếu chúng ta sử dụng tay chân làm những điều phi pháp trái với lẽ đạo, tạo nhiều ác nghiệp, thì đó quả là điều tai hại mà chúng ta cần nên tránh. Khi gây tạo ác nghiệp, chẳng những có hại cho bản thân mình mà còn gây tổn hại lây lan đến nhân quần xã hội nữa. Thế nên, trong năm giới cấm Phật chế cho người Phật tử tại gia gìn giữ, thì giới không sát hại sinh vật đứng đầu. Đây thuộc về giới trọng căn bản của người xuất gia và tại gia. Hành động sát hại, gây hấn bằng cách đánh đập, đâm chém, bắn giết v.v... đó không phải là cá tánh đạo đức hướng thượng của con người. Đó là hành vi bạo động, thuộc cá tánh hạ đẳng thấp hèn của những loài cầm thú. Một người có chút từ tâm, không ai nỡ ra tay sát hại sinh vật một cách vô cớ. Vì tất cả đều có mạng sống như nhau. Tất cả đều có chung một mẫu số là tham sanh úy tử. Điều gì mình không muốn, thì không nên gây tổn hại làm khổ đau cho người khác. Hành động sát hại con ngỗng của thầy Tỳ kheo nói trên, thật đó là hành động quá tàn nhẫn, trái với giới luật và đạo đức. Đạo đức của một con người thường và hơn thế nữa là đạo đức của người xuất gia tu hạnh xuất thế. Hành động gây tổn hại cho sinh vật không thể nào chấp nhận được.

Đền ngữ nghiệp cũng thế. Nếu chúng ta khéo biết sử dụng lời nói ái ngữ, thương yêu, xoa dịu, chia sẻ những nỗi khổ niềm đau của mọi người, thì đó quả là một lợi lạc vô cùng. Đó là chúng ta thể hiện được hạnh nguyện lắng nghe và an ủi của đức Bồ tát Quán Thế Âm. Thế giới ngày nay, rất cần đến loại ái ngữ này. Vì chúng sanh có quá nhiều đau khổ, chúng ta không nên sử dụng thứ quái ác ngữ làm khổ đau cho nhau thêm. Đó là Phật nói khéo gìn giữ ngôn ngữ ác độc, như gìn giữ cái đầu cao.

Tâm mến thích thiền định, đó là điều quan trọng của người tu. Từ sự giữ gìn cẩn thận ở nơi thân và ngữ nghiệp, nó cũng giúp ích rất nhiều cho công phu thiền định. Thiền định là công năng nhằm thanh tịnh hóa ý nghiệp. Muốn thực tập thiền định cho có kết quả cao, thì Phật dạy hành giả phải riêng ở nơi chỗ vắng vẻ một mình. Vì ngoại cảnh cũng trợ lực giúp cho hành giả một phần quan trọng rất lớn trong khi dụng công thật hành. Đối với một vị khát sĩ, Phật dạy

phải tự biết đủ. Có biết đủ, mới dừng được tâm niệm tham cầu lợi dưỡng. Đồng thời, nó cũng giúp cho đời sống của người xuất gia đơn giản hơn để tiện lợi khi thực tập thiền quán.

---o0o---

363. Tỳ kheo nào điều nhiếp được ngôn ngữ, khôn khéo và tịch tịnh, thì khi diễn bày pháp nghĩa, lời lẽ rất được hòa ái rõ ràng.

That monk who has control over his tongue, is moderate in speech, unassuming and who explains the Teaching in both letter and spirit – whatever he says is pleasing.

Kệ tụng

Tỳ kheo nhiếp phục lưỡi

Vừa lời, không cống cao

Khi diễn bày pháp nghĩa

Lời lẽ ắt ngọt ngào.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến thầy Tỳ kheo Kokalika.

Thầy Kokalika vì ác ý nên đã sanh tâm phỉ báng hai vị đại đệ tử của Phật là Tôn Giả Xá lợi Phất và Mục kiên liên. Đó là nguyên nhân mà thầy bị đọa địa ngục. Và đó cũng là nguyên nhân cho các thầy Tỳ kheo khác bàn tán về việc thầy Kokalika không giữ gìn khẩu nghiệp. Thấy thế, đức Phật đến hỏi rõ lý do về việc bàn tán xôn xao đó.

Sau khi nghe những vị đó thuật lại, Phật bảo, đây không phải là lần đầu thầy Kokalika bị đọa vào địa ngục vì không giữ gìn khẩu nghiệp, mà trong quá khứ cũng đã có xảy ra chuyện đó. Phật kể chuyện quá khứ về con rùa ham nói.

Đức Phật nói, xưa kia, trên vùng núi Hy Mã có một hồ nước và trong hồ có con rùa. Đôi ngỗng đi kiếm ăn tình cờ gặp được chú rùa và rồi kết tình bạn thân. Ngỗng tìm cách dụ rùa đến động vàng, vì nơi đó có nhiều cảnh đẹp thích thú. Nghe thế, rùa hăm hở, nhưng không biết phải đến đó bằng cách nào. Ngỗng bày kế. Rùa ngậm miệng cắn cây cho thật chặt, đôi ngỗng sẽ tha bay đi. Nhưng ngỗng ra lệnh cho rùa, dù gặp bất cứ tình huống nào, rùa cũng phải ngậm miệng

cho chặt không được há ra. Rùa đồng ý. Thế là một giao ước đã được ký kết thực hiện.

Khi đôi ngỗng bay ngang qua cánh đồng, bây giờ lũ trẻ chăn trâu trông thấy la lên:

- Bây ơi, ra xem hai con ngỗng tha ông thầy bó rùa. Lũ trẻ la lớn nhiều lần. Thế là rùa tức giận, không còn nhìn được nữa. Vừa há miệng định chửi lại, thì than ôi, thân rùa rơi xuống đất và tan nát thành từng mảnh vụn.

Rùa tự hại vì ham nói chuyện

Gậy ngậm rồi mà miệng vẫn thài lai

Rớt liền xuống đất tan thây

Người khôn ngoan thấy gương đây giữ mình

Lựa lời mà nói đẹp xinh

Dùng lời hòa ái đẹp mình người vui.

Kể xong, Phật kết luận:

- “*Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo phải kiểm soát lời nói, sống lặng thinh, không tự kiêu và thoát khỏi phiền não*”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Pháp cú 361, đức Phật đề cập sơ qua về việc giữ gìn ngôn ngữ. Pháp cú này, đức Phật dạy rõ hơn. Phật dạy: “*Tỳ kheo biết nhiếp được ngôn ngữ, khôn khéo mà tịch tịnh, thì khi diễn bày pháp nghĩa lời lẽ rất hòa ái rõ ràng*”. Lời nói tuy không thật, bởi do duyên hợp mà có phát ra âm thanh, nhưng nó thật vô cùng quan trọng. Ở đời, có lắm người do thiếu suy xét cẩn trọng, không giữ được lời nói hòa ái, nói toàn những lời thô lỗ cộc cằn dao búa, nên họ phải chuốc lấy họa hại vào thân. Nhẹ thì bị đánh đập hành hạ giam cầm, nặng thì bị sát hại thủ tiêu. Tất cả cũng chỉ vì buông lung tâm ý phát ngôn bừa bãi, nên phải chịu cái hậu quả tang thương như thế. Người xưa nói: “*luận người ở đời như búa bén ở trong miệng, sợ dĩ chém mình là do lời nói ác*”. Đó là nói người đời, vì thiếu tu, nên họ không biết giữ gìn lời nói. Ngược lại, đối với người tu hành, nhứt là người xuất gia, Phật dạy, “*phải khéo biết nhiếp được ngôn ngữ, khôn khéo mà tịch tịnh*”. Quan trọng là phải khôn khéo mà tịch tịnh. Phật không cấm hẳn chúng ta không nói, nhưng nói phải có ý thức chánh niệm. Nói những gì có lợi lạc cho mình và người, thì nên nói. Tác dụng của ngôn ngữ đặt trên hai chiều thuận nghịch. Thuận, thì đem lại nhiều lợi ích. Đó là lời nói thuận theo chân lý. Nghịch, thì gây ra nhiều tai hại. Đó là lời nói ngược với chân lý. Thế nên, Phật

bảo chúng ta phải giữ tâm tịch tịnh. Tịch là vắng lặng, không loạn động ồn ào. Một tâm thái thư thả điềm đạm an bình. Tịnh là trong sạch, không cấu bợn phiền não. Tịnh cũng có nghĩa là an ổn không xáo trộn tạp loạn. Giữ được tâm ý như thế, thì chắc chắn lời nói sẽ đem lại nguồn an vui hạnh phúc đến cho mọi người.

Chuyện lược dẫn trên, tuy rất đơn giản, không có gì thú vị cho lắm, nhưng ngẫm kỹ, có biết bao người tan xác như con rùa kia, chỉ vì không dẫn được cơn tức giận, mà phải chịu một hậu quả rất thâm trọng. Muốn sống an ổn, thì chúng ta hãy nên xem gương con rùa kia mà hành xử!

---o0o---

364. Tỳ kheo nào an trú trong lạc viên chánh pháp, mến pháp và theo pháp, tư duy nhớ tưởng pháp, thì sẽ không bị thối chuyển.

The monk who abides in the Dhamma, delights in the Dhamma, meditates on the Dhamma and bears the Dhamma well in mind, he does not fall away from the sublime Dhamma.

Kệ tụng

Vị Tỳ kheo trú pháp

Mến pháp suy tư pháp

Tâm tư niệm chánh pháp

Sẽ không rời chánh pháp.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Trưởng lão Dhammarama.

Theo truyện tích, khi Phật tuyên bố còn bốn tháng nữa, Ngài sẽ vào Niết bàn. Nghe tin bất lành đó, có nhiều vị Tỳ kheo cảm động khóc lóc. Các vị chưa chứng Sơ quả (Tu đà hoàn), thì không ngăn được tình cảm rơi lệ khóc than. Còn những bậc chứng A la hán, tuy không xúc động như các vị kia, nhưng cũng không khỏi ngậm ngùi chua xót, vì Phật nhập Niết bàn là một sự mất mát vô cùng lớn lao cho thế gian.

Riêng thầy Tỳ kheo Dhammarama (Trú pháp hỷ) khi biết được còn bốn tháng nữa, đức Phật vào Niết bàn, thầy rời khỏi Tăng đoàn, tìm nơi thanh vắng để tư duy quán chiếu những gì Phật dạy. Thầy chẳng màng để ý đến ai và cũng

không đến hầu Phật. Biết thế, các vị Tỳ kheo khác đến mách với đức Phật về việc làm của thầy. Nghe thế, Phật hỏi lý do, thầy đáp: vì thầy muốn chứng quả A la hán trước khi đức Thế Tôn vào Niết bàn. Phật khen ngợi và bảo các Tỳ kheo:

-“Này các Tỳ kheo, mỗi vị nên bày tỏ sự kính mến Ta như Dhammarama đã làm. Chẳng phải dùng hương hoa, hoặc những thứ cúng dường mà tôn kính ta. Chỉ có người thật hành theo giáo lý mới thật sự tôn kính Ta. Tiếp theo, Phật liền nói pháp cú trên.

Nghe Phật dạy xong, thầy Trú pháp hỷ liền chứng quả A la hán, hội chúng cũng được lợi lạc”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Trau dồi phạm hạnh, hành trì giới luật nghiêm minh, đó là nếp sống chân chính của người xuất gia. Muốn được an trú trong lạc viên chánh pháp, thì người xuất gia phải luôn luôn tài bồi con đường “Giới, Định, Huệ”, hay “Niệm, Định, Huệ”. Hằng tư duy thiền quán về chánh pháp, nương theo lời Phật dạy để tự quán chiếu lại mình. Có tư duy thiền quán, ta mới nhận diện thấy rõ đâu là nguyên nhân gây ra khổ đau và đâu là Niết bàn an lạc. Bát chánh đạo cũng là con đường thiết yếu để chúng ta hằng tư duy quán niệm. Đó là con đường thực tiễn dập tắt mọi khổ đau. Có hành trì suy nghiệm quán chiếu tận tường như thế, thì chắc chắn con đường giải thoát sẽ không còn xa vời với chúng ta nữa. Phật dạy người xuất gia muốn đạt được giải thoát, là phải tự trang bị cho mình cái tâm kiên cố và trường viễn. Có thế, thì mới mong vượt qua mọi khó khăn gian lao thử thách và tâm không hề thối chuyển.

Chuyện lược dẫn trên cho ta một chứng nghiệm thấy rõ điều đó. Thầy Tỳ kheo Dhammarama, thay vì ngồi đó buồn rầu bịn rịn khóc than, khi hay tin Phật sắp vào Niết bàn, thầy lại đi tìm nơi thanh vắng để quán chiếu thanh lọc đoạn trừ hết phiền não trước khi đức Phật nhập diệt. Bằng vào tất cả sự nỗ lực tinh cần thiền quán, không lâu, thầy đã chứng quả A la hán. Điều quan trọng mà ta cần chú ý, trong khi thật hành, thầy không màng gì đến những lời dư luận bàn tán đàm tiếu khen chê của những người khác. Thầy chỉ một bề lập nguyện tiến tu quyết tâm đạt cho kỳ được ý nguyện. Đó là điều mà không phải ai cũng có thể làm được. Phần nhiều, người tu chúng ta thời nay còn quá lệ thuộc vào dư luận khen chê. Khen thì vui vẻ, chê thì buồn giận. Đó là chúng ta nô lệ ngoại cảnh đánh mất quyền tự chủ ở nơi chính mình. Nếu chúng ta tu hành đàng hoàng, nhắm thẳng vào con đường giác ngộ giải thoát mà tiến tu, thì mặc cho ai đó đàm tiếu phải trái khen chê. Có thế, thì chúng ta mới có thể đạt được sở nguyện như thầy Tỳ kheo Trú Pháp Hỷ. Và chính đó mới thực sự là đền ơn giáo hóa dạy dỗ lớn lao của đức Phật. Khi đức Phật biết được sự thể rõ ràng, Phật liền tán dương khen ngợi thầy rất mực. Đó là tấm gương trong sáng cao đẹp mà chúng ta cần phải quan tâm noi theo tu tập.

---o0o---

365. Chớ nên khinh điều mình đã chứng, chớ hâm mộ điều người khác đã chứng, Tỳ kheo nào chỉ lo hâm mộ điều người khác tu chứng cuối cùng mình không được Tam ma địa (chánh định).

One should not despise what one has received, nor envy the gains of others. The monk who envies the gain of others does not attain to meditative absorption.

Kệ tụng

Không khinh điều mình được

Không ganh người khác được

Tỳ kheo ganh tỵ người

Không sao chứng thiên định.

---o0o---

366. Hàng Tỳ kheo, dù được chút ít cũng không sinh tâm khinh hiềm, cứ sinh hoạt thanh tịnh và siêng năng, nên đáng được chư thiên khen ngợi.

A monk who does not despise what he has received, even though it is little, who is pure in livelihood and unremitting in effort, him even the gods praise.

Kệ tụng

Tỳ kheo dầu được ít

Không khinh điều mình được

Chánh mạng, không biếng nhác

Chư thiên khen vị này.

Lược giảng

Hai pháp cú trên, Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến một thầy Tỳ kheo lạc bầy.

Theo truyện tích, có một thầy Tỳ kheo ở Trúc Lâm ly khai Tăng đoàn kết bạn thân với thầy Tỳ kheo khác thuộc nhóm Đề Bà Đạt Đa. Vì chỗ quen thân

thâm tình, nên một hôm, thầy đến nơi thầy Tỳ kheo bạn ở đó vài ngày. Sau khi trở về, thầy bị các thầy khác mách với đức Phật. Các thầy nói rằng, thầy Tỳ kheo đó, vì ham mê tặng phẩm vật thực, nên đã gia nhập với nhóm Đề Bà Đạt Đa rồi. Đức Phật gọi thầy đến hỏi duyên cớ. Thầy xác nhận việc mách đó là đúng, nhưng thầy không tán thành quan điểm của Đề Bà Đạt Đa.

Đức Phật bảo rằng, tuy ông không theo tà kiến, nhưng lập trường tu hành của ông không nhất định. Ông dễ bị lung lạc theo ý kiến của người khác. Thuở quá khứ, ông cũng đã từng làm như vậy. Nhân đó, Phật liền kể câu chuyện về con voi Damsel-Face. Đức Phật nói rằng, tuy con voi đó rất ngoan hiền, nhưng vì nó bị ảnh hưởng lời nói ác độc thô bỉ của bọn cướp, nên nó đâm ra bất trị thường hay chạy loạn và giết người. Về sau, nó ngoan hiền trở lại, bởi nghe các vị Bà la môn luận đạo. Voi Damsel-Face thuở ấy chính là thầy Tỳ kheo dễ tin hôm nay.

Kể xong, đức Phật kết luận:

- *“Là một Tỳ kheo, nên hài lòng với những gì mình nhận được, và không ham muốn những gì người khác có. Nếu ham muốn như vậy chẳng bao giờ đắc Thiên định, Trí tuệ, hoặc Thánh quả. Nếu hài lòng với những gì đang có, ông sẽ có tất cả”*. Dạy xong, Phật nói tiếp hai pháp cú trên. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Hai pháp cú trên, Phật chỉ dạy cho chúng ta không nên có mặc cảm tự ty khinh thị coi thường mình. Tổ Quy Sơn cũng có dạy: “Bỉ ký trọng phu ngã diệc nhĩ”. Nghĩa là người kia là bậc đại trọng phu, thì mình cũng có khả năng như thế. Không nên tự khinh mình mà lui sụt (Bất ưng tự khinh nhi thối khuất). Đây là những lời sách tấn khuyến giáo nhắc chúng ta phải có ý chí vươn lên. Đức Phật đã từng dạy, mỗi chúng sanh đều sẵn có tánh giác sáng suốt thanh tịnh như Ngài. Ngài đã thành Phật, thì tại sao mình không có khả năng thành Phật giống như Ngài. Luận về lý tánh mà nói, thì giữa Phật và chúng sanh không khác nhau. Chỉ khác nhau trên phương diện hành trì, hay khác nhau giữa mê và ngộ mà thôi. Câu nói: *“Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”*, đó là Phật đã xác quyết khẳng định một cách rõ ràng, không còn gì phải nghi ngờ. Điều quan trọng là chúng ta hãy nhìn kỹ lại mình xem mình có thật hành đúng theo lời Phật dạy hay không? Và mình có tận lực diệt trừ phiền não hay không? Nếu có, thì chắc chắn một ngày nào đó chúng ta cũng sẽ thành Phật như Ngài.

Còn hăm mộ vào những gì mà người khác đã chứng, thì đó là ta còn có cái tâm vọng ngoại tìm cầu và hoàn toàn ỷ lại vào tha nhân. Điều đó là điều tối kỵ trong đạo Phật. Đạo Phật không chấp nhận chúng ta nương tựa lệ thuộc vào những gì bên ngoài. Vì còn lệ thuộc là còn vướng mắc, không phải thật mình. Đạo Phật bắt chúng ta phải thừa nhận lại cái mình sẵn có. Không nên tiếp tục làm thân phận của gã cùng tử ăn mày. Phải chân thiết nhận lại cái gia tài quý

báu sẵn có của mình. Bởi vì ai cũng sẵn có cái “Chánh Nhân Phật Tánh”. Như trong cây sẵn có lửa, chỉ cần gia công tinh cần cọ xát, thì một lúc nào đó cây cũng sẽ phát lửa. Ai ăn người nấy no, ai tu người nấy chứng. không ai ăn thế và tu chứng cho ai. Ai tu người nấy thành, ai hành người nấy đắc. Đạo Phật rất công bằng bình đẳng là ở chỗ đó. Nếu một bề hướng ngoại tìm cầu hoặc ý lại vào sở chứng của người khác, thì muôn đời vĩnh kiếp chúng ta mãi mãi làm chúng sanh trong ba cõi, không mong gì giải thoát được. Khác nào một kẻ tối ngày chỉ biết đề cao khen tặng người giàu có nhiều tiền, trong khi đó mình lại ăn không ngồi rồi không làm gì hết, thử hỏi suốt đời mình có được gì không? Hay chỉ có hai bàn tay trắng thôi. Đó là thái độ của kẻ chỉ biết hâm mộ khen người mà lại quên mình.

Ngược lại, khi mình tu có được phần nào thanh tịnh an lạc, thì mình cũng không nên sanh tâm tự mãn khinh hiềm. Vì như thế là mình không có tâm cầu tiến. Đồng thời, mình cũng không nên có thái độ ngạo mạn khinh thường ai. Đó là hai thái độ bất lợi mà chúng ta cần phải tránh. Phật dạy chúng ta cứ sinh hoạt tinh tấn lo tu một cách bình thường. Như thế, thì mới hợp với lẽ đạo vậy.

Chuyện lược dẫn trên chứng minh cho chúng ta thấy thầy Tỳ kheo thiếu lập trường. Thầy không hài lòng với những gì mình đang có. Thầy nghe theo tiếng gọi đam mê của vật chất mà bị lung lạc tâm hồn. Cũng may là thầy biết quay đầu trở lại, không bị rơi vào con đường tà kiến. Người tu cần phải có một lập trường kiên định. Không nên đứng núi này trông núi nọ. Có lắm người chạy đông, chạy tây để tìm cầu, rốt lại, họ không được gì cả. Xin đừng vội nghe đầu chúi đó. Nếu thế, thì coi chừng chúng ta sẽ mất cả chùy lẫn chày. Có người thì lại chê pháp môn này, bài xích pháp môn kia, mà chính bản thân họ không tu hành gì hết. Cuối cùng, họ là kẻ đứng giữa ngã ba đường, dậm chân tại chỗ. Thật là đáng thương xót biết bao! Ta nên chú ý lời Phật dạy thầy Tỳ kheo kia rằng: “*nếu ông hài lòng với những gì đang có, thì ông sẽ có tất cả. Bằng ngược lại, thì sẽ mất tất cả*”.

---o0o---

367. Nếu đối với thân tâm mà không lầm chấp là “ta” hay “của ta”. Vì không ta và của ta nên không lo sợ. Người như vậy mới là Tỳ kheo.

He who has no attachment whatsoever for the mind and body, who does not grieve for what he has not - he is truly called a monk.

Kệ tụng

Đối với danh và sắc

Không chấp ta, của ta

Không tà, không sầu nã

Mới danh xưng Tỳ kheo.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến người Bà la môn cúng dường năm lần thành quả đầu tiên.

Theo truyện tích, có một vị Bà la môn chuyên sống về nghề nông, ông có biệt danh là “người cúng dường năm lần thành quả đầu tiên”:

Lần thứ nhất: Ông cúng dường những bông lúa cắt đầu tiên.

Lần thứ hai: Ông cúng dường những hạt lúa vừa mới đập xong.

Lần thứ ba: Ông cúng dường phần lúa đổ trong bồ đầu tiên.

Lần thứ tư: Ông cúng dường bát cơm đầu tiên, khi vừa mới nấu xong.

Lần thứ năm: Ông cúng dường những hạt cơm đầu tiên, khi múc ra đĩa.

Sau khi quán sát căn cơ của hai vợ chồng nông dân này, Đức Phật biết có thể độ họ chứng thánh quả A na hàm, nên Ngài liền đến nhà của ông để khát thực. Bà vợ nhìn thấy đức Phật, liền thâm nghĩ, chồng ta vừa mới cúng dường năm lần, mà bây giờ ông ấy đang dùng bữa, nếu như ông ta thấy vị Sa môn này, thì chắc chắn ông ta cũng sẽ cúng dường hết phần ăn của mình. Như thế, thì ông ta sẽ biểu ta nấu cơm nữa, mà ta thì không muốn nấu. Nghĩ thế, bà đứng án che khuất lại không cho chồng bà nhìn thấy đức Phật. Thỉnh thoảng, bà liếc mắt nhìn trộm đức Phật, xem đức Phật đã đi chưa. Hiểu ý, đức Phật vẫn đứng yên vị trí. Bà thâm nói: “Ông đi đi chứ”, vì sợ chồng bà nghe được. Nhưng cuối cùng, bà phải thốt thành tiếng khẽ nói với đức Phật: “Ông đi đi”.

Đức Phật thâm nghĩ: “Ta không đi” và lắc đầu. Bà vợ không nén được tức cười liền bật tiếng cười lớn. Khi ấy, đức Phật liền phóng quang và hiện hình ở trong nhà. Bây giờ, ông chồng mới thấy hào quang và hình ảnh đức Phật. Sau đó, ông la rầy và trách mắng bà vợ sao không mách cho ông biết khi đức Phật còn đứng ở bên ngoài. Thấy Phật, ông vội vã mang phân nửa phần ăn của ông đang ăn để dâng cúng dường đức Phật. Thay vì trả lời, Ta không nhận cơm ông ăn dư, đức Phật nói:

- “Này Bà la môn, dù là phân còn lại hay đầu tiên cũng được, chúng ta cũng giống như quý thần, sống bằng những thức ăn bố thí. Đức Phật liền nói kệ:

*Dù phần đầu, phần giữa, phần dư,
Người khát thực đều vui lòng nhận,
Không phiền hà trách móc dư thừa,
Người không ấy chính bậc chánh tri”.*

Nghe qua, ông ta rất vui mừng và dùng hết lời tán thán khen ngợi đức Phật. Sau đó, ông hỏi Phật: Bạch Ngài, những điều gì làm nên một Tỳ kheo? Đức Phật bảo:

- “*Này Bà la môn, một vị Tỳ kheo là người không bị ràng buộc, cột trói bởi những gì thuộc về Danh (Tâm) hay Sắc (Thân) rồi đức Phật liền nói pháp cú trên”.* (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Sở dĩ con người đau khổ nhiều, cũng bởi do chấp thân mà ra. Thân do duyên hợp mà có, nhưng vì si mê ái ngã, nên từ vô thi đến nay, chúng ta đã làm chấp cho thân này là thật. Đó là thân kiến quá sâu nặng. Người có học Phật chút ít, khi nghe lời Phật dạy, cũng ngầm biết thân này do tứ đại giả hợp, vô thường, vô ngã, nhưng khi đối cảnh xúc duyên, ai cũng thấy thân này là thật hết. Bởi cái biết đó chỉ biết qua khái niệm của ngôn từ mà thôi. Thực sự chưa phải cái biết do trí huệ Bát nhã thể nhận. Nghĩa là chúng ta cứ ngầm tưởng cho nó là thật. Chính niệm làm chấp này, mà chúng ta rất đau khổ vì nó.

Có người coi thân này quý trọng còn hơn vàng ngọc. Do đó, nên cả đời họ phải chịu vất vả khổ sở làm nô lệ cho nó. Thấy nó xấu xí đi một chút, thì họ rất lo sợ và mau mau sửa lại cho đẹp. Người ta rất sợ da nhăn má cốp, cho nên bằng mọi cách phải lo trang sức chăm sóc, bảo vệ cho nó. Mặc dù người ta nâng niu chiều chuộng nó đủ mọi cách, mọi nhu cầu ăn, mặc, ở, nhứt nhứt đều phải lo cung phụng cho nó được ấm êm đầy đủ. Thế nhưng, người ta lại quên rằng, dù cho có lo cung phụng trau chuốt sửa sắc đẹp cho nó đến đâu đi nữa, cuối cùng rồi nó cũng vẫn già, vẫn xấu xí, và vẫn phản bội lại chúng ta mà ra đi. Vì đó là sự thật. Không ai có thể chặn đứng những biến đổi từng sát na của thân thể. Nó hằng biến dịch đổi thay luôn luôn. Bản chất của nó là bất tịnh, là vô thường và hoại diệt.

Biết thế, thì chúng ta nên ý thức mà bớt tham chấp làm kẻ nô lệ cho nó, đừng để nó sai khiến chúng ta phải phục vụ cho nó suốt đời. Nói thế, không có nghĩa là chúng ta khinh thường không quan tâm chăm sóc tới nó. Không. Chúng ta vẫn kính trọng chăm sóc nó, vì nó là một chiếc bè, một chiếc xe đưa ta đến bến bờ giác ngộ giải thoát. Nếu chúng ta khéo biết lợi dụng nó để tu hành, làm nhiều điều lợi ích cho chúng sanh, thì đó là điều thật đáng tán dương khích lệ. Như thế, thì chúng ta không nên khinh thường nó. Cho nên, ý niệm khinh

thường, ép xác, hủy hoại nó, hay cung phụng cho nó được thỏa mãn mọi nhu cầu, đó là hai ý niệm không chánh đáng mà ta cần phải loại bỏ. Đó là thái độ khéo biết hành xử trung hòa dung hợp không cực đoan.

Thân đã vô thường biến hoại như thế, còn tâm thì sao? Tâm chúng ta cũng luôn luôn đổi thay không dừng. Bởi bản chất của nó là vọng tưởng, giả dối. Làm chấp một thứ giả dối, như hoa trong gương, như sương ngọn cỏ, như vàng trắng nhỏ dưới sông, tất cả không có gì là thật. Chấp chặt một thứ không thật, rồi khởi ra bao thứ khái niệm bóng mờ để rồi tranh chấp sát hại lẫn nhau. Thật nghĩ mà thương cho cái tâm si mê sâu dày của chúng ta! Nó sâu dày từ đời vô thủy đến nay. Cả thế giới nhơn loại ngày nay đau khổ cũng chỉ vì lâm chấp ở nơi thân tâm này. Bao giờ chúng ta thực sự nhận ra chúng là giả dối như hoa đốm trong hư không, thì chừng đó chúng ta mới thực sự tháo gỡ những cặp kính màu định kiến. Và chừng đó, nhơn loại mới thực sự biết thương yêu hòa ái trên kính nhau hơn. Được vậy, thì thế giới này sẽ trở thành một thế giới Cực lạc tại Ta bà. Nhưng biết đến bao giờ nhơn loại mới có cuộc sống hạnh phúc an vui như thế?!

Chuyện lược dẫn trên, ta nên chú ý câu hỏi của vị Bà la môn kia và câu trả lời của đức Phật. Câu hỏi: Những điều gì làm nên một Tỳ kheo? Nói cách khác, muốn làm Tỳ kheo phải hội đủ những điều kiện gì? Đức Phật trả lời một cách ngắn gọn: “*Một vị Tỳ kheo là người không bị ràng buộc, cột trói bởi những gì thuộc về Danh Sắc (thân tâm)*”. Qua lời dạy này ta có thể nói ngược lại: nếu còn lệ thuộc bị ràng buộc cột trói bởi Danh Sắc, thì chưa xứng đáng làm một vị Tỳ kheo.

Qua lời Phật dạy, mỗi người chúng ta nên tự quán chiếu xét nghiệm kỹ lại mình có thực sự xứng đáng là một vị Tỳ kheo đúng nghĩa hay chưa? Có quán chiếu suy xét như thế, thì chúng ta mới cảm thấy thật là hổ thẹn và rồi mới cố gắng nỗ lực gia công tiến tu, thanh lọc chuyển hóa vô minh phiền não, để tâm được thanh tịnh an lạc và giải thoát. Được thế, thì mới xứng danh làm người khát sĩ tu hạnh xuất thế vậy.

---o0o---

368. Hàng Tỳ kheo an trú trong tâm từ bi, vui thích giáo pháp Phật đà, sẽ đạt đến cảnh giới tịch tịnh an lạc, giải thoát các hành (vô thường).

The monk who abides in universal love and is deeply devoted to the Teaching of the Buddha attains the peace of Nibbana, the bliss of the cessation of all conditioned things.

Kệ tụng

Tỳ kheo trú từ bi

Vui thích giáo pháp Phật

Chung cảnh giới tịnh lạc

Các hạnh thầy an bài.

---o0o---

369. Tỳ kheo múc nước trong chiếc thuyền này, hễ nước hết thì thuyền nhẹ và đi mau; đoạn trừ tham dục và sân nhuế trong thân này, hễ tham dục hết thì mau chứng Niết bàn.

Empty this boat, O monk! Emptied, it will sail lightly. Rid of lust and hatred, you shall reach Nibbana.

Kệ tụng

Tỳ kheo tát thuyền này

Thuyền không, nhẹ đi mau

Trừ tham, diệt sân hận

Tát mau chứng Niết bàn.

---o0o---

370. Tỳ kheo nào đoạn được năm điều, bỏ được năm điều, siêng tu năm điều, vượt khỏi năm điều say đắm, ta gọi người đã vượt qua giòng nước lũ.

Cut off the five, abandon the five, and cultivate the five. The monk who has overcome the five bonds is called one who has crossed the flood.

Kệ tụng

Vị Tỳ kheo đoạn năm

Bỏ năm, tu năm điều

Vượt khỏi năm say đắm

Xứng danh kẻ vượt dòng.

---o0o---

371. Hãy tu định chớ buông lung, chớ mê hoặc theo dục ái. Đừng đợi đến khi nuốt hoàn sắt nóng, mới ăn năn than thở!

Meditate, O monk! Do not be heedless. Let not your mind whirl on sensual pleasures. Heedless, do not swallow a red hot iron ball, lest you cry when burning, "O this is painful!"

Kệ tụng

Tỳ kheo hãy tu thiền

Chớ buông lung phóng dăng

Đừng để tâm mê dục

Buông lung, nuốt sắt nóng

Bị đốt, chớ than khổ.

---o0o---

372. Không có trí tuệ, thì không có thiền định, không có thiền định, thì không có trí tuệ. Người nào gồm đủ thiền định và trí tuệ thì đã gần đến Niết bàn.

There is no meditative concentration for him who lacks insight, and no insight for him who lacks meditative concentration. He in whom are found both meditative concentration and insight, indeed, is close to Nibbana.

Kệ tụng

Thiếu trí, không thiền định

Thiếu định, không trí tuệ

Người có định, có tuệ

Nhất định gần Niết bàn.

---o0o---

373. Tỳ kheo đi vào chỗ yên tĩnh thời tâm thường vắng lặng, quán xét theo chánh pháp thì được thọ hưởng cái vui siêu nhân.

The monk who has retired to a solitary abode and calmed his mind, who comprehends the Dhamma with insight, in him there arises a delight that transcends all human delights.

Kệ tụng

***Tỳ kheo sống nhàn tịnh
Tâm tư lặng thường hằng
Tịnh quán theo chánh pháp
Thọ hưởng vui siêu nhân.***

---o0o---

374. Người nào thường nghĩ đến sự sanh diệt của các uẩn, thì sẽ được vui mừng hạnh phúc. Nên biết người đó không bị chết.

Whenever he sees with insight the rise and fall of aggregates, he is full of joy and happiness. To the discerning one this reflects the Deathless.

Kệ tụng

***Người luôn luôn tu niệm
Sự sanh diệt các uẩn
Được hưởng hoan hỷ lạc
Kẻ trí biết bất tử.***

---o0o---

375. Nếu là bậc Tỳ kheo sáng suốt, dù ở trong đời, trước tiên vẫn lo nhiếp hộ các căn và biết đủ, hộ trì giới luật.

Control of the senses, contentment, restraint according to the code of monastic discipline – these form the basis of holy life here for the wise monk.

Kệ tụng

***Vị Tỳ kheo có trí
Tự hiểu phải bắt đầu:***

Hộ căn biết tri túc

Trì giữ căn bản giới

Thường gần gũi bạn lành

Tinh cần, tham tịnh mạng.

---o0o---

376. Thái độ thì phải thành khẩn, hành vi thì phải đoan chánh, được vậy, họ là người nhiều vui và sạch hết khổ não.

Let him associate with friends who are noble, energetic and pure in life, let him be cordial and refined in conduct. Thus, full of joy, he will make an end of suffering.

Kệ tụng

Giao thiệp thì thành khẩn

Thái độ thì đoan trang

Do vậy hưởng vui nhiều

Sẽ dứt mọi khổ não.

Lược giảng

Chín pháp cú trên, Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một nhóm lớn Tỳ kheo.

Theo truyện tích, tại thành phố Kuraraghara thuộc nước Avanti, có vị Thượng Tọa Kaccana đang ẩn tu trên một ngọn núi gần thành phố. Bấy giờ, có một thanh niên Phật tử tên là Sona Kutikanna, sau khi học hỏi thấm nhuần giáo lý, chàng ta xin xuất gia với Ngài. Ngài hai lần từ chối. Dù biết đời sống xuất gia có nhiều khó khăn, nhưng chàng trai Sona quyết không nản chí cầu xin xuất gia cho kỳ được. Xin lần thứ ba, Sona được chấp nhận và gia nhập Tăng đoàn. Sau ba năm ở miền nam, thầy trở về Kỳ Viên để gặp Phật. Đến nơi, thầy được đức Phật đón tiếp thân mật và cho thầy vào hương thất của Ngài.

Suốt đêm hôm ấy, thầy Sona thiền hành ngoài trời, đến gần sáng thầy mới vào trong hương thất nằm nghỉ một chút. Đức Phật bảo thầy tụng bài kinh “Mười sáu đoạn”.

Tụng xong, Phật và Thiên long bát bộ đều tán thán ngợi khen thầy. Lúc ấy, có một vị thần ở trong nhà bà mẹ của thầy, cũng tán thán ca ngợi thầy. Bà mẹ thầy ngạc nhiên, hỏi ra mới biết vị thần đó ca ngợi con trai của bà. Vị thần đó còn nói, không phải riêng tôi ngợi khen mà đức Phật và chư thiên long tất cả cũng đều ngợi khen Tôn giả như thế. Nhờ vị thần đó nói, nên bà mới biết rõ là con của bà đã tụng kinh cho Phật nghe. Và bà nghĩ, sau này, khi con trai của bà trở về nhà, thì bà sẽ yêu cầu giảng giáo lý cho bà nghe.

Sau thời gian cận kề hầu Phật, thầy Sona trở về gặp lại vị sư phụ. Hôm sau, thầy cùng sư phụ đến trước nhà thân mẫu khát thực. Thấy con bà rất vui mừng, hỏi han, săn sóc chu đáo và bà thuật lại mọi việc liên quan đến thầy khi thầy còn hầu cận bên Phật ở hương thất.

Thầy Sona rất ngạc nhiên và hỏi duyên do. Bà mẹ cho biết, tất cả đều do thần nhân mách lại. Đồng thời bà thỉnh Tôn giả Sona thuyết pháp cho bà nghe. Tôn giả nhận lời.

Lúc ấy, có một đảng cướp đông đảo, bọn chúng định xông vào nhà bà. Nhưng chung quanh nhà có những bức tường bao bọc rất kiên cố và có chó dữ, nên bọn cướp không thể vào được.

Đến ngày hẹn bà đi nghe pháp, bọn cướp thừa cơ hội đó liền đào địa đạo xuyên qua những chướng ngại vật và chúng vào được trong nhà. Bọn chúng cho người theo dõi khi bà trở về nhà quyết thủ tiêu bà. Để bảo đảm chắc ăn hơn, nên tên đầu đảng đích thân theo dõi vào giảng đường và hẩn đứng bên cạnh bà. Trong khi đó, bọn cướp thắp đèn sáng lên và mở cửa kho tiền đồng. Người tớ gái trông thấy, liền chạy báo tin cho bà chủ biết. Nghe tin, bà vẫn thản nhiên tiếp tục nghe pháp, mặc cho bọn cướp muốn lấy bao nhiêu thì cứ lấy. Khi chúng lấy sạch kho tiền đồng, sang lấy tiếp kho bạc và rồi đến kho vàng, người tớ gái đến báo tin cho bà biết, bà cũng trả lời như trên và tiếp tục nghe giảng pháp. Chẳng những bà không chút bận tâm gì đến vàng bạc của cải, mà bà còn quở trách la rầy người tớ gái làm rộn tâm bà. Bà đuổi người tớ gái đi về.

Tên tướng cướp đầu đảng đứng bên nghe thấy thế, liền thầm nghĩ: “*Nếu chúng ta lấy tài sản của một người như bà này, trời Đế Thích sẽ đánh vỡ đầu chúng ta*”. Nghĩ thế, hẩn liền ra lệnh trả hết vào kho như cũ. Xong rồi, cả đồng bọn đều kéo đến nghe pháp. Sau thời pháp, tên đầu đảng và đồng bọn đều quỳ dưới chân bà xin lỗi. Đồng thời cả bọn xin được xuất gia theo Tôn giả vào Tăng đoàn. Tôn giả Sona nghe lời mẹ khuyên bảo, chấp nhận cho chúng xuất gia nhập Tăng đoàn. Đức Phật biết thế, liền hiện thân đến dạy cho họ những pháp cú trên. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Pháp cú 368, Phật dạy người xuất gia phải an trú trong tâm từ bi, vui thích giáo pháp Phật đà. Tâm từ bi là lòng thương rộng lớn trùm khắp tất cả. Muốn an

trú (sự có mặt của tâm tĩnh thức an bình) trong tâm từ bi, chúng ta phải đi sâu vào thiền quán. Quán các pháp không có thực tánh. Chúng chỉ là những hiện tượng phơi bày qua lăng kính ảo giác của dòng tâm thức. Tất cả đều hệ thuộc vào lý duyên khởi hình thành. Sự có mặt của vạn pháp, cũng chính là sự có mặt của ta. Ta và muôn pháp không thể tách biệt thành đôi tượng nhận thức. Vì đối tượng nhận thức chỉ nằm trên bình diện đối đãi nhị nguyên. Vượt lên khỏi mặt phẳng của nhị nguyên, hòa nhập cùng đại thể, chúng ta mới có được tâm thể từ bi rộng khắp. Còn dính mắc vào giả tướng, tất nhiên, là ta vẫn còn bị cột trói trong ảo giác khái niệm và như thế, ta sẽ không bao giờ có được tâm từ bi rộng khắp, vì ta còn nhận thức trong lăng kính chủ quan của nghiệp thức ái kiến. Như thế, thì tâm từ bi của chúng ta làm sao rộng độ khắp chúng sanh. Có mở rộng tâm từ bi làm lợi lạc chúng sanh, thì lòng ta mới thực sự an vui với chánh pháp. An vui với chánh pháp, đó là hạnh phúc, tịch tịnh, Niết bàn.

Pháp cú 369, đức Phật nêu ra một thí dụ cụ thể về nước ngập trong thuyền. Nếu muốn chiếc thuyền không bị chìm đắm, tất nhiên, ta cần phải múc cho hết nước. Khi nước không còn, thì thuyền mới có thể đi nhanh được. Cũng thế, người tu nói chung, Tỳ kheo nói riêng, muốn đạt được Niết bàn an lạc, thì Phật bảo chúng ta phải mau gấp rút đoạn trừ tham dục và sân nhuế. Vì chúng chính là thủ phạm gây nên bao thứ ác nghiệp tội lỗi để nhận chìm chiếc thuyền đời của chúng ta trong biển đời đầy khổ đau hệ lụy. Một khi không còn những thứ căn bản phiền não này, thì đời ta mới được an lạc giải thoát.

Pháp cú 370, Phật dạy: *“Tỳ kheo phải đoạn năm điều, siêng tu năm điều, vượt khỏi năm điều say đắm. Được thế, mới có thể vượt qua khỏi dòng nước lũ”*. Muốn hiểu rõ những điều này, trước tiên, ta cần nhớ lại mười món căn bản phiền não. Mười món căn bản phiền não, còn gọi là Thập kiết sử gồm có: Tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ. Kiết là trói buộc, sử là sai khiến, vì những thứ có khả năng trói buộc chúng sanh trong ba cõi và sai sử chúng sanh tạo nhiều nghiệp ác để chiêu cảm thọ khổ. Mười kiết sử này, người ta chia chúng ra làm hai loại:

1. *Lợi sử*: Là những món phiền não rất lanh lẹ nhạy bén dễ sanh khởi và cũng dễ đoạn trừ đó là: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, và giới cấm thủ kiến.

2. *Độn sử*: Là những món phiền não chậm lụt đần độn, chúng có gốc rễ sâu dày và sanh khởi một cách ngấm ngấm sâu xa nhưng rất mãnh liệt thật khó đoạn trừ, đó là: Tham, sân, si, mạn, nghi.

Năm điều Phật nói ở đây mà một vị Tỳ kheo cần phải đoạn đó là dứt năm kiết sử của hạ giới:

Dục giới tham là sự tham muốn ở Dục giới.

Sân là sự nóng giận khi gặp nghịch cảnh.

Thân kiến là chấp thân ngũ uẩn giả hợp này làm ta.

Giới cấm thủ là cố chấp các giới cấm tà vạy.

Nghi là nghi ngờ không có lòng tin sâu vững chắc.

Năm điều mà Tỳ kheo phải từ bỏ đó là năm điều kiết sử của thượng giới gồm có:

Sắc giới tham là tham đắm vật chất ở cõi sắc.

Vô sắc giới tham là tham đắm ở cõi Vô sắc.

Trạo cử là loạn động, phóng dật.

Mạn là cống cao ngã mạn.

Vô minh là mê mờ.

Còn nói tu năm điều đó là tu ở nơi năm căn lành, gồm có:

Tín căn là lòng tin Tam bảo, nhân quả vững chắc mạnh mẽ.

Tấn căn là tinh tấn dũng mãnh trên bước đường tu tập, không bao giờ thối lui.

Niệm căn là ghi nhớ rõ ràng.

Định căn là lắng tâm yên tịnh, chuyên chú vào chánh pháp để suy đạt thật nghĩa của nó.

Huệ căn là trí huệ sáng suốt, thâm nhập được chân tướng của vạn pháp.

Còn nói vượt khỏi năm điều say đắm đó là: tham, sân, si, mạn và ác kiến vạy.

Pháp cú 371 và 372, Phật dạy chúng ta phải tu cả hai: thiền định và trí huệ. Đức Phật khuyến nhắc chúng ta chớ nên buông lung, và cũng chớ mê hoặc theo dục ái. Có thể nói, thiền định và trí huệ là hai yếu tố căn bản cốt lõi của đạo Phật. Dù hành giả tu bất cứ pháp môn nào, cũng phải có thiền định. Vì định có khả năng dừng mọi vọng tưởng. Theo Phật giáo Phát triển (Đại thừa) chủ trương, thì Định và Huệ không hai. Trong Pháp Bảo Đàn, đức lục Tổ Huệ Năng dạy: “giữa định và huệ không có trước sau”. Nghĩa là đồng thời đều có. Trong

định có huệ, hay ngược lại cũng thế. Điều này, khác với Phật giáo Nguyên Thủy chủ trương: “nhân giới sanh định, nhân định phát huệ”. Như vậy, nhờ giữ giới luật nghiêm minh mà có định và nhờ có định lực mạnh nên phát sanh trí huệ, đó là định huệ có thứ lớp trước sau.

Nhưng muốn có định, thì hành giả không thể để tâm buông lung chạy theo sáu trần mà có được. Tất nhiên là phải nhiếp tâm vào một đề mục thiền quán nào đó, tùy theo sự lựa chọn thích hợp của hành giả. Nhưng sự lựa chọn nào, mục đích nhắm tới cũng là muốn được định tâm. Kinh Di Giáo Phật dạy: “Chế tâm nhứt xứ, vô sự bất biện”. Nghĩa là nếu chúng ta chuyên tâm thiền quán vào một đề mục đối tượng nào đó, thì không việc gì chẳng xong. Tất nhiên là chúng ta sẽ đạt được kết quả rất cao. Cho nên, tu mà tâm không định, đó là tu sai, không phải tu theo Phật giáo. Nhưng xin nhớ rằng, định nói ở đây là đừng hết mọi vọng tưởng. Khi vọng tưởng lãng xã lạng dừng rồi, thì con khi ý thức không còn cơ hội hoạt động thao túng chúng ta được nữa. Có định huệ là có Niết bàn an lạc, giải thoát. Và một khi tâm được định rồi, thì mọi ái dục không còn khả năng lôi kéo chúng ta đi vào con đường tội lỗi được nữa.

Câu cuối của pháp cú 371, là đức Phật nhằm cảnh tỉnh răn nhắc chúng ta. Nếu tâm ta buông lung đắm mê theo dục lạc, thì cánh cửa địa ngục đang mở rộng chờ đón chúng ta. Đó là Phật nói: *“Đừng đợi đến khi nuốt hòn sắt nóng mới ăn năn than thở”*. Sự ăn năn than thở đó, hẳn không còn kịp nữa rồi! Là người tu, ta nên quan tâm chú ý đến lời cảnh giác của đức Phật nói ở đây. Đồng thời, cũng nên lưu tâm ghi nhớ lời Phật dạy trong câu cuối của pháp cú 372: *“Người nào gồm đủ thiền định và trí huệ, thì gần đến Niết bàn”*.

Pháp cú 373, Phật dạy người xuất gia đi vào chỗ yên tĩnh thời tâm thường vắng lặng. Điều này, rải rác trong những pháp cú trước, đức Phật cũng từng khuyên bảo chúng ta như thế. Nên nhớ, bản thân của đức Phật, cũng như các vị Tỳ kheo đều sống đời sống phạm hạnh khát thực. Do đó, nên các Ngài không ở một chỗ cố định. Phần nhiều, các Ngài đều sinh hoạt trong rừng sâu núi thẳm. Sau khi đi khát thực ở xóm làng, các ngài thường tìm nơi vắng vẻ để thiền quán. Đó là đời sống không có gì bận rộn vướng mắc buộc ràng. Do vậy, nên tâm các Ngài luôn luôn được thanh tịnh an lạc.

Ngoại cảnh tuy là điều kiện ngoại tại, nhưng nó cũng giúp cho sự thanh lọc phiền não của người tu rất lớn. Đối với trình độ căn cơ của các Ngài thời đó, mà còn tìm chỗ thanh tịnh vắng vẻ để gạn lọc thanh tịnh hóa thân tâm. Còn đối với chúng ta thời nay thì sao? Thời nay, chắc chúng ta hơn các Ngài ở chỗ, là thường ở những nơi ồn ào náo động. Lý do biện minh, là vì thời đại khoa học tiên bộ, cần phải thích nghi với mọi nhu cầu hoàn cảnh. Thích nghi thì có, nhưng mà dứt **“Si mê”** thì không. Thật thế, đối với căn cơ hạ liệt như chúng ta, thử hỏi làm sao giữ tâm yên tịnh giữa cảnh phiền toái nhộn nhịp náo động cho

được? Tâm ta chưa an tịnh, thì làm sao tránh khỏi không bị ngoại cảnh chi phối lôi cuốn?! Tâm có tịch tịnh, thì ta mới có thể dễ quán sát nhìn kỹ lại mình hơn. Đồng thời, ta mới có đủ năng lực sáng suốt để tư duy sát nghiệm chân lý. Khi sống trong tư duy chánh pháp, tất nhiên, là ta có được sự an lạc của tâm hồn. Sự an lạc này, chỉ có những người nào thiết thiết thực nghiệm chân lý, mới có thể cảm nhận được mà thôi. Đó là điều mà người ngoại cuộc, thật không thể nào thấu hiểu được. Do đó, nên Phật nói: “*quán sát theo chánh pháp thì được thọ hưởng cái vui siêu nhân*”.

Pháp cú 374, đức Phật bảo chúng ta phải chánh niệm, chánh quán ở nơi xác thân ngũ uẩn. Ngũ uẩn là do năm thứ tích tụ kết hợp thành thân. Bản chất của chúng là sanh diệt vô thường. Thân tâm này chỉ là nhân duyên giả hợp. Đã giả hợp, tất nhiên, nó phải bị tan rã hoại diệt. Sanh, già, bệnh, chết, là một chu kỳ biến dịch của đời người. Từ sanh đến tử, trải qua không biết bao nhiêu thăng trầm biến đổi, sanh diệt khổ đau. Chiêm nghiệm thật kỹ xác thân ngũ uẩn này, ta thấy quả nó là một chuỗi dài biến hoại đau khổ. Nhận rõ bản chất sanh diệt vô thường của nó, ta không còn tham chấp, để rồi gây ra làm khổ đau hệ lụy cho mình và người. Và như thế, là ta đã chứng nghiệm nếm được mùi vị của sự an lạc hạnh phúc. Vì ta sống có tinh thức, có chánh niệm trong từng mỗi phút giây hành động vậy.

Pháp cú 375, đức Phật nêu ra bốn vấn đề thiết yếu để thức nhắc chúng ta.

1. Sống trong đời phải sáng suốt. Sáng suốt là trí huệ. Muốn có được trí huệ sáng suốt, thì ta cần phải siêng năng trau dồi ba môn huệ học: Văn, Tư, Tu. Văn là nghe, rộng ra là đọc tụng nghiên cứu tìm hiểu kinh điển. Tư là suy nghĩ quán chiếu những gì đã nghe và học hỏi. Tu là thật hành thực nghiệm những gì đã tư duy chín chắn. Từ đó, chúng ta mới có được trí huệ thế gian và siêu xuất thế gian. Trí huệ thế gian là thứ trí huệ hữu lậu khéo biện biệt rõ những điều gì có lợi và có hại trong đời sống hằng ngày. Lợi thì nên làm và hại thì nên tránh. Như thế, trí huệ đó cũng giúp ích cho chúng ta rất nhiều trong khi tiếp cận với môi trường sống.

Còn trí huệ xuất thế gian là trí huệ vô lậu, còn gọi là trí huệ bát nhã. Thứ trí huệ này tuy sẵn có, nhưng cũng phải do tu mới được. Nghĩa là phải có năng lực công phu thiền định sâu dày mà phát sanh. Đây là thứ trí huệ có công năng phá tà hiển chánh, giản trạch nhận rõ các pháp là giả dối không thật. Do nhận định đúng chân lý, nên chúng ta không gây tạo các ác pháp. Do đó, nên được an lạc giải thoát.

2. Nhiếp hộ các căn. Vấn đề này Phật dạy chúng ta phải khéo gìn giữ ở nơi sáu căn. Không để các căn buông lung nhiễm trước ở nơi sáu trần. Vì có nhiễm trước là có đau khổ. Người tu phải phòng hộ sáu căn như người canh giữ gác cổng. Người gác cổng không thể nào chệnh mảng giải đãi lơ là được. Phải

luôn luôn để tâm chú ý theo dõi hành tung của kẻ ra người vào. Có thể, thì thành trì mới mong an ổn. Cũng thế, chúng ta phải gìn giữ sáu căn như người canh gác cửa công. Phải chú ý kiểm soát cẩn trọng từng ý nghĩ, lời nói và việc làm. Phải kiểm soát nghiêm mật như kẻ chặn trâu, hay như mèo rình chuột. Có thể, thì đời tu của chúng ta mới có tiến bộ trên bước đường giác ngộ giải thoát vậy.

3. Biết đủ. Đây là Phật dạy người tu phải thật hành hạnh tri túc. Tri túc là đời sống biết đủ, đơn giản, chùng mực. Người nào không biết đủ tuy giàu mà nghèo, ngược lại, người biết đủ tuy nghèo mà giàu. Người biết đủ thì được an vui, vì họ không làm nô lệ cho những thứ dục vọng sai khiến. Họ là người khéo biết tùy duyên an phận thủ thường để sống. Đối với người xuất gia, hạnh tu này rất thiết yếu, nếu chúng ta muốn được an lạc giải thoát. Đây là vấn đề rất quan trọng trong sự tu hành. Do đó, nên Phật Tổ thường khuyên dạy hay nhắc đi nhắc lại vấn đề này rất nhiều. Ở đây, chúng tôi không muốn dong dài luận bàn thêm.

4. Hộ trì giới luật. Giới luật là căn bản giải thoát của người tu. Người không giữ giới, khác nào như ngựa không giầy cương. Đó là hiện thân của đời sống phóng túng, bê tha trụy lạc. Tất nhiên, là phải chuốc lấy họa hại vào thân. Là người Phật tử, dù tại gia hay xuất gia, Phật dạy, tất cả đều phải nghiêm trì giới luật. Nếu không, thì đời đời phải chịu trầm luân đau khổ.

Pháp cú 376, Phật dạy chúng ta phải có thái độ thành khẩn và hành vi đoan chánh. Thái độ là biểu lộ hình tướng bên ngoài, tức thuộc về phần oai nghi. Thành khẩn là lòng chí thiết trong tâm. Như vậy, đối với người xuất gia, Phật dạy, trong ngoài đều phải nghiêm trang. Thái độ bên ngoài là hình thức có thể đánh giá được trong tâm chúng ta. Người xưa nói: *“tâm u trung xuất hành u ngoại”*. Nghĩa là trong tâm thế nào, thì biểu lộ ra hình tướng bên ngoài thế ấy. Trong tâm có thành khẩn thì biểu lộ bên ngoài mới nghiêm trang thành khẩn. Đây là điều rất quan trọng để đánh giá được người tu. Ngoại trừ những bậc đạt đạo, mới có những hành động xuất cách mà ta không thể nào đoán định được. Ngoài ra, kẻ phạm phu thường tình như chúng ta, thì cần phải giữ gìn cả hai. Nhất là lòng thành kính bên trong. Vì tâm là cội gốc, còn hành động biểu lộ bên ngoài là cành ngọn. Thế nên, giữ gìn chánh niệm trong tâm mới là điều quan trọng nhất của người tu. Do đó, nên Phật nói: *“Được như vậy họ là người nhiều vui và sạch hết khổ não”*.

Chuyện lược dẫn trên, ta thấy bà mẹ của thầy Sona, vì hâm mộ tôn kính pháp, nên bà không màng gì đến tài sản. Điều này, thế gian thật hiếm có. Ba lần nhận tin, bà quyết không rời khỏi giảng đường. Lòng bà vẫn bình tĩnh thản nhiên, như không có chuyện gì xảy ra. Đó là do vì bà chứng nhận được lý vô thường. Vạn vật chỉ là phù hoa hư ảo. Chỉ có pháp tánh mới là chân thật. Nhờ nhận rõ mọi vật vô thường giả huyễn, dù đó là vàng bạc quý báu cũng không tồn tại lâu dài, cho nên bà không lộ vẻ một chút hối tiếc. Chẳng những thế, mà

bà còn quở trách người tớ gái đưa tin làm rộn tâm bà. Chính thái độ đó, mà bà đã cảm hóa nhiếp phục được tên đầu đảng tướng cướp. Và cả bọn chúng đều hồi tâm quay về nẻo thiện, cải tà quy chánh. Tất cả đều xin xuất gia học đạo với Tôn giả Sona.

---o0o---

377. Cành hoa Bạt tất ca¹¹ bị úa tàn như thế nào, thì Tỳ kheo các ông, cũng làm cho tham sân úa tàn thế ấy.

Just as the jasmine creeper sheds its withered flowers, even so, O monks, should you totally shed lust and hatred!

Kệ tụng

Như hoa Vassika

Quăng bỏ cánh úa tàn

Cũng vậy vị Tỳ kheo

Giải thoát tham và sân.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến năm trăm vị Tỳ kheo.

“Chuyện kể rằng, các thầy Tỳ kheo này sau khi được đức Thế Tôn cho đi mục thiện định rồi, liền lui vào rừng sâu và bắt đầu hành thiền. Đang ngồi thiền, các thầy trông thấy những bông lài mới nở tươi tắn chỉ sáng nay thôi, chiều đã úa tàn rũ cánh gục đầu. Các thầy tự nghĩ: “Chúng ta phải diệt trừ được tham sân si trước những đóa hoa lìa cành”. Và các thầy càng nỗ lực chuyên chú vào việc hành thiền, như vừa được tiếp thêm sức mạnh mới. Đức Thế Tôn quán sát các thầy Tỳ kheo ấy và dạy rằng:

- *Này các Tỳ kheo, cũng như đóa hoa kia thoát khỏi cành, một vị Tỳ kheo phải gắng sức thoát khỏi mối khổ sanh tử.*

Vẫn ở tại hương thất, Ngài phóng một đạo hào quang và nói kệ cho các thầy Tỳ kheo.

Nghe xong, tất cả năm trăm thầy Tỳ kheo đều đắc quả A la hán”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú Tập III, Viên Chiếu, tr 290)

Đời người khác thể loài hoa

Sớm còn tối mất nở ra lại tàn.

Đức Phật mượn hình ảnh đóa hoa, nhằm để thức tỉnh các thầy Tỳ kheo về lý vô thường của vạn pháp. Vô thường là một đề tài thường được đức Phật giảng đi giảng lại. Cũng đồng thời nhìn một sự vật, nhưng đối với người giác ngộ thấy khác và người mê thấy khác. Người mê thì thấy mọi vật, chạm mắt đến đâu cũng thấy là thật cả. Nhưng đối với người giác ngộ, thì thấy vạn vật chỉ là hư ảo không thật. Từ cảnh vật cho đến thân tâm ta, tất cả đều không khác gì loài hoa! Hoa có nở tất phải có tàn. Đó là định luật tự nhiên. Đời người cũng thế, có sanh tất phải có tử. Sanh tử là định luật thường nhiên.

Đức Phật khéo dùng đóa hoa thoát khỏi cảnh, để cảnh tỉnh các thầy Tỳ kheo muốn thoát khỏi khổ sanh tử cũng phải cố gắng chuyên tu diệt trừ tham, sân, si như thế. Khi vô minh phiền não không còn, như hoa lìa cành, thì mọi khổ đau ngang đó sẽ chấm dứt.

---o0o---

378. Hàng Tỳ kheo mà thân giữ thanh tịnh, tâm an trú tam muội¹² xa lìa nơi dục lạc, ta gọi là người tịch tịnh.

The monk who is calm in body, calm in speech, calm in thought, well composed and who has spewn out worldliness – he, truly, is called serene.

Kệ tụng

Thân tịnh, lời an tịnh

Trí tịnh, trừ tam muội

Tỳ kheo bỏ thế tình

Xứng danh người tịch tịnh.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Trưởng lão Santakaya.

Theo truyện tích, thầy Santakaya là người gìn giữ oai nghi rất cẩn thận. Mọi cử chỉ, hành động, lời nói, thầy đều tỏ ra rất tế nhị nhã nhặn và lịch sự với mọi người.

“Chuyện kể rằng, thầy vốn được sanh ra từ bụng một con sư tử. Loài sư tử mỗi khi kiếm được mồi, chúng thường vào trong những động vàng bạc châu báu, mã não và nằm ở đấy bảy ngày trên một lớp bột vàng trộn với bột hoàng thạch. Ngày thứ bảy, khi trời dậy, chúng quan sát chỗ nằm, nếu thấy có dấu vết di chuyển của đuôi, tai, hoặc bốn chân làm bụi bột tung toé, chúng liền tự bảo: “Thế này là chưa xứng với dòng dõi của mình”. Và ở lại nhịn đói thêm bảy ngày nữa, giữ gìn cẩn thận hơn. Cho đến khi không thấy bụi bột dấy lên, chúng tự nói “Đây mới xứng với dòng dõi của ta”. Chúng mới rời ổ, ngáp và duỗi tay chân, quan sát tứ phía, rống lên ba tiếng và đi tìm mồi. Được sanh từ bụng một con sư tử như thế nên thầy luôn có vẻ điềm tĩnh.

Tư cách trang nhã của thầy khiến các thầy khác chú ý đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, chúng con không hề thấy Sa môn nào như thầy Santakaya. Khi thầy đi đứng, không bao giờ thầy lúc lắc tay chân, không hề ngáp và quơ tay, đá giò...

Đức Phật bảo:

- “Này các Tỳ kheo, một vị Sa môn nên như Trưởng lão Santakaya, an tịnh trong khi đi đứng, trong lời nói, tư tưởng”. Phật liền nói pháp cú trên. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú Tập III, Viên Chiếu, tr 291)

Oai nghi tuy là hình dáng bề ngoài, nhưng nó cũng có một tác dụng rất lớn trong việc hành xử độ tha. Đối với người xuất gia, thì việc giữ gìn oai nghi tế hạnh, là điều không thể thiếu sót. Một vị mới vào chùa xuất gia, là đã được thầy dạy về bốn phép tắc oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, một cách rất kỹ lưỡng. Hành động, cử chỉ, nói năng thô tháo vụt chạc, đó là hành động thiếu cung cách oai nghi của người xuất gia. Phẩm hạnh của người xuất gia rất cao đẹp. Đức Phật cũng như chư Tổ, ngoài việc khẩu giáo, các Ngài còn phải dùng đến thân giáo. Thân giáo thuộc về đức tướng hạnh kiểm oai nghi. Muốn có được hạnh đức oai nghi đoan nghiêm, thì người tu cần phải giữ gìn giới luật. Nhờ giữ giới luật mà ba nghiệp: thân, ngữ, ý được thanh tịnh. Khi tâm được an định, thì mọi dục lạc ham muốn ở thế gian sẽ không còn. Đó là thoát ly thế tình, sống an tịnh, nhàn nhã, tự tại. Nên Phật nói: *“Ta gọi họ là người tịch tịnh”* (tên khác của Niết bàn).

---o0o---

379. Các người hãy tự cảnh sách, các người hãy tự phản tỉnh! Tự hộ vệ và chánh niệm theo chánh pháp mới là Tỳ kheo an trụ trong an lạc.

By oneself one must censure oneself and scrutinize oneself. The self-guarded and mindful monk will always live in happiness.

Kệ tụng

Tự mình chỉ trích mình

Tự mình dò xét mình

Tự hộ trì chánh niệm

Tỳ kheo trú an lạc.

---o0o---

380. Chính các người là kẻ bảo hộ cho các người, chính các người là nơi nương náu cho các người. Các người hãy gắng điều phục lấy mình như thương khách lo điều phục con ngựa lành.

One is one's own protector, one is one's own refuge. Therefore, one should control oneself, even as the trader controls a noble steed.

Kệ tụng

Tự mình cứu hộ mình

Tự mình nương tựa mình

Vậy hãy tự điều phục

Như thương khách ngựa hay.

Lược giảng

Hai pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Trưởng lão Nangalakula.

Theo truyện tích, xưa kia, có một người nghèo khổ chuyên đi làm thuê kiếm tiền độ nhật. Anh ta ăn mặc rách rưới, chỉ có một chiếc khố rách, vai thì vác cày, trông anh rất là khổ sở. Anh ta gặp vị Sa môn trên đường. Sau khi hỏi chuyện, vị Sa môn độ cho anh ta xuất gia. Xuất gia xong, thầy gia nhập Tăng đoàn và theo vị Sa môn tu học tại tinh xá Kỳ Hoàn. Vị Sa môn bảo chú Sa đi treo chiếc khố rách và cái cày trên một cành cây. Do đó, mà thầy có tên là Nangalakula, tức Tôn giả “Thợ Cày”.

Thời gian thầy sống trong tu viện, đôi lúc thầy cảm thấy bất mãn. Những lúc bất mãn, thầy hay đến dưới gốc cây nơi treo chiếc khố rách và cái cày, rồi tự sỉ nhục mình: “ Mi thật xấu xa, không thành tâm chút nào. Bộ mi muốn mặc

chiếc khố rách này, trở về thế tục để làm thuê hay sao?” Sau khi tự trách mình, thầy trở về tu viện tiếp tục tu học. Nhưng sau đó, cơn bất bình lại nổi lên, thầy cũng ra gốc cây tự trách như thế. Các vị Sa môn khác thấy thế thắc mắc tìm thầy để hỏi rõ nguyên do. Thầy không ngần ngại trả lời là thầy đi gặp vị Giáo thọ. Nhờ tự trách xấu hổ, nên thầy nỗ lực tu hành, không bao lâu thầy chứng quả A la hán. Các Tỳ kheo khác không thấy thầy đến gốc cây như trước, mới hỏi đùa: “sao thầy không đi gặp vị Giáo thọ của thầy nữa?” Thầy Thọ Cày trả lời: “vì không còn vương bận việc thế gian nên không đến đó nữa”.

Các thầy Tỳ kheo khác cho rằng, thầy ta nói vọng ngữ, liền đến bạch Phật.

Phật dạy:

- *“Này các Tỳ kheo, thầy ấy nói đúng. Thầy ấy đã tự khuyên răn mình và đã đạt được Thánh quả”*. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Hai pháp cú trên, Phật bảo chúng ta mỗi người hãy tự cảnh tỉnh răn nhắc phản tỉnh lấy mình. Phải tự hộ vệ gìn giữ chánh niệm. Chính mình phải tự bảo hộ và nương tựa nơi chính mình. Phải cố gắng điều phục lấy mình như điều phục ngựa lành. Phản tỉnh là phương cách hay nhất để tự thấy lỗi mình. Đức Phật không muốn cho chúng ta lệ thuộc vào ngoại cảnh. Vì còn lệ thuộc ngoại cảnh là chúng ta còn có tâm vọng ngoại tìm cầu. Mà còn tìm cầu ở bên ngoài là trái với đạo lý giác ngộ. Chúng ta nên nhớ rằng, trước khi chứng ngộ chân lý, đức Phật là người hằng sống nhìn kỹ lại chính mình. Nhờ nỗ lực thiền quán, nên Ngài mới khám phá phát minh được cái chân lý siêu việt. Đó là điều trái với những hàng ngoại đạo đương thời.

Tại sao phải tự phản tỉnh răn nhắc lấy mình? Và tại sao phải nương tựa nơi chính mình? Người tu theo đạo Phật phải hằng tỉnh giác. Vì Phật là người tỉnh thức. Chử Buddha có nghĩa là người tỉnh thức. Tu hành thiếu cảnh giác, tỉnh thức, tất nhiên, chúng ta sẽ bị ngoại cảnh lừa đảo lôi cuốn. Tâm chúng ta rất dễ bị ngoại cảnh lừa gạt. Vì chúng ta chưa thật sự sống được với bản tâm chân thật thanh tịnh sáng suốt của chính mình. Chúng ta luôn sống theo tâm vọng. Mà bản chất của tâm vọng là sanh diệt, là vô thường, biến đổi liên miên. Nó thường phan duyên bám theo trần cảnh. Nó không bao giờ để chúng ta yên. Vì vậy, chúng ta phải luôn luôn quán sát theo dõi nó để tự phòng ngự cảnh tỉnh. Có cảnh tỉnh kiểm soát chặt chẽ ở nơi tâm ý, thì chúng ta mới được an trú trong an lạc. Đó là cốt lõi của sự tu hành để được giác ngộ giải thoát vậy.

---o0o---

381. Tỳ kheo nào đầy tâm hoan hỷ, thành tín theo giáo pháp Phật đà, sẽ đạt đến cảnh giới tịch tịnh an lạc, giải thoát các hành (vô thường).

Full of joy, full of faith in the Teaching of the Buddha, the monk attains the Peaceful State, the bliss of cessation of conditioned things.

Kệ tụng

Tỳ kheo tâm hoan hỷ

Vui thích giáo pháp Phật

Chứng giới cảnh tịnh lạc

Các hạnh thấy an bài.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến Trưởng lão Vakkali.

Theo truyện tích, tại thành Xá vệ, có một thanh niên dòng Bà la môn. Một hôm, chàng nhìn thấy tướng hảo uy nghiêm của đức Phật, chàng rất yêu thích và đâm ra chán ghét thân mình. Chàng tự nghĩ, nếu được thấy tướng hảo của đức Như Lai suốt ngày thì thật là hay lắm. Nghĩ thế, chàng xin Phật xuất gia. Sau khi xuất gia vào Tăng đoàn, thầy không màng gì đến kinh kệ, thiền định, cứ tìm chỗ đứng để chiêm ngưỡng hình ảnh đức Thế Tôn. Biết thế, đức Phật không nói gì cả, chờ trí huệ của thầy được thuần thục, bấy giờ, đức Phật mới khai thị. Đức Phật bảo:

- “*Này Vakkali, đâu có gì thích thú khi ngắm một hợp thể bất tịnh gọi là thân ta? Này Vakkali, người nào thấy pháp là thấy ta*”.

Dù đức Phật khuyên bảo chỉ giáo chí tình như thế, nhưng thầy Vakkali vẫn cứ nhìn Phật như trước không chút thay đổi. Phật biết, thầy này không thể tỉnh ngộ, trừ phi gặp một cơn xúc động lớn. Đức Phật liền đưa thầy đến Trúc Lâm. Liên tục ba mùa an cư, thầy không gặp Phật. Buồn quá, thầy nảy sanh ý định tự tử. Thầy leo lên ngọn núi Linh Thứu và định nhảy xuống chết.

Đức Phật biết, thầy vì quá đau khổ chán đời, nếu không có sự an ủi của Phật, thì thầy sẽ tự hủy hoại cuộc đời và sẽ không bao giờ chứng Thánh quả. Để an ủi thức nhắc thầy, đức Phật liền hiện thân đến trước mặt thầy. Thấy Phật, thầy Vakkali rất vui mừng. Thầy cảm thấy yêu đời, nỗi buồn khổ tiêu tan và không còn có ý định tự tử nữa. Nhân đó, Phật dạy pháp cú trên.

Nghe xong, thầy rất hân hoan và rời chế ngự được cơn hoan lạc, thầy liền chứng quả A la hán đầy đủ các thần thông. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Tâm hoan hỷ là tâm không còn bị vướng mắc vào những đối tượng ngoại duyên. Tâm còn dính mắc thì làm sao hoan hỷ cho được? Muốn không dính mắc buộc ràng, tất nhiên, chúng ta phải tiêu diệt phiền não. Phiền não không có, thì tâm ta mới hoan hỷ an lạc.

Chuyện lược dẫn trên, thầy Vakkali chỉ một lần nhìn thấy thân Phật tướng hảo uy nghiêm, thầy khởi tâm ham thích. Và rồi từ đó, tâm tưởng của thầy luôn bị dính mắc vào thân tướng đức Phật. Đức Phật muốn tháo gỡ sự cột trói đó, bằng cách là cách ly thầy phải rời xa đức Phật. Và chờ đến khi thầy bị một cơn cảm xúc đau khổ cùng cực, bấy giờ, đức Phật mới hiện thân đến để cảnh tỉnh cứu thoát thầy.

Ta nên chú ý lời Phật dạy qua câu nói: “*Người nào thấy pháp là thấy ta*”. Dù thân Phật tướng hảo quang minh, nhưng đó cũng chỉ là cái thân ngũ uẩn giả hợp. Đó là cái thân sanh diệt, vô thường, bất tịnh. Bị dính mắc chấp chặt vào cái thân giả hợp, vô thường, bất tịnh đó, thì thử hỏi làm sao chúng ta thấy được cái pháp thân thanh tịnh hằng hữu bất sanh bất diệt? Đức Phật đã cảnh giác chỉ dạy rất rõ, nhưng tiếc thay! Thầy Vakkali không nhận rõ điều đó. Vì thế, khi không còn nhìn thấy được thân tướng đức Phật, thầy liền nảy sanh ý định tự tử. Nhưng ý định đó, thầy đã được cái phúc duyên hy hữu là nhờ đức Phật kịp thời hiện thân hóa giải cứu thoát thầy. Chỉ vì bất như ý không thỏa mãn được một điều gì đó, người ta lại tự hủy diệt đi thân xác của mình. Thử hỏi việc làm này có sáng suốt lắm không? Hay là tâm trí của họ bị điên đảo, rối loạn, vì màn vô minh phiền não dày đặc che mờ. Đạo Phật không bao giờ chấp nhận hành động thiếu trí huệ suy xét chín chắn này.

---o0o---

382. Những Tỳ kheo tuy tuổi nhỏ mà siêng tu đúng giáo pháp Phật đà, là ánh sáng chiếu soi thế gian, như mặt trăng ra khỏi mây mù.

That monk who while young devotes himself to the Teaching of the Buddha illumines this world like the moon freed from the clouds.

Kệ tụng

Tỳ kheo tuy tuổi nhỏ

Siêng tu Phật giáo pháp

Soi sáng thế gian này

Như trăng khỏi mây mù.

Lược giảng

Pháp cú này đức Phật dạy tại Pubàrama, có liên quan đến Sa di Sumana.

Theo truyện tích, tiền kiếp của Sumana là chàng thanh niên tên là Anabhara ở vào thời của đức Phật Padumuttara. Vì muốn được thiên nhãn đệ nhất, nên chàng ta thỉnh đức Phật Padumuttara cúng dường suốt bảy ngày đêm và phát nguyện xin được thành thiên nhãn dưới thời một vị Phật tại thế. Lời phát nguyện đó đã được đức Phật Padumuttara thọ ký. Đức Phật cho chàng biết, một trăm ngàn kiếp nữa, trong thời đức Phật Thích Ca, chàng sẽ trở thành một vị có thiên nhãn đệ nhất. Thật vậy, thời Phật Thích Ca ra đời, chàng thanh niên thuở đó, nay chính là ngài A na luật, còn gọi là A nậu lâu đà. Ngài thuộc dòng họ Thích Ca vốn là đường đệ của đức Phật và là em ruột của đại tướng Ma ha nam.

Sau khi theo Phật xuất gia, nhưng thầy mắc phải chứng bệnh nặng là hay ưa ngủ. Những thời Phật thuyết pháp, ai nấy đều chăm chú lắng nghe, riêng thầy thì cứ ngủ gà ngủ gật. Thầy không nhận hiểu gì hết. Thấy thế, đức Phật thường quở trách thầy. Phật thường tỷ dụ người nào ham mê ngủ thì chẳng khác gì loài sò ốc. Bị Phật quở trách nặng, thầy cảm thấy xấu hổ vô cùng, và tự giận trách mình sao nghiệp chướng quá sâu dày. Thầy cương quyết tinh tấn hành trì suốt bảy ngày đêm, mắt không hề nhắm lại. Do đó, nên thầy bị mù cả đôi mắt. Đức Phật thương xót dạy thầy tu tập phép: *“Nhạo kiến chiếu minh kim cang tam muội”*, không bao lâu, thầy liền chứng pháp Thiên nhãn thông, thấy suốt cả đại thiên thế giới, cũng như thấy trái cây trong lòng bàn tay. Cho nên, trong hàng Thập đại đệ tử của đức Phật thầy là người chứng Thiên nhãn thông đệ nhất.

Thầy có một đệ tử Sa di nhỏ tuổi tên là Sumana. Tuy nhỏ tuổi nhưng đạo lực của chú rất thâm hậu. Chú đã chứng quả A la hán. Vì thấy Sa di Sumana còn nhỏ tuổi, nên các thầy Tỳ kheo khác thường hay chọc ghẹo nhéo tai đùa giỡn với chú. Trong khi đó, đức Phật biết Sa di Sumana không phải là một đứa trẻ tầm thường và Phật cho rằng, các thầy Tỳ kheo kia đã lầm lẫn lớn. Sa di Sumana nhỏ tuổi hơn hết trong số năm trăm chú Sa di khác. Có lần Tôn giả A na luật bảo chú Sa di lớn tuổi nhất cầm bát đi lấy nước cho đức Phật rửa chân. Chú từ chối. Tôn giả lần lượt hỏi các Sa di khác, chú nào cũng từ chối. Cuối cùng, Tôn giả bảo Sa di Sumana. Chú nhận lời. Sau khi lấy nước đem về, Phật hỏi chú bao nhiêu tuổi? Chú đáp: con được bảy tuổi. Đức Phật cho chú thọ Tỳ kheo giới. Các vị khác nghe vậy bất bình bàn tán xôn xao. Phật đến hỏi và rồi Phật bảo:

- *“Này các Tỳ kheo, sự chứng đắc ấy ngay cả một Tỳ kheo nhỏ tuổi vẫn có thể đạt được trong giáo pháp ta, nếu người ấy tinh tấn”*. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Trong đạo Phật, luận về tu chứng thì không phân biệt tuổi tác, phái tính. Nhưng, đứng về mặt hình thức giới luật, thì có phân chia phẩm trật cao thấp, là tùy theo tuổi hạ lập nhiều ít. Những vị xuất gia thọ đại giới và có quá trình tu học, cộng thêm tuổi đời và đạo cao niên, tất nhiên, những vị đó sẽ được đại chúng tôn kính liệt vào hàng giáo phẩm. Tuy nhiên, cũng không phải vì lớn tuổi đời hay tuổi đạo mà được đánh giá cao, nếu như những vị đó không có đầy đủ phẩm hạnh giới đức. Giới đức là điều quan trọng để đánh giá người tu. Chúng ta không nên vội hốt chỉ đánh giá trên hình thức bề ngoài. Muốn đánh giá người chân tu hay giả tu, chúng ta nên căn cứ vào phần giới hạnh tài đức của vị đó. Nếu một người có học vị bằng cấp cao, mà bản thân họ không có giới đức, thì không ai xem trọng đánh giá cao người đó được. Trông mặt mà bắt hình dung, coi chừng chúng ta sẽ dễ bị lầm lẫn.

Chuyện lược dẫn trên, cho chúng ta thấy, tuy là chú Sa di bảy tuổi, nhưng đạo lực nội chứng của chú rất cao. Chỉ có đức Phật mới biết rõ chú là một bậc đã chứng quả A la hán. Trong khi đó, các thầy Tỳ kheo khác thì lại hay đùa giỡn với chú, cho chú là một đứa trẻ con ngây thơ. Như vậy, nếu đánh giá người tu trên hình thức tuổi tác, e rằng không đúng lắm. Đức Phật cho đó là một sự sai lầm. Có những vị tuy tuổi còn trẻ, nhưng họ có một phẩm hạnh cung cách hành xử rất cao đẹp, chưa chắc người lớn tuổi có thể sánh kịp. Có đôi khi, người lớn tuổi mà phẩm hạnh cung cách giới đức của họ chưa chắc là đã hơn một chú Sa di nhỏ tuổi. Vì tuy nhỏ tuổi, nhưng căn lành chủng duyên Phật pháp nhiều đời của vị đó gieo trồng quá sâu dày, đương nhiên, là vượt trội hơn những vị khác. Vượt trội về cả hai phương diện: tài và đức. Đó là một sự thật, không ai có thể phủ nhận được. Vì thế, nên Phật nói: “*sự chứng đắc ngay cả Tỳ kheo nhỏ tuổi vẫn có thể đạt được trong giáo pháp ta, nếu người ấy tinh tấn*”. Nói cách khác, bất cứ ai dù nhỏ tuổi hay trọng tuổi, dù xuất gia hay tại gia, nếu người nào gia công nỗ lực tinh cần tu học, gạn lọc phiền não, chuyển hóa thân tâm, thì đều có thể đạt được đạo quả cả.

---o0o---

XXVI . Phẩm Bà La Môn

(Brahmanavaggo)

383. Dững cảm đoạn trừ dòng ái dục, các người mới là Bà la môn! Nếu thấu rõ các uẩn diệt tận¹³, các người liền biết được vô tác (Niết bàn).

Exert yourself, O holy man! Cut off the stream (of craving), and discard sense desires. Knowing the destruction of all conditioned things, become, O holy man, the knower of the Uncreate (Nibbana).

Kệ tụng

Hãy tinh tấn đoạn dòng

Bà la môn bỏ dục

Thấu hiểu uẩn diệt tận

Người thật chứng vô tác.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Bà la môn Đại Hỷ, Pasadabahula.

Theo truyện tích, Bà la môn Pasadabahula sau khi nghe Phật thuyết pháp, từ đó ông phát tâm luôn thỉnh mười sáu vị Tỳ kheo đến nhà cúng dường. Ông ân cần tiếp đón các thầy rất cung kính niềm nở. Đối với các thầy Tỳ kheo, ông đều xưng hô là A la hán cả. Trong số các thầy, có thầy chưa chứng sơ quả nghĩ thầm: “Ông cư sĩ này tưởng trong chúng ta có thầy chứng A la hán”. Còn các thầy chứng A la hán lại nghĩ: “Ông cư sĩ không biết chúng ta đã đắc A la hán”. Kết quả, các thầy đều buồn lòng không đến nhà ông nữa.

Ông Bà la môn không hiểu duyên cớ thế nào, nên đến tinh xá bạch hỏi đức Phật. Đức Phật hỏi các thầy Tỳ kheo và bảo:

Các ông không muốn ông ấy gọi các ông là A la hán ư? Các thầy trả lời là không.

Đức Phật ôn tồn giải thích và cho đó là cách xưng hô để bày tỏ tấm lòng hoan hỷ. Việc biểu hiện niềm hoan hỷ ấy đâu có gì sai trái. Phật khen Bà la môn về tấm lòng quý mến các thầy Tỳ kheo của ông thật vô bờ. Đồng thời Phật thức nhắc các thầy Tỳ kheo là phải diệt trừ tham ái, không nên lấy việc chứng A la hán là sự mong muốn duy nhất của mình. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Phẩm Bà la môn gồm có 41 câu nói về phẩm hạnh của Bà la môn. Bà la môn (Brahmana) nói trong phẩm này, là chỉ chung cho những người tu hành thanh tịnh chớ không phải như nghĩa thông thường nói về giai cấp Bà la môn. Đức Phật nhấn mạnh về hạnh tu của một người có đức độ phạm hạnh cao, chớ không phải chỉ về dòng dõi hay là hình thức bề ngoài.

Pháp cú trên, đức Phật bảo một người thật hành hạnh tu Bà la môn là phải dừng cảm đoạn trừ lòng ái dục. Vì sao phải dừng cảm? Bởi ái dục là cội gốc phiền não rất lớn thật khó đoạn trừ. Nếu người tu hành mà thiếu ý chí cương quyết mạnh mẽ và lòng can đảm mãnh liệt, thì không thể nào xa lìa ái dục, chứng được Niết bàn. Muốn xa lìa ái dục, Phật dạy, phải “*thấu rõ các uẩn diệt*

tận”. Nói diệt tận là vì tự thể của các uẩn vốn không. Chúng do duyên hợp mà có. Nói các uẩn, chúng ta có thể hiểu rộng ra là muôn pháp. Thấu rõ các uẩn là thấu rõ vạn pháp thể tánh vốn không. Thấu rõ được tánh không này là thấy được vô tác. Vô tác là không do ai tạo ra. Các pháp do nhân duyên hội tụ sinh thành. Các pháp vốn là như thế, không do bàn tay nào tạo tác làm ra. Cho nên, Phật nói: “*Các người liền thấy được vô tác*”. Vô tác là tên khác của Niết bàn. Vì không ai tạo tác nên thể tánh của muôn pháp là vắng lặng. Thể hay tự tánh thì vắng lặng, nhưng tướng thì vẫn có. Cái có đó cũng chỉ là giả tướng mà thôi.

Chuyện lược dẫn trên, Phật khen ông Bà la môn với tâm hoan hỷ quý kính các thầy. Ngược lại, các thầy còn bị dính kẹt vào danh tướng nên tỏ ra buồn lòng qua cách xưng hô của ông Bà la môn. Khi dính kẹt vào danh tướng, tất nhiên, là có sanh tâm bảo thủ chấp trước. Đó là vì các thầy chưa hiểu rõ bản chất của các pháp vốn là giả danh, không thật. Chấp chặt vào giả danh, giả tướng, thì chẳng khác nào theo đuổi nắm bắt một làn hương, hay tìm người trong giấc mộng. Thế thì, thử hỏi làm sao giải thoát? Muốn thấu đạt chân lý, Phật dạy phải xả ly tất cả. “Ly nhưt thiết tướng, tức nhưt thiết pháp”. Nghĩa là, rời lìa tất cả pháp, thì sẽ được tất cả. Vì tất cả pháp không ngoài bản tâm thanh tịnh mà có. Chúng ta còn nhớ, đức Lục Tổ Huệ Năng, sau khi đại ngộ, Ngài thấy tất cả muôn pháp chẳng lìa tự tánh. Ngài nêu ra trình bày với đức Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn năm cái đầu ngờ:

Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh

Đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt

Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ

Đâu ngờ tự tánh vốn không giao động

Đâu ngờ tự tánh vốn sanh muôn pháp.

Sau khi trình bày, đức Ngũ Tổ liền ấn chứng cho Ngài làm vị Tổ thứ sáu, rộng độ chúng hữu tình, truyền pháp đời sau không cho đoạn dứt.

---o0o---

384. Nhờ thường trú trong hai pháp¹⁴, hàng Bà la môn đạt đến bờ kia; dù có bao nhiêu ràng buộc, đều bị trí tuệ dứt sạch.

When a holy man has reached the summit of the two paths (meditative concentration and insight), he knows the truth and all his fetters fall away.

Kệ tụng

Nhờ thường trú hai pháp

Bà la môn đến bờ kia

Bao nhiêu pháp kiết sử

Được trí tuệ dứt sạch.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến nhiều vị Tỳ kheo.

Theo truyện tích, “*một ngày nọ, có ba mươi Sa môn ở xứ khác đến Kỳ Viên đánh lễ đức Phật và ngồi một bên. Tôn giả Xá lợi phát biết rằng các thầy có đủ điều kiện chứng A la hán, bèn đến trước đức Phật thưa:*

-Bạch Thế Tôn, Ngài thường dạy về “hai trạng thái”, thế nào là “hai trạng thái”?

Đức Phật dạy:

- Nay Xá lợi phát, hai trạng thái là thiên định và trí tuệ.

(Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 325)

Phật dạy: “*Nhờ thường trú trong hai pháp, hàng Bà la môn đạt đến bờ kia*”. Thường trú nghĩa là luôn luôn có mặt trong giây phút hiện tại. Hai pháp là thiên định và trí huệ. Người tu hành, Phật dạy, phải luôn luôn có mặt với hai pháp này. Muốn chứng ngộ chân lý, không thể thiếu một trong hai pháp này. Có thiên định tâm ta mới được vắng lặng. Vắng, là vắng bóng các thứ phiền não khuấy nhiễu, loạn động, thì nguồn tâm mới an lạc thanh tịnh. Tuy nhiên, sự vắng lặng của tâm, đó mới chỉ là phần tiêu cực. Tiêu cực không chưa đủ mà hành giả cần phải tích cực. Tích cực đó là trí huệ. Nhờ có trí huệ, nên chúng ta mới làm nhiều điều lợi ích cho chúng sanh. Nếu không có trí huệ hằng chiếu soi, không khéo hành giả sẽ rơi vào định tánh Thanh Văn. Cho nên, trong đạo Phật, thiên định và trí huệ phải được song hành, như chim hai cánh, xe hai bánh. Chim hai cánh mới có thể bay xa. Bay xa đến bờ giải thoát, đó là Niết bàn. Thế nên, Phật nói: “*Dù có bao nhiêu ràng buộc đều trí huệ dứt sạch*”. Trí huệ là hướng tiến đưa hành giả đến bến bờ tự do giải thoát hoàn toàn.

---o0o---

385. Không bờ kia cũng không bờ này¹⁵, hai bờ đều không thật, chỉ xa lìa khổ não, chẳng bị trói buộc nữa, Ta gọi là Bà la môn.

He for whom there is neither this shore nor the other shore, nor yet both, he who is free of cares and is unfettered – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Không bờ này bờ kia

Cả hai bờ không có

Lìa khổ, không trói buộc

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến ma vương.

Theo truyện tích, “*một ngày nọ, ma vương giả dạng đến chỗ đức Phật và hỏi Ngài:*

- Bạch Thế Tôn, Ngài hay nhắc đến “bờ bên kia”. Xin cho biết cái gì là “bờ bên kia”?

Đức Phật biết đó là ma vương, Ngài bảo:

- “Này ma vương, ông liên hệ gì đến bờ bên kia? Chỉ có người thoát khỏi tham dục mới đạt đến đó thôi”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 326)

Pháp cú này, Phật dạy chúng ta không nên để tâm dính kẹt vào hai đầu: quá khứ và vị lai. Đây là hai ngục tù giam hãm luôn luôn trói buộc chúng ta. “*Không bờ kia cũng không bờ này, hai bờ đều không thật*”. Bờ này, bờ kia, chẳng qua cũng chỉ là khái niệm đối đãi giả tưởng. Điều quan trọng của người tu là phải vượt thoát khỏi phạm trù đối đãi khái niệm nhị nguyên này. Thường chúng ta hay bị dính mắc vào những khái niệm danh từ. Khác nào kẻ chỉ biết chấp chặt vào ngón tay mà quên mất mặt trăng. Ngón tay hay mặt trăng cũng chỉ là những khái niệm danh từ giả lập. Thực chất chúng chỉ là trống rỗng. Đã lâu rồi, chúng ta đã bị những ngôn từ chữ nghĩa lừa đảo chúng ta.

Việc này, giống như câu chuyện nói về thân phận của anh chàng thợ săn khi bị đi lạc trong rừng, anh ta tìm mãi đường ra mà không thấy. Anh ta cứ đi loanh quanh cho đến chiều tối mà vẫn tìm không ra lối thoát. Bỗng dưng, anh thấy tấm biển lớn ngoài cổng đền: “*Coi chừng chó dữ*”. Anh nghĩ thầm, thà vào đại bên trong gặp chó dữ, còn hơn bị dã thú ăn thịt. Hơn nữa, tuy chó dữ, nhưng vẫn còn có người chủ trông coi. Nghĩ thế, anh liền đi vào. Anh rất hỏi hộp run

sợ, nhưng không còn cách nào khác để thoát thân. Đi được vài thước, anh trông thấy một tấm biển lớn hơn nữa đề là: “COI CHỪNG CHÓ DỮ”. Bấy giờ, tim anh đập mạnh liên hồi như muốn rớt ra ngoài. Nhưng anh vẫn cố gắng bậm gan đi tới. Nhưng rồi, anh gặp một con chó nhỏ xíu đang đứng bên cạnh với người chủ của nó. Anh ta lấy làm lạ mới hỏi người chủ:

- Thưa ông, chó dữ đâu nào?

- Không có chó dữ chi cả, đây là con chó duy nhất của tôi.

- Con chó nhỏ xíu như thế này, làm sao đủ sức ngăn cản người ta vào đây?

- Ông lầm to rồi. Tuy con chó này nó không ngăn cản được người ta, nhưng tấm biển ấy có thừa sức để ngăn người lạ mặt vào đây. Ông có hiểu không? Bấy giờ, anh chàng thợ săn ngán người ra, thế là người ta không sợ chó dữ mà người ta lại sợ cái tấm biển: “COI CHỪNG CHÓ DỮ “. Ấy thế mới chết!

Người ta điên đảo, đảo điên, bị chết ngộp vì những danh từ rỗng tuếch này. Bạn thử tưởng tượng, như trong rạp chiếu bóng, mọi người đang say mê thích thú xem phim, bỗng dưng lúc ấy, có người la to lên: “lửa cháy! lửa cháy!...” Thế là, cả đám người hốt hoảng ngơ ngác chạy nhanh tìm đường tẩu thoát. Nhưng thực tế, thì không có lửa cháy chi cả. Người ta sống quen theo quán tính của ngôn từ, nặng chập vào những danh ngôn giả lập. Từ đó, mới có gây ra bao cảnh tranh chấp thương tâm sát hại lẫn nhau, cũng chỉ vì chập chặt vào những danh từ trống rỗng. Cả nhon loại ngày nay đều như thế. Điều này, trong Khởi Tín Luận gọi là *kế danh tự tướng*. Nghĩa là chập chặt vào cái tướng của danh tự chữ nghĩa, mà thực chất của nó thì không là gì cả.

Chuyện dẫn trên, đức Phật trả lời thẳng với bọn ma vương là họ không biết gì đến bờ bên kia cả. Bờ này họ còn chưa thấu rõ làm sao họ rõ được bờ bên kia. Vậy, bờ này là bờ gì? Và bờ kia là bờ gì? Nói bờ này là chỉ cho sáu căn, bờ kia là chỉ cho sáu trần. Khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, mà không bị dính kẹt, không khởi tác ý tham đắm, không bị ô nhiễm vào sáu trần, thì ngay đó là vượt khỏi hai bờ, tất nhiên, là giải thoát, là Niết bàn hiện tại. Đó là địa chỉ thường trú: “*bây giờ và ở đây*”! Điều này, làm sao ma vương có thể làm được, nên Phật nói: “*chỉ có người thoát khỏi tham dục mới đạt đến đó thôi*”.

---o0o---

386. Ai nhập vào thiên định, an trụ chỗ ly trần, việc làm đều đã xong, phiền não lậu dứt sạch, chứng cảnh giới tối cao, Ta gọi là Bà la môn.

He who is meditative, stainless and settled whose work is done and who is free from cankers, having reached the highest goal – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Tu thiền trì ly trần

Phận sự xong, vô lậu

Chứng mục đích tối thượng

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một người Bà la môn.

Theo truyện tích : “*Nergày nọ, một ông Bà la môn chợt nghĩ: “Đức Phật thường gọi các đệ tử là Bà la môn, còn ta cũng sanh trưởng trong dòng Bà la môn, ta cũng đáng được gọi như thế”.*

Nghĩ vậy, y bèn đến chỗ Phật và nói lên vấn đề ấy. Đức Phật nói:

- “*Ta không gọi ai là Bà la môn, chỉ vì dòng dõi. Ta chỉ gọi những người đạt đến quả vị A la hán là Bà la môn”.* (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 327)

Pháp cú này chủ yếu Phật nhấn mạnh một lần nữa về pháp tu thiền định. Bởi thiền định là cửa ngõ quan yếu đi vào ngôi nhà giác ngộ và giải thoát. Giáo pháp của Phật, đức Phật tuy đã phô diễn ngàn muôn sai khác, có vô lượng pháp môn, vô lượng phương tiện, nhưng tựu trung không ngoài hai chữ Thiền na. Thiền na Trung Hoa dịch là Tịnh lự hay Chỉ Quán. Tịnh là Định mà Lự là Huệ; Chỉ là Định mà Quán là Huệ.

Định và Huệ hay Chỉ và Quán đây là hai pháp tu mà từ ngàn xưa, người tu theo Phật giáo thầy đều bước vào con đường này, không còn có con đường nào khác. Dù tu Hiện hay tu Mật, tu Tịnh hay tu Thiền, tu Giáo hay tu Giới v.v... tất cả đều phải bước qua con đường này. Phương tiện hành trì của mỗi pháp môn sâu cạn, tánh tướng, hữu vô tuy có khác, nhưng chung quy cũng phải đạt đến Định Huệ. Nếu bước ngoài con đường chánh lý này, thì hành giả tu sai, tất nhiên, sẽ rơi vào tà kiến. Nói một cách nghiêm khắc, đó không phải là tu theo Phật giáo.

Đức Phật nhờ hành thâm Định Huệ mà Ngài hàng phục được các ma quân và thành tựu được đạo quả. Hành giả muốn xa lìa phiền não lậu hoặc, chỉ có con đường duy nhất là phải an trú vào thiền định. Thiền định có công năng đoạn trừ năm thứ triền cái (tham dục, sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi hoặc) đưa hành giả chóng đến quả vị Niết bàn. Phật nói, như thế mới xứng đáng gọi là Bà la môn.

---o0o---

387. Mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng chiếu sáng ban đêm, khí giới chiếu sáng dòng vua chúa, thiền định chiếu sáng kẻ tu hành, nhưng hào quang đức Phật chiếu sáng tất cả thế gian.

The sun shines by day, the moon shines by night. The warrior shines in armour, the holy man shines in meditation. But the Buddha shines resplendent all day and all night.

Kệ tụng

Ban ngày trời chiếu sáng

Ban đêm trăng chiếu sáng

Khí giới sáng chúa vua

Thiền định sáng Bà la môn

Nhưng hào quang Đức Phật

Chói sáng cả ngày đêm.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại lâu đài Mẹ Migara, có liên quan đến Tôn giả A nan.

Theo truyện tích, vào ngày lễ Tự tứ, vua Ba tư nặc đến tinh xá, nhà vua trang phục mang trên người bằng những châu báu rực rỡ. Lúc đó, Tôn giả Ca lưu đà di đang nhập định, toàn thân tỏa ra một luồng hỷ lạc, sáng như vàng. Mặt trời sắp lặn, mặt trăng vừa mọc. Tôn giả A nan ngắm nhìn ánh trăng đang lên, chiếu sáng vào châu báu trên mình của nhà vua, và hào quang chung quanh của Ngài Ca lưu đà di, nhưng khi nhìn đức Phật, hào quang trên thân của Ngài chiếu sáng vượt hơn tất cả.

Thấy thế, Tôn giả A nan đến bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn, hôm nay con ngắm ánh sáng của những thân và vật ấy, chỉ có hào quang Ngài làm cho con mãn nguyện, vì thân Ngài chiếu ánh sáng rực rỡ hơn hẳn các ánh sáng khác.

Đức Phật bảo:

- “*Này A nan, mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng chiếu sáng ban đêm, nhà vua thì sáng khi trang điểm lộng lẫy, các vị A la hán sáng khi nhập định thoát phàm. Nhưng chỉ có chư Phật luôn luôn chiếu sáng ngày cũng như đêm, rực rỡ hơn gấp năm lần*”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Pháp cú trên Phật so sánh các thứ ánh sáng để quy kết vào ánh sáng của Phật. Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đó là thứ ánh sáng bên ngoài tuy cũng chiếu sáng trùm khắp, nhưng vẫn còn có giới hạn. Ánh sáng khí giới và những đồ trang sức châu báu của nhà vua, cũng chỉ là những thứ ánh sáng của vật chất không đáng kể. Ánh sáng tỏa ra do công năng thiền định, tuy có nội lực thâm hậu dứt trừ phiền não, phát sanh trí huệ của hàng A la hán, nhưng so với ánh sáng chiếu ra từ nơi đức Phật, thì không gì có thể so sánh được. Hào quang của Phật chiếu sáng trùm khắp cả ngày lẫn đêm, không có giới hạn. Đó là những thứ ánh sáng: giới hạnh, trí huệ, từ bi, oai lực v.v... Giới đức của Phật có oai lực sáng tỏ làm lu mờ những điều bất thiện. Đức hạnh của Ngài có oai lực làm lu mờ các tật xấu. Ánh sáng của trí huệ che lấp vô minh. Và oai lực của chánh hạnh che lấp điều bất chánh. Chính ánh sáng của Phật mới làm cho Tôn giả A nan mãn nguyện.

---o0o---

388. Dứt bỏ các ác nghiệp, gọi là Bà la môn; thường tu hành thanh tịnh, thì gọi là Sa môn; còn trừ bỏ cấu uế, gọi là người xuất gia.

Because he has discarded evil, he is called a holy man. Because he is serene in conduct, he is called a recluse. And because he has renounced his impurities, he is called a renunciate.

Kệ tụng

Dứt ác gọi Bà môn

An tịnh gọi Sa môn

Tự mình trừ cấu uế

Nên gọi bậc xuất gia

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một thầy Tỳ kheo.

Theo truyện tích: *“Một người Bà la môn nọ xuất gia theo thầy khác chứ không theo Phật, rồi lại nghĩ: “Sa môn Cồ đàm gọi đệ tử là Tỳ kheo. Ta cũng đáng được gọi như thế”. Y bèn đến gặp Phật và nói lên vấn đề ấy.*

Đức Phật nói:

- “Ta không gọi ai là Tỳ kheo chỉ vì lý do ông đưa ra. Ta chỉ gọi người đã trừ lậu hoặc và cấu nhiễm là Tỳ kheo - “người đã xa lìa”.

(Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 330)

Pháp cú này, đức Phật nêu ra ba vấn đề rõ rệt:

1. **“*Đứt bỏ các ác nghiệp, gọi là Bà la môn*”**. Nói thế, là đức Phật dựa vào phẩm chất tu hành, chứ không phải căn cứ trên hình thức hay danh xưng. Dù danh xưng có to lớn đến đâu, mà phẩm hạnh giới đức không ra gì, thì danh xưng đó chỉ là rỗng tuếch, trò đùa, chỉ để che mắt lừa bịp thiên hạ chơi mà thôi. Người chân tu, không cần đến hình thức, mà cốt yếu chỉ cần đến chất lượng nội dung. Một nội dung có chất lượng cao. Đó là chất lượng của giới đức, của việc đoạn trừ phiền não và đời sống an lạc hạnh phúc.

2. **“*Người hành vi thanh tịnh gọi là Sa môn*”**. Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, trong chương đầu, có đoạn Phật dạy: *“Những người từ già cha mẹ đi xuất gia, nhận biết tự tâm, rõ suốt bản tánh, ngộ pháp vô vi, gọi là bực Sa môn, thường giữ gìn 250 giới, sống đời thanh tịnh, tu hành bốn chân đạo (Tứ diệu đế), thành bực A la hán...”* Cũng trong Kinh đó, ở chương ba, Phật dạy: *“Cạo bỏ râu tóc làm bực Sa môn, là người thọ lãnh đạo pháp, phải xa bỏ của cải ở đời, mong cầu vừa đủ, giữa ngày ăn một bữa, dưới gốc cây ngủ một đêm, cần thận không trở lại, phải biết rằng: những điều khiến cho người ta ngu tệ là ái và dục”*. (Bản dịch của giáo sư Hoàn Quan)

Qua hai đoạn văn kinh nêu trên, đức Phật đã nói rõ về hạnh tu của một vị Sa môn. Hạnh tu của Sa môn, trong là phải thấu suốt nguồn tâm, ngoài thì phải gìn giữ oai nghi giới hạnh. Cả trong lẫn ngoài đều thanh tịnh, như thế, mới xứng danh là bực Sa môn.

3. **“*Trừ bỏ cấu uế, gọi là người xuất gia*”**. Trong lời Phật dạy này, ta nên chú ý đến hai chữ “cấu uế”. Cấu uế có nghĩa là dơ bẩn nhớp nhúa không trong sạch. Người xuất gia là phải lìa xa hai thứ nhớp nhúa dơ bẩn quan trọng, đó

là: “*phiền não trước và mạng trước*”. Vì có xa lìa phiền não, thì tâm mới an lạc. Nhờ tâm an lạc, nên đời sống mới có tươi mát, hạnh phúc. Mạng trước là người xuất gia không nên nuôi sống bằng những nghề nghiệp bất chánh. Như trong Kinh Di Giáo, đức Phật dạy rất rõ về những việc làm nuôi sống bất chánh này. Như buôn bán, coi tướng, bói toán, đoán xăm tốt xấu, làm bùa, làm chú v.v... Là người xuất gia, Phật dạy, không nên làm những điều ấy. Vì như thế là trái với hạnh nguyện xuất trần thượng sĩ của người xuất gia vậy.

---o0o---

389. Chớ nên đánh đập Bà la môn! Bà la môn chớ nên sân hận! người đánh đập mang điều đáng hổ, người sân hận lại càng đáng hổ hơn.

One should not strike a holy man, nor should a holy man, when struck, give way to anger. Shame on him who strikes a holy man, and more shame on him who gives way to anger.

Kệ tụng

Chớ đập Bà la môn!

Bà la môn chớ sân!

Đập Bà la môn đáng hổ

Bà la môn sân, hổ hơn.

390. Bà la môn! Đây không phải là điều ích nhỏ, nên biết vui mừng chế phục tâm mình. Tuy lúc đoạn trừ tâm độc hại thì thống khổ sẽ được ngăn dứt liền.

Nothing is better for a holy man than when he holds his mind back from what is endearing. To the extent the intent to harm wears away, to that extent does suffering subside.

Kệ tụng

Đổi vị Bà la môn

Đây không phải ích nhỏ

Khi trí không ái luyến

Khi tâm hại được trừ

Chỉ khi ấy khổ diệt.

Lược giảng

Hai pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Xá lợi phát.

Theo truyền tích, một hôm, các thiện tín cùng nhau ca ngợi đức hạnh cao cả của Tôn giả Xá lợi phát. Dù bị người ta chửi mắng đánh đập, nhưng Ngài tuyệt nhiên không chút tỏ ra sân hận. Trong số đó, có một vị Bà la môn ngoại đạo nghe thế bất bình, liền nói: “nếu thầy các người không giận, ta sẽ chọc giận ông ta, rồi các người sẽ biết”.

Hôm sau, trong khi Ngài Xá lợi phát đang đi khát thực, ông Bà la môn đi theo sau lưng và đánh thật mạnh vào lưng Ngài. Tôn giả vẫn tiếp tục đi, không hề tỏ ra chút hờn giận. Thấy thế, ông Bà la môn liền thán phục đức hạnh cao quý của Ngài và sụp xuống lạy cầu xin tha tội. Tôn giả tha thứ. Ông thỉnh Tôn giả về nhà cúng dường ngộ trai. Hành động xúc phạm đánh đập của ông Bà la môn làm cho các vị khác nổi giận. Họ mang theo các thứ vũ khí kéo nhau đến đứng trước cửa nhà Bà la môn. Thọ thực xong, Bà la môn ôm bát của Ngài đi ra. Cả đám la lên nên xử tội Bà la môn, vì ông cả gan xúc phạm đến Tôn giả. Tôn giả giải quyết ôn hòa và mọi người ra về. Các vị Tỳ kheo khác thấy thế rất bất bình. Họ cho rằng, tại sao người ta đánh đập Ngài mà Ngài còn đến nhà của ông ấy thọ thực?

Việc xảy ra, đến tai đức Phật, đức Phật bảo:

- *“Này các Tỳ kheo, không có việc người Bà la môn đánh Bà la môn, chỉ có Bà la môn phạm tục đánh vị Bà la môn thánh quả. Bởi vì nào đã chứng quả A na hàm hoàn toàn dứt hết mọi giận dữ”*. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Bạo động hành hung là hiện thân của hạt giống sân hận. Đối với khoa học hiện nay, Người ta có khả năng chế tạo ra đủ mọi thứ tiện nghi vật chất máy móc trên đời, kể cả những thứ máy móc tinh vi, như phi thuyền có năng lực vượt ra khỏi quả địa cầu, để khám phá những hành tinh khác, nhưng rất tiếc, người ta không thể chế ngự được cơn giận dữ khi nó bộc phát mạnh bạo. Hạt giống “giận” tuy nó rất nhỏ, chỉ là một “ý nghĩ” thôi, nhưng hậu quả sức tàn phá tai hại của nó thật khủng khiếp vô cùng. Hẹp, thì thanh toán sát hại giữa cá nhân với cá nhân. Rộng, thì giữa quốc gia này với quốc gia khác và rồi có thể lan rộng ra khắp cả thế giới. Đó là hậu quả tàn khốc của những cuộc chiến tranh đẫm máu đã xảy ra khắp nơi. Cụ thể là hai cuộc thế chiến: “Đệ nhất và Đệ nhị” đã xảy ra giết chết không biết bao nhiêu sinh mạng con người. Theo nhà tiên tri Vanga lừng danh thế giới, tiên đoán chiến tranh thế giới thứ 3 sẽ xảy ra vào năm

2010. Chúng tôi xin trích một đoạn mở đầu của bản tin đăng trên mạng lưới internet vào ngày 14/4/09/ như sau:

“Nhân loại liệu có đứng trước một thảm họa nữa không khi nhà tiên tri lừng danh thế giới – Baba Vanga dự đoán Chiến tranh Thế giới Thứ 3 sẽ nổ ra vào năm 2010. Nếu như trước kia ít ai để ý thì trong bối cảnh suy thoái kinh tế như hiện nay, ai cũng hiểu một cuộc chiến tranh thế giới nổ ra có thể thiết lập lại một trật tự thế giới mới một cách toàn diện và triệt để. Vậy phải chăng tiên đoán của Vanga sẽ trở thành hiện thực”.

Nếu lời tiên đoán này trở thành sự thực, thì đó là một đại nạn thảm họa lớn lao cho cả nhân loại. Muốn vô hiệu hóa lời tiên đoán đó, thì chỉ có cách là mỗi người chúng ta nên tự chế ngự lòng tham lam sân hận của mình. Có thể, thì nhân loại mới mong thoát khỏi kiếp tai ách khói lửa đao binh.

Đứng trước cảnh bạo hành chửi mắng đánh đập, mà ta an nhẫn được, thật không phải là chuyện dễ dàng. Chỉ có những bậc đạo lực cao thâm, mới có khả năng dập tắt lòng sân hận. Chuyện dẫn trên là một chứng minh cụ thể cho sức nhẫn nhịn chịu đựng này. Thầy Xá lợi phát, bị một Bà la môn đánh đập, nhưng Ngài vẫn thản nhiên không tỏ ra chút hờn giận. Trong khi đó, những người bàng quan trông thấy thì lại tức giận thay thầy. Đây cũng là một tâm lý bệnh vực rất thường tình của con người. Khi người ta gặp chuyện bất bình, thì họ thường nhảy vô can dự. Vì họ là những người sống theo bản năng, không chút kềm chế. Ngược lại, đối với những người biết tu hành thì lại khác. Nếu không có sức huân tu tẩy trừ phiền não, thì làm gì có thể an nhẫn dễ dàng như vậy được? Bị người chửi mắng hành hung đánh đập, mà vẫn chịu đựng không chút trả treo, thì quả đó mới thật là cái “Dũng của Thánh nhân”. Nhẫn điều khó nhẫn, mới có thể đo đạt đánh giá được sự tu hành. Ngoài ra, chỉ là những kẻ nói suông khoác lác cho sướng cái lỗ miệng mà thôi!

---o0o---

391. Không đem thân, ngữ, ý ra làm các điều ác, chế ngăn được ba chỗ đó, Ta gọi là Bà la môn.

He who does no evil in deed, word and thought, who is restrained in these three ways – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Với người, thân, khẩu, ý

Không làm các ác hạnh

Ba nghiệp được hộ trì

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Bà Ma ha ba xà ba đề.

Theo truyện tích, trước khi công bố Bát kinh pháp, đức Phật đã ân cần nói riêng cho Bà di mẫu biết về ý nghĩa nội dung của Bát kinh pháp. Bà tuân theo lời Phật dạy và được đức Phật cho nhập vào Tăng đoàn. Chính vì điểm này, mà bà đã bị trong chúng bàn tán xôn xao. Họ cho rằng, bà tự thọ giới và không có thầy tế độ.

Nghe thế, các Tỳ kheo ni khác bất mãn không chịu làm lễ Bố tát và lễ Tự tứ với bà. Họ đến bạch Phật, Phật dạy:

- *“Chính ta trao Bát kinh pháp cho bà, ta là thầy tế độ, là giáo sư của bà. Kẻ đã từ bỏ được những lỗi lầm cả về thân, miệng, ý, đã thoát mọi tham dục, với những người như thế không nên nuôi dưỡng tư tưởng bất mãn”*. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Chủ ý của pháp cú này, ta thấy đức Phật lại nhắc nhở về việc thật hành ở nơi ba nghiệp: thân, miệng, ý. Rải rác trong những pháp cú trước, đức Phật đều có nêu ra để khuyến giáo về ba nghiệp này. Tại sao Phật lại phải nhắc đi nhắc lại nhiều lần như thế? Vì nó là điều tối hệ trọng trong việc tu hành. Dù chúng ta tu bất cứ pháp môn nào, mà nếu không giữ gìn ở nơi ba nghiệp này, thì coi như sự tu hành của chúng ta chỉ là con số không mà thôi. Chính vì nó là nền tảng căn bản của sự giải thoát, nên đức Phật phải nhắc đi nhắc lại cho chúng ta nhớ mà cố gắng hành trì. Ở đây, chúng tôi xin được nhắc sơ lại. Xét về ba nghiệp thì nó có hai mặt: “tiêu cực và tích cực”.

Về mặt tiêu cực là ta chỉ ngăn ngừa gìn giữ không cho phạm. Như về thân nghiệp, thì ta gìn giữ 3 điều:

1. Không giết hại sinh vật, chủ yếu là không được giết người.
2. Không được gian tham trộm cắp, cướp giật tài sản của cải của người khác.
3. Không được làm những chuyện tà hạnh dâm ô phi pháp, phá trinh tiết, và làm tan nát hạnh phúc gia cang của người khác.

Về khẩu nghiệp thì Phật dạy ta phải gìn giữ 4 điều:

1. Không nên nói dối, chuyện có nói không, chuyện không nói có.
2. Không được nói lời hung ác, trù rủa, chửi mắng.
3. không được nói lời ly gián, gây cho người ta sanh tâm oán thù chia rẽ nhau.
4. Không được nói lời thêu dệt vẽ vời đặt điều tô thêm câu chuyện cho đậm nét thêm lên. Có ít xích cho nhiều.

Về ý nghiệp, thì Phật dạy bớt tham lam, sân hận và si mê.

Đó mới là “chỉ ác” chớ chưa có “hành thiện”. Chỉ mới tiêu cực chớ chưa có tích cực. Tích cực là ta phải hành thiện. Chẳng những ta không sát hại sinh vật, mà ta còn phải tìm đủ mọi cách để bảo hộ giúp cho các loài sinh vật được sinh sống an toàn, chúng không phải lo âu sợ hãi. Đối với tài vật của cải, chẳng những ta không dùng mưu chước hành động cướp giựt hay trộm cắp của người, mà ta còn phải gia tâm bảo vệ tài sản của họ và đồng thời làm những việc giúp ích bổ thí cho những kẻ tàn tật, nghèo khổ, đói khát, cơ hàn v.v...

Đối với bản thân, ta phải khéo biết lợi dụng cái xác thân này để làm nhiều điều lợi lạc cho mình và cho nhân quần xã hội. Còn đối với tâm ý, ta cũng phải chặn đứng những ý niệm xấu ác. Chẳng những ngăn ngừa chặn đứng không thôi, mà ta còn phải chuyển hóa những hạt giống xấu ác trở thành những hạt giống tốt lành. Như vậy, chỉ cần tu ba nghiệp về hai mặt một cách tích cực thường xuyên như thế, tất nhiên, là chúng ta sẽ đạt được Niết bàn an lạc tại thế gian này rồi. Đó mới thực sự là chơn hạnh phúc tuyệt vời vậy.

Chuyện lược dẫn trên, ta thấy trong chúng có sự hiểu lầm đâm ra nghi ngờ. Bất cứ nghi ngờ nào cũng làm trở ngại lớn lao cho sự tu hành của chúng ta. Thay vì tìm hiểu cặn kẽ vấn đề, thì các vị Tỳ kheo ni lại nghi ngờ rồi không chịu Bồ tát và làm lễ Tự tứ chung với bà Di Mẫu. Đây là một bài học để trong chúng lấy đó làm gương. Đến khi Phật giải thích, mới phá tan sự nghi ngờ đó. Sống trong chúng, nhứt là trong một đoàn thể tu hành, ta nên tránh những chuyện nghi ngờ vô lý không căn cứ. Vì như thế, sẽ dễ gây ra tình trạng bất hòa và không khéo sẽ đưa đến sự mâu thuẫn, tan rã, nghi kỵ, không tốt lẫn nhau.

---o0o---

392. Được nghe đấng Chánh đẳng giác thuyết pháp, bất luận ở nơi nào, hãy nên hết lòng cung kính như Bà la môn kính thờ thần lửa.

Just as a brahmin priest reveres his sacrificial fire, even so should one devoutly revere the person from whom one has learned the Dhamma taught by the Buddha.

Kệ tụng

Từ ái, nghe chánh pháp

Bậc Chánh giác thuyết giảng

Hãy kính lễ vị ấy

Như Bà la môn thờ lửa.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Xá lợi phất.

Theo truyện tích, Tôn giả Xá lợi phất nhờ nghe bài kệ đầu tiên của thầy Ác Bệ, mà được chứng quả Tu đà hoàn. Từ đó, Tôn giả Xá lợi Phất luôn hướng lòng cung kính lễ lạy thầy Ác bệ. Các thầy Tỷ kheo khác thấy thế mới bàn tán:

-Tôn giả Xá lợi Phất theo tà đạo, mỗi ngày đều lễ tứ phương.

Sau đó, họ đến bạch Phật và Phật hỏi Ngài Xá lợi phất có phải như thế không? Ngài Xá lợi phất trả lời: việc đó có hay không, chắc đức Thế Tôn sẽ hiểu rõ con. Nhân đó, Phật bảo các thầy Tỷ kheo:

- *“Xá lợi phất không hề kính lễ phương hướng. Chỉ vì kính lễ Tôn giả Ác Bệ, người đầu tiên mà Xá lợi phất nghe pháp nên mới làm thế. Một vị Sa môn kính trọng người dạy pháp như người Bà la môn kính thờ lửa thiêng”*. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Chủ yếu của pháp cú này Phật nhấn mạnh về vấn đề trọng pháp. Giáo pháp Phật dạy nhằm mục đích đưa con người đến chỗ giác ngộ giải thoát hoàn toàn. Nghĩa là không còn phải chịu trầm luân sanh tử khổ ải nữa. Đức Phật tuy có tùy cơ thuyết pháp, nhưng tựu trung, Ngài cũng chỉ muốn nhắm thẳng vào mục đích chính đó thôi. Với một nền giáo pháp thậm thâm vi diệu như thế, vậy mà trong khi nghe, chúng ta lại thờ ơ khinh thường, thì thật là mang tội rất lớn. Có cung kính tôn trọng pháp, thì ta mới chịu khó lắng nghe. Ở đây, ta thấy, Phật so sánh hai vấn đề quan trọng: *“lòng cung kính nghe pháp như đạo Bà la môn cung kính thờ Thần lửa”*. Việc thờ lửa đối với đạo Bà la môn thật tối ư quan trọng. Cũng thế, khi nghe pháp muốn lãnh hội ý nghĩa quan trọng của bài pháp thoại, thì ta

phải hết lòng chú ý thành khẩn lắng nghe. Có thể, thì việc nghe pháp của ta mới không luống uổng vô bổ vậy.

Chuyện lược dẫn trên, Ngài Xá lợi phát chỉ vì tôn trọng pháp và tôn kính người nói pháp, mà gây ra trong chúng có sự bất bình hiểu lầm. Bởi vì, Ngài Xá lợi phát mỗi khi nghĩ đến thâm ân sâu nặng của thầy Ác Bệ nói bài kệ cho Ngài nghe, nhờ đó mà Ngài được ngộ đạo và chứng quả Tu đà hoàn. Cho nên, Ngài hướng lòng về thầy ác Bệ để đánh lễ. Đó là biểu lộ tấm lòng nhớ ơn người thầy đầu tiên đã đưa mình đến với đạo giải thoát. Ấy thế mà, người ta không hiểu được tấm lòng biết ân cao cả đó, lại còn sanh tâm chế nhạo chê cười. Điều này, ngẫm kỹ lại thời nào cũng có. Vì thiếu hiểu, nên dễ gây ra sự ngộ nhận và từ đó làm tổn thương gây ra mối bất hòa trong tình huynh đệ thầy trò với nhau. Xin mọi người hãy chú ý lời Phật dạy trong pháp cú nói trên và câu chuyện dẫn chứng để tránh việc hiểu lầm đáng tiếc có thể xảy ra không hay!

---o0o---

393. Chẳng phải vì núp tóc, chẳng phải vì chủng tộc, cũng chẳng phải tại nơi sanh mà gọi là Bà la môn; nhưng ai hiểu biết chân thật, thông đạt chánh pháp, đó mới là kẻ Bà la môn hạnh phúc.

Not by matted hair, nor by lineage, nor by birth does one become a holy man. But he in whom truth and righteousness exist – he is pure. He is a holy man.

Kệ tụng

Được gọi Bà la môn

Không vì đầu bện tóc

Không chủng tộc, thọ sanh

Ai thật chân, chánh, tịnh

Mới gọi Bà la môn

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một người Bà la môn đầu bện tóc.

“Chuyện kể rằng, một ông Bà la môn chợt nghĩ: “Ta thuộc dòng dõi Bà la môn thuần túy. Sa môn Cồ đàm thường gọi đệ tử là Bà la môn. Ta cũng đáng được gọi như thế”.

Nghĩ rồi, y bèn đến chỗ Phật và nói lên vấn đề ấy. Đức Phật bảo:

- “*Này Bà la môn, ta không gọi ai là Bà la môn chỉ vì người ấy đầu bện tóc, chỉ vì dòng dõi, huyết thống. Ta chỉ gọi người đã thâm nhập chân lý là Bà la môn*”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 338)

Tu hành mà còn quá coi trọng hình thức, lễ nghi, dòng dõi, chức vụ, địa vị v.v...thì chưa có thể được gọi là người tu hành chơn chánh. Hình thức lễ nghi...tuy cũng quan trọng về mặt cảm hóa, nhưng tất cả cũng chỉ là phương tiện. Nương phương tiện để đạt cứu cánh, đó mới thật là người khéo biết tu hành. Ngược lại, nếu chúng ta chấp chặt đắm chìm trên phương tiện, dù là phương tiện hay đẹp đến đâu đi nữa, thì cũng chỉ là kẻ chết đuối trong dòng sông phương tiện mà thôi. Ta nên nhớ, đạo Phật chủ trương “Sự Lý” phải viên dung.

Câu chuyện trên, đức Phật đã minh định rất rõ điều đó. Đối với những ai nương lời Phật dạy để tìm hiểu thâm nhập sâu vào chân lý, có đời sống an lạc hạnh phúc thật sự, thì người đó dù ở giai tầng nào cũng được gọi là người chân thật tu hành. Nói theo pháp cú trên, thì Phật gọi người đó là Bà la môn. Như vậy, thực chất Bà la môn là phải đạt ngộ chân lý. Bốn chân lý mẫu nhiệm có khả năng đưa con người từ địa vị phàm phu tiến lên thánh quả, đó là Tứ diệu đế. Đó là bốn sự thật mẫu nhiệm có mặt hiện thực trong đời sống của chúng ta. Pháp cú trên, đức Phật cảnh tỉnh thức nhắc chúng ta không nên mê chấp trên hình thức mà quên mất phần nội dung thực tiễn giác ngộ và giải thoát.

---o0o---

394. Người ngu bó tóc đùm và chuyên mặc áo da lộc đầu có ích chi? Trong lòng còn chứa đầy tham dục, thì dung nghi bên ngoài chỉ là trang điểm suông.

What is the use of your matted hair, O witless man? What of your garment of antelope's hide? Within you is the tangle (of passion); only outwardly do you cleanse yourself.

Kệ tụng

Kẻ ngu có ích gì

Bện tóc với da dê

Nội tâm toàn phiền não

Ngoài mặt điểm trang suông.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy khi Ngài đang trú ngụ tại Pagoda Hall, có liên quan đến người Bà la môn gian xảo, treo ngược mình lên cây như vơi.

Theo truyện tích, tại thành Tỳ xá lý, có một Bà la môn vì cầu lợi dưỡng, nên ông ta bắt chấp mọi thủ đoạn. Ông kêu gọi mọi người hãy cho ông tiền bạc và người tớ gái, nếu không, thì ông ta sẽ từ trên cây rơi xuống mà chết và sẽ trở thành ác thần phá hoại tan nát thành này.

Khi ấy, trong lúc đang đi khát thực trong thành, các thầy Tỳ kheo trông thấy ông ta treo ngược người trên cành cây và khi rời thành ông vẫn còn treo như thế. Mọi người trong thành thấy thế lo sợ, nên đem lại những thứ mà ông yêu cầu để dưới gốc cây. Sau đó, y leo xuống thu chiến lợi phẩm và ra đi.

Ông ta đi lang thang đến gần tinh xá và rống lên như một con bò. Các thầy Tỳ kheo biết ông ta gian xảo và đã đạt được yêu cầu. Muốn biết rõ sự việc, các thầy đến bạch Phật. Đức Phật cho biết, đây không phải là lần đầu ông làm như thế, mà trong quá khứ ông ta cũng đã từng là một người ân tu giả để che mắt gian xảo lường gạt trục lợi thiên hạ như thế. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Việc giả dạng hình thức bề ngoài tu hành để lường gạt mọi tiền thiên hạ, chắc chắn là thời nào cũng có. Nhất là trong thời đại mạt pháp hiện nay, người ta đội lốt giả dạng mang vào mình chiếc áo nhà tu, thì rất dễ bề kiếm tiền lợi dưỡng. Có thể họ giả dạng hóa trang dưới mọi hình thức. Nhưng có lẽ hấp dẫn nhất là, hình thức ăn mặc càng khổ hạnh, thì càng dễ kiếm được nhiều lợi dưỡng hơn. Đó cũng là một thủ thuật gian xảo rất dễ kiếm tiền. Họ khéo khai thác tâm lý con người, nhất là đối với phái nữ nhẹ dạ cả tin. Đối với họ, miễn sao kiếm được nhiều tiền bạc của cải là được. Họ bắt chấp thủ đoạn, tội lỗi. Nếu đã sợ tội, thì họ không bao giờ dám làm như vậy. Nói thế, không có nghĩa là chúng ta quơ đũa hết cả nắm. Cũng có những vị tu hành bề ngoài ăn mặc khổ hạnh, nhưng bên trong thì họ thật sự tu hành để được giải thoát. Song, ở đời vàng thau lẫn lộn, thật khó mà đoán định phân biệt rõ ràng. Thôi thì, cứ thấy ai mặc chiếc áo nhà tu, thì cứ thành tâm mà hết lòng dâng cúng cho họ. Phân biệt chân giả chi cho nó thêm hao hơi mệt sức! Đó là tâm trạng chung của những người giàu lòng hảo tâm trọng đạo.

Chuyện Bà la môn nói trên là một điển hình trong muôn ngàn cách thủ đoạn gian xảo, lường gạt. Có lắm người gia đình của họ bị xáo xáo bất an mất hạnh phúc, cũng bởi do hiến cúng cho các vị giả tu làm tiền này. Phải nói đa số bị lường gạt nhiều nhất là phái nữ. Quý bà rất giàu lòng từ tâm bố thí. Họ quan niệm rằng, ai lường gạt giả dạng tu hành, thì tội họ gánh chịu. Đồng ý là như vậy. Đó là một tâm niệm rất tốt. Nhưng xin quý bà đừng quên rằng, trong đạo Phật từ bi phải kèm theo trí huệ. Chúng ta không thể tin tưởng một cách mù

quáng. Vì như thế, là vô tình chúng ta lại tiếp tay cho họ gây thêm tội lỗi. Thì đó không phải là từ bi. Xin tất cả hãy lưu tâm điểm này.

Do đó, Pháp cú trên, Phật dạy rất rõ, không phải vì lý do ăn mặc khổ hạnh bên ngoài mà có thể đánh giá họ là người chân thật tu hành. Dù cho có bện tóc chùm, chuyên mặc áo da lột, mà trong lòng của họ còn chứa đầy tham dục, thì dung nghi bên ngoài chỉ là trang điểm suông mà thôi. Đó là cảnh tỉnh thức nhắc của Phật để chúng ta lấy đó mà suy gẫm thật kỹ.

---o0o---

395. Dù mặc áo phân tảo¹⁶, gầy ốm lộ gân xương, mà ở rừng sâu tu thiền định, Ta gọi là Bà la môn.

The person who wears a robe made of rags, who is lean, with veins showing all over the body, and who meditates alone in the forest – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Người mặc áo phân tảo

Gầy ốm lộ gân xương

Riêng sống rừng tu thiền

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại núi Linh Thứu, có liên quan đến Tỳ kheo ni Kisa Gotami.

“Vào buổi đầu hôm, trời Đế Thích cùng chư Thiên đến vây quanh đức Phật nghe pháp. Họ kính cẩn ngồi một bên để lắng nghe những lời dạy từ hòa của đức Thế Tôn. Lúc ấy, Đại Đức Tỳ kheo ni Kisa Gotami chợt nghĩ: Ta sẽ đến viếng đức Thế Tôn. Bà bay lên không trung, đến chỗ Phật, nhưng thấy trời Đế Thích bèn quay lui. Đế Thích thấy vậy hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, ai mới đến vừa thấy Ngài liền trở ra?

Đức Phật bảo:

- Đại vương, đó là đệ tử ta, Tỳ kheo ni Kisa Gotami, người có hạnh đầu đà bậc nhất”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu tr 343)

Thời Phật, việc tu khổ hạnh như là một tập tục rất phổ thông. Chính bản thân đức Phật cũng đã trải qua sáu năm nếm mùi vị khổ hạnh cùng cực này. Bởi thời đó, nếu tu hành mà không chịu đựng nổi khổ hạnh, thì họ cho rằng không thể nào thành tựu được đạo quả như ý muốn. Do đó, bất cứ vị tu sĩ hay Bà la môn nào cũng phải vào rừng sâu để thật hành khổ hạnh. Đây gọi là hạnh đầu đà. Đầu đà tiếng Phạn là Dhuta, Trung Hoa dịch là Đầu tâu. Người tu hạnh đầu đà phải gìn giữ 12 hạnh sau đây:

1. **Ở a lan nhã:** xa lìa chỗ đông đảo, chọn nơi vắng vẻ yên tĩnh.
2. **Thường hành khát thực:** thường đi khát thực.
3. **Thứ đệ khát thực:** theo thứ tự đi từng nhà khát thực không phân biệt nghèo giàu.
4. **Thọ pháp nhất thực:** ngày ăn một bữa.
5. **Tiết lượng thực:** không ăn quá nhiều, chỉ thọ một nắm cơm trong bát.
6. **Trung hậu bất đắc ẩm tương:** sau buổi Ngọ trai không được uống nước trái cây.
7. **Trước tộ nạp y:** đắp ca sa được chấp vá bằng những vải vụn bỏ.
8. **Đản tam y:** chỉ có 3 y.
9. **Trùng gian trụ:** ở trong nghĩa địa.
10. **Thọ hạ chỉ:** ngủ dưới gốc cây.
11. **Lộ địa tọa:** ngồi ở chỗ đất trống.
12. **Đả tọa bất ngọa:** thường ngồi không nằm.

Pháp cú trên, Phật cho rằng, một người tu khổ hạnh như mặc áo phẩn tảo (vải rách người ta vất bỏ ở bãi tha ma, lượm giặt sạch, may lại thành áo cà sa để mặc), hay gầy ốm để lộ gân xương, rồi phải vào rừng sâu để thiền định, như vậy mới gọi là Bà la môn.

Câu chuyện trên, qua lời hỏi của trời Đế Thích, đức Phật nói, đó là Tỳ kheo ni Kisa Gotami, tức là bà Kiều đàm di mẫu. Sau khi bà hoàng hậu Ma Gia qua đời, bà thay thế người chị của mình để nuôi dưỡng đức Phật. Bà xin Phật xuất gia đôi ba phen, nhưng Phật không đồng ý. Bà buồn tủi khóc than và nhờ Ngài A nan xin hộ. Cuối cùng, đức Phật chấp nhận cho bà được toại nguyện. Sau khi xuất gia trở thành Tỳ kheo ni, bà là người lãnh đạo Tăng đoàn bên ni

chúng. Phật nói, bà là người tu hạnh đầu đà bậc nhất bên chư Ni. Còn bên chư Tăng, thì có Tôn giả Đại ca điếp là người tu hạnh đầu đà đệ nhất.

---o0o---

396. Bà la môn không phải từ bụng mẹ đẻ ra. Nếu cứ chấp chặt các phiền não, thì chỉ được gọi là “Bồ” suông¹⁷. Người nào lìa hết chấp trước, Ta gọi là Bà la môn.

I do not call him a holy man because of his lineage or high born mother.

If he is full of impeding attachments, he is just a supercilious man. But he who is free from impediments and clinging - him do I call a holy man.

Kệ tụng

Ta không gọi Bà môn

Vì sanh từ bụng mẹ

Chỉ được gọi tên suông

Nếu tâm còn phiền não

Không phiền não chấp trước

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một người Bà la môn.

“Một người Bà la môn thăm nghĩ: “Sa môn Cồ đàm thường gọi các đệ tử là Bà la môn. Ta sanh trưởng trong dòng Bà la môn, vậy ông ấy phải gọi ta danh hiệu Bà la môn”. Nghĩ thế, ông đến yêu cầu Phật điều ấy. Phật nói:

- Ta không gọi ai là Bà la môn chỉ vì họ sanh ra từ một người mẹ dòng Bà la môn. Người nào không sở hữu của cải thế gian, không chạy theo những thứ thế tục, chỉ người ấy ta gọi Bà la môn”. (Trích nguyên văn Tích Tuyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 344)

Thường chúng ta quen sống theo những thuận lý, hơn là nghịch lý. Vì sống theo thuận lý nên chúng ta mãi miết đeo đuổi bám chặt theo dòng đời chảy trôi không định hướng. Càng đeo đuổi bám chặt vào những nhãn hiệu quảng cáo vật

chất, ta càng đau khổ. Bởi thực chất của những nhãn hiệu là giả dối không thật. Bám vào cái không thật, có khác nào ta đùa giỡn với cái bóng. Quên hình bắt bóng, đó là tâm trạng chung của tất cả chúng ta. Đôi khi trong cơn hôn mê tối tăm, ta loé lên một chút tỉnh giác, biết rằng ta là kẻ đang đùa giỡn bắt bóng. Nhưng chỉ được một chút rồi thì cũng hôn mê tối tăm trở lại như cũ. Ta cũng thấy tất cả sự vật đang phô bày trước mắt ta là thật. Từ nhận định sai lầm đó, ta trở thành làm kẻ nô lệ cho dục vọng sai khiến. Ta đã bị cuốn hút theo dòng đời, nổi trôi chìm đắm trong biển đời sanh tử.

Các pháp hiện đời là giả danh không thật. Nhưng lâu rồi, ta bị những thứ tập khí phiền não che ngăn, làm cho tâm trí ta không còn đủ sáng suốt để nhận định đúng theo chân lý. Muốn thấy đúng sự thật, tất nhiên, ta cần phải gấp rút gỡ bỏ cặp kính màu tà kiến. Không vọng chấp bảo thủ vào bất cứ thứ gì, thì Phật nói, đó mới xứng danh là Bà la môn. Bà la môn chỉ là một tên gọi suông, tự nó không có nghĩa lý gì cả. Nhưng lâu nay, người ta tàn sát lẫn nhau, cũng chỉ vì chấp chặt vào những danh từ nhãn hiệu kêu rỗng này. Người ta bị ràng buộc với nhau trong một ý thức và quan niệm sai lầm trên những danh ngôn sắc tướng. Từ đó, người ta mới nảy sanh kết thành bè phái kiến thủ vào những sở tri theo dòng vô minh nghiệp thức, để rồi tạo không biết bao nhiêu nghiệp ác cùng nhau thọ khổ. Đó là cộng nghiệp mà cả nhơn loại ngày nay đang phải hứng chịu.

---o0o---

397. Đoạn hết các kiết sử, không còn sợ hãi chi, không bị đắm trước ràng buộc, Ta gọi là Bà la môn.

He who, having cut off all fetters, trembles no more, who has overcome all attachments and is emancipated -him do I call a holy man.

Kệ tụng

Đoạn hết các kiết sử

Không còn gì sợ hãi

Không đắm trước ràng buộc

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến Uggasena.

“Chuyện này đã được kể đầy đủ chi tiết trong phần chú giải bài kệ bắt đầu bằng câu: “Bỏ quá, hiện, vị lai”.

Lúc ấy, các thầy Tỳ kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, Uggasena nói: “Tôi không sợ”, chắc chắn thầy ấy đã nói dối.

Đức Phật dạy:

- “Này các Tỳ kheo, giống như con ta, kẻ nào đã dứt trừ mọi ràng buộc, kẻ ấy chẳng còn sợ hãi”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 345)

Đoạn hết các kiết sử nghĩa là dứt trừ hết mọi thứ phiền não. Như chúng ta đã biết, phiền não có rất nhiều loại nặng nhẹ khác nhau. Nhưng tựu trung, trong kinh thường nêu ra có hai loại chính: “*căn bản phiền não và tùy phiền não*”. Căn bản phiền não gồm có mười thứ chia ra làm hai: “thượng phần kiết sử và hạ phần kiết sử”. Kiết nghĩa là trói buộc, sử là sai khiến. Sở dĩ chia ra như thế, là vì người ta căn cứ vào tính chất nặng nhẹ của nó. Những thứ nặng như: tham, sân, si, mạn, nghi. Năm thứ này thuộc về Sự, chúng có gốc rễ sâu dày thật khó trừ khó đoạn. Còn những thứ nhẹ hơn gồm có năm thứ: thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ và giới cấm thủ. Năm thứ này, tương đối dễ trừ dễ đoạn, vì tính chất của nó thuộc về mê Lý. Những thứ phiền não này dù căn bản hay chi mạt, đối với người tu, nhất là người xuất gia, thì Phật dạy cần phải dứt trừ tất cả. Có thế, thì ta mới không còn lo âu sợ hãi và tất nhiên, là vượt khỏi mọi ràng buộc, và sẽ được tự do giải thoát.

---o0o---

398. Như ngựa bỏ đai da, bỏ cương, bỏ giày và đồ sở thuộc¹⁸, người giác trí bỏ tất cả chướng ngại, Ta gọi Bà la môn.

He who has cut off the thong (of hatred), the band (of craving), and the rope (of false views), together with the appurtenances (latent evil tendencies), he who has removed the crossbar (of ignorance) and is enlightened - him do I call a holy man.

Kệ tụng

Bỏ đai da, bỏ cương

Bỏ giày, đồ sở thuộc

Bỏ then chốt, sáng suốt

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến hai người Bà la môn.

“Hai người Bà la môn nọ có hai con bò, một tên Tiểu Hồng (Culla Rohita), và một tên Đại Hồng (Maha Rohita). Một hôm, hai ông Bà la môn bàn cãi, so sánh hai con bò của nhau, ai cũng nói “Bò tôi mới là số dzách!”

Cãi lộn hết hơi rồi, họ nghĩ ra cách thử sức kéo của bò. Lập tức họ đánh xe bò ra bờ sông Aciravati, thi nhau chắt lên xe bò mình nào cát, đá thật đầy và bắt bò kéo. Nhưng mặc cho họ thúc giục, chiếc xe vẫn không nhúc nhích và thành linh dây thừng đều bị đứt. Các vị Tỳ kheo lúc ấy ra sông tắm, thấy vậy về bạch Phật. Ngài dạy:

- *“Này các Tỳ kheo, đó là những dây bên ngoài, có thể cắt đứt. Nhưng một vị Sa môn phải cắt đứt những sợi dây giận dữ và tham dục ở nội tâm”*. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 346)

Sống trong vòng vô minh nghiệp thức, thì việc tranh chấp hơn thua cãi vả nhau, đó là chuyện thường tình ở thế gian. Đã tranh chấp tất nhiên là có ý hơn thua. Từ đó, mới gây ra oán thù và rồi sát hại chém giết lẫn nhau. Thế giới ngày nay điên đảo thác loạn, cũng bởi do nhơn loại tranh chấp hơn thua này. Thắng thì làm vua, thua thì làm giặc, trên chiến trường hay thương trường xưa nay đều như thế. Muốn chiến thắng đối phương, người ta không ngần ngại dùng mọi mưu mô thủ đoạn tuyệt hảo để quyết chiến hơn thua. Dù thủ đoạn đó có làm tổn thương giết chết bao nhiêu sinh mạng con người, họ cũng không từ nan thắng tay sử dụng sát hại. Thật ghê gớm thay! lòng độc ác của con người!

Chuyện kể trên, hai ông Bà la môn cãi vả nhau vì tranh chấp hơn thua giữa hai con bò của họ. Tuy việc xảy ra ở mức độ nhẹ, nhưng nếu không khéo chế phục lòng sân hận, thì cũng dễ đưa đến tàn sát chém giết lẫn nhau. Ai có thể biết được lòng sân hận của con người ra sao? Một khi lửa giận bốc cháy cao ngọn, thì nó sẽ đốt cháy thiêu hủy tất cả. Như chỉ cần một đóm lửa nhỏ thôi, nó cũng có thể thiêu hủy cả đám rừng rậm.

Nhân việc tranh chấp xảy ra và dây thừng bị đứt, thấy thế, các thầy Tỳ kheo bạch Phật. Phật dạy: *“một vị Sa môn phải cắt đứt những sợi dây giận dữ và tham dục ở nội tâm”*. Chỉ có cắt đứt những sợi dây trói buộc này, thì chúng ta mới có thể giải thoát mọi khổ đau. Còn dây bên ngoài, dù có đứt ngàn triệu sợi

cũng không ăn nhằm gì. Vì nó không có liên hệ gì đến việc dứt trừ phiền não cả. Nhưng ở đời, người ta lại quan trọng những thứ vật chất bên ngoài hơn là quan trọng những phiền não trong tâm. Chính vì thế, nên Phật nói chúng sanh mãi chịu trầm luân trong cõi đời đầy đau khổ là thế!

---o0o---

399. Nhẫn nhục khi bị đánh mắng, không sinh lòng sân hận; người có đội quân nhẫn nhục hùng cường, Ta gọi Bà la môn.

He who without resentment endures abuse, beating and punishment; whose power, real might, is patience - him do I call a holy man.

Kệ tụng

Không giận, chịu phỉ báng

Chịu đánh, chịu phạt hình

Lấy nhân làm quân lực

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến Akkosa Bharadvaja.

Theo truyện tích, có một tín nữ Bà la môn đã chứng quả Tu đà hoàn, nhưng bà có thói quen khi có việc gì bất trắc xảy ra, thì bà liền niệm Phật to tiếng. Ông chồng mỗi khi nghe tiếng bà niệm Phật, thì ông nổi xung thiên lên và trách mắng bà ta là ngu ngốc, cứ lải nhải xưng tụng ông Sa môn đầu trọc kia. Để hả cơn giận tức, ông nói với bà là ông quyết ăn thua đủ với Phật, bằng cách là mở ra cuộc tranh luận. Bà thách thức ông chồng, cứ làm thử xem sao, biết ai thắng ai.

Thế là, ông tìm đến đức Phật và bắt đầu tranh luận bằng cách ông nêu ra những câu hỏi hóc búa để cho Phật không thể trả lời được. Nhưng ông đã làm to. Không câu hỏi nào mà Phật không trả lời thông suốt. Từ đó, ông vô cùng cảm phục và xin quy y xuất gia với Phật, không bao lâu chứng quả A la hán. Rồi đến người em trai kế của ông, khi hay tin người anh xuất gia, hẳn cũng đến mắng chửi đức Phật và cũng được đức Phật độ cho xuất gia. Đến hai người em trai út cũng thế. Như vậy, bốn anh em lúc đầu, họ giận tức trách mắng Phật đủ điều, nhưng tất cả đều bị Phật cảm hóa độ họ xuất gia và cuối cùng đều chứng

quả A la hán. Các thầy Tỳ kheo bàn tán về hạnh nhẫn nhục cao tốt của Phật. Phật biết, nên Phật bảo các thầy:

- *“Này các Tỳ kheo, vì ta có sức từ nhẫn, vì ta là người không gây tội giữa thế gian đầy lỗi lầm, nên ta là nơi nương tựa chân thật cho chúng sanh”*. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Người tu hành thiếu đức tánh nhẫn nhịn, thì khó đạt được thành công. Từ xưa tới nay, sách sử ghi lại, không có một bậc hiền nhân quân tử nào thành công sự nghiệp mà không trải qua những thử thách chịu đựng. Nhẫn nhịn, phải xuất phát từ một tấm lòng bi mẫn của những con người biết thương yêu vạn loại. Muốn cảm hóa độ đời, Bồ tát phải rèn luyện trang bị cho mình đầy đủ nghị lực nhẫn nại chịu đựng. Trên đường đời cũng như đường đạo, muốn cho sự nghiệp được kết quả tốt đẹp như ý muốn, thì chúng ta cần phải học hạnh nhẫn nhục của các bậc Thánh Hiền. Và từ đó, chúng ta đem ra áp dụng ngay trong đời sống. Có thế, thì chúng ta mới được lợi ích lớn.

Chuyện lược dẫn trên là một chứng minh cụ thể cho điều đó. Đức Phật đã bị bốn anh em Bà la môn dùng toàn những lời lẽ dao búa trích thượng mắng chửi Ngài thậm tệ, nhưng Ngài vẫn thản nhiên bình tĩnh. Được thế do đâu? Thứ nhất, do đức Phật không còn phiền não. Muốn thế, thì phải nỗ lực huân tu dứt trừ phiền não, thì chúng ta cũng sẽ có được đạo lực thâm hậu như Ngài. Thứ hai, do vì lòng từ bi của đức Phật trải rộng khắp hết muôn loài. Những kẻ còn u mê tăm tối, thì đức Phật quan tâm chiếu cố thương độ họ nhiều hơn. Cho nên, đức Phật trả lời với các thầy Tỳ kheo rằng: *“vì ta có sức từ nhẫn”*. Phải có con mắt từ nhẫn như thế, thì mới có thể thương xót cứu giúp chúng sanh thoát khỏi đau khổ. Bồ tát Quán Thế Âm là vị Bồ tát đã có đôi mắt *“từ nhẫn thị chúng sanh”* này. Chỉ có đôi mắt đó, nên Ngài mới có thể an ủi xoa dịu làm giảm thiểu những tiếng kêu la thảm thiết đau khổ của chúng sanh. Cụ thể là cả nhơn loại ngày nay rất cần đôi mắt sáng suốt từ nhẫn lực đó.

Tóm lại, người tu hành cần phải: *“thân nhẫn, khẩu nhẫn và ý nhẫn”*. Thân nhẫn là phải chịu đựng những nghịch cảnh thời tiết nóng lạnh bất thường hay những cảnh thiên tai hoạn họa gây ra bao thảm cảnh: đói khát, bệnh tật... Thậm chí bị người trù dập chửi mắng, đánh đập, hành hung v.v... tất cả đều phải nhẫn nhịn.

Khẩu nhẫn là giữ gìn cái lỗ miệng khi phát ra ngôn từ. Khi gặp nghịch cảnh trái ý nghịch lòng, chướng nạn thử thách, thân bị hành hạ như trên đã nói, thì miệng cũng không nên thốt ra những lời độc địa chua cay xấu ác để chửi mắng người hay vật.

Ý nhẫn rất là quan trọng. Có khi thân nhẫn, khẩu nhẫn mà trong tâm không nhẫn, ôm ấp nuôi lớn hận thù, thì đó là điều thật vô cùng tai hại. Khi dồn nén

lâu ngày, nó trở thành một “*Nội kết ung nhọt*” rất lớn, đến khi bùng nổ ra, thì ôi thôi! hậu quả không thể nào lường được! Thế nên, người khéo biết tu hành là phải lấy tâm nhẫn làm gốc. Phải có lòng thương xót mà hoan hỷ buông xả tất cả. Có thể, thì sự tu hành của chúng ta mới mong có kết quả tốt đẹp vậy

---o0o---

400. Đầy đủ đức hạnh không nóng giận, trì giới thanh tịnh không dục nhiễm, thì chỉ ngang thân này là cuối cùng, không bị tiếp tục sanh nữa, người như thế, Ta gọi Bà la môn.

He who is free from anger, is devout, virtuous, without craving, selfsubdued and bears his final body – him I call a holy man.

Kệ tụng

Không hận, hết bỏn phận

Trì giới, không tham ái

Nhiếp phục thân cuối cùng

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến Tôn giả Xá lợi phất.

Theo truyện tích, khi Phật ở tinh xá Trúc Lâm, lúc ấy Ngài Xá lợi phất cùng năm trăm thầy Tỳ kheo đến trước nhà thân mẫu của Ngài khát thực, bà mẹ mời tất cả vào nhà, khi dọn thức ăn bà nặng lời mắng nhiếc quở trách Tôn giả. Bà mắng nhiếc nhục mạ Tôn giả là kẻ ăn mày bỏ cả gia tài sự sản, mà làm kẻ ăn xin thật là đáng xấu hổ. Sẵn trốn bà chửi luôn các thầy Tỳ kheo khác. Ngài Xá lợi phất lặng thinh nhận thức ăn và rồi trở về tinh xá. Khi Ngài La hầu la dâng thức ăn cho Phật, Phật hỏi duyên cớ đã xảy ra và Ngài La hầu la kể hết mọi việc đầu đuôi có sự cho Phật nghe. Phật hỏi vậy lúc đó thái độ của thầy người thế nào? Ngài La hầu la cho biết là thầy con (Xá lợi phất) lặng thinh không nói gì hết. Các thầy Tỳ kheo nghe thế, đồng khen ngợi hạnh nhẫn nhục cao quý của Tôn giả Xá lợi phất. Đức Phật biết thế, Ngài liền bảo các thầy Tỳ kheo:

- “*Này các Tỳ kheo, người nào thanh trừ được mọi dục vọng xấu xa, người ấy không còn sân giận*”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Nóng giận hầu như ít nhiều ai cũng có. Vì nó là hạt giống lâu đời đang tiềm ẩn trong tâm thức ta. Nóng giận tùy theo sự huân tu sâu cạn của mỗi người mà nó có cường độ mạnh yếu, nặng nhẹ khác nhau. Đó là nói người có biết tu hành chút ít. Còn đối với người không biết tu, thì cường độ của lòng sân hận, nó bộc phát thật mạnh mẽ không thể lường được. Người có tu thường kiểm soát thiền quán sâu vào nội tâm mình, khi gặp chướng duyên nghịch cảnh xảy đến, thì cơn giận tức của họ có thể bộc phát nhẹ và chậm hơn. Vì họ có ý thức và kịp thời kiềm chế phần nào. Nếu là người tu khá, thì phiền não giảm thiểu rất nhiều. Hoặc người tu cao thâm hơn, tuy phiền não thô trọng không còn, nhưng phiền não vi tế vẫn còn. Đối với hàng A la hán thì các Ngài đã dứt sạch Kiến, Tư hoặc phiền não. Điển hình như Tôn giả Xá lợi phất. Tuy Ngài đã bị người mẹ la mắng chửi bới nặng nề, nhưng Ngài vẫn an nhiên lặng thinh không thốt một lời bực tức. Đó là do Ngài không còn phiền não gốc tham, sân, si. Chính nhờ sức huân tu già dặn mà được như thế. Do đó, việc huân tu để đoạn trừ phiền não ai cũng có thể làm được, nếu chúng ta có ý chí cương quyết mãnh liệt. Cho nên trên đường tu, người ta chỉ hơn nhau là ở chỗ diệt trừ phiền não nhiều hay ít đó thôi.

Từ cái gốc đã đoạn, tất nhiên cái ngọn cũng theo đó mà không còn. Nếu sức huân tu nội lực của chúng ta còn yếu kém, thì chúng ta nên tu từ ngọn vào. Nghĩa là chúng ta nên khéo gìn giữ ở nơi thân nghiệp và khẩu nghiệp. Cũng thí như một cái cây to, ta không đủ sức bứng gốc nó đi, thì ta chỉ cần gia công bề cảnh lật ngọn lên hồi, thét rồi cây kia cũng phải chết khô thôi. Đó là chúng ta đi từ phần thô để lần hồi đi sâu vào phần tế. Ngược lại, nếu sức huân tu của ta mạnh, thì ta có thể đi thẳng vào phần gốc, tức phần vi tế trong tâm. Một niệm vừa dấy lên ta nhận diện nó rõ ràng. Chỉ cần nhận diện thì nó sẽ tan biến ngay. Vì bản chất của nó là giả dối không thật. Muốn thế, tất nhiên là ta phải hằng có chánh niệm. Chính tu ở nơi phần gốc này mới thật là quan trọng. Khi không còn niệm khởi tạo nghiệp, thì dòng sanh tử ngang đây chấm dứt. Như Tôn giả Xá lợi phất, dù Ngài bị bà mẹ nặng lời trách mắng thậm tệ, nhưng tâm Ngài vẫn thanh nhiên tươi mát. Vì tâm Ngài đã không còn phiền não nhiễm ô. Ngài Luôn sống trong tịch tịnh Niết bàn. Do đó, nên Ngài là người có quá nhiều tự do hạnh phúc.

Muốn được thế, thì ta phải nỗ lực huân tu trong từng giây phút. Phải thường xuyên quán chiếu ở nơi tâm mình. Như người ngồi trên bờ nhìn ngắm dòng sông đang chảy. Biết rõ ngõ ngách đường đi nước bước của nó, như thế, thì ta mới mong có được bình an hạnh phúc ngay trong từng bước đi, nụ cười và hơi thở.

401. Người nào không nhiễm đắm những điều ái dục như nước giọt trên sen, như hạt cải đặt đầu mũi kim, người như thế Ta gọi là Bà la môn.

Like water on a lotus leaf, or a mustard seed on the point of a needle, he who does not cling to sensual pleasure - him do I call a holy man.

Kệ tụng

Như nước trên lá sen

Như cải đặt đầu kim

Người không nhiễm ái dục

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tỳ kheo ni Uppalavanna.

“Chuyện được kể đủ chi tiết trong phần chú giải bài kệ bắt đầu bằng câu: “Người ngu nghĩ là ngọt, khi ác chưa chín mùi”. Truyện kể tiếp rằng:

Sau đó ít lâu các Tỳ kheo bàn tán ở Pháp đường: “Chắc các vị đã trừ hết lậu hoặc vẫn còn phải thỏa mãn nhục dục. Tại sao không? họ đâu phải cây đá hay đất cục mà cũng mang thân người với máu thịt, do đó, thế nào cũng còn wa khoái lạc”.

Đức Thế Tôn nghe chuyện bèn giải thích:

- “Này các Tỳ kheo, không bao giờ người đã thanh trừ ái dục lại yêu thích khoái lạc hay thỏa mãn nhục dục. Như một giọt nước rơi trên lá sen không bao giờ dính lại, nó lăn tròn và rơi xuống, như hạt cải không bao giờ dính trên đầu cây kim, cũng như tình ái không bao giờ ràng buộc hay còn vương vấn nơi những vị đã tận trừ ái nhiễm”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 352).

Pháp cú trên, đức Phật nhắc lại sự say đắm ái dục của con người. Phật minh định rõ, bất cứ ai nếu không đắm nhiễm vướng mắc những điều ái dục, thì Phật nói người đó như nước đổ trên lá sen. Nước và lá sen không dính dáng gì nhau. Vấn đề này, đức Phật đã dạy rất rõ trong phẩm ái dục. Ở đây, chúng tôi không muốn luận bàn nhiều. Tuy nhiên, chúng ta nên nhớ rằng, gốc của ái dục là do từ tư tưởng sanh, nếu tư tưởng không sanh thì ái dục không có. Đã là người, ít nhiều gì không ai lại không có ái dục. Nếu là người thật sự tu hành, thì

lòng ái dục của họ tương đối nhẹ hơn người giả tu và không biết tu. Ái dục sanh ra là tùy theo quan niệm của chúng ta. Ái dục có nhiều đẳng cấp nặng nhẹ khác nhau. Nếu là người hoàn toàn sống buông thả theo dòng thác dục vọng, lúc nào cũng muốn thỏa mãn cho những dục tính, nặng về phần xác thịt, không chút kèm chế ở nơi tâm ý, thì quả sống tình của họ cao hơn núi Tu di và như thế, chắc chắn là họ sẽ bị nhận chìm chết đuối trong biển ái dục vậy.

Vì muốn ngăn ngừa ái dục đối với nặng tình nam nữ, trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, bài kinh số 29, đức Phật có dạy: *“Phải dè dặt chớ nhìn ngó nữ sắc, chớ cùng nói chuyện, nếu phải cùng người nữ nói chuyện, thì nên chánh tâm suy nghĩ: Ta là bực Sa môn ở trong đời ác, phải như hoa sen chẳng bị bùn làm ô uế, tưởng người già như mẹ, người lớn như chị, kẻ nhỏ như em, đứa bé như con, mà sanh lòng độ thoát, thì diệt được niệm xấu”*.

Phật dạy điều này, tuy riêng cho người xuất gia, nhưng nếu như người tại gia muốn thoát khỏi lưới ái tình ràng buộc đau khổ, thì cũng có thể áp dụng lời Phật dạy trên. Đây là một khía cạnh tâm lý quan trọng. Như trên đã nói, ái dục đều do quan niệm phát sanh. Như gần gũi người khác phái (ngoại trừ những người bệnh hoạn đồng tính luyện ái), nhứt là gần gũi đối tượng có nhan sắc đẹp, thì ít nhiều gì lòng ái dục thèm khát của ta cũng phát sanh. Lý do, tại vì ta quan niệm người đó xa lạ, nên ta có quyền yêu thương luyện ái. Ngược lại, nếu như ta quan niệm rằng, họ là những người trong thân thuộc dòng họ huyết thống của ta, thì chắc chắn niệm ái dục của ta thật khó phát sanh.

Cao hơn nữa, là khi nhìn đối tượng đẹp, mà lòng ta không nhiễm trước, thì Phật nói như nước trên lá sen hay hạt cải đặt trên đầu mũi kim, cả hai không dính dáng ăn nhập gì với nhau. Được thế, mới thực sự là người tự do giải thoát, và như thế mới xứng danh là Bà la môn.

---o0o---

402. Nếu ngay tại thế gian này, ai tự giác ngộ và diệt trừ đau khổ, trút bỏ gánh nặng mà giải thoát, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who in this very life realizes for himself the end of suffering, who has laid aside the burden and become emancipated – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Ai tu trên đời này

Giác khổ, diệt trừ khổ

Bỏ gánh nặng, giải thoát

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một người Bà la môn.

“Khi chưa có điều luật không cho phép nhận nô lệ trốn chủ vào Tăng đoàn, một hôm người nô lệ của một Bà la môn đến xin xuất gia. Y được nhận vào Tăng đoàn và chẳng bao lâu chứng A la hán. Người Bà la môn tìm khắp nơi nhưng không gặp. Một hôm đức Phật dẫn vị A la hán ấy vào thành khát thực, người Bà la môn trông thấy ở cổng thành bèn níu y của Tôn giả nọ. Đức Phật quay lại hỏi:

- *Này Bà la môn, chuyện gì vậy?*
- *Thưa Ngài Cồ đàm, đây là kẻ tôi tớ của tôi.*
- *Này Bà la môn, gánh nặng đã rời khỏi y.*

Nghe đức Phật nói, người Bà la môn lập tức hiểu rằng người ấy đã chứng A la hán. Ông hỏi lại:

- *Có thật không, thưa Cồ đàm?*

Đức Phật xác nhận:

Thật vậy, gánh nặng của người ấy đã buông xuống rồi”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 353)

Xã hội Ấn Độ thời Phật người ta phân chia thành bốn giai cấp rất rõ rệt: 1. Giai cấp Bà la môn, gồm những Giáo sĩ giữ quyền thống trị tinh thần, chuyên phụ trách về những việc lễ nghi cúng tế. 2. Giai cấp Sát đê lợi, là hàng vua chúa quý phái, nắm quyền cai trị về chánh trị. 3. Giai cấp Phệ xá, gồm những thương gia chủ điền chuyên lo vấn đề kinh tế trong nước. 4. Giai cấp Thủ đà la, là hàng hạ tiện nô lệ, phục dịch làm khổ sai suốt đời cho ba giai cấp trên. Đó là những giai cấp bất công nhất của xã hội Ấn Độ trước khi Phật ra đời cũng như trong thời đại của đức Phật. Có thể nói, đức Phật là người đã phá san bằng những cái hố giai cấp bất công này. Ngài đã đem lại cho mọi người có một đời sống bình đẳng ngang nhau. Ngài không phân biệt sang hèn, nghèo giàu, bất cứ họ thuộc giai cấp nào, Ngài cũng đều hóa độ tất cả. Dù người đó có học thức hay dốt nát, thậm chí những hạng người mà xã hội liệt họ vào thành phần bất trị, là những con sâu mọt ăn hại phá hoại xã hội, Ngài cũng độ họ trở thành những con người lương thiện cao quý.

Chuyện dẫn chứng trên là một chứng minh cụ thể cho vấn đề đó. Một kẻ nô lệ đến xin Phật xuất gia, và đã được đức Phật thu nhận vào Tăng đoàn. Việc làm này, đối với xã hội giai cấp thời đó, phải nói đây là một cuộc cách mạng vĩ đại của đức Phật. Đức Phật đã bị xã hội đương thời chống đối kịch liệt. Nhưng với chủ trương một nền giáo lý bình đẳng, mỗi chúng sanh đều sẵn có tánh giác sáng suốt như nhau, và nếu ai chịu khó tu hành đạt ngộ chân lý, cuối cùng, cũng có thể thành Phật như Ngài. Đó là một nền giáo lý tôn trọng quyền tự do tinh thần bình đẳng tuyệt đối của con người. Do đó, nên đức Phật cương quyết giữ vững lập trường, vượt qua mọi trở ngại chống đối bất cứ từ đâu đến. Vì thế, người ta thấy, trong Tăng đoàn của Ngài có đủ mọi giai cấp thành phần, từ hàng quý phái sang trọng giàu có nhưt, cho đến hàng cùng đinh dốt nát nghèo khổ. Nhưng khi gia nhập sống chung trong một Tăng đoàn, thì mọi mâu thuẫn phân chia không bao giờ xảy ra. Tất cả đều nỗ lực thẳng tiến tu hành thành tựu đạo quả. Ngoại trừ một số ít chống đối phá hoại Tăng đoàn gây ra sự bất hòa, như nhóm Lục quần Tỳ kheo, hay nhóm của Đề bà đạt đa chẳng hạn. Ngoài ra, tất cả đều gìn giữ lục hòa nghiêm túc và có đời sống thánh thiện cao cả. Đó là Phật nói, họ đã trút bỏ gánh nặng phiền não và đã được an lạc giải thoát. Người nào được như thế, Phật nói, mới xứng danh là Bà la môn.

---o0o---

403. Người có trí tuệ sâu xa, biết rõ thế nào là đạo, thế nào là phi đạo và chứng đến cảnh giới vô thượng, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who in this very life realizes for himself the end of suffering, who has laid aside the burden and become emancipated - him do I call a holy man.

Kệ tụng

Người trí tuệ sâu xa

Biết rõ đạo, phi đạo

Chứng đạt vô thượng giới

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại núi Linh Thứu, có liên quan đến Tỳ kheo ni Khema.

“Ngày nọ, lúc đầu hôm, vua trời Đế Thích dẫn chư thiên đến nghe Phật thuyết pháp, lúc ấy Tỳ kheo ni Khema cũng khởi nghĩ: “Ta sẽ đến thăm đức Thế Tôn”.

Bà hay đến chỗ Phật, gặp Đế Thích và chư thiên, bèn đánh lễ Phật rồi lui ra. Đế Thích hỏi Phật:

- Ai vậy, thưa Thế Tôn?

- Nay Đại vương, đó là Tỳ kheo ni Khema, trí tuệ đệ nhất, biết rõ đâu là đạo và đâu không phải là đạo”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 354)

Cuộc đời này, sở dĩ tràn đầy đau khổ là bởi chúng ta không làm chủ được vô minh phiền não sai sử. Đời sống của chúng ta, từ lúc chào đời cho đến khi vĩnh viễn từ giã cõi đời, khoảng thời gian đó, chúng ta đã gây tạo nhiều nghiệp ác, triền miên thọ khổ. Ta làm kẻ nô lệ tù đày. Ta đi lang thang mãi trong vòng luân hồi sanh tử khổ đau. Đó là vì ta thiếu trí huệ chiếu soi. Một khi ta hồi tâm tỉnh giác, có trí huệ chiếu soi, lập tức vô minh phiền não không còn. Mà vô minh không có, thì ngay đó là giải thoát. Sự mê ngộ như trở bàn tay. chỉ cần lật qua lật lại không có gì khó khăn. Khó khăn là tại vì ta không muốn làm người trí. Ta thích làm người mê. Ta còn thích ngao du trong dòng đời đau khổ. Giống như gã cùng tử đi lang thang trong bụi đời sóng gió. Khi tỉnh ngộ, ta quyết phải làm người trí. Ta quay hướng trở về để nhận lại gia bảo quý giá mà ngàn đời ta bị lãng quên. Ta không muốn làm kẻ lãng tử phong trần nữa. Ta phải vươn lên tìm lại lẽ sống chân thật trong ánh hào quang trí huệ. Ta cương quyết phục hồi lại con người thật của ta. Ta không làm kẻ nô lệ tù đày nữa. Đó là ta sẽ bắt gặp hình ảnh cao đẹp của Tỳ kheo ni Khema. Vì ta đã có trí huệ phân biệt rõ: “đâu là chân thật và đâu là giả dối”. Khi nhận rõ như thế, thì ta không còn làm lần để cho cảnh trần giả huyễn che mờ tâm trí ta nữa. Đó là ta hòa nhập cùng đại thể trong nguồn sống bao la bất tận vậy. Bây giờ ta mới thực sự khôi phục hoàn toàn con người thật của chúng ta.

---o0o---

404. Chẳng lẫn lộn với tục luân, chẳng tạp xen với tăng lữ, xuất gia lìa ái dục, người như thế, Ta gọi Bà la môn.

He who holds aloof from house holders and ascetics alike, and wanders about with no fixed abode and but few wants – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Không lẫn lộn cả hai

Xuất gia và thế tục

Sống độc thân, liả dục

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Tissa Pabbharavasi.

Theo truyện tích, sau khi nhận đề mục thiên quán từ nơi đức Phật, thầy Tissa vào rừng sâu để an trú tu tập. Thầy tìm được một hang động kín đáo thích hợp. Thầy vui mừng và nhứt quyết sẽ ở đây tu tập, để hoàn thành bản nguyện của một vị Sa môn. Thầy vào trong hang ẩn tu. Vị nữ thần trong hang thấy thế, liền sanh tâm bực tức và tìm cách hãm hại. Nhưng tìm mãi không thấy lỗi của thầy Sa môn đức hạnh này.

Hôm sau, thầy Tissa đi khát thực gặp một vị nữ thí chủ thỉnh thầy về nhà cúng dường. Nàng phát nguyện sẽ cúng dường cho thầy suốt thời gian ba tháng an cư. Thầy Tissa nhận lời. Trong khi đó, vị thần trong hang cứ ngỡ rằng, thầy sẽ rời khỏi hang động vì đã có người thỉnh cúng. Nhưng chờ mãi mà thầy cũng không đi. Vị thần thất vọng và thầm nghĩ: “thật khó lòng sống chung với vị Sa môn đức hạnh. Vậy ta phải tìm cách kiếm chuyện để bày lỗi lầm cho thầy ấy rời khỏi nơi đây mới được”. Nghĩ xong, vị thần liền đến nhà vị thí chủ thường cúng thức ăn cho thầy, và nhập vào đứa bé trai con của nữ thí chủ. Đứa bé tự dưng trợn mắt và sùi bọt mép. Bà mẹ hoảng hốt la lên! Vị thần bảo bà mẹ phải nhờ thầy Tỳ kheo Tissa cứu hộ, bằng cách là cho thuốc con người uống. Bà mẹ từ khước quyết không tuân theo. Vị thần bảo hai lần, bà đều từ chối. Nhưng đến lần thứ ba, vị thần bảo phải dùng nước rửa chân của thầy Tissa mà rảy lên đầu đứa bé. Lần này, bà chịu. Đứa bé hết bệnh. Thọ trai xong, thầy trở về hang động. Vị thần đứng trước cửa hang chào thầy và mừng thầy lang chữa bệnh rất hay. Thầy hỏi tại sao người nói vậy? Vị thần nói: nhờ thầy rưới nước lên đầu đứa bé mà nó hết bệnh. Như thế, chính thầy là thầy thuốc chữa bệnh rồi. Nghe nói thế, thầy Tissa tự nghĩ: ta đã làm được một việc lành lớn và thầy rất hoan hỷ. Dù bị vị nữ thần nặng lời quở trách xua đuổi, nhưng thầy không hề lộ ra một chút hờn giận. Do thầy quán chiếu chế ngự cảm xúc sâu xa, ngay khi đó, thầy đắc quả A la hán. Sau ba tháng an cư, thầy trở về tinh xá. Biết được sự việc xảy ra như thế, các thầy Tỳ kheo đến bạch Phật và họ cho rằng, thầy Tissa nói dối. Đức Phật bảo:

- “*Này các Tỳ kheo, con ta không sân giận. Thầy ấy chẳng chuyện trò với cư sĩ, sống đời độc cư, thiếu dục và tri túc*”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Đời sống ẩn cư đơn độc, tất dễ dưỡng tâm nuôi đức hơn là sống trong cảnh phồn hoa náo nhiệt. Chư Thiên đức xưa nay, muốn huân tu cho đạo lực thêm vững mạnh, phần nhiều các ngài hay tìm những chỗ vắng vẻ để ẩn tu. Đọc lại lịch sử về hành trạng của chư Tôn thiên đức ở Ấn Độ, Trung hoa và Việt Nam v.v... ta thấy rõ điều đó. Tuy nhiên, vấn đề này, còn tùy thuộc vào thời tiết khí hậu và nhất là hoàn cảnh xã hội của mỗi thời đại. Nếu trong một xã hội tương đối an bình, khí hậu tốt, thì việc tìm những nơi vắng vẻ ẩn tu, không có gì trở ngại lắm. Tuy nhiên, nếu là trong thời chiến tranh loạn lạc, cũng như thời tiết khí hậu khắc nghiệt, như nóng quá hay lạnh quá, thì việc ẩn tu trong rừng núi, tất nhiên có phần trở ngại hơn.

Vả lại, điều này nó còn đòi hỏi ở nơi ý chí cương quyết can đảm của mỗi người. Nhưng, dù gì đi nữa, thì việc ẩn tu, tất nhiên là nó sẽ mang lại cho người ta nhiều an lạc nội tâm hơn. Cõi lòng cảm thấy thanh thoi nhẹ nhàng an thoát hơn, nếu hành giả quyết chí mong cầu giải thoát khỏi vòng đau khổ hệ lụy. Nhưng ẩn tu như thế, không có nghĩa là chạy trốn xã hội. Làm sao có thể cắt đứt mọi liên hệ với xã hội được? Còn sống, là còn hít thở, ăn uống, còn cần đến những nhu cầu tương đối về thể chất, tất nhiên, chúng ta vẫn còn liên hệ ít nhiều với ngoại cảnh. Nhưng thời gian ẩn tu, chính là thời gian để cho người hành giả trau dồi nội lực huân tu nhiều hơn. Và sau đó, các ngài sẽ tùy cơ duyên mà ra hồng pháp độ sanh.

Chuyện lược dẫn trên, cho ta thấy rõ ý chí nhẫn nại cương quyết của thầy Tỳ kheo Tissa. Dù bị vị thần tìm cách phao vu đuổi thầy đi, nhưng thầy vẫn kiên nhẫn chịu đựng tiếp tục ở trong hang đá tu hành cho đến khi hoàn thành chí nguyện.

Đời sống phạm hạnh đơn độc lại ở nơi hang sâu vắng vẻ, nếu không phải là người có ý chí siêu trần thoát tục, quyết tâm tu hành đạt đạo, thì khó mà nhẫn nại chịu đựng được hoàn cảnh như thế. Cho nên, sự tu hành muốn hoàn thành sứ mạng đạt ngộ chân lý, tất nhiên, hành giả phải gan dạ cương quyết vượt qua mọi trở ngại khó khăn. Có thể, mới kỳ vọng đạt thành sở nguyện của người xuất trần thượng sĩ, nối thành dòng pháp và làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh.

---o0o---

405. Đối với bất luận loài nào lớn hay nhỏ, mà đã thả bỏ con dao sát hại, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who has renounced violence towards all living beings, weak or strong, who neither kills nor causes others to kill – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Người bỏ dao sát hại
Bất luận chúng sanh nào
Không giết, không khiến giết
Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một thầy Tỳ kheo.

Theo truyện tích, Phật dạy cho thầy Tỳ kheo một đề mục thiền quán, sau khi nhận lãnh, thầy đi vào rừng sâu để chuyên chú hành thiền, không lâu thầy đắc quả A la hán. Thầy thâm nghĩ, nên trình lên đức Thế Tôn thành quả đạt được này. Sau đó, thầy trở về tinh xá. Trên đường về, ngang qua xóm làng nọ, thầy thấy hai vợ chồng người kia đang cãi nhau kịch liệt. Ông chồng tức giận bỏ nhà ra đi. Sau đó, người đàn bà buồn quá cũng đi về nhà cha mẹ mình. Thầy Tỳ kheo và cô ta cùng đi chung một đường. Cô ta bám đi theo sau sát thầy. Thầy Tỳ kheo cứ lạng lẽ đi và không bao giờ để ý nhìn ngó cô ta.

Sau cơn giận, ông chồng trở về nhà, thấy vắng vợ mình, đoán biết là nàng ta về nhà cha mẹ. Ông vội vã đi kiếm và gặp thầy Tỳ kheo đang đi chung với vợ mình. Ông nổi giận tiến đến đe dọa thầy Tỳ kheo. Vì ông nghĩ, ông này dụ dỗ vợ mình. Thấy thế, bà vợ vội kêu lên:

- Vị Sa môn tu hành chơn chánh, không xúc phạm gì đến tôi, ông không nên xúc phạm tới thầy. Đang cơn ghen tức, ông không để ý đếm xỉa gì đến lời bà vợ nói, ông thẳng tay đánh thầy Tỳ kheo như tử. Thế là, thầy Tỳ kheo bị thương tích đầy mình. Về đến tu viện, các thầy Tỳ kheo khác thấy thế cùng nhau trị liệu vết thương cho thầy. Sau khi biết rõ duyên cớ, các thầy Tỳ kheo đến bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ kheo đó bị người ta đánh đập mình mấy đầy thương tích, nhưng thầy ta nói không hề giận người đánh mình. Như thế, có phải là thầy ấy nói dối không?

Phật bảo:

- “Này các Tỳ kheo, kẻ nào đã trừ được lậu hoặc liền bỏ hết roi gậy. Dù ai đánh họ, họ cũng không sân hận lại”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Pháp cú trên, Phật nhấn mạnh đến lòng hỷ xả tha thứ. Muốn có được tấm lòng bao dung rộng lượng hỷ xả, không phải tự nhiên mà có được. Chúng ta cần phải gia công nỗ lực tu hành, diệt trừ hết lậu hoặc phiền não, nhất là ba món phiền não căn bản: tham, sân, si. Có thế, thì mới mong có được tấm lòng cao cả vị tha nhân ái.

Là phàm phu, lòng người ai cũng đầy đầy sân hận. Mỗi khi gặp cảnh trái ý nghịch lòng, tức thời tâm sân hận nổi lên. Người ta chưa đụng chạm tới thân hình của mình, chỉ cần mình nghe lời nói trái tai, châm biếm, mỉa mai, kích bác nặng lời của họ, tất nhiên tâm bành lục tặc của mình sẽ nổi lên ngay. Nổi lên một cách mãnh liệt. Đừng nói chi đến việc xúc phạm hành hung đánh đập, thử hỏi việc đó, có mấy ai nhịn nhục được?! Hay là máu giận tức sẽ nổi lên đến điên cái đầu. Bị người hành hạ đánh đập, mà vẫn an nhẫn được, không tỏ ra một chút hờn giận, đó phải là bậc thánh nhơn mới có thể làm nổi.

Ở một cường độ thấp hơn, nếu người nào có sức huân tu đạo lực khá, thì cũng có thể nhẫn nhịn được, không đến nỗi phải đánh đập hay sát hại lẫn nhau. Vì họ đã từng thật hành tu tập đức tánh nhẫn nhục. Do đó, nên họ có thể dần được cơn giận dữ nhứt thời được. Như người lái xe giỏi, trong lúc bắt tắc xảy ra, họ có thể thắng chiếc xe kịp thời, nên không xảy ra tai nạn. Đó là do thói quen lái xe đến mức độ thuần thục và lúc nào họ cũng chú ý đến tay thắng an toàn. Như đã nói qua, người tu hạnh nhẫn nhục là người phải có lòng từ bi biết yêu thương muôn loài. Nhờ có lòng thương xót rộng lượng, nên họ không còn chấp nhứt phiền lòng người khác, dù vẫn biết người đó gây ra cho họ phải đau khổ. Giữa Bồ tát cả chúng sanh khác nhau là ở chỗ đó. Khác nhau trên phương diện thật hành, chớ không phải trên lý thuyết suông.

Chuyện lược dẫn trên, cho ta một bài học về đức nhẫn nhục của thầy Tỳ kheo, khi bị người hành hung đánh đập. Thậm chí, các Tỳ kheo khác không tin, khi nghe thầy đó nói lại. Cho nên, họ kéo nhau bạch Phật về chuyện đó. Phật bảo, người nào đã trừ hết lậu hoặc, thì không còn sân hận nữa. Nếu nói ngược lại, kẻ nào còn sân hận tràn trề, thì biết rằng kẻ đó còn đầy đầy phiền não lậu hoặc. Người tu muốn giải thoát cho mình và độ người, thì mỗi người cần phải thường xuyên quán chiếu lại mình để gạn lọc thanh trừ phiền não. Có thế, thì mới mong đạt được an lạc giải thoát vậy.

---o0o---

406. Ở giữa đám người cừ địch mà gây tình hữu nghị, ở giữa đám người hung hăng căm gậy mà giữ khí ôn hòa, ở giữa đám người chấp đấm mà lòng không chấp đấm, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who is friendly amidst the hostile, peaceful amidst the violent, and unattached amidst the attached – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Thân hữu giữa cừu địch

Ôn hòa giữa hung hăng

Không chấp, giữa chấp đả

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến bốn vị Sa di.

Theo truyện tích, có một gia đình Bà la môn phát tâm cúng dường một ngọc trai cho bốn vị Sa môn đặc biệt được chọn mời. Bà vợ chuẩn bị lo thức ăn, bảo ông chồng đi thỉnh bốn vị Bà la môn lão thành. Nhưng rất tiếc, những vị được thỉnh mời lại là bốn vị Sa di mới có bảy tuổi. Bốn vị này đều chứng quả A la hán. Khi thấy bốn vị Sa di nhỏ tuổi ông chồng thỉnh về, bà vợ nổi trận lôi đình quát tháo ông chồng:

- Ông đến tinh xá mà đưa về bốn đứa trẻ nít chẳng lớn bằng cháu chắt ông.

Thay vì mời bốn vị vào chỗ ngồi đã định sẵn, bà lại mời ngồi chỗ khác. Đồng thời bà bảo ông chồng đến tinh xá mời bốn vị khác về. Lần này, ông chồng mời được Tôn giả Xá lợi phát. Đến nơi, nhìn thấy bốn vị Sa di đang ngồi đó, Ngài hỏi: bốn vị này đã thọ trai chưa? Biết những vị này chưa thọ trai, Ngài liền ôm bát đi nơi khác. Bà vợ lại sai ông chồng đi thỉnh vị khác. Lần này, ông thỉnh được Tôn giả Mục kiền liên. Cũng như Tôn giả Xá lợi phát, biết những vị Sa di chưa thọ trai, Ngài lại bỏ đi không thọ trai. Bà vợ quay sang ra lệnh cho ông chồng lần này phải thỉnh cho được một sa môn lão thành. Trong khi đó, các vị Sa di này ngồi hoài mà không thấy bà mời thọ trai, ai nấy đều dỗi cào lên.

Trời Đế Thích quán sát biết rõ sự tình, liền hiện ra một Sa môn già lom khom. Đến nơi, ông chồng nhìn thấy liền thỉnh ngay, vì ông nghĩ rằng lần này chắc là vừa ý bà vợ. Khi ông thầy Sa môn già đến liền đến đánh lễ bốn vị Sa di, quyết không để ý gì đến lời thỉnh mời của bà vợ. Ông liền đến ngồi kiết già chỗ thập gàn bốn vị Sa di. Hai ông bà thấy thế, cho rằng ông già này lắm ca lắm cảm, quyết xua đuổi ông ra. Nhưng lôi kéo ông ra mấy lần, rồi cũng thấy ông vẫn ngồi chỗ cũ. Hai ông bà thất kinh, sợ hãi liền vội mời cả năm vị thọ trai. Thọ trai xong, mỗi vị Sa di bay qua mỗi cửa sổ.

Các vị Sa di về lại tinh xá, các Tỳ kheo bu quanh hỏi chuyện về việc đi thọ trai. Các vị Sa di thuật lại mọi việc cho các thầy Tỳ kheo nghe. Nghe xong, các

thầy Tỳ kheo hỏi: họ hành xử các huynh như thế, các huynh có giận họ không? Bốn vị đồng nói: “không giận”. Các thầy Tỳ kheo không tin, liền đến bạch Phật. Phật bảo:

- “*Này các Tỳ kheo, người đã trừ được lậu hoặc chẳng kháng cự kẻ chống đối họ*”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Pháp cú trên, đức Phật nêu cao đức hạnh nhu hòa nhẫn nhục. “*Ở giữa đám người cừu địch mà gây tình hữu nghị*”. Tình hữu nghị là tình bạn lành thân thiện, là tình tứ hải giai huynh đệ. Với tình thần từ bi bình đẳng của đạo Phật, đạo Phật không coi ai là kẻ thù. Dù ai đó có manh tâm ác độc hãm hại đìm đạo Phật đủ mọi cách thế. Đạo Phật vẫn coi họ là bạn. Đạo Phật không có cái nhìn ác cảm khinh khi kỳ thị với bất cứ một chủng tộc sắc dân nào. Đạo Phật không có cái nhìn hời hợt theo lăng kính nghiệp thức của một tôn giáo hay bè phái. Bởi đạo Phật coi tất cả chúng sanh đều có chung một bản thể. Nhìn trên hình tướng tuy có nhiều sai khác, nguyên do là bởi chúng sanh tạo nghiệp thiện ác bất đồng. Nhưng nhìn sâu vào bản thể, thì không có gì khác biệt. Vì vạn vật đồng như thể. Như nhìn trên hiện tượng của các loại sông, hồ, kinh, rạch, biển cả lớn nhỏ có khác nhau, nhưng thể nước chỉ là một. Đạo Phật dạy người Phật tử phải có cái nhìn thấu suốt “*Vô Tướng*”, đừng dính kẹt mắc mứu trên “*Hữu Tướng*”. Vì tất cả các pháp hữu vi, đều do duyên hợp giả có. Nếu bám chấp dính mắc trên hình tướng, tất nhiên là nhơn loại sẽ gây ra bao sự tranh chấp oán thù và rồi đưa đến tình trạng mâu thuẫn chống đối tàn sát lẫn nhau.

Với cái nhìn “*vô tướng*” đó, đạo Phật chủ trương phải luôn luôn đứng trên và đứng ngoài mọi thế chế chánh trị theo đường lối bá đạo, nhằm mục đích tạo thế lực trực lợi gây chia rẽ hận thù sát hại lẫn nhau. Đạo Phật luôn tôn trọng nhân phẩm quyền tự do hướng thượng của con người. Đạo Phật kêu gọi nhơn loại hãy dẹp bỏ mọi ty hêm, mọi quan niệm định kiến dị biệt, mà hãy nên thương yêu nắm lấy tay nhau để cùng chung lo xây dựng, đem lại nguồn an vui hạnh phúc hòa bình cho nhơn loại. Đó là bức thông điệp hòa bình mà đức phật đã gửi đến cho nhơn loại cách đây trên hơn hai mươi lăm thế kỷ. Nhưng rất tiếc, ngày nay nhơn loại vẫn chưa ý thức được vấn đề đó. Họ vẫn còn chìm đắm sâu nặng trong vòng vô minh tranh chấp, hận thù, và rồi gây ra bao thảm cảnh chiến tranh tàn khốc khổ đau mà cả nhơn loại phải hứng chịu.

Ngày nào nhơn loại chưa ý thức nhận ra tình huynh đệ, tình đồng loại, tình yêu thương trong dòng máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn một cách thiết thực, thì ngày đó nhơn loại vẫn còn phải chịu đau khổ dài dài, bởi do lòng dục vọng sai khiến làm tan nát tình yêu thương đó. Nhơn loại muốn được sống an ổn trong vòng tay yêu thương lẫn nhau, thì chỉ có cách duy nhất, theo Phật dạy trên là phải phá bỏ mọi dị kiến tham chấp, mọi quyền lực đấu tranh, phải có tâm

lòng bao dung tha thứ hỷ xả tương thân tương ái lẫn nhau. Có thể, thì hơn loại mới mong được sống trong cảnh an bình tràn đầy hạnh phúc vậy.

---o0o---

407. Từ lòng tham dục, sân nhuế, kiêu mạn cho đến lòng hư ngụy đều thoát bỏ cả như hạt cải không dính đầu mũi kim, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He whose lust and hatred, pride and hypocrisy have fallen off like a mustard seed from the point of a needle – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Người thoát cả tham sân

Không mạn, không hư ngụy

Như hạt cải đầu kim

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến Tôn giả Đại bàn đặc (Big Wayman).

“*Khi Tôn giả Châu lợi bàn đặc (Little Wayman) ba tháng không thuộc nổi một bài kệ, anh của ngài là Tôn giả Đại bàn đặc đuổi Ngài ra khỏi tinh xá, đóng cửa lại rồi bảo:*

- Chú thiếu khả năng, không hiểu nổi Phật pháp, còn hạnh phúc thế gian chú cũng rời bỏ rồi. Đâu còn lý do gì để chú tiếp tục ở lại đây? Chú hãy đi đi.

Các thầy Tỳ kheo bàn tán về chuyện ấy, nói:

- Đây chư huynh, Tôn giả Đại bàn đặc làm thế này thế nọ. Chắc chắn ngay cả những vị đã xa lìa cấu nhiễm thịnh thoảng vẫn còn sân hận.

Lúc ấy, đức Phật đi đến hỏi:

- Nay các Tỳ kheo, các ông tụ hội ở đây bàn tán việc gì?

Các thầy bạch lên đức Phật vấn đề. Ngài dạy:

- “*Này các Tỳ kheo, không phải đâu. Những kẻ đã xa lìa cầu niêm trong tâm chẳng còn các hoặc, tham, sân và si. Ông ấy hành động như vậy chỉ vì ông đặt Phật pháp và tinh thần Phật pháp lên trên tất cả*”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 368)

Pháp cú trên, chủ yếu Phật dạy người tu phải xa lìa Tam độc. Vì ba món này, nó gây ra cho người ta lắm điều đau khổ hệ lụy. Phật dạy, người xuất gia phải có đầy đủ nếp sống giới hạnh và trí huệ. Một nếp sống hướng thượng rất cao đẹp. Do đó, nếu tu hành mà chúng ta còn chất chứa dung túng ba món độc hại này nhiều, thì đời tu hành của chúng ta sẽ không có kết quả tốt đẹp là bao! Đạo Phật chủ trương phá ngã. Còn nặng lòng chấp ngã, pháp chấp, là chúng ta vẫn còn đi quanh quẩn trong vòng sanh tử khổ đau. Hãy dẹp bỏ tham, sân si, ngã mạn, như tống khứ những con rắn độc ra khỏi nhà. Nếu không, thì chúng ta sẽ bị những con rắn độc hại này cắn chết đời ta lúc nào không hay. Vì chính nó làm cản trở ta trên bước đường tiến về ngôi nhà Bảo sở. Chúng ta hãy mạnh dạn diệt trừ bọn chúng. Có thế thì ngôi nhà của chúng ta mới được an ổn êm ấm hạnh phúc.

Chuyện dẫn chứng trên, cho ta thấy, Châu lợi bàn đặc tuy không thông minh bằng người anh, nhưng không phải vì thế mà không tu được. Điều quan trọng là phải dẹp trừ cầu niêm phiền não trong tâm. Nếu chỉ biết học rộng hiểu nhiều, dù cho có lão thông ba tạng giáo điển, hay thông kim bác cổ đi chăng nữa, nhưng nếu không gia công nỗ lực tu hành dẹp trừ những cầu niêm phiền não trong tâm, thì thật không có ích lợi gì trên con đường tu niệm giải thoát.

Do đó, trong đạo Phật chú trọng phần thật hành hơn là phần lý thuyết. Học mà không tu, thử hỏi có ích lợi gì? Chỉ được tăng thêm phần kiến giải mà thôi. Nhưng chính cái kiến giải sở tri này, nó lại làm chướng ngại sanh ra cống cao ngã mạn coi người dưới mắt. Thấy ai cũng trề môi khinh bỉ, cho người ta là kẻ thất học. Coi chừng, học nhiều không tu trở thành sa đọa. Đó là một sự thật không thể chối cãi được. Cho nên, chúng ta phải khéo léo quân bình giữa tu và học. Nói rõ hơn, học là để bổ túc cho sự tu. Như con mắt sáng là để thấy rõ dẫn đường ta đi tránh được hàm hố họa hại. Dụ như học thông về lý thuyết. Còn đôi chân dụ cho sự thật hành. Có mắt sáng mà đôi chân yếu, thì cũng không thể đi tới đâu. Ngược lại, có đôi chân mạnh mà thiếu đôi mắt sáng, thì cũng ngồi ỳ một chỗ. Cho nên, học và hành, lý thuyết và thực nghiệm phải được song hành. Nghĩa là tri và hành phải hợp nhứt vậy. Có thế, thì mới được lợi lạc rất lớn trong sự nghiệp tu hành.

---o0o---

408. Chỉ nói lời chân thật hữu ích, chẳng nói lời thô ác, chẳng xúc giận đến ai, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who utters gentle, instructive and truthful words, who imprecates none – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Lời ôn hòa lợi ích

Vô hại và chân thật

Người không hại một ai

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến Tôn giả Pilindavaccha.

Theo truyền tích, thầy Pilindavaccha có thói quen sử dụng ngôn từ của hạng người thất học. Khi tiếp xúc với bất cứ ai, dù đối tượng là bậc trưởng thượng, thầy cũng dùng lời lẽ của những kẻ đá cá lặn dưa hay đầu đường xó chợ. Do đó, mà các thầy khác hay phàn nàn và trình lên đức Phật về hành vi ngôn ngữ thiếu lễ độ của thầy.

Đức Phật gọi thầy đến hỏi và thầy xác nhận có nói và phạm lỗi lầm như thế. Sau đó, đức Phật bảo các thầy Tỷ kheo không nên quở trách thầy Pilindavaccha, vì không phải hiện đời này mà trải qua năm trăm kiếp trong quá khứ, thầy ấy cũng đã sử dụng ngôn từ nói năng như thế. Đó là do sức mạnh của tập khí thói. Một người đã không còn lậu hoặc, thì họ không bao giờ dùng thô鄙 như thế. Không bao giờ dùng lời nói làm tổn thương người khác. Vậy các thầy hãy thông cảm và tha thứ cho người có tập khí quá sâu nặng mà chưa thể dứt trừ được. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Pháp cú trên, đức Phật khuyên bảo chúng ta phải cẩn thận ở nơi lời nói. Lời nói tuy là một lợi khí sắc bén trong khi giao tiếp, nhưng nó cũng rất quan trọng về hai mặt lợi và hại. Đúng về mặt lợi ích của nó, thì nó có tác dụng lợi ích rất lớn. Nếu chúng ta khéo biết sử dụng dùng những lời lẽ hòa nhã êm dịu từ ái để trao đổi hay khuyên nhủ an ủi người khác. Đó là lời nói mang tính ái ngữ làm đẹp mình và người. Tuy nhiên, phải là lời nói toát ra từ cái tâm chơn thật. Tâm có chân thật, thì lời nói mới chân thật. Bởi lời nói, chẳng qua là biểu hiện của tư tưởng. Từ tư tưởng mới diễn đạt ra lời nói. Phật dạy, lời nói chân thật là lời nói hữu ích. Hơn ai hết, người Phật tử dù gặp bất cứ hoàn cảnh thuận nghịch nào, chúng ta cũng phải dùng lời nói nhỏ nhẹ hiền hòa không nên dùng lời nói ác độc làm tổn thương cho bất cứ ai.

Về mặt hại của lời nói, chúng ta nên nhớ rằng, mỗi lời nói hoặc hành động, nó đều có mang theo chữ ký, hay dấu ấn của chúng ta một cách rõ ràng. Cho nên, ta cần phải cẩn trọng như khi ta hạ bút ký tên vào một bản văn kiện nào đó vậy. Nếu lỡ ký tên lầm vào một văn kiện mà ta thiếu cẩn thận xem xét kỹ, thì hậu quả của nó cũng rất là tai hại. Cũng thế, khi đã thốt ra lời nói hoặc hành động gây ra làm tổn thương tác hại cho người khác, thì hậu quả tai hại xảy đến cho ta hoặc hiện tại hay về sau thật cũng khó mà lường được. Khi thốt lời rồi, làm sao ta có thể tẩy xóa hết đây! Giống như khi ta hạ bút ký tên vậy. Ta đừng quên, một lời nói có thể mang đến lợi ích cho cả quốc gia, nhưng cũng một lời nói có thể gây ra đại họa cho cả quốc thể nước nhà. Đại họa cho cá nhân không nói chi, mà còn đại họa cho cả một tập thể rộng lớn. Thế nên, là Phật tử chúng ta phải cố gắng thực tập cho mình khi nói năng hoặc hành động đều phải luôn luôn có chánh niệm. Phải biết tôn trọng sự thật. Được vậy, thì chắc chắn chúng ta sẽ an lạc hạnh phúc ngay trong từng giây phút.

Chuyện lược dẫn trên, đức Phật cho chúng ta thấy một tập khí lâu đời thật đáng kinh sợ! Thầy Tỳ kheo Pilindavaccha bởi do tập khí nói năng cầu thả, ác độc, vô lễ trong nhiều đời, nên nay tuy đã xuất gia đến bậc Thượng Tọa, nhưng tập khí nói năng đó cũng không thể bỏ được. Đọc qua chuyện này, ta mới có thể thông cảm cho những ai có tập khí xấu ác sâu nặng lâu đời. Đồng thời, ta cũng nên quán chiếu nhìn kỹ lại tập khí của ta. Tuy họ cũng biết tu hành, đi chùa, ăn chay, niệm Phật, bố thí, cúng dường, làm phước v.v... nhưng những tập khí xấu ác, thô bỉ của họ cũng không phải dễ gì một sớm một chiều mà họ có thể bỏ hết được.

Hiểu như thế, thì ta mới có thể dễ tha thứ và dễ cảm thông cho họ hơn. Đó là điều mà ta nên chú ý và học hỏi qua cốt chuyện lược dẫn trên. Ta nhứt quyết phải loại trừ cho kỳ được những tập khí xấu ác mà chính nó đã gây cho ta phải đau khổ. Như những tập khí nói nhiều, vụt chạc thô tháo, rượu chè, bài bạc, hút xách, ăn nhiều, hay nói chuyện thị phi đàm tiếu thiên hạ sự v.v... Bỏ được thứ nào là ta sẽ được nhẹ nhàng và giải thoát thứ ấy. Khi đã bỏ những thói quen xấu, bên cạnh đó, chúng ta cũng phải cố gắng thực tập cho mình có những thói quen tốt lợi mình lợi người. Như những thói quen: tụng kinh, niệm Phật, lễ bái, ngồi thiền, quán niệm hơi thở, lắng nghe, bớt nói, đi trong tĩnh lặng an lạc, thường quán chiếu lại mình, hằng xét lại lỗi lầm của mình v.v... Thực tập được những thói quen tốt lành đó, tất nhiên là ta đã khéo biết làm mới lại cuộc đời ta. Và như thế, chắc chắn là ta sẽ có an lạc hạnh phúc ngay. Bạn cứ thực tập đi, rồi bạn sẽ thấy sự kết quả an vui lợi lạc của nó. Chúc bạn thành công trên bước đường tu tập.

409. Đối với bất luận vật gì xấu hay tốt, dài hay ngắn, thô hay tế mà người ta không cho thì không bao giờ lấy, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who in this world takes nothing that is not given to him, be it long or short, small or big, good or bad – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Bất luận vật dài ngắn

Lớn nhỏ, đẹp hay xấu

Phàm không cho, không lấy

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến một thầy Tỳ kheo.

Theo truyện tích, có một Bà la môn ở Xá vệ, vì sợ mùi hôi của tấm vải choàng nên đem phơi bên ngoài. Trong khi đó, có một thầy Tỳ kheo đã đắc quả A la hán, đi ngang qua thấy tấm vải còn tốt, nhìn quanh không thấy ai, thầy nghĩ tấm vải này chắc là vô chủ, nên thầy nhặt tấm vải rồi đi. Ông Bà la môn thấy thế liền đến mắng chửi Tôn giả.

Khi đó, thầy Tỳ kheo xin lỗi, tưởng là vô chủ nên mới lấy. Nói xong, thầy trả tấm vải lại cho ông ta. Về đến tinh xá, thầy thuật lại chuyện đó cho các thầy khác nghe. Nghe xong, các thầy khác có ý trêu chọc thầy. Thầy ôn tồn nói: thưa các thầy, không phải vì tấm vải tốt, mà tôi khởi tâm tham đắm, chỉ vì tôi nghĩ nó là vô chủ, nên tôi lấy đó thôi. Chuyện này, các thầy khác trình bạch với đức Phật. Phật bảo:

- “*Này các Tỳ kheo, không phải đâu. Tỳ kheo này đã nói rất thật. Kẻ nào trờ được lậu hoặc không lấy vật người khác*”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Trộm cắp cướp giựt đó là những hành vi xấu ác trái với đạo lý làm người. Nếu là người còn có chút lương tâm đạo đức, thì không ai làm chuyện đó. Bởi vì tài vật của mình tạo ra, lúc nào mình cũng quý trọng bảo vệ nó. Vì đó là do bao công lao mồ hôi nước mắt của mình. Theo lẽ công bằng, mình không muốn ai lấy của mình, thì mình quyết không nên lấy của ai, dầu đó là vật rất nhỏ nhặt. Câu nói: “*kỷ sở bất dục vật ư thi nhơn*”. Nghĩa là điều gì mình không muốn, thì

mình chớ nên làm cho người khác phải đau khổ. Là Phật tử khi quy y thọ giới trước Tam bảo, chúng ta đã phát nguyện quyết tâm gìn giữ giới không trộm cắp cướp giựt này. Khi hành động phi pháp, lòng ta luôn bất an. Ta lo sợ đủ thứ. Nhất là đối với pháp luật, cũng không dung tha cho ta. Luật nhân quả cũng luôn bám sát ta. Hôm nay, ta có thể dùng bạo lực cướp đoạt của người, thì mai kia ta cũng sẽ bị người cướp đoạt lại. Theo luật nhân quả có vay, tất phải có trả. Nghĩ thế, ta quyết không nên cướp đoạt chiếm hữu tài sản của người. Vì ta mà người khác phải chịu lắm điều đau khổ, thử hỏi làm sao ta sống yên thân? Ta nên nhớ rằng, lưới trời lồng lộng nhưng không lọt một ai. Ác lai ác báo, chẳng qua việc trả quả đến với mình có mau chậm đó thôi.

Chuyện lược dẫn trên, ta thấy thầy Tỳ kheo không có ý trộm cắp. Thầy nghĩ rằng, tưởng là tấm vải người ta vứt bỏ, nên mới lượm lấy. Đó không phải là tâm xấu ác. Điều này đã được đức Phật xác chứng như thế. Bởi thầy đã đắc quả A la hán làm gì còn có tâm xấu ác đó. Khác hơn chúng ta là ở chỗ thầy không còn lòng tham lam. Ngược ta lấy chiếm đoạt của người, dĩ nhiên động cơ phát xuất từ lòng tham lam mà ra. Vả lại, khi bị người chủ tấm vải chửi mắng thầy, nhưng thầy không tỏ ra một chút hờn giận, còn hết lòng xin lỗi và ôn tồn nhã nhặn phân trần cho người đó nghe. Thế mới biết người có tu hay không tu là ở chỗ đó.

---o0o---

410. Đối với đời này cũng như đời khác, đều không móng lòng dục vọng, vô dục nên giải thoát, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who wants nothing of either this world or the next, who is desire-free and emancipated – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Người không có dục vọng

Đời này và đời sau

Người vô dục giải thoát

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Xá lợi phất.

Theo truyền tích, Tôn giả Xá lợi phát cùng năm trăm thầy Tỳ kheo an cư tại trú xứ tinh xá suốt thời gian ba tháng. Dân chúng phát nguyện cúng dường suốt mùa an cư. Sau lễ Tự tứ những phẩm vật cúng dường vẫn chưa được mang đến hết. Trước rời khỏi trú xứ về gặp lại đức Phật, Tôn giả dặn dò các thầy Tỳ kheo ở lại: những phẩm vật mà thí chủ mang đến cúng dường cho các thầy Tỳ kheo trẻ và Sa di, xin các thầy phân phối gửi đi giùm. Dặn dò xong, Tôn giả ra đi. Nghe thế, các thầy bàn tán cho rằng, Tôn giả Xá lợi phát vẫn còn chút lòng tham muốn nhận hết của cúng dường đó.

Khi ấy, đức Phật hỏi các thầy đang bàn tán về vấn đề gì? Các thầy cho biết về việc đó. Đức Phật bảo:

- *“Này các Tỳ kheo, con Ta không còn tham. Trong tâm ông ấy chỉ nghĩ: “mong rằng các thí chủ không bị mất phước, mong rằng các Tỳ kheo trẻ và Sa di không bị thất thoát những lợi dưỡng cao quý”. Do vậy ông ấy mới dặn dò như thế. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)*

Những thứ dục lạc ở thế gian không ai lại không ham muốn. Tiền của, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, đó là năm món dục lạc mà hầu hết nhơn loại đều mưu cầu khao khát thềm muốn. Muốn mà không được toại nguyện thì đâm ra bực tức sân hận. Chỉ có những bậc tu hành đạt đạo, xem mọi vật trên đời chỉ là ảo mộng phù du. Khác nào như mây nổi, gió thổi, chiêm bao. Tất cả đều vô thường huyễn hóa. Do nhìn đời như thế, nên các ngài không sanh tâm đắm nhiễm. Sống trong dòng đời, nhưng không bị dòng đời cuốn hút say đắm. Đó là sinh thức “cư trần bất nhiễm trần”. Vượt thoát ngoài vòng cương tỏa của ngũ dục sai khiến. Ngược lại, chúng ta vì còn hoặc lậu phiền não dày đặc, nên nhìn đâu cũng bị đắm nhiễm. Đối với ngũ dục lạc thế gian, không thứ gì là không ham muốn. Vẫn biết ham muốn nhiều thì khổ nhiều. Nhưng vì đã trót làm nô lệ cho dục vọng rồi, nên chúng ta mãi trung thành với nó mặc cho nó sai khiến thế nào cũng được. Quả chúng ta là kẻ bất lực không cưỡng chế được lòng dục vọng của chúng ta. Người nào lòng sạch như băng tuyết, thì người đó mới dám tự xưng mình là kẻ vô dục. Và như thế, Phật nói mới đáng gọi là Bà la môn.

Chuyện lược dẫn trên, Ngài Xá lợi phát tuy đã chứng quả A la hán không còn phiền não, nhưng Ngài vẫn bị các vị khác hiểu lầm cho Ngài còn có lòng tham. Không phải Ngài thọ nhận những phẩm vật cúng dường cho Ngài, mà Ngài bảo phân chia cho những vị khác, nhất là đối với các thầy Tỳ kheo trẻ tuổi và các chú Sa di. Vì Ngài nghĩ, khi thọ nhận của tín thí cúng dường, là phải phân chia cho đồng đều. Dù kẻ lớn hay người nhỏ, cũng đều có phần hưởng dụng. Đây cũng là thể hiện một trong sáu phép Lục Hòa Phật dạy. Đó là lợi hòa đồng quân. Thế nhưng, việc làm này của Ngài vẫn bị những vị khác đem pha chế bai chêm biếm. Một bậc tu hành giới đức nghiêm minh còn bị hiểu lầm như thế, hà tất vì là kẻ phàm phu như chúng ta. Thử hỏi tránh sao khỏi miệng đời chỉ

trích biếm nhẽ chê bai. Cũng may, nhờ có Phật giải bày và chứng minh xác quyết cho Ngài đã không còn lòng tham. Do đó, nên các Tỷ kheo khác không còn có ý nói xấu nữa. Đây là bài học, đừng có suy bụng ta ra bụng người, mà mang trọng tội vậy.

---o0o---

411. Người không còn tham dục và nghi hoặc thì được giác ngộ chứng bậc vô sanh, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who has no attachment, who through perfect knowledge is free from doubts and has plunged into the Deathless – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Người không còn tham ái

Có trí không nghi hoặc

Chứng đạt quả bất tử

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Mục kiền liên.

Theo truyện tích ghi lại, câu chuyện xảy ra của Tôn giả Mục kiền liên cũng tương tự như Tôn giả Xá lợi phất. Cuối cùng, mọi người mới biết Tôn giả Mục kiền liên đã dứt tham ái. Do đó, nên Phật nói pháp cú trên. (Hết phần lược dẫn)

Tham dục và nghi hoặc, đây là hai món căn bản phiền não làm chướng ngại rất lớn trên đường tu. Người tu muốn được giải thoát, tất nhiên phải đoạn trừ hai thứ này. Vô sanh là quả vị Niết bàn của A la hán. Người chứng quả A la hán, do dứt hết lậu hoặc phiền não, nên không còn tái sanh trở lại cõi đời này nữa. Nói rõ hơn, là không còn một niệm nhiễm ô nào. Vì còn niệm là còn sanh. Niệm (khởi nghĩ) dù niệm chánh hay niệm tà, cũng vẫn còn tái sanh. Nếu niệm chánh, niệm lành, thì sẽ được vãng sanh về cảnh giới lành để hưởng phước báo. Ngược lại, thì sẽ sanh vào cảnh giới đau khổ. Niệm là do ý nghiệp phát sanh. Hàng A la hán dứt trừ hết ý nghiệp này. Tức con khi ý thức không còn cơ sở hoạt động nữa. Khi ý nghiệp không còn, thì con đường sanh tử ngang đó chấm dứt. Nên gọi là vô sanh. Nghĩa là không sanh về đâu cả. Mà chỉ an trụ vào Niết bàn. Niết bàn là cảnh giới vắng lặng bất dứt mọi dấu vết phiền não. Đây còn gọi

là Vô dư y niết bàn. Ngược lại, đối với Niết bàn của Bồ tát thì gọi là Vô trụ xứ niết bàn. Loại Niết bàn này không an trụ một nơi nào cố định. Đây là loại Niết bàn tùy nguyện lực độ sanh. Do đó, Niết bàn của Bồ tát khác hơn Niết bàn của hàng A la hán.

---o0o---

412. Nếu đối với thế gian này, tâm không chấp trước thiện hay ác, không còn ưu lo mà thanh tịnh, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who in this world has transcended the ties of both merit and demerit, who is sorrowless, stainless and pure – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Người sống ở đời này

Vượt cả ngoài thiện ác

Vô cầu, tịnh vô ưu

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại Pubbarama, có liên quan đến Tôn giả Revata.

“Câu chuyện này đã được kể đầy đủ chi tiết trong phần chú giải bài kệ bắt đầu với câu: “Làng mạc hay núi rừng”. Chuyện kể rằng:

Lại một hôm, các thầy Tỳ kheo bàn tán trong pháp đường:

- Ôi, vị Sa di đó được lợi lạc lớn lao biết mấy! Ôi! phước đức của chú thật vô lượng vô biên! Tưởng tượng một người mà xây dựng được năm trăm chỗ ở cho năm trăm thầy Tỳ kheo.

Lúc ấy, đức phật đi đến hỏi:

- Nay các Tỳ kheo, các ông tụ hội ở đây bàn tán việc gì?

Các thầy bạch Phật câu chuyện. Ngài dạy:

- “Nay các Tỳ kheo, Revata chẳng có phước hay vô phước. Người ấy đã buông cả hai”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 376)

Sự đau khổ của con người là do lòng chấp trước quá nặng. Từ chấp ngoại cảnh cho đến thân, tâm, không có thứ gì mà người ta chịu buông bỏ. Đối với ngoại cảnh, dù vẫn biết đó là vật ngoài mình, nhưng người ta vẫn cố bám chặt. Đó là chưa nói đến những vật dụng sở hữu do người ta tạo ra. Trong kinh thường gọi là chấp ngã và ngã sở. Nói rộng ra là chấp ngã và chấp pháp. Nặng nhứt là chấp cái thân này. Ai cũng thấy cái thân này là thật cả. Dù còn một hơi thở tàn, họ cũng cố bám víu lấy thân. Do ái ngã quá nặng, nên vừa mất thân này, họ tìm lấy thân khác ngay. Chính niệm ái ngã đó, mà chúng ta mãi đi trong sanh tử luân hồi. Chấp cảnh, chấp thân đó là hai thứ chấp thô, tức bên ngoài mà người ta còn không bỏ được, nói chi đến chấp tâm. Tâm là biết là những dòng tư tưởng tiếp nối sanh diệt liên tục. Người ta khó nhận ra sự sanh diệt tương tục của nó. Người ta cứ ngỡ nó là thật. Chính vì thấy nó thật, cho nên người ta bám chấp vào nó. Vì làm nhận nó là thật, nên nó dẫn người ta chạy theo nó không bao giờ dừng nghỉ.

Pháp cú trên Phật dạy. chúng ta không nên chấp thủ vào vấn đề thiện ác. Thiện và ác là tiêu biểu cho tất cả những cặp đối đãi trên đời. Có đối đãi là không thật. Sở dĩ người ta nói ác là vì có thiện. Cũng như nói đẹp là vì có xấu. Nếu không có xấu thì không có đẹp. Đẹp và xấu hay thiện và ác, chẳng qua chỉ do vọng tưởng con người giả đặt mà thôi. Tất cả đều là những danh từ đối đãi giả lập.

Đã thế, thì làm gì có thật? Tất cả đều là những khái niệm giả danh. Chấp vào cái không thật, khác nào là kẻ bắt bóng. Người mà cả đời chạy đuổi theo bắt bóng, nếu là người trí thì cho kẻ đó là như thế nào? Chắc ai cũng nói đó là kẻ ngu si mê muội. Người tỉnh thức ai mà đại dột gì đi bắt bóng? Khác nào như kẻ nằm mộng, trong cơn mộng, nói cảnh trong mộng là giả, làm sao họ có thể chấp nhận được? Khi nào đánh thức họ dậy, thì lúc đó họ mới biết cảnh trong chiêm bao là giả. Giả một trăm phần trăm, không còn một niệm nghi ngờ gì cả.

Phật nói, chúng ta là những kẻ đang trong mộng. Dù Phật Tổ có nói gì đi nữa, chúng ta cũng không bao giờ thấy cảnh mộng là giả được. Muốn biết giả, chỉ có một cách duy nhứt là phải thức giấc. Có tỉnh thức thì mới thấy các pháp hiện đời là giả huyễn, như mộng, như điện chớp, như bọt nước v.v...

Phật nói Revata là người đã khéo buông cả hai. Không còn thấy có phước hay vô phước. Chính cái thấy đó mới thực sự là thấy đúng như thật của các pháp. Đó là thấy được “*tánh không*” của vạn pháp. Đó là cái thấy của Bát nhã trí: “Thị chư pháp không tướng bất sanh bất diệt v.v...” “ Và người nào thấy như thế, thì Phật nói người đó sẽ được tự do, tự tại giải thoát. Ngược lại, là kẻ còn bị pháp trần ràng buộc trong vòng hệ lụy đau khổ dài dài...”

413. Dứt sạch dục vọng không cho tiếp tục sanh nữa, như trăng trong không bọt, như nước yên lặng sáng ngời, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who, like the moon, is spotless and pure, serene and clear, who has destroyed the delight in existence - him do I call a holy man.

Kệ tụng

Tịnh, vô cấu như trăng

Sáng trong và tịnh lặng

Trừ diệt mọi hữu ái

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Nguyệt Quang.

Theo truyền tích, Tiền kiếp của Tôn giả Nguyệt Quang là anh thợ rừng, nhờ cúng dường tháp Phật Ca Diếp bằng bột gỗ đàn hương đựng trong một cái đĩa lớn như mặt trăng tròn, nên kiếp này khi sanh ra ở rón của cậu bé phát ra vòng hào quang lớn bằng chiếc đĩa mặt trăng, nên cha mẹ đặt tên là Nguyệt Quang. Do có tướng hảo quang minh như thế, nên Tôn giả được các Bà la môn để trên xe đẩy đi khắp nơi, ai sờ đụng vào thân Tôn giả thì sẽ được quyền lực và vinh hiển. Muốn sờ vào, người ta phải trả tiền một trăm hoặc một ngàn đồng. Cứ lang thang như thế, cho đến một hôm, họ vào thành Xá vệ và nghỉ một nơi gần tinh xá Kỳ Viên.

Khi đó, các hàng thiện tín đông đảo họ lũ lượt kéo đến tinh xá nghe Phật thuyết pháp. Trên đường đi, họ bị số Bà la môn chặn lại và bảo họ hãy đến sờ vào người Bà la môn Nguyệt quang là người có thần thông quảng đại, sẽ được nhiều quyền lực và vinh hiển không ai bằng. Các vị thiện tín không tin, họ nói chỉ có đức Thế Tôn mới có đại thần thông thôi. Thế là hai bên tranh cãi với nhau kịch liệt, bất phân thắng bại.

Cuối cùng, họ đề nghị là Nguyệt Quang đến tinh xá so tài với đức Phật. Vừa đến nơi, đức Phật làm cho vòng hào quang của Nguyệt Quang biến mất. Khi họ kéo Nguyệt Quang ra xa, thì vòng hào quang sáng rực lại, nhưng khi đến gần Phật thì lại biến mất, trải qua ba lần đều như thế. Nguyệt Quang cho Phật là giỏi trò huyền thuật. Ông hỏi Phật có phải như thế không? Phật trả lời đúng vậy.

Nguyệt Quang xin Phật chỉ dạy. Phật hứa khả, nhưng với điều kiện là ông phải xuất gia theo ta học. Nguyệt Quang tuyên bố với mọi người là chỉ xuất gia học vài hôm, thì ông ta sẽ là nhân vật siêu phàm nhất ở cõi Ta bà này.

Nhờ Phật chỉ dạy chú thuật để ông tập trung tư tưởng quán chiếu, nên không bao lâu ông đắc quả A la hán. Kể đến đó, đức Phật bảo:

- *“Này các Tỳ kheo, Tỳ kheo Nguyệt Quang là người không còn tham đắm các thú vui thế gian nữa”*. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Người dứt sạch ái dục, lòng như trăng không bọt, như nước trong yên lặng sáng ngời. Đây là hai hình ảnh tuyệt đẹp. Ánh trăng không thể chiếu sáng được là tại vì bị mây mù che ngăn. Nước sở dĩ không trong lặng là tại vì có quá nhiều bụi bặm nên nước phải đục. Cũng thế, trăng Phật tánh của mỗi người lúc nào cũng hằng chiếu sáng, nhưng khổ nỗi vì bị mây vô minh phiền não che mờ, nên ánh trăng không hiển hiện được. Bản chất của nước vốn trong sạch, nhưng vì bị những thứ cặn cẩu bụi bặm hòa tan trong đó, nên nước trở thành đục ngầu. Vết mây mù, lóng cặn cẩu, thì cả hai sẽ hiện ra nguyên thể của nó. Người tu hành chỉ cần phá tan mây vô minh, thì trăng Phật tánh sẽ hiển hiện. Không cần tìm kiếm đâu xa. Muốn tâm ta trong sáng thanh tịnh trở lại, thì cần phải lóng hết cặn bã phiền não. Vọng tưởng phiền não không còn, thì cái “tánh không” vọng tưởng phiền não hiện ra. Đó là nhiệm vụ chính yếu của người tu. Người nào khéo lóng và lóng thường xuyên, tất nhiên, là người đó chóng được an lạc giải thoát.

Chuyện lược dẫn trên, Tôn giả Nguyệt Quang nhờ dùng đĩa tròn như mặt trăng cúng dường tháp Phật, kết quả, Ngài được hào quang phát sáng như thế. Ngài tự hào về hào quang của mình. Các Bà la môn khác cũng muốn phô trương khoe khoang thần thông của Ngài để tranh tài đọ sức với Phật. Vì họ muốn tranh giành đệ tử của Phật. Tất cả đều kéo đến gặp Phật và bị Phật làm cho hào quang của Nguyệt Quang không phát sáng được. Ba lần như thế. Thấy không thể hơn Phật, cuối cùng, ông xin thọ giáo xuất gia theo Phật. Và không bao lâu Tôn giả chứng quả A la hán. Đây là bài học thức nhắc chúng ta, không nên y vào tài năng của mình mà khinh thường miệt thị kẻ khác. Chúng ta nên nhớ: “núi cao hơn núi, người cao hơn người”. Cao hơn tắc hữu cao hơn trị. Nghĩa là, mình tài giỏi sẽ gặp người tài giỏi hơn. Vô quýt đầy sẽ gặp móng tay nhọn. Trong Truyện Kiều, cụ Nguyễn Du khuyên ta:

“Có tài mà cậy chi tài

Chữ tài liền với chữ tai một vần”.

---o0o---

414. Vượt khỏi con đường gồ ghề lầy lội¹⁹, ra khỏi biển luân hồi ngu si mà lên đến bờ kia, an trú thiền định, không dục vọng, không nghi lầm, cũng không chấp đắm rằng mình chứng Niết bàn tịch tịnh, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who, having traversed this miry, perilous and delusive round of existence, has crossed over and reached the other shore; who is meditative, calm, free from doubt, and, clinging to nothing, has attained to Nibbana – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Vượt khỏi đường lầy lội

Ra khỏi si, luân hồi

Đến bờ kia thiền định

Không tham ái, không nghi

Không chấp, chứng tịch tịnh

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại Kundadhanavana, gần Kundakoji, có liên quan đến Tôn giả Sivali.

Theo truyện tích, bà Suppavasa mang thai đến bảy năm mới sanh. Khi sanh đứa bé, bà bị cơn đau hoành hành dữ dội. Trong lúc đau đớn, bà liền nghĩ đến đức Phật: “Đức Phật là bậc Đại Giác Ngộ. Ngài đã dạy con đường thoát khổ cho mọi người. Ai thật hành đúng theo lời Ngài dạy thì sẽ được thoát khổ và sẽ đạt đến quả vị Niết bàn”. Nhờ quán tưởng như thế, bà chịu đựng nhẫn được cơn đau. Bà bảo ông chồng thay bà đến đánh lễ đức Phật. Ông bạch với đức Phật về những nguyện ước của bà. Đức Phật chúc bà an khỏe và sanh con trai.

Lời chúc nguyện của Phật vừa xong, bà liền hạ sanh đứa con trai trông thật khác khinh, hồng hào, đẹp đẽ. Sau đó, bà thỉnh Phật và chư Tăng đến nhà thiết lễ cúng dường trai Tăng suốt bảy ngày. Lớn lên, cậu bé phục vụ hầu chư Tăng và rồi xuất gia tu hành đắc quả A la hán. Thấy thế, các thầy Tỳ kheo khác bàn tán về việc thầy Sivali phải ở trong bụng mẹ chịu khổ suốt bảy năm trời. Không hiểu lý do tại sao một thầy chứng quả A la hán cao quý, mà phải chịu cái cảnh khổ sở như thế? Các thầy thắc mắc và bạch trình với đức Phật. Đức Phật bảo:

- “*Này các Tỳ kheo, đúng thật như vậy. Ông ấy giờ đã thoát hết khổ, đạt đến Niết bàn an lạc*”. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Vì niệm bất giác tạo nghiệp, mà chúng sanh mãi trôi lăn chịu nhiều khổ đau trong vòng luân hồi sanh tử. Nhận thức được con đường gò ghề lầy lội sanh tử đó, chúng ta cần phải gấp rút lo tu hành. Phải thường xuyên quán chiếu lại mình. Phải nhìn thấy rõ đâu là con đường đưa đến khổ đau và đâu là con đường đưa đến an vui hạnh phúc. Đức Phật dạy ta phải tìm cho được nguyên nhân gây ra đau khổ. Có thấy được nguyên nhân, chúng ta mới có thể diệt trừ được. Sự sống, nếu chúng ta thiếu chánh kiến, chánh niệm, nhìn sâu vào cuộc đời, thì coi chừng chúng ta sẽ trở thành một cái máy người khi nào không biết. Khi tiếp cận với sự sống, chúng ta luôn đánh mất mình. Mất mình một cách thật oan uổng!

Hằng ngày, chúng ta hít thở không khí, ăn uống, làm việc tính toán đủ mọi thứ trên đời, nhưng có bao giờ chúng ta ý thức được rằng mình đang thở, đang cười, đang nói và đang ăn uống, làm việc v.v... chưa? Chắc là chúng ta không biết sự có mặt hiện thực của mình trong những lúc đó. Như vậy, chúng ta tự hỏi cuộc sống của mình là gì? Chỉ là ăn, mặc, ở, nói, cười, làm việc, giao tiếp v.v... và chỉ có thể thôi sao?! Không lẽ từ khi sanh ra có mặt với đời cho đến ngày nhắm mắt ra đi, chỉ có bao nhiêu việc ngàn ấy cứ thế mà lặp đi lặp lại hoài thôi sao? Thật là phi lý và vô vị biết bao! Không. Sự sống không phải chỉ có đóng khung ngàn ấy. Chúng ta phải khám phá tìm cho được cái gì cao quý chân thật hơn nữa trong đời sống. Nếu chúng ta chỉ biết dừng lại và thỏa mãn những nhu cầu cho sự sống ngang đó, thì vĩnh kiếp chúng ta vẫn mãi mãi trôi lăn trong cuộc đời đầy hệ lụy khổ đau này. Trong nhà Phật thường gọi là trôi lăn trong ba nẻo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) sáu đường (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người, và A tu la). Là người sống có lý tưởng mong cầu giải thoát, chắc chắn là chúng ta sẽ không bao giờ chịu dừng lại ngang đó.

Pháp cú trên, Phật dạy chúng ta muốn ra khỏi biên luân hồi ngu si lên bờ giải thoát, thì chúng ta phải luôn an trú trong thiền định (hằng sống trong tỉnh thức) không đòi hỏi tham muốn làm thỏa mãn những nhu cầu thèm khát của dục vọng sai khiến, không nên nghi ngờ nhân quả, con đường chánh pháp có khả năng đưa chúng sanh thoát khỏi mọi ràng buộc chấp trước khổ đau. Có thể, thì mới không uổng phí đời người, vì đã tìm ra một lẽ sống lý tưởng chân thật vậy.

Chuyện lược dẫn trên cho thấy, trong cảnh khổ đau cùng cực, bà Suppavasa đã liên tưởng đến đức Phật và những lời giáo huấn của Phật, làm cho cơn đau đớn hành hạ bà dịu lại. Đó là nhờ bà khéo tập trung tâm ý quán tưởng mạnh của bà. Điều này không phải dễ làm, nếu hằng ngày chúng ta không có sức huân tu đạo lực mạnh, thì khó mà được an tâm. Đối với người thường trong lúc đau đớn như thế, thì chỉ biết rên la nghĩ đến cơn đau nhức mà thôi. Do đó, muốn vượt qua khỏi khổ đau, ta phải có định lực thiền quán sâu mạnh. Không

thể tu lai rai lơ là mà được như thế. Đến thầy Visali, mặc dù ở trong thai mẹ suốt bảy năm, nhưng nhờ căn lành trồng sâu, nên khi chào đời được sống hầu cận chúng Tăng và Phật. Nhờ đó mà ông được Phật hóa độ xuất gia tu hành thành A la hán. Hiện đời, chúng ta cố gắng huân tu thiện nghiệp sâu dày và gieo trồng căn lành với Phật pháp, thì như định trước sau gì chúng ta cũng sẽ được đạt thành sở nguyện.

---o0o---

415. Xa bỏ dục lạc ngay tại đời này mà xuất gia làm Sa môn, không cho phát sinh trở lại, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who, having abandoned sensual pleasures, has renounced the household life and become a homeless one; has destroyed both sensual desire and continued existence – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Ai ở đời bỏ dục

Bỏ nhà, sống xuất gia

Trừ dục trừ hữu ái

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Mỹ Hải, Sundaramudda.

Theo truyện tích, Mỹ Hải là một thanh niên người Xá vệ, địa vị cao sang, sanh trưởng trong một gia đình giàu có, tài sản lên đến ức triệu. Chàng đến tinh xá, sau khi nghe Phật thuyết pháp, liền tỉnh ngộ và xin Phật xuất gia. Phật bảo phải được cha mẹ cho phép chấp thuận, thì Phật mới cho xuất gia nhập Tăng đoàn. Chàng tìm đủ mọi cách để thuyết phục cha mẹ. Cuối cùng, chàng được toại nguyện. Tuy cho con xuất gia, nhưng hai ông bà rất buồn lòng, mỗi khi thấy những đứa cùng lứa tuổi với con mình vui chơi, thì ông bà rất nhớ đến con. Trong khi hai ông bà buồn tủi rơi lệ khóc than, thì bỗng có một cô gái giang hồ đến nhà khuyên lơn an ủi. Nàng ta hứa sẽ tìm cách kêu thầy Mỹ Hải về nhà, với điều kiện là ông bà sẽ cho cô làm nữ gia chủ của căn nhà này. Ông bà đồng ý và cho nàng tiền lệ phí.

Nàng đến thành Xá vệ và tìm cách gần gũi dâng cúng phẩm vật cho thầy, mỗi khi thầy đi khát thực. Sau vài ngày, nàng thỉnh thầy Mỹ Hải về nhà cúng dường. Nàng bày mưu kế cho các đứa trẻ trong làng khi thấy thầy Mỹ Hải đến nhà thọ thực, thì chúng đến làm tung bụi thật nhiều cho dính đầy mình thầy. Dù lúc đó, nàng có la rầy, chúng cũng vẫn cứ làm, nàng căn dặn những đứa trẻ làng như thế. Hôm sau, khi thầy Mỹ Hải đến chúng làm y như lời nàng dặn. Thấy thế, nàng mời thầy vào nhà để tránh bụi bặm. Nàng dặn bọn trẻ, trong lúc thầy dùng bữa, các cháu chạy giỡn làm ồn náo lên. Các trẻ làm ồn, nàng thỉnh thầy lên tầng lầu trên. cứ như thế, cho đến khi lên đến tầng cao nhất của ngôi biệt thự. Thế là, thầy không còn giữ gìn quy cũ theo phép khát thực từng nhà nữa, mà thầy lại bị quần thúc trên tầng lầu cao nhất. Đó là do cô gái điếm bày ra đủ mọi cách quyến rũ thầy.

Bảy giờ, thầy chợt tỉnh ra vì biết mình đã phạm trọng giới và bàng hoàng lo sợ. Đức Phật biết được tâm ý thầy, liền mỉm cười rồi đức Phật bảo Ngài A nan: một trận chiến đang xảy ra giữa thầy Mỹ Hải và cô gái điếm giang hồ ở trên tầng lầu cao nhất của ngôi biệt thự sang trọng. Tôn giả A nan nghe thế hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, ai sẽ thắng? ai sẽ thua?

Phật bảo: A nan, thầy Tỳ kheo Mỹ Hải sẽ thắng, cô gái giang hồ sẽ thua. Nói xong, đức Phật liền phóng hào quang ảnh hiện thân đến trước Tỳ kheo và nói:

- *“Này Tỳ kheo, hãy xa lìa các thứ tham ái, hãy cởi bỏ mọi dục vọng”*. Nhân đó, Phật nói bài kệ của pháp cú này. Nghe xong, thầy Mỹ Hải liền đắc quả A la hán, dùng thần thông bay lên trời, xuyên qua nóc nhà cô gái điếm, trở lại thành Xá vệ, đánh lễ tán thán thân Phật. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Hạnh nguyện của người xuất gia là tìm phương cách giải thoát cho mình và cho tất cả chúng sanh. Đó là con đường cao thượng mà chỉ có những người dám cương quyết từ bỏ mọi dục lạc thế gian mới có thể hoàn thành sứ mạng được. Chuyện tích trên, thầy Mỹ Hải là người đã thắng được lòng ham muốn ái dục. Dục ái mà Phật muốn nói ở đây, đó là thứ tình yêu thương nam nữ. Rộng hơn là trong gia đình thân thuộc. Đó là thứ tình yêu nằm trong phạm vi bảo thủ ái kiến.

Tình yêu nam nữ, đứng về mặt xã hội như văn truyền chủng, thì không có gì là tội lỗi cả. Vì nếu không có thứ tình yêu thương này thì xã hội loài người, tất nhiên là sẽ bị diệt chủng. Đây là điều mà xã hội xưa nay đều thừa nhận như thế. Tuy nhiên, phải là thứ tình yêu thương chánh đáng trong việc hôn nhân. Đây cũng là nền tảng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Điều này, đối với các tôn giáo cũng đều thừa nhận như thế. Riêng Phật giáo, trong năm nguyên tắc xây dựng đạo đức căn bản cho con người mà Phật đã chế ra, thì nguyên tắc thứ ba,

(hay giới cấm thứ ba) là Phật dạy, sau khi thành hôn, người Phật tử tại gia chỉ một vợ một chồng, không được tư tình lang chạ đối với người khác phái. Vì như thế, sẽ mất hạnh phúc gia đình. Đó là nguyên tắc để bảo vệ hạnh phúc gia đình, chứ không phải là thứ giới điều ràng buộc khắc khe như có một số người lầm tưởng. Đó là nói người Phật tử tại gia. Còn đối với người xuất gia, vì muốn thoát ly sanh tử khô đau, nên cam nguyện sống độc thân giữ gìn phạm hạnh thanh tịnh. Chỉ có thế, mới mong dứt bỏ mọi ràng buộc từ ngoại cảnh cho đến thân tâm. Nhất là đối với những ràng buộc của kiết sử phiền não. Có buông bỏ gánh nặng này, thì người xuất gia mới đạt thành sở nguyện giác ngộ và giải thoát.

Chuyện lược dẫn trên, ta thấy thầy Mỹ Hải tuy bị cô gái giang hồ bày mưu hãm hại, nhưng thầy còn có quyết tâm giữ được đạo hạnh của mình, chưa đến đổi phải phá giới thế. Đồng thời, thầy còn có đầy đủ phước duyên là nhờ đức Phật giải cứu kịp thời. Nếu không, thì không biết sự việc sẽ xảy ra như thế nào? Thời Phật, các bậc xuất gia tu hành, đầy đủ giới hạnh, mà còn bị những kẻ ác tâm bày mưu quỷ quyết hãm hại như thế, so với thời nay, là thời pháp nhược ma cường, thử hỏi người tu hành làm sao tránh khỏi những cảnh bày mưu hãm hại như thế?! Tuy nhiên, điều đáng lo ngại nhất, là khi bị người hãm hại liệu chúng ta có thể vượt qua được không? Hay chúng ta sẽ bị rơi vào cạm bẫy của họ. Ngày xưa khi lâm nạn, còn có Phật hiện thân đến cứu hộ, thử hỏi ngày nay ai là người sẽ giải vây cứu thoát mình? Thiết nghĩ, cách hay nhất là chỉ có mình nên ý thức và phải nên đề dặt cẩn thận tự cứu lấy mình là hơn!

---o0o---

416. Xa bỏ ái dục ngay tại đời này mà xuất gia làm Sa môn, không cho phát sinh trở lại, người như thế, Ta gọi Bà la môn.

He who, having abandoned craving, has renounced the household life and become a homeless one, has destroyed both craving and continued existence – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Ai ở đời trừ ái

Bỏ nhà, sống xuất gia

Trừ ái, trừ thọ sanh

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến Tôn giả Jatila.

Theo truyện tích, thầy Jatila trải qua bảy kiếp, kiếp nào cũng vậy, vừa mới chào đời, thầy đều bị bỏ xuống sông, và kiếp này là kiếp cuối cùng. Do hai người con lớn không phụ giúp với cha nên không được thọ hưởng núi vàng, chỉ có người cha và đứa con út được thôi.

Quan chương khổ sau khi dặn bảo các con, ông theo Phật xuất gia và không bao lâu chứng quả A la hán. Có lần, đức Phật và chúng Tăng đến nhà các con ông khát thực và được các người con cúng dường vật thực liên tiếp suốt nửa tháng. Sau đó, các thầy Tỳ kheo bàn tán và rồi hỏi thẳng thầy Jatila: thầy bỏ núi vàng và các người con mà đi xuất gia, như thế, thầy có luyện tiếc hay hãnh diện không? Thầy trả lời: không bao giờ luyện tiếc và hãnh diện. Các vị khác cho câu trả lời của thầy, là thiếu thành thật, chỉ nói dối lường gạt mình mà thôi. Đó là phạm tội vọng ngữ. Nghe thế, đức Phật bảo các thầy Tỳ kheo rằng:

- *“Này các Tỳ kheo, đúng là ông ấy chẳng tiếc nhớ hoặc hãnh diện về việc làm của ông”*. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Tài sản của cải là những thứ vật chất sở hữu của con người không phải ai cũng có thể bỏ được. Chỉ trừ những người ngộ đạo. Sau khi nhận ra được lẽ thật của cuộc đời, tất cả chỉ là vô thường huyền hóa, thì họ mới có thể mạnh dạn dứt bỏ mà không một chút hối tiếc. Trường hợp như ông cư sĩ họ Bàng ở Trung hoa vào thời đại nhà Đường. Sau khi lãnh hội được yếu chỉ Thiền tông và sáng đạo, ông liền đem tất cả số vàng mà bấy lâu nay ông và gia đình của ông đã dành dụm được đều đem bỏ xuống sông hết. Việc làm của ông, đã làm cho nhiều người phải ngậm ngùi tiếc nui. Vì họ nào có biết được việc làm của ông. Do lòng tham muốn, nên họ mới luyện tiếc và trách cứ ông đủ thứ.

Có người còn thắc mắc: tại sao ông không đem số vàng đó hiến tặng cho người khác, như vậy, có phải là lợi ích lắm không? Chớ tại sao ông lại đem vứt bỏ như thế? Họ đâu có biết rằng, ông đã dứt bỏ lòng tham muốn. Một khi mình đã dứt bỏ tham muốn, nếu đem cho người khác, thì lại khơi dậy tạo cho người ta tăng thêm lòng ham muốn. Mình đã dứt bỏ lẽ ra phải khuyên người dứt bỏ mới phải, có đâu lại tạo cho người ta như thế. Như vậy, thử hỏi việc làm của mình chẳng có ý nghĩa ích lợi gì hết! Do nghĩ thế, nên ông vứt bỏ tất cả mà không một chút luyện tiếc. Sau đó, ông và gia đình ông làm lụng vất vả kiếm tiền vừa đủ để độ nhật qua ngày. Như thế, thì mới diệt trừ được lòng tham. Đó là một việc làm mà từ xưa tới nay, đối với người thường trong thiên hạ, thật khó có ai dám làm như thế.

Qua việc làm đó, với cái nhìn của đạo Phật, tuy ông không có thể phát xuất gia ở trong chùa, nhưng mà lòng ông đã xuất gia rồi. Vì nghĩa thứ hai của hai chữ xuất gia là ra khỏi nhà phiền não. Quả thật ông đã ra khỏi ngôi nhà phiền

não, dù thân xác ông đang ở trong ngôi nhà thế tục. Chính ra khỏi ngôi nhà phiền não, đó mới thật là điều quan trọng. Ngược lại, thân tuy ở trong chùa, mà tâm thì vẫn còn dính mắc chấp trước vào trần cảnh, rồi cũng tham, sân si, chấp ngã đủ thứ, lòng ham muốn sắc trần cũng vẫn còn đầy dẫy nguyên vẹn, như thế, Phật nói đó chưa phải là người thực sự xuất gia. Đó chỉ mới được hình tướng xuất gia thôi, chớ tâm tánh thì chưa có xuất gia. Người xuất gia đúng nghĩa của nó là phải xuất gia cả hai: thân và tâm đều phải xuất gia, rõ ra là tâm hình phải dị tục. Như thế, thì Phật nói mới xứng danh xuất gia làm Sa môn vậy.

Chuyện lược dẫn trên, là một chứng minh cụ thể của thầy Jatila. Thầy đã từ bỏ tất cả, không một chút luyến tiếc. Nhờ buông bỏ như thế, nên tâm thầy không còn bị vướng mắc ràng buộc. Do đó, mà việc hành trì thiền quán của thầy mới mau thành tựu kết quả. Thầy dứt sạch hết phiền não và đã trở thành một vị A la hán.

---o0o---

417. Rời khỏi trói buộc của nhân gian, vượt khỏi trói buộc ở thiên thượng, hết thấy trói buộc đều xa lánh, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who, casting off human bonds and transcending heavenly ties, is wholly delivered of all bondages – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Bỏ trói buộc nhân gian

Khỏi trói buộc thiên giới

Giải thoát mọi buộc ràng

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến Tôn giả Jotika.

Theo truyện tích, sau khi giết vua cha, vua A xà thế lại muốn đánh chiếm tòa lâu đài của quan chưởng khố. Khi kéo quân xuất chinh, bóng của nhà vua và đoàn quân phản chiếu trên các bức tường chạm châu ngọc, vua nghĩ, như thế là đối phương đã có sự phòng bị sẵn sàng chiến đấu, nên nhà vua không dám tiến lại gần.

Hôm ấy, nhằm lúc quan chưởng khố trai giới thanh tịnh và đến tinh xá nghe Phật thuyết pháp. Trong khi đó, vua A xà thế bị thần gác công quở trách và đánh cho một trận thất kinh hồn vía. Nhà vua chạy trốn vào tinh xá, bất thần gặp quan chưởng khố. Nhà vua kinh ngạc và hai bên lời qua tiếng lại tranh luận với nhau. Nhà vua thì muốn chiếm đoạt hết gia tài sản nghiệp của quan chưởng khố. Quan chưởng khố thì lại thách thức nhà vua bằng cách cho nhà vua thử lấy được hai mươi chiếc nhẫn đang đeo trên tay. Nhà vua cố sức lấy mà không được. Qua hành động của nhà vua, quan chưởng khố cảm thấy ngao ngán cho tình đời rồi xin Phật xuất gia. Xuất gia tu hành không bao lâu Jotika chứng quả A la hán. Khi đắc quả, mọi của cải châu ngọc quý giá đều tan biến hết và chư thiên đưa cô vợ Satulakayi của ông về xứ Uttarakuru.

Một hôm. Các thầy Tỳ kheo hỏi Tôn giả Jotika:

- Này huynh Jotika, huynh có nhớ tiệc tòa lâu đài hoặc vợ huynh không?
- Thưa chư huynh không.
- Bạch Thế Tôn, thầy Tỳ kheo này nói dối, phạm tội vọng ngữ.

Đức Phật dạy:

- *“Này các Tỳ kheo, đúng là ông ấy chẳng tiếc nhớ gì những thứ ấy”*. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện)

Lòng tham vọng của con người thật không có đáy. Không bao giờ người ta trảm cho đầy cái lỗ trống tham lam khổng lồ đó. Người ta chỉ muốn thêm chớ không ai muốn bớt. Vẫn biết càng tham lam càng khổ lụy nhiều, nhưng thà chịu khổ, chớ không một ai biết dừng lại. Vua A xà thế là điển hình cho mẫu người đầy tham vọng đó. Lòng tham vọng của các ông vua còn gấp trăm ngàn lần hơn người thường. Các ông là những người nghèo như thiên hạ. Dù ngồi trên địa vị cao sang quyền uy tột đỉnh, nhưng các ông không bao giờ hài lòng biết đủ. Chỉ trừ các bậc minh quân biết tu hành và có lòng đạo đức nhân hậu. Đối với các ông vua này, các ông thương dân còn hơn bản thân mình. Chỉ có các ông vua đức độ hiền lương như thế, mới có thể biết khắc phục lòng tham của chính mình. Đây là các ông vua của Chánh pháp, chỉ biết mưu cầu làm lợi ích cho muôn dân. Các ông vì ích nước lợi dân, nên sẵn sàng dẹp lòng vị kỷ mưu cầu quyền lợi cá nhân mình. Điển hình cho các bậc Thánh quân này, ở Ấn Độ, thì có A Dục Vương, ở Việt Nam thì có vua Trần Thái Tông v.v... Họ đều là những ông vua đặt quyền lợi của quần chúng hơn dân lên trên cái quyền lợi của bản ngã vị kỷ. Ngoài ra, tất cả đều là những ông vua vị kỷ chứa đầy tham vọng quyền lực nhằm thụ hưởng cho cá nhân mình.

Vua A xà thế, muốn chiếm đoạt tài sản của quan chưởng khố, nhưng cuối cùng, ông bị thất vọng, vì có thần linh ngăn cản đánh dẹp. Câu chuyện mới nghe qua như có vẽ hoang đường, nhưng nếu chúng ta ngẫm kỹ, thì mới thấy được cái hay của nó. Trên đời không có lòng tham nào thỏa mãn vừa ý. Thần linh là biểu trưng cho trí huệ nhận xét, phải khéo biết dừng lại. Nếu không, thì hậu quả sẽ không thể lường được. Nhà vua chạy vào tinh xá gặp quan chưởng khố, dùng mọi cách để chiếm đoạt hai mươi chiếc nhẫn, nhưng nhà vua đã thất bại. Thế mới biết, quyền lực không thể sánh được với thần lực của trí huệ. Chỉ có ánh sáng trí huệ chiếu soi mới phá trừ được màn đêm tăm tối dày đặc của vô minh tham vọng. Khi trí huệ bừng sáng, mới nhận ra được cảnh giả huyễn của cuộc đời. Quan chưởng khố nhìn thấy được bản chất lòng tham vọng của nhà vua, đâm ra chán ngán cho thế sự tình đời, dùng mọi thủ đoạn quyền lực để chiếm hữu quyền lợi của kẻ khác dưới tay mình, nên ông nhứt quyết buông bỏ tất cả, để theo Phật xuất gia. Và với ý chí cương quyết buông bỏ tất cả đó, tu hành không bao lâu ông được chứng quả A la hán.

Pháp cú trên, Phật dạy chúng ta phải buông bỏ tất cả mọi ràng buộc, không những ở cõi người mà kẻ cả ở cõi trời. Có buông xả xa lánh hết mọi thứ, thì hành giả mới mong giải thoát an vui được.

---o0o---

418. Xa bỏ những điều đáng mừng và điều không đáng mừng, thanh lương không phiền não, dũng mãnh hơn thế gian, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who, having cast off likes and dislikes, has become tranquil, is rid of the substrata of existence and like a hero has conquered all the worlds – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Bỏ điều ưa, điều ghét

Thanh lương, không nhiễm ô

Hùng dũng thắng mọi cõi

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến một thầy Tỳ kheo trước khi xuất gia là diễn viên kịch câm.

Theo truyện tích, nội dung cốt chuyện cũng giống như chuyện lược dẫn trên, chỉ có khác chút ít là qua lời đức Phật dạy:

- “*Này các Tỳ kheo, ông ấy đã bỏ điều ưa, điều ghét*”. (Hết phần lược dẫn)

Ưa và ghét là hai phạm trù tương phản làm cho tâm trí người ta thường bấn loạn. Ưa hay ghét cũng là biến dạng khuấy động của tâm thức. Ưa thích là theo chiều hướng thuận lý, kích thích tính đam mê, thỏa mãn cho dục vọng thèm khát. Nó là chất liệu ngọt dễ đưa bạn vào cửa chết mà bạn không hay biết. Thường người ta ưa thích một đối tượng nào đó, chỉ vì đối tượng đó nó phù hợp với sở thích của họ. Đó cũng là biến thể của lòng tham, khởi từ vọng thức phân biệt mà sanh ra. Sự ưa thích nào nó cũng có bắt nguồn từ một thói quen ban đầu. Thói quen đó được tái diễn lặp đi lặp lại lâu ngày thành tích lũy nghiệp. Bạn sử dụng thói quen đó thường ngày, tạo thành tập quán nghiệp. Khi hạt giống ưa thích thuần thực rồi, thì nó có một sức mạnh thúc đẩy bạn hành động theo mệnh lệnh của nó sai khiến.

Đứng trên bình diện tương đối mà nói, thì thói quen ưa thích có hai mặt: lợi và hại. Về mặt lợi, thì đó là những thói quen tốt làm lợi ích cho mình và người. Như những thói quen tụng kinh, niệm Phật, bố thí v.v... Nói chung là những thói quen hành thiện giúp người. Cũng có những thói quen giải trí lành mạnh, như thể dục thể thao, đi bộ, bơi lội v.v... Đây là những thói quen rất bổ ích cho sức khỏe của bạn. Bạn cần nên luyện tập cho có những thói quen tốt này. Có thể thì đời bạn mới cảm thấy vui tươi yêu đời. Ngược lại, là những thói quen xấu. Như những thói quen cờ bạc, hút xách, rượu chè v.v... Đó là những thói quen có tác hại cho đời bạn rất lớn. Nếu bạn là người muốn có một đời sống lương thiện hạnh phúc, thì xin bạn hãy nên xa lánh những thứ thói quen xấu ác này. Đó là bạn khéo biết xây dựng đời sống bản thân và gia đình của bạn được an ổn vui tươi và hạnh phúc.

Đó là luận về mặt tương đối theo cách sống thế gian, còn đứng về mặt tuyệt đối hay Chơn đế mà nói thì, đức Phật dạy chúng ta phải vượt lên trên hai phạm trù đối nghịch này. Phật dạy phải xả bỏ những điều đáng mừng và điều không đáng mừng. Có xả bỏ như thế, thì tâm ta mới được thanh tịnh. Nghĩa là chúng ta không còn bị những cặp đối đãi này khuấy rầy chúng ta nữa. Được thế, mới thật là người mà Phật nói dững mãnh hơn thế gian, vì những thứ phiền não gây ra đau khổ không còn. Đến đây mới thực sự là con người hoàn toàn tự do giải thoát.

---o0o---

419. Nếu biết tất cả loài hữu hình tử thế nào, sinh thế nào, rồi đem tâm khôn khéo vượt qua, không chấp trước như Phật, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He who in every way knows the death and rebirth of all beings, and is totally detached, blessed and enlightened – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Hiểu mọi cảnh sanh tử

Tất cả loài hữu tình

Giải thoát thiện thế Phật

Ta gọi Bà la môn.

---o0o---

420. Dù chur thiên, càn thát bà hay nhờn loại, không ai biết được nơi chốn của những vị A la hán đã dứt sạch phiền não, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He whose track no gods, no angels, no humans trace, the Arahāt who has destroyed all cankers – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Thiên nhân Càn Thát Bà

Không rõ chỗ thọ sanh

Lậu tận A la hán

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Hai pháp cú này đức Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Vangisa.

Theo truyện tích, tại thành Vương xá, có người Bà la môn tên là Vangisa, chuyên gõ đầu lâu của người chết mà đoán biết họ thác sanh về đâu. Một nhóm Bà la môn khác lợi dụng Vangisa để lừa bịp lòng tin và moi tiền của thiên hạ. Họ cho Vangisa mặc đồ khác lạ rồi đưa ông ta đi loan báo khắp nơi.

Tin đồn đến tai mọi người, họ kéo nhau đến đưa tiền nhiều ít tùy theo túi tiền của họ, và rồi họ nhờ Vangisa coi giùm cho những thân nhân của họ đã chết thác sanh về cảnh giới nào.

Cứ thế rày đây mai đó lang thang hết chỗ này đến chỗ khác lừng gạt mà mắt làm tiền thiên hạ. Một hôm, cả bọn đến thành Xá vệ rồi họ ở gần tinh xá Kỳ Viên. Thấy mọi người kéo đến nghe Phật thuyết pháp, họ chận lại và quảng cáo thuyết phục mọi người đến gặp Vangisa. Sau khi hai bên bàn cãi tranh luận hơn thua không ngã ngũ, cuối cùng, họ đưa ra một đề nghị là hãy mời Vangisa đến tinh xá gặp đức Phật. Tất cả đồng ý. Phật biết rõ sự tình, khi họ kéo đến nơi, đức Phật đặt năm cái đầu lâu thành một hàng dài để cho Vangisa tiên đoán. Trong năm cái đầu lâu của năm người mỗi người thác sanh về mỗi cảnh giới khác nhau. Chỉ có một cái sọ thứ năm là cái sọ của một vị đã đắc quả A la hán. Phật hỏi Qua bốn chiếc sọ, Vangisa đều trả lời đúng hết. Phật hỏi sọ thứ năm, Vangisa lắc đầu chịu thua không biết. Sau đó, Vangisa thỉnh cầu đức Phật chỉ dạy thuật tiên đoán, đức Phật không hứa khả, Phật chỉ dạy, với điều kiện khi nào ông xuất gia làm Sa môn. Thế là, Vangisa đồng ý xuất gia và Phật dạy cho ông một đề mục thiền quán, không bao lâu ông đã đắc quả A la hán. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Khi sanh ra, không ai biết mình từ đâu đến. Khi chết đi, cũng không ai biết mình sẽ đi về đâu. Cả hai đến và đi đều mù tịt. Đó là thân phận u mê tối tăm của con người. Khi chết, ai cũng muốn biết thân nhân ruột thịt của mình sẽ tái sanh về đâu. Đó là tâm lý chung thường tình của con người. Dù trong lúc còn sống, đôi khi người ta thù ghét nhau thậm tệ đến đôi hai bên không muốn nhìn thấy mặt nhau. Họ căm thù đối xử tệ bạc độc ác với nhau. Họ dùng mọi thủ đoạn mãnh khỏe để tranh chấp hơn thua tàn hại lẫn nhau. Ấy thế mà, khi một người thân (dù người đó họ rất ghét) chết đi, thì người còn ở lại vẫn ngậm ngùi thương nhớ. Lúc đó, họ mới thực sự biểu lộ tình cảm của họ.

Như vậy, thù ghét âu cũng là bộ mặt trái của thương yêu. Vì quá thương nên quá ghét. Điều này, cứ nhìn vào những cặp vợ chồng, khi có một người ngoại tình, thì người kia nổi máu ghen tuông như thế nào, ai cũng thấy rõ. Người nào ghen tuông nhiều là vì người đó quá thương. Không thương, thì làm sao có ghét. Ở đời, cũng có những mặt trái mà lòng người khó đoán định được. Như thế, thì tại sao lúc còn sống mình không đối xử với nhau cho đẹp, mỗi người chịu khó nhường nhịn với nhau một chút có phải hay hơn không? Cứ đối xử tốt đẹp với nhau đi, đến khi chết, mình cũng không có gì phải lưu luyến hối hận. Hãy nghĩ đến kiếp sống của con người thật quá ngắn ngủi, ai rồi cũng phải chết, hơn thua tranh chấp với nhau làm chi cho phải thêm đau khổ!

Chết, chỉ là một sự thay đổi của một cuộc hành trình mới. Nơi đến, có được an lành hay khôn khổ, là còn tùy thuộc vào nghiệp nhân hiện tại mình đã gây. Nếu hiện đời chúng ta gây nhân ác, thì nơi đến, chắc chắn là chúng phải lãnh lấy quả báo khổ đau. Ngược lại, nếu hiện đời chúng ta gây tạo nghiệp nhân lành, thì nơi đến, chắc chắn là chúng ta sẽ hưởng được quả báo an lành. Nếu hiện đời ta gây tạo nghiệp nhân lành, dữ lẫn lộn, thì tương lai ta cũng gặt hái

quả báo có lành có dữ không như định. Đó là căn cứ theo định luật nhân quả tất yếu như thế. Muốn biết đời trước ta gây tạo nhân gì, thì hãy nhìn cái quả báo hiện tại mà ta đang mang đây. Muốn biết quả báo đời sau của ta thế nào, thì chúng ta hãy chiêm nghiệm xét kỹ cái nghiệp nhân mà chúng ta đã và đang gây tạo.

Nhìn vào đời sống hiện tại, mỗi khi chúng ta muốn thay đổi chỗ ở, tức thay đổi địa chỉ mới, ai cũng muốn tìm nơi chỗ ở tương đối bảo đảm an toàn, không phức tạp ồn ào hay có nhiều xáo trộn bất an. Và căn nhà đó phải đảm bảo vững chắc, cũng như cảnh trí chung quanh vườn tược cây cối xinh tươi mát mẻ. Nghĩa là mọi thứ đều phải trang nhã thanh lịch đẹp đẽ. Muốn là như thế, nhưng điều kiện để được như ý mình muốn lại là một chuyện khác. Mình hãy xét lại, xem mình có đủ khả năng để đạt được nguyện vọng như ý mình muốn không? Hay là túi tiền của mình quá ít không thể nào thực hiện được.

Cũng thế, ai cũng muốn sau khi mình chết, tái sinh đến một cảnh giới an lành tốt đẹp. Muốn là như thế, nhưng mình hãy xét lại xem cái nhân hiện tại mình đang gây tạo đây, nó có tương ứng với quả báo tốt đẹp mà mình mong muốn hay không? Mình có đủ phước báo để tiếp tục thừa hưởng sự nghiệp tương lai an lành tốt đẹp hay không? Tất cả đều do mình quyết định. Khô hay vui, lành hay dữ, mình hãy tự kiểm điểm lại những hành động tạo tác ở nơi ba nghiệp: thân, miệng, ý của mình. Nếu ba nghiệp tạo lành, thì chắc chắn hiện đời và đời sau mình sẽ hưởng quả lành. Đó là mình khéo biết chọn địa chỉ mới nơi mình sẽ dọn đến ở để được đảm bảo an lành tốt đẹp hơn. Đời người trước sau gì chúng ta cũng phải thay đổi địa chỉ, không ai có thể ở hoài một chỗ được. Cũng vậy, ai rồi cũng phải ra đi, không ai sống hoài được. Thế thì, tại sao chúng ta không chuẩn bị cho mình có địa chỉ tốt, khi ngày mai mình dọn đến ở có thêm tươi sáng an lành đẹp đẽ hơn? Xin mọi người hãy nhìn lại thật kỹ nơi địa chỉ của mình đang ở và hãy tạo cho mình có một địa chỉ mới tốt đẹp hơn địa chỉ mà chúng ta đang sống trong hiện tại. Đó là nói địa chỉ trong vòng tương đối. Thực tế hơn, địa chỉ hạnh phúc an lạc như đời ta là: **“Bây giờ và ở đây”**.

Chuyện lược dẫn trên, chứng minh một hạng người khéo biết lợi dụng thời cơ để lường gạt lấy tiền thiên hạ. Xã hội loài người thời nào cũng có những hạng người này. Tâm lý con người đôi khi nghĩ cũng buồn cười: vẫn biết hạng người chuyên môn quảng cáo nói láo ăn tiền, nhưng rồi, không hiểu sao thỉnh thoảng chúng ta cũng phải bị làm lẫn mắc bẫy. Có nhiều người không phải chỉ mắc bẫy một lần, mà vướng phải nhiều lần. Thế mới chết! Ở đời, có muôn ngàn cạm bẫy đã gày sẵn, đôi khi chúng ta lại trở thành những con cừ non ngây thơ vướng vào. Một lần kinh nghiệm là một lần đau thương rất bỏng. Thế mà, nhìn lại, thỉnh thoảng chúng ta cũng bị mắc bẫy. Có phải vì người gày bẫy quá khéo léo tinh vi chăng, làm cho chúng ta phải bị mờ mắt không thể nhận ra. Nhưng đối với người có trí thì lại khác. Vangisa không lừa bịp qua đôi mắt sáng suốt

ting tế của đức phật. Cuối cùng, ông phải đánh lễ hạ mình xin Phật xuất gia. Thế mới biết, ở đời không phải ai cũng dễ qua mắt lường gạt được. Coi chừng phải lãnh lấy cái hậu quả đau khổ gấp trăm ngàn lần của sự lường gạt đó!

---o0o---

421. Dù pháp quá khứ, vị lai hay hiện tại, người kia chẳng có một vật chi; người không chấp đắm một vật chi ấy, Ta gọi là Bà la môn.

He who clings to nothing of the past, present and future, who has no attachment and holds on to nothing – him do I call a holy

Kệ tụng

Ai quá, hiện, vị lai

Không chấp trước vật gì

Không chấp trước, chấp thủ

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Trúc Lâm, có liên quan đến Tỳ kheo ni Dhammadinna.

Theo truyền tích, Tỳ kheo ni dhammadinna khi chưa xuất gia có người chồng tên là Visakha. Ông là một Phật tử thuần thành. Sau khi nghe Phật giảng pháp, ông đắc quả A na hàm. Một hôm, ông tỏ ra khác thường hơn mọi khi. Ông không để ý gì đến bà vợ cả. Ông dùng bữa trong yên lặng, thay vì mời bà dùng bữa như trước kia. Bà vợ rất ngạc nhiên. Bà thầm nghĩ, không lẽ ông ta giận mình. Bà tự xét mình không có làm lỗi điều gì. Dùng cơm xong, ông nói: này bà! tất cả tài sản của cái trong nhà nay tôi giao hết cho bà. Bà hãy gìn giữ lấy. Nghe thế, bà lại càng ngạc nhiên hơn! Tuy nhiên, bà cũng hỏi lại: còn ông thì sao? Ông nói: kể từ nay trở đi, tôi không dính dáng gì đến chuyện thế tục nữa. Bà nói: tôi cũng không hốt ba thứ đàm dãi mà ông đã nhổ ra. Vậy, ông cho tôi xuất gia làm Tỳ kheo ni. Ông chấp nhận ngay. Thế là bà được toại nguyện trở thành Tỳ kheo ni. Tu hành không bao lâu, bà chứng quả A la hán. Và sau đó, bà độ cho ông cũng được giải thoát. (Hết phần lược dẫn cốt chuyện).

Cách hành xử của cặp vợ chồng này thật hiếm có trên đời. Tuy là một cư sĩ, nhưng ông Visakha đã tu và chứng quả A na hàm. Đây là quả vị thứ ba trong tứ quả Thanh Văn. Người chứng quả vị này, tuy chưa hết sạch phiền não như

quả vị A la hán, nhưng đã diệt trừ hết phiền não thô trọng. Sự tu hành, làm sao chúng ta có thể quyết đoán trên hình thức. Vấn đề tu chứng của mỗi người, thật khó biết được, như người uống nước lạnh nóng tự biết. Có những người nhìn bề ngoài, thấy họ dường như không biết tu hành gì, nhưng mà bên trong họ tu rất kỹ lưỡng. Một niệm dấy lên là họ nhận ra ngay. Những phiền não trong tâm họ vừa khởi lên, họ đều nhận diện ngay. Như vậy, ai có thể biết được họ đang an lạc giải thoát. Ngoại trừ chư Phật và Bồ tát. Cụ thể như là tự họ biết rõ họ. Người tu thật hay tu giả tự mình biết lấy mình. Và mình cũng biết rõ, hiện mình đang ở đâu và tương lai sẽ về đâu. Đó là điều khẳng định không nghi ngờ. Vì không ai biết rõ bằng mình biết mình.

Điều kỳ thú hơn nữa, là sau khi lãnh hội giáo pháp, yếu chỉ tu hành, ông liền giao hết tài sản của cải cho bà. Ông không còn dính mắc gì đến tài sản nữa. Đó là điều nếu không phải là người đạt đạo, thì không phải dễ làm. Tiền tài của cải có mấy ai không ham muốn. Người nào cũng muốn chiếm hữu lợi lộc về mình cho nhiều. Không có một ai muốn nhả ra cho người khác hưởng, dù đó người là người thân nhưt của mình. Đối lại, bà vợ cũng không phải tay vữa. Một câu nói của bà, nếu không phải là người tu khá, thì làm sao thốt ra được như thế: *“Tôi không hốt ba thứ đằm dãi mà ông nhổ ra”*. Tài sản của cải, bà coi nó như là đằm dãi. Như vậy, đủ chứng minh tâm bà đã an lạc giải thoát đến mức độ nào. Một câu nói đáng cho chúng ta vô cùng kinh ngạc kính phục. Cuối cùng, bà đã xuất gia. Nhờ nỗ lực tinh tấn tu hành, không bao lâu bà chứng quả A la hán. Và rồi bà trở lại độ cho ông cũng được giải thoát như bà.

Pháp cú trên, chúng ta nên chú ý Phật dạy: *“Đối với pháp quá khứ, vị lai hay hiện tại, người kia chẳng có một vật chi”*. Qua lời dạy này, chúng ta nhớ lại trong kinh Kim Cang Bát Nhã, Phật nói cũng có câu tương tự như thế. Nghĩa là Phật nói về ba thời tìm tâm không có. Tâm có đó là tâm vọng. Còn tâm chơn làm sao tìm thấy. Vì khi tâm vọng dấy khởi là có tướng trạng hình ảnh của sáu trần. Cái tướng trạng đó dù là rất vi tế, nhưng thực chất của nó vốn không. Vì cái tâm vọng tưởng đó là do duyên cảnh mà có. Không, là không có cái tâm vọng tưởng điên đảo, chớ không phải là không có cái tâm chơn thật. Xin chớ có lầm lẫn ngộ nhận điều này. Cái gốc khởi ra là giả, thì vật thể do tâm nương gá đặt định giả lập làm gì có thật. Thời gian đã không, không gian dờn dỗi, không có thứ gì tồn tại. Nói gọn là tất cả đều KHÔNG, tức tánh không của muôn pháp. Ngộ được tánh không này, thì gọi là đạt đạo. Không ở đây là không có phiền não, chớ không phải không tron như lông rùa sừng thỏ. Câu kế tiếp Phật nói: *“Người không chấp đắm một vật chi ấy, gọi là Bà la môn”*. Không chấp vật chi là buông xả mọi thứ. Không phải buông cảnh vật bên ngoài không thôi mà buông ở đây là Phật nói phải buông những phiền não rối rắm trong tâm ta. Vì có buông xả như thế, thì cái bản tâm mới an nhiên tự tại giải thoát.

422. Hạng người dũng mãnh tôn quý như trâu chúa²⁰, hạng người thắng lợi²¹ vô dục như đại tiên, hạng người tắm xong²² sạch sẽ và giác tỉnh, người như thế, Ta gọi là Bà la môn.

He, the Noble, the Excellent, the Heroic, the Great Sage, the Conqueror, the Passionless, the Pure, the Enlightened one – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Trâu chúa, thánh, anh hùng

Bậc đại sĩ chiến thắng

Vô dục, phiền não diệt

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến Tôn giả Angulimala.

“Câu chuyện này đã được kể trong phần chú giải bài kệ bắt đầu bằng câu: “Keo kiết không sanh thiên”.

Các Tỳ kheo hỏi Angulimala:

- Đây huynh Angulimala, khi huynh thấy con voi độc cầm lọng đứng trước mặt, huynh không sợ sao?

- Không, thưa chư huynh, tôi chẳng sợ.

Các thầy Tỳ kheo bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, Angulimala nói dối.

Đức Phật dạy:

- “Này các Tỳ kheo, Angulimala không sợ hãi, Bởi vì, trong số những bậc đại sĩ đã xa lìa tham ái, những Tỳ kheo như Angulimala là tôn quý nhất, và không sợ hãi nữa”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 435).

Pháp cú trên, đức Phật nêu ra ba hạng người dũng mãnh. “Hạng người dũng mãnh như trâu chúa”. Dũng nói ở đây là cái dũng của Thánh nhân. Cái

dững này khác hơn cái dững của kẻ phàm phu. Đây là sức mạnh phi thường của nội tâm. Sức mạnh dám hiên ngang đứng lên buông bỏ tất cả. Đó phải là bậc Đại Hùng. Muốn có được cái tâm đại hùng, thì phải có đại lực và đại từ bi. Chính nhờ cái tâm đại từ bi, mới thành tựu được cái tâm đại hỷ đại xả. Đức Phật Ngài buông bỏ tất cả để rồi có tất cả. Có cái mà người đời bình thường không thể có. Chính cái có đó mới lưu lại cho hơn loại tôn thờ kính quý học hỏi. Còn những cái có của thế gian chỉ là trò chơi ảo huyền. Người đời, vì không dám buông bỏ, nên mãi trôi lăn trong đau khổ. Muốn buông bỏ không chấp trước bất cứ vật gì, thì Phật nói phải là sức mạnh của con trâu chúa mới có thể làm nổi. Còn trâu nghe, trâu con, thì chắc là chỉ biết cúi đầu gặm lấy cỏ non sáu tràn mà thôi. Muốn đời vĩnh kiếp không làm nổi trâu chúa.

Câu thứ hai, Phật nói: “*Hạng người thắng lợi vô dục như đại tiên*”. Thắng là khắc chế, là phải vượt ra ngoài cái vòng tròn danh lợi. Muốn làm bậc đại tiên là phải như thế. Phải là: “*cái thân ngoài vật là Tiên trong đời*” (Ôn Như Hầu). Vô dục là không có cái tâm mê say dục nhiễm. Bởi dục có dục thiện và dục bất thiện. Phật bảo chúng ta phải từ bỏ cái tâm dục nhiễm. Trừ bỏ những thứ ham muốn để cung phụng cho xác thân ngũ uẩn. Còn có dục nhiễm ái trước là còn có đau khổ. Mà còn có đau khổ, thì làm sao có thể làm Tiên cho được. Nếu chúng ta không làm được đại Tiên, thì ít nhất cũng phải làm tiểu Tiên. Nếu chúng ta bớt tham đắm đua đòi chạy theo vật chất, và an phận thủ thường biết đủ mà sống, thì đó là ta đang làm tiểu Tiên rồi. Nghĩa là ta không phải đau khổ nhiều trong trường danh lợi bon chen. Đó là ta đã chế ngự phần nào của lòng dục vọng rồi. Như vậy, muốn làm tiểu Tiên cũng không phải là khó. Vì Tiên là có nếp sống thoát tục an nhàn thanh thoát thảnh thơi, không vướng bận hệ phược vào những mùi tục lụy. Vì mùi tục lụy có nhiều cay đắng lắm! Ai đã từng ném qua ít nhiều đều biết rõ. Không ném thì thử hỏi làm gì có cảnh xảy ra lưỡi tê tận khổ chớ? Muốn lưỡi không bị tê, thì xin mọi người chớ có ném. Hễ ném nhiều thì bị tê nhiều. Càng ném thì càng đau khổ đó thôi!

Câu thứ ba là Phật nói: “*hạng người tắm xong sạch sẽ và giác tỉnh*”. Nghĩa tắm Phật nói ở đây không có nghĩa là tắm thường. Mà chúng ta phải lấy nước từ bi để thường xuyên tắm gội. Có tắm bằng nước từ bi, thì thân tâm của chúng ta mới được tươi mát. Kế đến phải lấy nước giới luật để thường xuyên tắm gội. Vì có tắm bằng nước giới luật này, thì thân tâm của chúng ta mới được trong sạch. Nói gọn và dễ hiểu hơn là hằng ngày chúng ta phải dùng bốn thứ nước: Từ, Bi, Hỷ, Xả. của Bồ tát mà năng tắm gội cho thân tâm. Tắm cho sạch hết những thứ cấu bợn như nhớp trong lòng. Nhất là tắm loại nước “Xả”, thì tâm hồn của chúng ta sẽ được tươi mát thơm tho thật là dễ chịu. Có tắm như thế, thì cuộc đời của chúng ta mới được thăng hoa và giải thoát.

423. Những vị Mâu ni (thanh tịnh) hay biết đời trước, thấy cả cõi thiên và các cõi đau khổ (ác thú), đã trừ diệt sự tục sinh, thiện nghiệp hoàn toàn, thành bậc vô thượng trí; người viên mãn thành tựu mọi điều như thế, Ta gọi Bà la môn.

He who knows his former births, who sees heaven and hell, who has reached the end of births and attained to the perfection of insight, the sage who has reached the summit of spiritual excellence – him do I call a holy man.

Kệ tụng

Ai biết được đời trước

Thấy thiên giới, ác thú

Trừ diệt sự tục sinh

Thắng trí, thiện, Mâu ni

Viên mãn mọi thành tựu

Ta gọi Bà la môn.

Lược giảng

Pháp cú này Phật dạy tại tinh xá Kỳ Viên, có liên quan đến câu hỏi của ông Bà la môn Devahita.

“Một hôm, đức Thế Tôn bị chứng khó chịu trong người, liền bảo Tôn giả Upavana đến nhà người Bà la môn tên Devahita xin nước nóng. Tôn giả đến, nói rõ chứng bệnh của đức Phật và xin ông Bà la môn nước nóng. Ông nghe vậy vô cùng hoan hỷ:

- Thật may mắn cho tôi quá, được dịp cúng nước nóng cho bậc Giác ngộ Vô thượng.

Ông lấy nước nóng và một bình mật mía đưa Tôn giả, ra lệnh cho một gia nhân mang phụ nước nóng đi.

Tôn giả thỉnh Phật tắm nước nóng, và pha mật bằng nước ấm cho Ngài dùng. Ngay sau đó cơn đau của Ngài dịu xuống.

Ông Bà la môn thầm nghĩ: “Người ta nên cúng dường ai để được phước lớn? Ta sẽ hỏi đức Thế Tôn”.

Ông đến gặp Phật và đọc một bài kệ:

Bố thí ai phước lớn?

Ai nên được cúng dường?

Thí chủ phải thế nào?

Mới được phước vô lượng?

Đức Phật dạy:

- “*Một người Bà la môn như sau, cúng dường sẽ được phước báo rất lớn*”. (Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, tr 436).

Đức Phật đã chứng được Tam minh: Thiên nhãn minh, Túc mạng minh và Lưu tận minh. Nhờ chứng được tam minh, nên đức Phật thấu suốt tất cả vạn pháp. Thiên nhãn minh là Ngài thấu suốt tất cả bản thể của vũ trụ và nguyên nhân cấu tạo hình thành của nó. Túc mạng minh là biết rõ thọ mạng sinh hoạt trải qua nhiều kiếp quá khứ của mình và của muôn loài sanh tử trong tam giới. Lưu tận minh là biết rõ nguồn gốc của khổ đau và phương pháp dứt trừ nguyên nhân gây ra đau khổ để được giải thoát sanh tử luân hồi. Đó là nhờ công phu thiền quán, dứt sạch hết vô minh phiền não, tâm được an nhiên tịch tịnh (mâu ni) nên mới được như thế. Các bậc Hiền Thánh, tuy các ngài không còn sanh tử như phàm phu, nhưng vì nguyện lực độ sanh, nên các ngài vẫn hiện thân khắp nơi trong ba cõi để chuyển mê khai ngộ cứu độ các loài hữu tình cho chúng được thoát khổ.

Đó là bản hoài của các Ngài thị hiện ra đời. Cho nên sự tái sinh của các bậc Hiền Thánh và phàm phu khác nhau là ở chỗ đó. Nghĩa là phàm phu vì nghiệp lực ra đời thọ khổ trả khổ quả đã gây, còn Bồ tát ra đời vì nguyện lực độ sanh, nên các Ngài không có đau khổ rên la như phàm phu. Có chăng, chẳng qua đó là các Ngài thị hiện cho giống với phàm phu để mà cứu độ cho họ thôi. Hiểu thế, thì ta không còn gì phải nghi ngờ rằng: tại sao các Ngài cũng đau bệnh rồi cũng sống chết như chúng ta? Ta nên nhớ, những bậc tu hành đạt đạo, tuy có trả nghiệp quả đã gây (theo cái nhìn vọng thức của chúng sinh) nhưng các Ngài không thấy có gì phải trả. Bởi vì nghiệp tánh bỗng lặn không hay ngũ uẩn giai không kia mà! Đã thế, thì có gì là trả hay không trả. Theo cái nhìn trong vòng vô minh nghiệp thức của chúng ta, thì thấy các Ngài dường như cũng bị trả quả đau khổ như người thường. Như những trường hợp: Tôn giả Mục kiền liên bị đám côn đồ đánh chết hay như Tổ Huệ Khả bị ngồi tù v.v... Nếu không hiểu, đôi khi chúng ta bị thói thất Bồ đề tâm, nghĩ rằng, các Ngài tu hành đến mức độ đó mà còn phải chịu trả quả như vậy. Chẳng lẽ công phu tu hành khổ nhọc, rốt lại

cũng phải chịu như thế sao? Xin chớ có lầm nhận như thế mà mang tội với các Ngài.

Sự thị hiện của Bồ tát, với nhục thân của chúng ta làm sao có thể nhìn thấu suốt được. Thân phận phàm phu của chúng ta giống như người đang ngủ mê say không hay biết gì cảnh thức cả. Còn các vị đã giác ngộ giống như người đã thức giấc. Các Ngài nhìn thấy rất rõ những gì đang xảy ra trong cảnh thức. Một người hoàn toàn thức nói cho một người hoàn toàn đang ngủ mê, thì thử hỏi làm sao người mê có thể hiểu được? Chỉ cần tỉnh mộng thức giấc như các Ngài, chừng đó dù các Ngài không nói, thì chúng ta cũng hiểu rõ không còn lầm lẫn nữa. Phật và chúng sanh chỉ khác nhau giữa mê và ngộ mà thôi. Mê ngộ như trở bàn tay. Muốn chấm dứt cảnh tái sinh thọ khổ, Phật dạy ta phải gắng tu hoàn thành thiện nghiệp. Đến đó, là ta trở thành bậc Vô thượng trí viên mãn thành tựu quả vị Bồ đề. Đó là thành Phật, là đáng toàn giác vậy. Đó là khả năng thành Phật có thể đạt được, vì nó sẵn tiềm tàng hiện hữu trong mỗi con người chúng ta. Câu nói: *“Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”*. Đức Phật đã xác minh khẳng định cho điều đó. Chúng ta không còn gì phải nghi ngờ. Vì mỗi chúng sanh ai cũng có Phật nhân. Đã có sẵn Phật nhân, nếu chúng ta chịu khó gia công nỗ lực tu hành, thì một ngày nào đó, tất nhiên là ta sẽ đạt được Phật quả mà thôi. Vì đó là con đường đức Phật đã đi qua và đã chứng đắc thành tựu viên mãn vậy.

---o0o---

Lời cuối sách

Thật là một cơ duyên hy hữu cho chúng tôi. Trong mùa an cư năm 2005, khi thảo luận qua chương trình giảng dạy nhằm giúp cho chư Tăng Ni học chúng tại Tổ Đình Phước Huệ, tôi nhận lãnh phần hướng dẫn giảng giải về Kinh Pháp Cú. Sau khi nhận lãnh trách nhiệm, tôi liền nghĩ ngay đến việc biên soạn thành tập tài liệu cho học chúng tiện bề theo dõi học hỏi.

Về những bản Việt ngữ, tôi chọn bản dịch của cố Hòa Thượng Thích Thiện Siêu. Vì bản dịch này trước kia tôi đã từng học qua, trong những năm còn học ở Phật Học Viện. Thêm vào đó, tôi muốn cho những Tăng Ni sinh trẻ tuổi có trình độ Anh ngữ khá, khi học tiện bề đối chiếu từ chữ Việt qua chữ Anh, nên tôi cho thêm phần Anh ngữ đối chiếu trong quyển Dhammapada của dịch giả Acharya Buddhakkhita. Đồng thời, chúng tôi cũng có thêm vào những bài kệ do Hòa Thượng Thích Minh Châu phiên dịch từ trong nguyên bản Pali. Mục đích là để cho người học tiện bề đối chiếu qua bản văn trường hàng.

Ngoài phần chú thích một số những từ ngữ hơi khó hiểu ra, trong phần lược giảng, chúng tôi có lược dẫn hoặc trích nguyên văn những mẫu chuyện ngắn. Còn những mẫu chuyện nào khá dài thì chúng tôi chỉ tóm lược dẫn chứng

lý do xuất xứ. Tuy tóm lược, nhưng chúng tôi vẫn giữ đúng theo ý chính của mỗi cốt chuyện. Phần trích dẫn những mẫu chuyện này, chúng tôi y cứ vào bộ Tích Truyện Pháp Cú 3 quyển của các Thiên sinh Viên Chiếu phiên dịch. Sau đó, là phần góp ý giảng giải đôi điều sơ sài của chúng tôi qua mỗi pháp cú. Mục đích là để cho người học tạm nhận hiểu qua phần nào về ý nghĩa của mỗi câu Phật dạy. Chúng tôi đặt danh đề là: “Kinh Pháp Cú Song Ngữ Chú Giải”.

Trong khi biên soạn để hướng dẫn trình bày qua mỗi mùa An cư kiết Đông tại Tổ Đình Phước Huệ, chúng tôi tạm phân ra mỗi mùa an cư là một tập. Khi đọc qua 4 tập, quý vị thấy số câu mà chúng tôi phân ra không đều, lý do, thú thật là vì chúng tôi không có ý định phân chia trước. Đó cũng là lỗi sơ ý của chúng tôi. Vì thế, nên tập đầu số câu nhiều hơn ba tập sau và số trang cũng nhiều hơn.

Lẽ ra, chúng tôi đã hoàn thành phần giảng giải bộ kinh này trong mùa an cư năm rồi (2008), nhưng mùa an cư của năm 2006, chúng tôi bị bệnh nặng nên phải ngưng trệ hết một kỳ. Vì thế, nên phải kéo dài đến năm nay (2009) mới hoàn tất.

Như chúng ta đã biết, Kinh Pháp Cú còn gọi là Kinh Lời Vàng. Đây là chư Tổ ghi lại những lời dạy vàng ngọc quý báu của Đức Phật. Những lời dạy này, tùy theo mỗi hoàn cảnh, tâm lý, địa phương, của người và việc xảy ra trong chúng ở mỗi nơi mà Đức Phật tùy cơ nghi chỉ dạy. Do đó, chúng ta thấy có những lời dạy đôi khi cũng được Đức Phật nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Với mục đích là để răn nhắc cho hàng tứ chúng ý thức tu hành. Vì vậy, nên trong khi biên soạn trình bày, chắc chắn một điều là chúng tôi cũng không làm sao tránh khỏi sự trùng lặp những ý tưởng trong khi giải thích qua từng pháp cú một. Nếu có sự trùng lặp thì quả đó là ngoài ý muốn của chúng tôi. Kính mong quý độc giả lượng tình tha thứ bỏ qua cho sự mắc phải lỗi lầm này.

Sở dĩ chúng tôi trình bày dông dài như thế, là vì chúng tôi muốn nhân cơ hội này một lần nữa, để chúng tôi chân thành tri ân quý ân Sư, quý ân nhân đã trực tiếp hoặc gián tiếp giúp cho chúng tôi có đủ thiện duyên thực hiện hoàn tất bộ Kinh Pháp Cú Song Ngữ Chú Giải này.

Người trước tiên, thường khuyến khích và chỉ giáo cho chúng tôi là Hòa Thượng Tông Trưởng Tổ Đình Phước Huệ. Hòa Thượng đã tạo cho chúng tôi có được một cơ duyên thuận lợi tốt đẹp, để chúng tôi có dịp trình bày hướng dẫn đại chúng tu học trải qua các mùa an cư. Nhờ đó, mà chúng tôi mới có được trọn bộ tài liệu biên soạn này. Với thâm tình ân đức sâu nặng đó, chúng con xin thành kính bái tạ thâm ân Hòa Thượng.

Kế đến, là chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn quý Tăng Ni học chúng, vì có quý vị theo học nên chúng tôi mới có cơ hội để biên soạn quyển Kinh này.

Và trên hết, chúng con thành kính đánh lễ tri ân cố Hòa Thượng Thích Thiện Siêu, Hòa Thượng Thích Minh Châu, nhờ có những bản dịch Việt văn căn bản của quý Ngài mà chúng con mới có cơ duyên giảng dạy hoàn thành. Đồng thời, chúng tôi cũng xin hết lòng tri ân dịch giả Àcharya Buddharakkhita và quý Ni sinh của Thiền Viện Viên Chiếu.

Về việc ấn bản, chúng tôi xin chân thành tri ân chư Tôn Đức Tăng Ni nhất là chư Tăng Ni ở Tổ Đình Phước Huệ và quý liên hữu Phật tử của hai đạo tràng Phước Huệ và Quang Minh, cũng như quý Phật tử ở các nơi khác đã phát tâm ủng hộ tịnh tài để góp phần công đức vào việc ấn tống pháp thí qua bốn quyển Kinh Pháp Cú Song Ngữ Chú Giải này. Đồng thời, chúng tôi cũng không quên tri ân quý thầy, quý sư cô và các Phật tử đã nhiệt tâm góp sức trong việc trình bày về kỹ thuật và sửa bản in.

Lời sau cùng, vì văn chương còn vụng về non nớt, ý tưởng khô khan nghèo nàn, trình độ kiến thức Phật học còn kém cỏi nông cạn, nên trong khi biên soạn trình bày, dù đã cố gắng hết sức mình, nhưng chắc chắn là chúng tôi cũng không làm sao tránh khỏi những lỗi lầm sai sót. Kính mong các bậc thiện hữu thức giả Phật học uyên thâm khi xem qua, nếu thấy có chỗ nào sai sót lỗi lầm, kính mong quý ngài niệm tình thứ lỗi và chỉ giáo cho. Chúng tôi xin cúi đầu hết lòng đón nhận lắng nghe những lời chỉ giáo quý báu của quý vị.

Xin tất cả nhận nơi đây lòng biết ân sâu xa đầy chân tình nhứt của chúng tôi.

Nguyện đem công đức pháp thí này hồi hướng cho pháp giới chúng sanh đều trọn thành Phật đạo.

Tổ Đình Phước Huệ, mùa an cư năm 2009

Ngày 29 tháng 6 năm 2009 (*mùng 7 tháng 5 năm Kỷ Sửu*)

Tỳ kheo Thích Phước Thái.

---o0o---

Hết

¹ **La:** Do lừa và ngựa giao hợp với nhau sinh ra con gọi là La.

² **Tín độ:** (Singha) là con sông Ấn Độ. Giống ngựa tuấn (đẹp giỏi) sinh ra ở địa phương này

³ **Kiều la:** (Kunjara) là tên con voi lớn.

⁴ **Phát dục:** Voi đến kỳ phát dục thường tiết ra một thứ nước thối tha và tính hung hăng khó trị.

⁵ **Voi nhớ mẹ rừng sâu:** Mượn hình ảnh con voi để Phật nhằm khuyên nhắc con người phải nên hiếu thảo với ông bà cha mẹ.

⁶ **Thứ lớp của tự cú:** câu này theo nguyên văn là niruttipada kovido, dịch thẳng là “thông đạt từ và tha cú”, tức chỉ cho bốn thứ vô ngại (Catupatisambhida).

⁷ **Bố thí:** tiếng Phạn là Dana, phiên âm là Đàn na, Trung Hoa dịch là Bố thí. Chữ bố là khắp; thí là cho. Nghĩa là dùng ba thứ tài thí, pháp thí, vô úy thí mà ban bố cho tất cả chúng sanh. Đó là nghĩa thông thường. Còn nghĩa thâm sâu hơn, bố thí nghĩa là buông xả tất cả không dính mắc bất cứ thứ gì trong tâm.

⁸ **Pháp thí:** tiếng Phạn Dharma desana. Pháp thí là một trong ba thứ thí: tài thí, pháp thí và vô úy thí. Chữ thí có nghĩa là cho. Pháp thí là dùng lời nói thuyết pháp cho người tin nghe; cũng gọi là pháp cúng dường.

⁹ **Pháp vị:** vị ngon của pháp; nhấm pháp vị ngon của diệu pháp mà tâm sinh khoái lạc cho nên gọi là pháp vị.

¹⁰ **Pháp hỷ:** được nghe pháp hoặc được nếm mùi vị pháp mà sinh lòng hoan hỷ, thì gọi là pháp hỷ.

¹¹ **Bạt tất ca:** (Vassika), tên một thứ hoa thơm hơn cả các loài hoa khác.

¹² **Tam muội:** tiếng Phạn là Samadhi, xưa dịch âm là Tam muội, còn gọi là Tam ma đề, Tam ma đề. Trung Hoa dịch là chánh định hay chánh thọ. Chánh định là dùng mọi vọng tưởng không cho loạn động, nên gọi là định. Chánh thọ là không thọ tất cả pháp trần, giữ tâm yên lặng không tán loạn, gọi là chánh thọ.

¹³ **Các uẩn diệt tận:** các uẩn là chỉ cho năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Diệt tận là diệt hết không còn. Ý nói do năm yếu tố này cấu thành sanh mạng mà bản chất của nó không thật. Do đủ duyên hợp lại thì tạm có, nhân duyên tan hoại thì không. Như vậy cái sanh mạng đang có chỉ là giả hợp tạm bợ không thật có.

¹⁴ **Hai pháp:** là chỉ cho hai pháp Chỉ và Quán hay Định và Huệ.

¹⁵ **Bờ kia, bờ này:** Bờ kia là chỉ cho sáu căn bên trong (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Bờ này là chỉ cho sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp).

¹⁶ **Phấn tảo:** là thứ vải rách thường người ta hay vứt bỏ nó ở ngoài nghĩa trang, rồi các thầy Tỳ kheo lượm may kết chằm ráp lại từng miếng để làm cái y choàng, gọi là y bá nạp (trăm miếng vải vụng ráp vào) để đắp vào mình.

¹⁷ **Bồ suông:** nguyên văn là Bhovadi, tức là Bho – vadi, dịch là “thuyết bồ”. Đây là tiếng tôn xưng nhau của các giáo đồ Bà la môn dùng riêng với nhau trong khi nói chuyện.

¹⁸ Pháp cú này Phật dùng những đồ để khóp ngựa mà ví dụ: đai da dụ lòng sân nhuế; cương dụ ái dục, giây dụ 62 tà kiến; sở thuộc (giây buộc ngựa) dụ những tập tánh tiềm tàng, gồm có 7 thứ: Dục, tham, sân, mạn, ác kiến, nghi, vô minh. Chương ngại dụ vô minh.

¹⁹ **Gồ ghề lầy lội:** nghĩa bóng là ám chỉ cho những thứ phiền não tham dục. Người ta bị những thứ này nó làm rối loạn tâm trí, khác nào như người đi trên con đường gồ ghề hoặc đang lội trong bùn lầy, cảm thấy thật là khó chịu vô cùng.

²⁰ **Trâu chúa:** Nguyên văn là Usabha, dịch là trâu nái hay trâu chúa. Ở đây hàm chỉ sự thù thắng, là chỉ người hùng mạnh, vô úy siêu quần.

²¹ **Hạng người thắng lợi:** Khắc phục phiền não ma, uẩn ma và tử ma, gọi là người thắng lợi.

²² **Hạng người tắm xong:** Người Ấn Độ mê tín nước sông Hằng có thể rửa sạch tội lỗi, nhưng ở đây lại ý nói không còn các cấu nhiễm trong tâm người Bà la môn.